

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



Đài Hoa 4

Tuyển Tập Thi Văn 2007



VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI
-TRUNG TÂM TÂY BẮC HOA KỲ-

JAN 5 - 2012

Tuyên Tập

Bút Hoa

4

TUYÊN TẬP HỌA

Tuyên Tập

Bút Hoa

4

Tuyển Tập BÚT HOA 4

Do Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại -Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ
Chủ trương và Thực hiện.

Ban Biên Tập gồm có:

Hoàng Xuyên Anh, Vũ Gia Sắc,
Đoàn Bình Viên, Du Sơn Lãng Tử.

Với sự công tác của 35 Văn Thi Hữu:

Ái Khanh, Chinh Nguyên, Cao My Nhân, Cát Dương, Du Sơn
Lãng Tử, Duy Viên, Đào Đức Chương, Đào Quang Vinh, Đào
Vĩnh Tuấn, Hoàng Xuyên Anh, Kim Vũ, Lê Minh Nguyên, Mặc
Lan Đình, Minh Anh, Ngọc Anh, Nguyễn Đông Giang, Nguyễn
Hà, Nguyễn Hữu Tân, Nguyễn Mạnh An Dân, Nguyễn Văn
Thông, Phụng Thiên, Phương Duy, Quốc Lâm, Sơn Tùng, Trúc
Giang, Từ Phong, Trường Giang, Từ Thanh Hà, Túy Hà, Trần
Quốc Bảo, Trường Sơn Lê Xuân Nhị, Võ Đình Tiên, Võ Khôi,
Võ Thanh Văn, Vũ Gia Sắc,

Copyright @ 2007 by VBVNHN-TT Tây Bắc Hoa Kỳ
Mọi trích dịch, ấn loát phải có sự chấp thuận trước.

All Right Reserved

Printed in The United States of America

&

Tuyển Tập Bút Hoa 4 xuất bản tại San Jose, California - USA

Hình bìa: Trống Đồng

Ảnh tài liệu của Viện Việt Học

Bài vở do Ban Biên tập Văn Bút VN Hải Ngoại

- TT Tây Bắc Hoa Kỳ (nhiệm kỳ 2006-2008) tuyển chọn.

Kỹ thuật và trình bày: TB Báo chí - Du Sơn Lãng Tử -

Thư 192

Kính thưa quý vị Văn Thi Hữu, Thân Hữu, Độc giả:

Tuyển tập Bút Hoa 4 khai nở những đóa hoa trong sáng tình thương yêu, bảo tồn, phát huy văn hóa Việt nơi xứ người thế hệ tiếp nối không mai một... Thành quả hôm nay, với sự đóng góp công sức của hội viên Văn Bút, các Trung Tâm Văn Bút bạn, cùng Văn Thi Hữu khắp nơi, nói lên tình gắn bó keo sơn đoàn kết đấu tranh Tự do, Dân chủ, Nhân quyền, Ngôn luận.

Ngòi bút là vũ khí sắc bén, sức mạnh vô biên góp sức vào Phong trào đấu tranh đòi Tự do, Dân chủ, Nhân quyền khởi dậy khắp nơi trên quê hương Việt Nam, bất chấp sự bắt bớ tù đầy tra tấn dã man, những thủ đoạn, mưu mô xảo quyệt đê hèn trấn áp. Không thể dập tắt ngọn lửa đấu tranh bất khuất đang âm ỉ cháy trong lòng dân, cao trào đấu tranh cho Tự do, Dân chủ tại quê nhà như:

Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Linh Mục Nguyễn Văn Lý, Mục Sư Nguyễn Công Chính, Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế, Luật Sư Nguyễn Văn Đài, Luật Sư Lê Thị Công Nhân, Nhà Văn Trần Khải Thanh Thủy, Ký giả Nguyễn Vũ Bình, Ký giả Trần Thị Lệ Hằng...

Cương Quyết yêu cầu Đảng Cộng Sản Việt Nam chấm dứt đàn áp dã man. Phải tôn trọng Tự do, Nhân quyền. Hãy hoàn trả lại tài sản, nhà cửa, ruộng đất sở hữu của nhân dân, mà cán bộ Cộng sản đã ỷ thế lộng quyền cướp đoạt...

Con Hồ đến đường cùng cố sức vùng vẫy, lộ ra cái thú tính hung hăng trước khi dẫy chết, nhe nanh múa vuốt, găm thét trong tuyệt vọng.

Dân chủ, Tự do tất thắng độc tài Cộng sản. (Vì Lòng Dân Là Ý Trời).

Trong niềm tin vững chắc, đoàn kết đấu tranh ngôn luận, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trường tồn.

Tuyển Tập BÚT HOA 4 góp bông hoa bé nhỏ trong vườn Văn Học. Ngọn nến bên ngàn ánh đuốc rực sáng bình minh quang phục quê hương.

Chúng tôi đón nhận đóng góp xây dựng của quý vị để BÚT HOA tiếp nối Thăng Hoa.

Chân thành cảm tạ

Ban Biên Tập

INTERNATIONAL P.E.N

Vietnamese Writers Abroad P.E.N centre

North Western USA Chapter

VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ

5304 Swainsons Ct. Concord, CA. 94521

Tel: 925-685-9553 - Email: hoangxuyenanh@yahoo.com

-----//-----

BAN CHẤP HÀNH

Nhiệm Kỳ 2006-2008

Cố Vấn: Từ Phong, Trúc Giang, Cao My Nhân

Chủ Tịch: Hoàng Xuyên Anh

PCT Nội Vụ: Vũ Gia Sắc

PCT Ngoại Vụ: Đoàn Bình Viên

Tổng Thư Ký: Võ Thanh Văn

Thủ Quỹ: Phạm Việt Hùng

Trưởng Ban Báo Chí: Du Sơn Lãng Tử

Hội Viên:

Cao My Nhân, Cát Dương, Chinh Nguyên, Du Sơn Lãng Tử, Đào Đức Chương, Đoàn Bình Viên, Hoa Hường Dương, Hoàng Xuyên Anh, Kathy Trần, Kim Vũ, Lê Minh Nguyên, Linh Vang, Mặc Lan Đình, Minh Anh, Nguyễn Đông Giang, Nguyễn Hữu Tân, Nguyễn Việt Nam, Nguyễn Việt Nữ, Nguyễn Tấn Ích, Nguyễn Thiếu Nhẫn, Phạm Quang Trình, Phạm Nguyên Lương, Phạm Việt Hùng, Phụng Thiên, Phương Duy, Quốc Lân, Trúc Giang, Trùng Quang, Từ Phong, Võ Thanh Văn, Vũ Gia Sắc, Vũ Quang Trân.

Sơ Lược một số công việc Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ đã thực Hiện

Trong kỳ đại hội Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa kỳ, ngày 25-6-2006, cuộc bầu cử Tân Ban Chấp Hành diễn ra rất gay go, mặc dù chỉ có một liên danh Đoàn Kết, thụ ủy là nhà thơ Hoàng Xuyên Anh ứng cử hợp lệ, kết quả cuộc bầu cử liên danh Đoàn Kết đắc cử với 17 phiếu trên 24 phiếu hợp lệ. Sau khi tuyên bố thắng cử tiếp đến là sự bàn giao giữa hai ban chấp hành cũ và mới được diễn ra trong ngày.

Với chủ trương đoàn kết, phục hồi uy tín Văn Bút, Ban Chấp Hành và các hội viên đã thực hiện nhiều công việc như tổ chức lễ ra mắt Ban Chấp Hành, ủy lạo, khuyến khích hội viên sáng tác, tham gia sinh hoạt xã hội với các hội đoàn Quốc gia, tiến hành công việc bầu cử Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, tham dự lễ tiếp nhận sắc lệnh S-14-06, yểm trợ bản Tuyên Cáo của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

01 Buổi lễ ra mắt Tân Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại - TT Tây Bắc Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 2006-2008:

Buổi lễ ra mắt tân Ban Chấp Hành Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 2006-2008, tổ chức vào lúc 1:30 trưa ngày mồng 06 tháng 8 năm 2006, tại Trung Tâm Sinh Hoạt Cộng Đồng Việt Nam bắc California, tọa lạc tại số 220, phòng B, đường Leo, thành phố San Jose, tiểu bang California.

Buổi lễ diễn ra trong không khí trang trọng, thân tình với khoảng 100 quan khách. Trong số quan khách tham dự, chúng tôi nhận thấy có ông Nguyễn Ngọc Tiên (Chủ Tịch BCH Cộng Đồng Việt Nam Bắc California), và quý thành viên Cao Hiền, Trần Thành, Trần Mai, chị Nga, anh Nghiệp.... ông Huỳnh Phong (Chủ Tịch Lực Lượng Sĩ Quan Thủ Đức QLVNCH) và Quý thành viên, Ông Hoàng Thượng (CT Ủy Ban Bảo Vệ Chính Nghĩa Quốc Gia) và quý thành viên, bà Trương Bích Hoa (CT Hội Phụ Nữ Việt Nam

Hải Ngoại Bắc Cali.), bà Nguyễn Thị Minh Tâm (Giám Đốc Hội Tương Trợ Lạc Việt) và quý thành viên, bà Lê Thanh (Hội Trưởng Hội Phụ Nữ Thiện Nguyện) và quý thành viên, ông Trần Kim Thiều (Hội Trưởng Hội Cao Niên Diên Hồng-Oakland) và quý thành viên, Hiền tài Nguyễn Thanh Liêm (Hội Thánh Cao Đài), nhà thơ Dương Huệ Anh (Nhóm Xuân Thu Lạc Việt), nhà thơ Trường Giang (Thi Đoàn Trưởng TVĐ Bốn Phương), cùng các thi hữu Ngọc Bích, Hoàng Ngọc Văn, Trần Việt Yên, và quý thành viên, nhà văn Nguyễn Trung Dũng và Phu nhân, nhà văn Ngọc Thủy, ông bà Trần Ngọc Ảnh (CT Hội Ái Hữu Đồng Hương Quảng Ngãi), nhà văn Diên Nghị (tạp chí Nguồn và Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn), nhà văn Nguyễn Thị Quảng Bình (đại diện Lương Tâm Công Giáo), Bác Sĩ Phạm Đức Vượng, ông bà Bác Sĩ Đặng Phương Trạch, cùng một số thân hào nhân sĩ: ông Nguyễn Mỹ Hào, ông Hoàng An Hưng, cựu Thiếu Tá Nguyễn Ruộng, cựu Thiếu tá Cảnh Sát Phan Quang Nghiệp, Nguyễn Hiền, Nguyễn Đình Bá, cựu ký giả Đậu Hồng Hải, nhà thơ Võ Đình Tiên và bà Thủy Tiên (Giám Đốc Hội Tương Trợ Phụ Nữ VN San Francisco) và quý thành viên, chị Lê Minh Ngọc, ông Vũ Ngọc Liên (Hội Cao Niên Concord), ông Nguyễn Bửu (Nhóm Tinh Thần Ngụy Văn Thà), và quý đồng hương miền Bắc California, bà Lương Thanh Vân, gia đình bà Lương Sâm đến từ Texas và rất nhiều Văn Thi Hữu trong giới văn nghệ sĩ Miền Bắc California có mặt chung vui với các thành viên Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ.

Truyền Thông và Báo Chí có đại diện Đài Phát Thanh Quê Hương, đại diện Đài Truyền Hình SBTN, ký giả Trần Nghĩa Sĩ, đại diện Việt Nam Nhật Báo, ký giả Trường Kỳ, nhà văn Nguyễn Thiều Nhẫn, nhà văn Kim Ái đại diện tuần báo Tiếng Dân, ký giả Duy Văn chủ bút tuần báo Đời Mới, ký giả Lê Bình chủ bút tuần báo Nàng Thế Kỷ 21, ký giả Du Phong, ký giả Trương Xuân Mẫn đại diện báo Sài Gòn USA, ký giả Lâm Văn Sang đại diện tuần báo VTimes và đại diện tuần báo Việt Tribune ...



Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại
(Nhiệm kỳ 2006-2008)

Từ trái sang phải:

- Tổng thư ký: Võ Thạnh Văn
- Cố Vấn: Trúc Giang
- Phó Chủ Tịch Nội Vụ: Vũ Gia Sắc
- Chủ Tịch: Hoàng Xuyên Anh
- Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ: Đoàn Bình Viên
- Thủ Quỹ: Phạm Việt Hùng
- Trưởng Ban Báo Chí: Du Sơn Lãng Tử
- Cố Vấn: Từ Phong

Khai mạc buổi lễ, nhà thơ Võ Thạnh Văn, đại diện Ban Tổ Chức chào mừng quan khách tuyên bố lý do. Tiếp theo, buổi lễ diễn ra với nghi thức chào quốc kỳ Mỹ, Việt. Phút mặc niệm để tưởng nhớ anh hùng liệt Sĩ đã vị quốc vong thân.

Nhà thơ Từ Phong, cựu Chủ Tịch BCH nhiệm kỳ (2004-2006) đọc diễn văn mãn nhiệm và tuyên bố trao quyền hành cho Tân Ban Chấp Hành, nhiệm kỳ 2006-2008. Chủ Tịch Hoàng Xuyên Anh, đại diện Tân BCH, đọc diễn văn chào mừng quan

khách, tuyên bố lãnh trách nhiệm, trao kỷ vật cho cựu Chủ tịch, giới thiệu thành viên trong tân Ban Chấp Hành.

Nhà thơ Vũ Gia Sắc, Phó Chủ tịch Nội Vụ tân BCH, trước máy vi âm, nhắc sơ lược tổ chức, nhiệm vụ của Văn Bút Việt Nam dưới chính thể Việt Nam Cộng Hòa và nhắc lại sự hình thành của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Đại hội đồng Văn Bút Quốc Tế, nhóm họp tại thành phố Rio De Ja Neuro nước Brazil, năm 1979, đồng tình biểu quyết chính thức thu nhận Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vào đại gia đình Văn Bút Quốc Tế. Ông Phó Chủ tịch ca ngợi lòng dũng cảm, sự khôn khéo của nhà văn Minh Đức Hoài Trinh sáng lập viên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại và ông mời gọi văn nghệ sĩ tham gia Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, cùng nhau bảo vệ tiếng nói của người Việt tự do.

Tiếp đến, vị đệ nhị Phó Chủ tịch, nhà thơ Đoàn Bình Viên trao kỷ vật cho nhà thơ Du Sơn Lãng Tử, đại diện cho nhà văn Minh Anh, hội viên tích cực đóng góp công sức cho Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ.

Nhiều văn thi hữu trên thế giới gửi điện văn chúc mừng Tân Ban Chấp Hành: Tiến sĩ Lê Mộng Nguyên ở Pháp, thi sĩ Đỗ Bình, (Hội Văn Hóa Việt Pháp), Huỳnh Tâm, Thi Như, ông Jen Pierre (Báo Nhân Ái Pháp quốc), cùng nhà thơ Hồ Trường An, Tô Vũ, Thi Phạm... Tiến sĩ Nguyễn Bá Long ở Canada, nhà thơ Quốc Nam (CT Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương), bà Jackier Bông (CT Vietnamese American Voters Association), cô Kiều Mỹ Duyên (Đài Phát Thanh Los Angeles), bà Lưu Hồng Phúc (Đài Phát Thanh Texas), nhà văn Thu Phong (Virginia), Phan Huy Sảnh (CT Liên Hội H.O. Seattle), nhà thơ Đào Thanh Khiết (Arizona), nhà thơ Dương Quân (Florida), nhà văn Nguyễn Ngữ (Báo Sài Gòn Nhỏ Hayward), nữ nhạc sĩ Miên Du Đà Lạt (Orange County), nhà thơ Joseph Duy Tâm ở Úc. Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại cùng 8 Trung Tâm gửi điện thư chúc mừng: TT Miền Đông Hoa Kỳ, TT Nam Hoa

Kỳ, TT Đông Nam Hoa Kỳ, TT Georgia, TT Nam Cali., TT Louisiana, TT Quebec-Canada, TT ^{Ontario} Canada. Và đặc biệt nhà văn Minh Đức Hoài Trinh cầu chúc Tân Ban Chấp Hành “**Thành công trong sự Phục hồi uy tín của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại**”.

Sau cùng, Ban Tổ Chức mời quý quan khách, thân hữu, và hội viên Văn Bút nhập tiệc, đồng thời thưởng thức văn nghệ với sự đóng góp tài nghệ của ban nhạc Sông-Quê của nhạc sĩ Vân Trang, cùng sự đóng góp của ông bà nhạc sĩ Trần Điềm, ca sĩ Mỹ Thể, Nhựt Huỳnh, Đan Hùng...

Điều xúc động là Bác Sĩ Đặng Phương Trạch, tức nhà thơ Thiên Tâm, đã cảm hứng sáng tác tại chỗ và tự mình diễn ngâm 2 bài thơ chúc mừng Tân Ban Chấp Hành Văn Bút như sau:

CHÚC MỪNG

Nắng hạ vàng tươi, lá biếc cành
Đôi vầng mừng chúc chị Xuyên Anh
Qua cơn mưa bão còn trời sáng
Vượt nẻo chông gai đặng phước lành
Thơ viết dâng đời chan ý đẹp
Tình trao gửi bạn thắm lòng xanh
Bút Hoa trở vạn mùa thơm ngát
Tây Bắc Trung Tâm mãi rạng danh.

&

Việt Nam Văn Bút đã vang danh
Hoa gấm Rồng Tiên tiếng tốt lành
Cây trái Tự Do đang chín ngọt
Ruộng vườn Dân Chủ vốn tươi xanh
Vun phân “độc đảng” nên tàn cõi
Tưới nước “cường toan” mới trụi cành
Hiệp lực quyết xây nền chính nghĩa
Quốc gia quang phục đẹp như tranh.

Thiên Tâm

San Jose, Ngày 6 tháng 8 năm 2006

Nghệ sĩ Thủy Tiên Chủ tịch Hội Phụ Nữ San Francisco lên máy vi âm ngâm bài thơ “Muốn” của phu quân gợi cho khán thính giả nhớ lại một thuở yêu đời, Bà ngâm thêm bài “Đập Tượng Lenin” của nhà thơ Duy Viên khiến cho khán thính giả nôn nóng muốn trở về đòi lại quê hương cho Dân Tộc Việt.

Buổi sinh hoạt văn nghệ hào hứng, vui tươi, thấm đượm tình quê hương. Nhiều văn nghệ sĩ muốn tiếp tục đóng góp tài nghệ. Tuy nhiên, bóng đã xế chiều, thời gian gần hết...nhà thơ Võ Thanh Văn, đại diện Ban Tổ Chức cảm tạ quan khách, tuyên bố chấm dứt buổi sinh hoạt. Mọi người chia tay ra về, lúc 6:00 giờ chiều cùng ngày, trong tinh thần đoàn kết, với niềm tin tất thắng.

02 Ủy lạo các hội viên có chuyện đau buồn:

Để thắt chặt tình thân hữu, gắn bó giữa các hội viên, mỗi khi nhận được tin buồn, Ban Chấp Hành đều thông báo các hội viên, để cùng đến thăm hỏi hoặc đăng báo chia buồn. Trong thời gian qua Ban Chấp Hành đã đăng báo chia buồn với gia đình hội viên dưới đây:

*Ngày 23/7/2006 chia buồn với gia đình nhà văn Phương Duy về sự quy tiên của nhạc mẫu Phương Duy.

* Ngày 27/9/2006 chia buồn với gia đình nhà thơ Trúc Giang về sự thất lạc của nhạc mẫu Trúc Giang.

* Tháng 12 năm 2006 phân ưu với gia đình nhà thơ Cao My Nhân về sự quy tiên của Phu quân nhà thơ.

* Tháng 4 năm 2007 phân ưu với gia đình nhà văn Phạm Việt Hùng về sự quy tiên của nhạc mẫu ông.

Ngòai ra còn phân ưu với các thân hữu, hội đoàn bạn.

03 Khuyến khích các hội viên sáng tác:

Ban Chấp Hành cùng nhiều hội viên tham dự buổi ra mắt Tuyển Tập Văn Thơ Qua Biển và Gọi Hồn Dân Tộc của nhà thơ Hoa Hướng Dương, cũng như buổi ra mắt tác phẩm Hương Bò Kết của nhà văn Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích...

04 Bầu cử Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại:

Sau buổi lễ Ra Mắt tân BCH/VBVDHN/TT-TBHK, Ban Chấp Hành họp bàn xúc tiến nhiệm vụ xuất bản Tuyển Tập BÚT HOA 4. Đồng thời, BCH cũng nhận được văn thư của Văn Bút Quốc Tế, đề ngày 20/08/2006, nội dung là cuộc bầu cử Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam hải Ngoại. Theo tinh thần văn thư đó, cuộc bầu cử Ban Chấp Hành VBVDHN sẽ diễn ra từ 22 tháng 8 đến hết 5:00 giờ chiều ngày 21/09/2006. Văn thư cũng nêu ra những hướng dẫn cần thiết trong thể lệ và thủ tục bầu cử thật vô tư, công bằng và dân chủ.

Tin tưởng vào sự công minh của Văn Bút Quốc Tế, hy vọng sớm giúp cho VBVDHN phục hồi uy tín, tất cả 5 thành viên trong Ban Chấp Hành bầu cử theo đúng hướng dẫn của VBQT trong tự do, tôn trọng tinh thần dân chủ theo lương tâm và trách nhiệm của người cầm bút.

Nhưng ngày 20 tháng 9, 2006, một văn thư khác của VBQT hủy bỏ cuộc bầu cử đang tiến hành. VBQT đã đi ngược những thể lệ do chính họ đề xuất và yêu cầu mọi người liên hệ tôn trọng, vì Văn Bút Quốc Tế vội tin một vài dữ kiện bịa đặt do ba thành viên gian manh cung cấp với ý đồ phá hoại.

Tháng 9 năm 2006, chín (9) Trung Tâm Văn Bút VN đã gửi thư phản đối, đòi hỏi VBQT tôn trọng những thể lệ trong văn

thư đề ngày 20/08/2006 và yêu cầu VBQT phải công bố kết quả cuộc bầu phiếu.

Ngày 29/9/2006, Văn Bút Quốc Tế lại gửi một văn thư trấn an tất cả các hội viên VBVN hải ngoại. Ngày 06 tháng 11, 2006, VBQT tổ chức cuộc bầu cử lần thứ hai (chứ không phải là vòng thứ hai) có tính cách trắc nghiệm và tái xác định sự tín nhiệm của những lá phiếu trong lần bầu cử đợt đầu.

Trước mọi thử thách của mọi hoàn cảnh, BCH VB-TT/TBHK luôn luôn thi hành nghiêm chỉnh tất cả mọi đòi hỏi của VBQT, đồng thời, hành xử chính đáng quyền hạn và trách nhiệm mà Bản Nội Quy của VB TT/TBHK dành cho, nhất là trong cuộc bầu cử dân chủ này.

Ngày 13 tháng 12, 2006, Văn Bút Quốc Tế công bố kết quả: Liên Danh số 1 do nhà văn Sơn Tùng đắc cử với thành phần Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại như sau:

- Chủ Tịch: Sơn Tùng
- Phó Chủ Tịch: Trần Công Hàm
- Phó Chủ Tịch: Bùi Xuân Vũ
- Tổng Thư Ký: Đào Vĩnh Tuấn
- Thủ Quỹ: Nguyễn Văn Thông

Chính nghĩa và dân chủ đã thắng, thắng lần thứ hai, Lần thứ nhất thắng tại Washington DC, vào ngày 24/03/2001, đại hội VBVNHN tái phục hoạt. Tuy nhiên, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại cần được cải tổ. (Chúng tôi sẽ cho in tất cả mọi văn kiện liên quan đến cuộc bầu cử này vào kỷ yếu.)

05 Tham gia công việc xã hội từ thiện:

Đa số hội viên Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ đang sống sung túc, yên vui ở đây mà lòng vẫn hướng về quê hương, đã cố

gắng góp ít công sức hầu chia sẻ những đau thương với bà con đang có cuộc sống vất vả tại quê nhà.

- Ngày 21-10-2006 ông Vũ Gia Sắc, ông Võ Thanh Văn cùng nhiều hội viên khác tham gia buổi sinh hoạt văn nghệ ngoài trời tại khu Thương Xá Lion, với mục đích gây quỹ cứu trợ nạn nhân bão lụt Miền Trung. Ông TTK Võ Thanh Văn xuất quỹ \$100 dollars ủy lạo bà con bị bão lụt.

- Ngày 17-12-2006 Chủ Tịch Hoàng Xuyên Anh cùng hội viên, nhà văn Minh Anh tham dự buổi tiệc gây quỹ giúp đỡ nạn nhân bão lụt Miền Nam Việt Nam tổ chức tại thành phố Oakland. Nhân dịp này, Văn Bút TT Tây Bắc Hoa Kỳ đã góp vào quỹ ủy lạo \$1,000 (một ngàn đồng dollars) bằng cách bán đấu giá bức tranh sơn mài trước đây đã tặng cho nhà văn Minh Anh mà ông đã có ý tặng lại cho Văn Bút.

06 Tham dự lễ tiếp nhận Sắc Lệnh S-14-06:

VINH DANH LÁ CỜ VÀNG DI SẢN VIỆT NAM TỰ DO

Nhận được Thư Mời của Ban đại Diện Cộng Đồng VN Bắc California, ban chấp hành Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ, 29 tháng 9, 2006, tham dự buổi lễ trao Sắc Lệnh S-14-06 của Thống Đốc Tiểu Bang California, ông Arnold Schwarzenegger, vinh danh **Lá Cờ Di Sản Việt Nam Tự Do** với nền vàng ba sọc đỏ.

Trong buổi lễ, ông Nguyễn Ngọc Tiên, chủ tịch Cộng Đồng Việt Nam Bắc California, đã trao phó bản Sắc Lệnh nói trên cho ban chấp hành Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ, mà chủ tịch Hoàng Xuyên Anh đại diện BCH lãnh nhận Sắc Lệnh để lưu niệm.

Đây là một vinh dự cho người Việt Quốc Gia và cho con cháu. Chúng tôi cảm thấy có nghĩa vụ phổ biến sắc lệnh S-14-06 và bản dịch Việt ngữ đến quý độc giả, để mọi người ý thức và trân quý đón nhận Sắc Lệnh này.

EXECUTIVE DEPARTMENT
STATE OF CALIFORNIA



EXECUTIVE ORDER S-14-06

WHEREAS California is the home to approximately 500,000 Vietnamese immigrants; and

WHEREAS the Vietnamese-American community has made positive contributions to the historical, cultural, educational, and economic prosperity of California; and

WHEREAS Vietnamese-Americans remain vigilant in opposing tyranny of all forms, actively supporting human rights for all people, and celebrating the principles of democracy, justice, and tolerance upon which our nation was founded; and

WHEREAS the flag of the former Republic of Vietnam, with three red stripes upon a field of yellow, and dating back to 1948, has been and will continue to be a symbol of resilience, freedom, and democracy to many Vietnamese-Americans in California; and

WHEREAS the flag of the former Republic of Vietnam is an important symbol in the history of Vietnamese-Americans and is now known as the Vietnamese Freedom and Heritage Flag; and

WHEREAS the vast majority of California's Vietnamese-Americans embrace the yellow and red-striped Freedom and Heritage Flag as the symbol of the Vietnamese-American community.

NOW, THEREFORE, I, ARNOLD SCHWARZENEGGER, Governor of the State of California, formally recognize the Vietnamese Freedom and Heritage Flag as the official symbol of the California Vietnamese-American community and support the efforts of California's Vietnamese-American community to promote freedom and democracy. By virtue of the power and authority vested in me by the Constitution and statutes of the State of California, I do hereby issue this Order to become effective immediately:

The Vietnamese Freedom and Heritage Flag may be displayed on the premises of state buildings in connection with a state-sponsored Vietnamese-American ceremonial event, consistent with rules and protocol regarding the proper display of the United States and the State of California flags, including the provisions of title 4, chapter 1 of the United States Code.



Thống Bảo Arnold Schwarzenegger với Đảng Cộng Sản Việt Nam và Bà Sở Đồ
 Đốc Trưng Tự Do và Văn Hoá Của Cộng Đồng Việt Tại California (5 Tháng 8, năm 2006)

I FURTHER DIRECT that as soon as hereafter possible, this Order be filed in the Office of the Secretary of State and that widespread publicity and notice be given to this Order.

IN WITNESS WHEREOF I have hereunto my hand and caused the Great Seal of the State of California to be affixed this 5th of August 2006.



Arnold Schwarzenegger
 ARNOLD SCHWARZENEGGER
 Governor of California

ATTEST:

Bruce McPherson
 BRUCE McPHERSON
 Secretary of State

Sắc Lệnh S-14-2006

----//----

- *Xét rằng California là nơi định cư của gần 500,000 người Việt,
- *Xét rằng người Mỹ gốc Việt đã đóng góp tích cực vào lịch sử, văn hóa, giáo dục và nền kinh tế thịnh vượng của California;
- *Xét rằng người Mỹ gốc Việt luôn luôn quan tâm chống lại mọi hình thức độc tài, bênh vực nhân quyền, tuyên dương các nguyên tắc dân chủ, công bằng và khoan dung là những nền tảng của đất nước này;
- *Xét rằng lá cờ Việt Nam Cộng Hòa, với ba sọc đỏ trên nền vàng đã có từ năm 1948, đã và sẽ là biểu tượng của hạnh phúc, tự do, dân chủ cho nhiều người Mỹ gốc Việt ở California;
- *Xét rằng lá cờ Việt Nam Cộng Hòa là một biểu tượng quan trọng trong lịch sử của người Mỹ gốc Việt, và bây giờ được gọi là:
“Lá Cờ Di Sản Việt Nam Tự Do”
- *Xét rằng đại đa số người Mỹ gốc Việt của Tiểu bang California yêu mến Lá Cờ Di Sản Việt Nam Tự Do màu vàng ba sọc đỏ là biểu tượng của cộng đồng người Mỹ gốc Việt.

Vì thế, nay tôi, ARNOLD SCHWARZENEGGER, Thống đốc Tiểu bang California, long trọng xác nhận Lá Cờ Di Sản Việt Nam Tự Do là biểu tượng chính thức của cộng đồng người Mỹ gốc Việt ở California, và hỗ trợ mọi cố gắng của cộng đồng người Mỹ gốc Việt ở California trong việc phát huy tự do và dân chủ. Nhân danh quyền của Thống đốc theo hiến pháp và pháp định của Tiểu Bang California, tôi ban hành sắc lệnh có hiệu lực ngay từ lúc này:

Lá Cờ Di Sản Việt Nam Tự Do được phép treo trên các tòa nhà của Tiểu bang hỗ trợ, theo luật và nghi thức thích nghi với cờ của nước Mỹ và của Tiểu bang California, gồm cả những quy định của điều 4, chương 1 của United States code.

Tôi chỉ thị, có thể rất nhanh chóng, sắc lệnh này được đưa vào hồ sơ của văn phòng Tổng Thư Ký Tiểu bang hầu sắc lệnh được công bố.

Xác nhận nơi đây là sự ký tên và đóng dấu của tôi, con dấu của Tiểu bang California vào ngày 5 tháng 8 năm 2006.

(Nguyễn Văn Thông dịch)



Hình chụp: lễ chào Quốc Kỳ buổi họp đại hội thường kỳ của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ
Ngày 7 tháng 1 năm 2007

07 Yếu trợ Tuyên Cáo của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại:

Trên nửa thế kỷ, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tước đoạt Tự do, Dân chủ và Nhân quyền của mọi người Việt nam.

Nay Đảng Cộng Sản và Nhà Cầm Quyền Cộng sản ngang nhiên dẫm đạp lên Hiến pháp mà họ vẽ ra, coi thường Hiến chương Nhân quyền mà họ đã cam kết thi hành, công khai sách nhiễu đàn áp nhân dân nhất là những người dân tha thiết, khát khao lý tưởng Dân chủ - Tự do - Nhân quyền.

Trước chiến dịch đàn áp thô bạo ấy, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, được sự đồng tình ủng hộ, nhất là Văn Bút Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ, đã tuyên cáo tán dương và sát cánh với đồng nghiệp và những chiến sĩ dân chủ tại Việt Nam, đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội ngưng ngay chiến dịch đàn áp; yêu cầu Đảng Cộng Sản Việt Nam chấm dứt độc quyền chính trị, trả lại Tổ Quốc Việt Nam cho nhân dân Việt Nam.

Bản TUYÊN CÁO này đã được truyền thông, báo chí phổ biến. Chúng tôi cho in vào Tuyển Tập BÚT HOA 4 để quý vị độc giả tham tưởng và quý hội viên tiếp tục đấu tranh cho Việt Nam Tự do, Dân chủ, Nhân quyền.

(Đính kèm bản Tuyên Cáo)

VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI TUYÊN CÁO

VỀ CHIẾN DỊCH ĐÀN ÁP BẠO QUYỀN
CÁC CHIẾN SĨ DÂN CHỦ NHÂN QUYỀN TẠI VIỆT NAM

Những ngày gần đây, bạo quyền Cộng sản Việt Nam đã mở chiến dịch đàn áp, vu khống, bắt giam, xét xử bất công nhiều người tranh đấu bất bạo động cho dân chủ nhân quyền, từ Nhà báo Nguyễn Vũ Bình đến Linh mục Nguyễn Văn Lý, Luật sư Nguyễn Văn Đài, Luật sư Lê Thị Công Nhân, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy và nhiều người khác.

Nhận định rằng những người bị nhà cầm quyền Hà Nội buộc tội - trong đó có một số người cầm bút - là những công dân ưu tú chỉ đơn giản đòi những quyền căn bản của con người - trong đó có quyền tự do tư tưởng và quyền tự do diễn đạt - mà các dân tộc khác trong cộng đồng thế giới tiến bộ đã được hưởng từ lâu.

Xét rằng, chính Đảng Cộng sản là kẻ có tội đã cưỡng đoạt đất nước Việt Nam và tước bỏ quyền tự do của người dân Việt Nam, dùng công an và tòa án tay sai để duy trì một thể chế chuyên chính, phản động, đi ngược lại trào lưu dân chủ trên thế giới, ngoan cố bám lấy một chủ thuyết đã thoái trào và bị loại bỏ tại chính nơi phát sinh ra nó...

Chúng tôi, những hội viên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, là thành viên của Văn Bút Quốc Tế, long trọng tuyên cáo:

1/ Tán dương và sát cánh với đồng nghiệp và những chiến sĩ dân chủ tại Việt Nam đang dũng cảm đứng lên đòi lại quyền sống với đầy đủ ý nghĩa của một Con người trong xã hội văn minh, dân chủ - trong đó có quyền tự do tư tưởng, tự do chính trị, tự do tín ngưỡng, và tự do diễn đạt tư duy, chính kiến.

2/ Thiết tha kêu gọi mọi thành phần công dân trong nước mạnh dạn trút bỏ thói quen thờ ơ, sợ hãi, đứng lên cùng với những người can đảm đã sẵn thân đi trước để tạo sức mạnh quần chúng tự giải phóng khỏi gông cùm của một tập đoàn tội phạm núp dưới một chủ thuyết điên rồ, tàn bạo, kìm hãm dân ta đã quá lâu trong bóng đêm lạc hậu.

3/ Cự lực lên án trước công luận quốc tế những hành động hung tàn, ngược ngạo của bạo quyền Cộng sản Việt Nam đang chà đạp lên những nguyên tắc pháp lý sơ đẳng của thời hiện đại để bức bách người dân vô tội, và khẩn thiết yêu cầu các chính phủ dân chủ trên thế giới cùng những tổ chức nhân quyền quốc tế mạnh mẽ can thiệp để cứu nguy các chiến sĩ dân chủ đang bị đàn áp tại Việt Nam.

4/ Đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội ngưng ngay chiến dịch đàn áp, vu khống những người bất đồng chính kiến và trả tự do, phục hồi danh dự cho những người đã bị truy tố, tù tội vì lý do chính trị.

5/ Đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam chấm dứt độc quyền chính trị, từ bỏ độc quyền tư tưởng, trả lại Tổ quốc Việt Nam cho nhân dân Việt Nam. Chúng tôi mãnh liệt tin tưởng rằng đó là con đường duy nhất để chấm dứt đau khổ cho nhân dân Việt Nam, để Tổ quốc Việt Nam có thể vươn lên góp mặt bình đẳng trong cộng đồng thế giới.

Làm tại Washington, DC ngày 29 tháng 4 năm 2007
T.M. Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Chủ Tịch Sơn Tùng



Hình chụp lúc tặng bông đón mừng Tân Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ



Hình chụp lúc Tân Chủ Tịch Văn Bút Hoàng Xuyên Anh trao tấm hình lưu niệm cho Cựu Chủ Tịch Văn Bút Từ Phong

Thơ

Cao My Nhân



Cao My Nhân

Tiểu Sử:

Sinh tại miền Bắc Chapa, Hoàng Liên Sơn
Lớn lên tại miền Nam, Sài Gòn
Trưởng thành tại miền Trung, Đà Nẵng
Làm thơ và viết truyện nhi đồng từ năm 13 tuổi.
Đã xuất bản:

- Hoa Sao – 1959 -- Thơ
- Thơ My 1 – 1961 – Thơ
- Thơ My 2 – 1997 – Thơ
- Áo Mầu Xanh – 1999 – Thơ
- Đưa Người Tình Đi Tu – 2001 – Thơ
- Lãng Đãng Vào Thu – 2001 – Thơ
- Sau Cuộc Chiến – 2003 – Thơ
- Chốn Bụi Hồng Tập 1 – 1994 – Tập Văn

Sắp xuất bản:

- Quán Thơ, Tháng Ngày Còn Lại – Thơ
- Nửa Đường Đưa Quan – Thơ
- Em Còn Không Mai A – Thơ
- Mùa Xuân Của Anh -- Thơ

Bút Hoa Tây Bắc

Bài Xướng của Cao My Nhân
(Thân tặng Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ)

Bút hoa Tây Bắc trở đầy thơ...
Qua mấy mùa Xuân vẫn đợi chờ.
Ảo giác Mai vàng qua dáng Cúc,
Huyền từ Đào lạt rộn đường tơ.
Hòa vẫn chung điểm hai mâu tóc,
Kết bạn cùng tô một sắc cờ.
Pháo lệnh nghênh tân vang trống trận,
Trở về quê Mẹ đẹp hồn mơ...

Hawthorne, 7/2/2007

Cao My Nhân

Hoa Bút

Bài Họa của Nguyễn Thị Bạch Tâm

Tây Bắc Hoa Kỳ Hoa Bút thơ...
Thi Nhân viễn xứ mãi mong chờ.
Xuân về lời hát say tình bạn,
Tết đến cung đàn rộn tiếng tơ...
Tóc bạc nghênh tân ra giúp nước,
Đầu xanh tống cựu phát cao cờ.
Diên Hồng trống giục thay pháo lệnh...
Quê Mẹ thanh bình đẹp ước mơ.

San Jose, Xuân 2007

Nguyễn Thị Bạch Tâm

Trước Mùa Xuân

Bài Xướng của Cao My Nhân

Đứng trước mùa Xuân, tưởng đã già !
Nào ngờ cây cối vẫn đơm hoa...
Cành Mai trắng toát màu hoa tuyết,
Khóm Cúc vàng tươi sắc nước trà,
Nâng chén Hoàng Kim, mừng Tết sớm,
Mở trang Bích Ngọc, đọc Thơ xa.
Cuối trời cánh Hạc bay thanh thoát,
Thấp thoáng dư âm, đọng phím nga...

Hawthorne, 3/1/2007

Cao My Nhân

Hương Xuân

Bài Họa của Nguyễn Thị Bạch Tâm

Cao Nhân Mỹ nữ dễ chi già,
Xuân thắm hương nồng, bút nở hoa...
Cung nhạc hát ca, vui chén rượu,
Vần thơ xướng họa, ấm chung trà.
Thiên Nga, Bạch Hạc, danh còn đó,
Bích Ngọc Hoàng Kim, tiếng vọng xa.
Sông Hát, Diên Hồng vang trống giục..
Lòng son, mài kiếm dưới trăng nga.

San Jose, Xuân 2007

Nguyễn Thị Bạch Tâm

Về Chùa

Về chùa thấy Phật mười phương,
Muôn pho kinh ngọc, ngàn chương kệ vàng,
Tiếng chuông vọng tới cuối đàng.
Chân mây sáng rỡ, đạo tràng hoan ca...

Bóng người thả vạt cà sa,
Mới vừa kê cận, đã xa ngàn trùng!
Thoáng nghe, thời khắc vô cùng,
Đào hoa sớm trở nụ hồng trên môi.

Huyền tình một chút đó thôi!
Ưu đàm bát ngát lưng trời gió bay,
Về chùa, chấp đôi bàn tay.
Hành thiền, xin đợi chốn này trao thơ.

Xin đừng mộng mị vu vơ...
Niềm riêng, phẳng lặng như tờ thiệp Xuân,
Lời nào chúc cũng, phù vân!
Để nguyên chân ý ân cần tịnh tu.

Hawthorne, 29-01-2007

Cao My Nhân

Tan Theo Chuông Mõ

Thế rồi, tôi bỏ lại tôi,
Cái thân hệ lụy bên trời gió mưa,
Theo ai về cõi đại thừa?
Gió làm vương vấn, hồn thưa nhật tinh.

Đãi lòng giữa chốn u minh,
Thoắt vô ngôn, lại giật mình vọng Xuân.
Vừa từ bên ấy vắng sang,
Những đường tơ nhẹ dệt trang thơ này.

Thì thầm nói với bàn tay,
Đang che ngang mắt giữa ngày hóa đêm,
Tan theo chuông mõ êm đêm.
Như ru tuổi mộng dài thêm nhớ người!..

Mười năm chưa nói một lời!
Bâng khuâng lối cổ trên đời hoa thơ,
Trăm năm tưởng cũng tình cờ?
Bến mê, bờ giác hững hờ nhân gian!

Hawthorne, 29-01-2007

Cao My Nhân

Tháng Mười Sương Khói

Tháng mười sương khói băng khuâng,
Tưởng em mang sớm mùa Xuân trở về,
Anh làm thơ đợi tứ bề.
Nhốt sương vào mộng, khói thì thả bay...

Tóc em, ai nữ phủ mây?
Tóc anh tuyết cũng giăng đầy hôm qua,
Thế nhưng em chẳng vô nhà?
Nhớ nhớ mãi để anh phà khói sương.

Khói mù che ánh tà dương,
Mắt em tràn lệ hay sương rơi đầy?
Tháng mười ơi, khép vòng tay!
Ngày đang ngẩn lại, đêm say tình nồng...

Cho em trọn giấc mơ hồng,
Khói sương tan hết trong lòng chúng ta.
Tháng mười, anh tưởng tháng ba?
Bởi vì hoa nở chan hòa ý thơ...

Hawthorne, 19-10-2006

Cao My Nhân

Mùa Đông Mì: H

Rồi mùa đông lạnh lùng chờ trước cửa,
Em ngại ngần chưa dám gọi tên anh,
Khi tuyết rơi dập vùi bao ánh lửa.
Cả không gian mộng huyền bỗng tan tành!..

Anh đến sớm hay mùa đông giá buốt?
Khiến tim người hóa đá cũng đăm chiêu...
Em ngưỡng mộ một mùa đông rét mướt.
Nhưng không làm tê cóng cả tình yêu.

Vừa đủ thôi , những cơn mưa buồn nhe,
Mưa Sài Gòn, mưa Huế giọt trong tim,
Mưa Hà-Nội bão bùng hoang loạn thế!
Làm sao em đón nhận được êm đềm?

Em quá chán mùa đông mà vẫn đợi!
Bởi anh chưa hoang hóa nỗi đau này?
Chút muộn phiền xưa sót lại trong tay.
Đang xiết chặt thân em đầy hoảng sợ!..

Hawthorne, 06-10-2006

Cao My Nhân

Đốt Lửa

Để em đốt lửa ngày đêm,
Mới hay nhiệt lượng trong tim em nhiều,
Mới hay định nghĩa tình yêu.
Chỉ cần bốc cháy những điều nhớ nhung.

Cho tan ý nghĩa ngập ngừng,
Với bao tư tưởng lưng chừng quanh co,
Lửa lên, mộng nhỏ hóa to...
Rõ ràng chân lý ước mơ đạt thành.

Để em dâng cả nhiệt tình.
Hóa xong dấu vết đao binh, hận thù,
Chỉ còn lửa đẹp thiên thu.
Soi trang lịch sử xa xưa một thời.!

Rạch Bắp, 15-10-1978

Cao My Nhân

Đèn Đèn Cổ Mã

Ai đi Cổ Mã mà không nhớ?
Lối xuống cheo leo biển cát vàng,
Nước trắng ngàn năm buồn héo ruột!
Sóng đùa, nghe gió rít than van...

Đường vòng, mưa đổ, bước chênh vênh,
Đứng mãi, ưu tư nghĩ giận mình?
Rừng núi sâu dăng heo hút lại!
Ngày mai hòa mực nhuộm trời xanh...

Em về tóc xõa ướt đôi vai,
Mắt lệ rung rung đếm gót hài.
Còi thét, ga đời run rẩy khóc!
Tàu đi, luyến tiếc gửi cho ai?

Ngàn sau có dịp qua Cổ Mã,
Đừng khóc thương nhau ở chốn này,
Anh sợ thời gian phai kỷ niệm.
Và buồn héo ruột tựa hôm nay!..

Cổ Mã, hè 1958
Cao My Nhân

Lịch Sử

Đang Giao Việt Mỹ

-Đào Đức Chương-



Đào Đức Chương

Bút hiệu Việt Thao, tuổi Đinh Sửu

Nguyên quán : Vinh Thạnh, Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định.

Trước 30-4-1975: Giám Học Trường Trung Học Đệ Nhị cấp Đào Duy Từ (Bình Định).

Từ ngày 8- 7- 1993 định cư tại San Jose, Hoa Kỳ.

Giải nhì về thơ Hội Tết Giáp Tuất (1994) Bắc California do Liên Hội Người Việt Quốc Gia tổ chức.

Ban Biên tập: Tạp chí *Làng Văn* (Canada) từ năm 1994 đến nay, và Tạp chí *Tâm Giác* (Germany) từ năm 2005.

Nhóm thực hiện: *Đặc San Bình Định Bắc California* từ năm 2001, Tạp chí *Nguồn Sống* (1996- 1997).

Cộng tác: *Việt Nam Nhật Báo* (San Jose); các Tạp chí *Thế Kỷ 21* (Westminster), *Văn Học* (Garden Grove), *Tin Văn* (Texas), *Cỏ Thơm* (Virginia); Chuyên san *Dòng Sứ Việt* (Alameda); và các *Đặc San Cường Để – Nữ Trung Học, Quang Trung* (Houston); *Liên Trường, Lại Giang, Tây Sơn Bình Định* (Nam Cali).

Tác phẩm xuất bản (viết chung với Mộng Bình Sơn):

- *Nhà Văn Phê Bình* (1996)

- *Thi Ca Việt Nam Thời Cần Vương* (1997).

Lịch Sử

Bang Giao Việt Mỹ

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài đều tha thiết kết thân với Tây phương để mong sự trợ giúp về quân sự hòng tiêu diệt lẫn nhau.

Theo chính sử [1], ngày 13 tháng giêng năm Tân Tị (22-2-1641), niên hiệu Dương Hòa thứ 7, xứ Đàng Ngoài có hai bức quốc thư, một của vua Lê, một của Thái tử nhờ sứ thần Hòa Lan mang về cho viên Toàn quyền của họ ở Batavia (thủ đô Nam Dương). Viên Toàn quyền này đại diện cho chính phủ Hòa Lan, đủ thẩm quyền giải quyết mọi vấn đề ở Á Châu nên hai bức quốc thư ấy được coi như hai văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước ta đối với Tây phương.

Thế nhưng, việc tiếp xúc giữa Hoa Kỳ và nước ta đến thế kỷ 19 mới bắt đầu. Điều đó không lạ, vì đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ quốc mới ra đời, 13 tiểu bang thoát khỏi ách thống trị của nước Anh và đến ngày 30 tháng 4 năm 1789 mới có vị tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ tuyên thệ nhậm chức, đó là George Washington, người tiểu bang Virginia, đắc cử hai nhiệm kỳ từ 1789 đến 1797.

Đào Đức Chương

Vị Tổng Thống thứ năm của Hoa Kỳ, ông James Monroe cũng người tiểu bang Virginia, thuộc đảng Cộng Hòa, rất am tường về tình hình Châu Âu và thành thạo trong vấn đề ngoại giao. Ông làm tổng thống suốt hai nhiệm kỳ (1817- 1825), chọn John Quincy Adams (con trai của cựu Tổng thống John Adams) làm bộ trưởng ngoại giao.

Tổng thống Monroe và Bộ trưởng Ngoại giao Adams có chung một đường lối ngoại giao mạnh dạn, được gọi là Chủ nghĩa Monroe. Theo đó, Hoa Kỳ không để bất cứ cường quốc Âu Châu nào đặt thêm ách thuộc địa lên đại lục Mỹ Châu, cương quyết bảo vệ và duy trì nền độc lập của các nước mà Hoa Kỳ đã thừa nhận. Ngoài ra, thương thuyền của Hoa Kỳ tỏa đi các nước Á Châu để giao dịch buôn bán.

Năm 1819, tức năm Kỷ Mão, niên hiệu Gia Long thứ 18, hai chiếc thương thuyền của Hoa Kỳ do thuyền trưởng John White chỉ huy, cập bến cảng Sài Gòn để mua đường. Quan Tổng trấn Gia Định là Tả quân Lê Văn Duyệt tiếp đãi tử tế và dành mọi sự dễ dãi trong việc mua bán. Cuộc sơ ngộ ngắn ngủi nhưng lưu lại cảm tình giữa hai nước.

Đến đời Tổng thống thứ 7 của Hoa Kỳ, ông Andrew Jackson, cũng đắc cử hai nhiệm kỳ (1829-1837), lại mở ra một kỷ nguyên mới nữa. Đặc sứ Hoa kỳ Edmund Robert mang quốc thư đi các nước Á Châu nằm ven biển để thực hiện các hiệp ước thương mại.

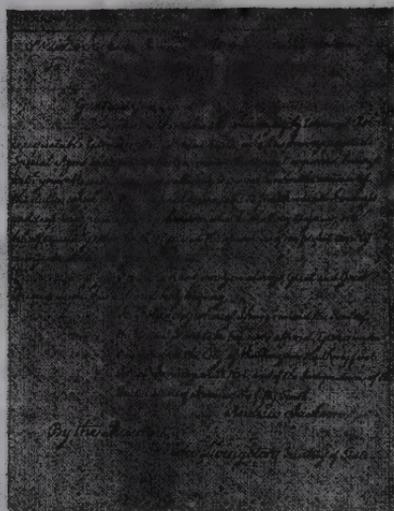
Theo *Việt Sử Tân Biên* của Phạm Văn Sơn, năm 1831, Minh Mạng thứ 12, Tổng Thống Jackson dự định đặt một đại diện tại nước ta, và ông Shilluber được cử làm lãnh sự. Nhưng vua Minh Mạng thì chỉ muốn người nước ngoài đến buôn bán rồi đi chứ không muốn có cơ sở ngoại giao chính thức của ngoại quốc trên nước mình nên đã tìm cách từ chối.

Năm 1832, tàu Peacock chở phái đoàn sứ giả Mỹ do ông Edmund Robert và Đại úy Georges Thompson cầm đầu, cập bến

Đào Đức Chương

Đà Nẵng, xin trình quốc thư với lời thỉnh cầu được ký kết một hiệp ước thương mại.

Nguyên văn bức quốc thư như sau:



Đây là bức thư ngoại-giao đầu tiên của Huế-kỳ đệ lên vua Việt-nam dưới triều Minh-mạng

(Bản khắc này do Văn-biên Nguyệt-san cho in)

Bức Quốc thư của Hoa Kỳ [2]

Andrew Jackson, President of the United States of America.

To Great and Good Friend,

This will be delivered to your Majesty by Edmund Robert, a respectable citizen of these United States, who has been appointed Special agent on the part of this Government to transact important business with your Majesty. I pray your Majesty to protect him in the exercise of the duties which are thus confided to him and to treat him with kindness and confidence, placing entire reliance on what he shall say to you in our behalf specially when he shall repeat the assurances of our perfect Amity and Goodwill towards your Majesty.

I pray God to have you always. Great and Good Friend, under his safe and holy keeping.

Đào Đức Chương

In Testimony where of, I have caused the Seal of the United States to be here into affixed. Give under my hand at, the City of Washington the thirty first day of January A. D. 1832, and of the Independance of the United States of America the fifty sixth.

Andrew Jackson

By the President

Edw. Livingston, Secretary of State.

Phạm Văn Sơn, *Quân sử*, quyển III, trang 52, dịch:

Andrew Jackson, Tổng Thống Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Kính gửi: Hoàng Đế Đại quý hữu.

Thư này sẽ do ông Edmund Robert, một thân sĩ Hoa Kỳ, đệ trình lên Hoàng Thượng, đã được chính phủ chúng tôi cử làm đặc sứ để thương nghị với Hoàng Thượng về vấn đề giao thương.

Trân trọng xin Hoàng Thượng che chở và đối đãi tử tế với đương sự trong khi thừa hành nhiệm vụ. Tôi tin cậy hoàn toàn những điều mà đương sự sẽ đệ đạt lên Hoàng Thượng, nhất là tình thân hữu hoàn toàn và tất cả thiện chí của chúng tôi đối với Hoàng thượng. Tôi cầu xin Thượng Đế luôn ở bên cạnh, che chở và gia hộ cho đại quý hữu.

Để chứng minh các điều nói trên, tôi cho kèm quốc ấn của Hợp Chúng Quốc trên văn kiện này lập với bốn ấn tại thành Hoa Thịnh Đốn ngày 31 tháng giêng năm 1832, là năm thứ 56 của nền độc lập Hợp Chúng Quốc.

Andrew Jackson

Phó thư

Edw. Livingston, Quốc Vụ khanh.

Bức quốc thư trên không ghi rõ danh hiệu của nhà vua và quốc hiệu nước ta, chứng tỏ chỉ là một bức thư chung chung do Tổng thống Hoa Kỳ lập sẵn để viên đặc sứ, ông Edmund, tùy nghi đệ trình với bất cứ nước nào ở Á châu mà ông ta có thể tiếp xúc được. Vì vậy vua Minh Mạng không thể chính thức tiếp nhận.

Đào Đức Chương

Ngài phê vào sơ tấu của quan đệ trình "Bất tất đầu đệ", nghĩa là không cần phải trình tâu.

Rồi vua Minh Mạng sai quan ở nhà Công Quán (đời Tự Đức gọi là toà Thương Bạc) báo cho phái đoàn Mỹ hay là nhà vua lấy làm tiếc vì quốc thư của Hoa Kỳ bất hợp lệ nên hiện tại không thể cứu xét để ký kết với phái đoàn văn kiện hiệp thương. Tuy nhiên, triều đình Đại Nam thấy không có gì trở ngại trong việc giao thương, miễn sao khi đến buôn bán, Hoa Kỳ phải tuân theo luật pháp của nước Nam. Nhà vua còn truyền cho các quan ở Công Quán phải tiếp phái đoàn Mỹ tử tế và chỉ định cho họ chỗ đậu tàu là vũng Trà Sơn ở Đà Nẵng. Sau đó tàu Peacock nhổ neo rời Việt Nam đi Xiêm (Thái Lan).



Chân dung Minh Mạng (1820- 1840),
vị vua Việt Nam đầu tiên nhận quốc thư của Mỹ
xin giao thương, và ngài phê vào sơ tấu.

Năm Bính Thân (1836), Minh Mạng thứ 17, cũng tàu Peacock, đặc sứ của Tổng thống Jackson vẫn là ông Edmund Robert, đến Việt Nam. Lần này, đoàn sứ giả có thêm ông Ruschenberg, bác sĩ Hải quân. Tàu nhổ neo tại cảng New York

Đào Đức Chương

ngày 23 tháng 4 năm 1835, lần lượt ghé các bến Rio de Janeiro (Ba Tây), Zanzibar (một đảo trên Ấn Độ dương), Mascate (Ả Rập), Bombay (Ấn Độ), Colombo (Tích Lan), Thái Lan, Batavia (Nam Dương), rồi đến vũng Đà Nẵng ngày 20 tháng 4 năm 1836, hy vọng ký một hiệp ước thương mại như họ đã thực hiện ở Nhật.

Tuần phủ Nam Ngãi tâu lên vua Minh Mạng: "*Tàu của sứ thần nước Ma Ly Căn (America) đã đến vụng Trà Sơn, muốn trình quốc thư cầu thông và xin được chiêm cận bệ hạ*".

Vua Minh Mạng hỏi ý kiến đình thần thì Hoàng Quýnh, lúc ấy là quan Thị Lang Nội các, tâu: "*Người xưa đóng cửa Tây Vực để ngăn rợ Nhung. Nay ta cũng nên cự tuyệt các nước Tây phương, không nên chứa chấp dung nạp họ để tránh mối lo về sau*".

Quan Thị lang bộ Hộ là Đào Trí Phú, tức Cử nhân Đào Trí Kính, tuy vẫn dè dặt nhưng thức thời hơn, tâu: "*Người ngoại quốc đến nước ta cầu thân, thật hay đối ta chưa rõ. Vậy cứ cho họ đến Kinh ở tại nhà Công Quán, cho người giao tiếp dò xét. Nếu họ thật lòng đến để giao thương, đem lại lợi ích cho cả đôi bên, thì ta đón nhận. Bằng như có ẩn ý đen tối, ta sẽ tìm cách khéo mà thoái thác. Như thế, dù được hay không, ta cũng không làm méch lòng và gây thù hằn với nước họ*".

Minh Mạng là người cả quyết, lại tế nhị, bèn phán: "*Nước Ma Ly Căn ở cách xa ta 40.000 dặm trùng dương, trong vòng 4 năm họ lặn lội tới đây hai lần để cầu thân, tức là mến uy đức của triều đình ta. Lần trước ta không xét quốc thư là phải, nhưng lần này nếu cự tuyệt nữa, e lại mang tiếng với các nước là ta hẹp lượng lắm sao!*"

Rồi vua sai Đào Trí Phú và Lại bộ Thị lang Lê Bá Tú hội với các quan ở Công Quán đến gặp Sứ bộ Mỹ. Lúc phái đoàn ta đến thăm viếng và úy lạo, ông Edmund Robert, trưởng phái đoàn, không ra tiếp, chỉ cho người ra cảm tạ. Rồi liền sau đó, tàu Peacock vội vã rời Việt Nam trước sự ngỡ ngàng của phái đoàn ta.

Đào Đức Chương

Đào Trí Phú tâu lên vua: "Họ nay ở mai đi, không nhất định cũng không báo trước, thật không rõ lẽ nghĩa thế nào!"

Vua Minh Mạng vốn thông minh, hiểu ngay có sự bất trắc ngoài ý muốn của phái bộ Mỹ, nhà vua tỏ ra khoan dung, phán rằng: "Họ đến, ta không bỏ, đi, ta không theo, còn như lẽ nghĩa của Trung Hoa, họ là người ở nước xa làm sao thấu hiểu được, ta chấp nhất làm chi!"

Đúng vậy, một biến cố bất ngờ đã xảy ra cho phái đoàn Mỹ. Ông Edmund Robert, trưởng đoàn, bị nhuốm bệnh từ lúc ghé Thái Lan, khi đến Việt Nam, bệnh bạo phát. Lúc phái đoàn ta đến thăm, ông đã bệnh nặng không dậy được, nhưng vì thông ngôn kém cỏi nên phía ta không rõ lý do, rồi tàu Peacock phải vội đi Ma Cao để cấp cứu. Ngày 12 tháng 6 năm 1836, tàu cập bến Ma Cao thì ông Robert đã chết vì bạo bệnh.

Sau lần gặp gỡ ấy, cuộc giao tiếp giữa nước ta và Mỹ quốc bị lãng quên gần suốt bốn thập niên (1836-1873). Thời ấy nước ta có nhiều biến cố quan trọng phải đối phó, đất nước mỗi ngày một mất dần vào tay người Pháp.

Ngày 15 tháng 4 năm 1847 tức năm Đinh Mùi, Thiệu Trị thứ 7, Tư lệnh hạm đội Pháp ở biển Trung Hoa là Đại tá Hải quân Lapierre đã ra lệnh cho hai chiến hạm La Gloire và La Victorieuse nã những phát đại bác đầu tiên vào lãnh thổ Việt Nam tại cửa biển Đà Nẵng. Quân ta chống trả anh dũng nhưng chỉ sau 2 giờ tác chiến, hàng trăm thuyền bè của ta chỉ còn là những mảnh gỗ trôi nổi.

Ngày 1 tháng 9 năm 1858 tức năm Mậu Ngọ, Tự Đức thứ 11, liên quân Pháp và Tây Ban Nha họp nhau gồm 16 chiến hạm và 2350 binh sĩ do Phó Đề đốc Rigault de Genouilly (Pháp) và Đại tá Lanzarotte (Tây Ban Nha) chỉ huy, đánh chiếm bán đảo Sơn Trà ở Đà Nẵng.

Từ ngày 10 đến 16 tháng 2 năm 1859, liên quân Pháp - Tây dưới quyền chỉ huy của Đề đốc Rigault de Genouilly (mới

Đào Đức Chương

thăng cấp) tấn công Vũng Tàu và cửa Cần Giờ, tiêu diệt các chốt phòng thủ rồi tiến vào sông Lòng Tàu đến Nhà Bè. Sáng sớm ngày 17, đánh chiếm thành Gia Định, quân ta chống cự kịch liệt nhưng cũng chỉ cầm cự được đến trưa thì thành vỡ.

Ngày 12 tháng 4 năm 1861, tỉnh thành Định Tường (Mỹ Tho) thất thủ.

Ngày 9 tháng 12 năm 1861, liên quân đánh chiếm đảo Côn Lôn.

Ngày 16 tháng 12 năm 1861, tỉnh thành Biên Hoà thất thủ.

Ngày 5 tháng 6 năm 1862, triều đình ta bị áp lực của Pháp, phải ký Hoà ước Nhâm Tuất, gồm 12 điều khoản, trong đó nhường đất cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Gia Định, Định Tường, Biên Hoà và Côn đảo.

Tháng 6 năm 1867, Phó Đề đốc De la Grandière hành quân tiến chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ mà không tốn một giọt máu. Ngày 20, tàu chiến Pháp kéo đến tỉnh thành Vĩnh Long, ép buộc quan Kinh lược Đại thần Phan Thanh Giản phải giao nộp thành. Ngày 22, tỉnh thành An Giang (tại Châu Đốc) và ngày 24 tỉnh thành Hà Tiên cũng lần lượt rơi vào tay giặc.

Ngày 25 tháng 6 năm 1867, De la Grandière tuyên bố: Toàn bộ sáu tỉnh Nam Kỳ là lãnh địa của Pháp.

Trước tình thế đen tối của đất nước, ông Bùi Viện (1839-1878) hiệu là Mạnh Dực, người làng Trình Phố, tổng An Hội, huyện Trực Định, sau đổi là phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đậu Cử nhân khoa Mậu Thìn (1868) năm Tự Đức thứ 21; đã cùng các ông Hoàng Phan Thái (1819-1865), Bạch Đông Ôn (1811-?), Nguyễn Tư Giản (1823-1890), Đặng Đức Thuận, Đinh Văn Điền, Nguyễn Trường Tộ (1828-1871).... chủ trương canh tân xứ sở. Người đời gọi chung những người cấp tiến này là Tân đảng. Với lòng yêu nước nhiệt thành, tư tưởng tiến bộ, quan điểm thức thời, họ thường dâng lên vua Tự Đức những bản điều trần đề nghị cải cách nhiều mặt về chính trị, quân sự, ngoại giao, giáo dục, kinh

tế... để đất nước phú cường và theo kịp đà tiến bộ của thế giới hầu mong thoát khỏi ách đô hộ của người Pháp.

Theo nhóm cấp tiến, chính sách ngoại giao cần phải thay đổi toàn diện. Cần giao thiệp đồng đều với nhiều nước Tây phương, lập toà đại sứ và lãnh sự để họ vì quyền lợi mà canh chừng nhau.

Đó là nội dung những bản điều trần như *Giao thông sự nghị bẩm minh* đệ ngày 19 tháng 2 năm Mậu Thìn (12- 3- 1868) của Nguyễn Trường Tộ, nói về sự ích lợi của bang giao. Bản điều trần mật của Đinh Văn Điền dâng lên vua Tự Đức vào tháng 11 năm 1868 đề nghị lập ty Bình Chuẩn ở nhiều nước để lưu thông hàng hoá, đặc biệt là liên lạc mật thiết với nước Anh để nhờ họ giúp đỡ chống Pháp hoặc ít ra cũng hạn chế hành động xâm lăng của Pháp. Quan điểm này giống như bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ dâng vua Tự Đức vào tháng 11 năm 1870. Bùi Viện cũng dâng bản điều trần về chính sách ngoại thương, phải giao thương đồng đều với các cường quốc thì tất nhiên Pháp không còn thế độc quyền tại Việt Nam nữa.

Chính vua Tự Đức cũng thấy nếu không kịp thời cải cách thì đất nước sẽ lâm nguy. Mặc dù biết vậy nhưng vua khó mà thực hiện việc canh tân vì trong triều còn nhiều người thủ cựu, không muốn thay đổi. Hơn nữa, bản chất của bà Thái hậu Từ Dũ là muốn cầu hoà cho yên thân. Còn vua Tự Đức thì rất có hiếu, mọi việc lớn nhỏ trong triều đều tâu cho mẹ rõ và làm theo lời mẹ dạy.

Khoa thi Tiến sĩ năm Mậu Thìn (1868), Tự Đức thứ 21, nhà vua đã phê vào bài văn sách của Vũ Duy Tuân, vì họ Vũ đứng đầu trong hàng sĩ tử luận theo quan điểm phải dùng thế công để bảo vệ đất nước, rằng: "Kim nhật thính chiến, minh nhật thính chiến; chiến nhi bất thắng, trí ngô gia mẫu tử vu hà địa?" (Nay đòi đánh, mai đòi đánh; đánh mà không thắng thì gia đình mẹ con ta còn biết ở chỗ nào? – Việt Thao dịch)

Đào Đức Chương

Đừng nói chi đến việc chủ chiến, ngay cả chuyện canh tân xứ sở cũng bị bác bỏ, hoặc nếu có thực hiện cũng chỉ hạn chế và chậm chạp. Đường lối vận động ngoại giao để cứu nguy cho đất nước quan trọng là thế mà vua Tự Đức cũng chỉ giao đơn độc cho Bùi Viện (1841- 1878) toàn quyền lo liệu. Ông được cấp cho một con thuyền gỗ, một số vàng bạc và tặng phẩm cùng vài người tùy tùng, vượt biển muốn đến nước nào tùy ý.

Một ngày trong tháng 7 năm Quý Dậu (1873) Tự Đức thứ 26, Bùi Viện vào bái mạng vua để lên đường. Trước sứ mạng vô cùng quan trọng của sứ giả họ Bùi, nhà vua căn dặn: "*Không nên sơ suất lời nói để người ngoài biết cái thực trạng kém cỏi của mình, không nên quá tiết kiệm về tiền bạc để hại đến quốc thể!*" [3]

Bữa tiệc tiễn đưa Bùi Viện, có các quan đại thần, có các bạn cùng chí hướng như Lại bộ Thượng thư Nguyễn Tư Giản, Hộ bộ Thượng thư Phạm Trúc Đường, Nội các Tham biện Bùi Dị (1832- ?)..., mỗi người tặng một bài thơ. Cảm kích vì tình bạn rồi lại nghĩ đến cuộc viễn hành vô định trước trọng trách đối với nước với vua, Bùi Viện từ biệt triều đình qua bài thơ khẩu chiếm trên bàn tiệc:

*Quý phụ minh triều sĩ
Phiên tông hải quốc du
Binh sơn hồng nhật cận
Côi linh bạch vân phù
Thân thế cương thường trọng
Thê hàng bạt thiệp du
Hoàng linh phong lãng thiệp
Thu thủy nhất hành chu [4].*

Việt Thao dịch:

*Luống then cùng hiền sĩ
Quay mình qua biển khơi
Vùng hồng gần núi Bình*

Đào Đức Chương

Mây trắng nổi non Côi

Thân thế cương thường trọng

Trùng dương sóng gió dồi

Ơn thiêng trời bể lặng

Thu thủy chiếc thuyền trôi.

Sau mười ngày lên đên trên mặt biển, Bùi Viện cho thuyền cập bến Hương Cảng. Vùng đất này dưới triều nhà Thanh là một đảo hoang cằn cỗi, từ năm 1842 về tay người Anh và đến lúc ấy (1873) chỉ mới 30 năm mà đã trở thành một hòn ngọc ở viễn đông. Hương Cảng là bài học thiết thực việc canh tân xứ sở theo khoa học Tây phương.

Bùi Viện quyết định ở lại Hương Cảng để nghiên cứu tình hình thế giới rồi xúc tiến việc vận động ngoại giao. Nhờ sự môi giới của các nhân sĩ ở Hương Cảng và Quảng Đông, ông tìm cách làm quen với viên Lãnh sự Hoa Kỳ ở Hương Cảng. Viên Lãnh sự này có mẹ là người Trung Hoa và đã từng sống nhiều năm ở quê mẹ nên rất thạo tiếng Tàu. Bùi Viện cũng tạm nói được tiếng Tàu, nếu khó khăn lắm thì bút đàm nên họ đã hiểu nhau và trở nên thân thiết. Viên Lãnh sự càng ngày càng cảm mến lòng yêu nước thiết tha của Bùi Viện nên đã viết thư giới thiệu Bùi Viện với người bạn chí thân đang làm việc bên cạnh Tổng thống Hoa Kỳ, nhờ ông ta vận động cho người bạn Việt Nam được yết kiến Tổng thống Ulysses Grant để cầu viện.

Từ già viên Lãnh sự Mỹ, Bùi Viện đáp tàu thủy từ bến Hương Cảng sang Hoàn Tân (Nhật), vượt trùng dương tới Nữ Ước rồi đến Hoa Thịnh Đốn, thủ đô Hoa Kỳ, để gặp người bạn của ông Lãnh sự. Sau gần một năm kiên nhẫn vận động, Bùi Viện đã được Tổng thống Ulysses Grant tiếp kiến. Ông tường trình lên Tổng thống Mỹ về tình trạng Việt Nam đang bị Pháp thôn tính, yêu cầu Hoa Kỳ giúp đỡ giành lại chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Đào Đức Chương

Tổng Thống Grant vốn sẵn mâu thuẫn với Pháp về vấn đề thuộc địa. Trong thời gian Hoa Kỳ có nội chiến (1861-1865), chính Hoàng đế Nã Phá Luân III đã tích cực ủng hộ phe Liên Minh ở miền Nam chống lại phe Liên Bang ở miền Bắc của tướng Grant. Năm 1862, quân đội viễn chinh Pháp đổ bộ lên Mễ Tây Cơ, một quốc gia độc lập từ năm 1823 được Hoa Kỳ công nhận, chiếm đóng nước này với ý định tạo một biên giới chung với phe Liên Minh để có thể viện trợ cho nhau hữu hiệu hơn. Nhưng phe miền Nam vẫn thất bại và cuộc chiến kết thúc. Hoa Kỳ dựa vào chủ thuyết Monroe, yêu cầu chính phủ Pháp phải triệt thoái quân đội ra khỏi Mễ. Nã Phá Luân đành phải chấp thuận.

Giờ đây người anh hùng của cuộc nội chiến, Tướng Grant, đã trở thành vị Tổng Thống thứ 18 của Hoa Kỳ, đắc cử cả hai nhiệm kỳ (1869-1877) và đảng Cộng Hoà đang chiếm ưu thế tại lưỡng viện. Xã hội Hoa Kỳ đã tạm ổn định thời kỳ hậu chiến, muốn nhân cơ hội này bành trướng ảnh hưởng ở vùng Viễn Đông để cạnh tranh với các nước Châu Âu và để trả đũa Pháp tại Việt Nam. Nhờ thế, lời yêu cầu giúp đỡ Việt Nam của Bùi Viện được Tổng thống Grant chấp thuận ngay, nhưng vì không có quốc thư nên ông chưa thể bàn cụ thể đến việc thực hiện.

Bùi Viện lòng mừng khắp khởi, cáo biệt người bạn Mỹ mới quen, vội vã rời Hoa Thịnh Đốn bằng tàu thủy trở lại Hương Cảng rồi thuê thuyền buồm về cửa Thuận An. Tới kinh đô, ông liền đem sự việc trọng đại này trình bày trước triều đình.

Triều đình ta bấy giờ có hai phe: chủ hoà và chủ chiến. Đứng đầu phe chủ hoà là Trần Tiễn Thành (1813- 1883). Phe này cho rằng nước ta gặp lúc suy là do "khí vận" xui nên, dù cho cố gắng vượt thoát cũng chẳng được nào. Phe chủ chiến kịch liệt đả kích luận điệu cầu an, chủ bại ấy qua bài *Trùng họa Đồng Hiên hoà Hộ bộ nguyên vận* (Lại họa thơ ông Đồng Hiên và ông bộ

Đào Đức Chương

Hộ) của Trần Văn Gia (1836- 1892), trong thi tập *Gián Viện Xương Thù*:

*Mưu ngô quốc thổ cưỡng ngô hoà,
Đắc thủ xâm xâm hựu cố tha.
Quốc thị cầu đồ vi "khí vận"
Thiên thư vị tất hạn sơn hà.
Quyên sinh hữu nghĩa hề lô tửu
Cộng tế vô nhân mạc độc ca.
Bất kiến Tống đình trung khí hiệp,
Khiết Đan tuy kiệt mạc thù hà.*

Việt Thao dịch:

*Cướp đất ta rồi lại đổi hoà,
Chiếm xong lại muốn lấn dần ra.
Đặt điều "khí vận" an bài số,
Chẳng kể sách trời định nước ta.
Vì nghĩa quên mình đâu thiết rượu
Không người chí hướng chớ nên ca.
Tống triều ai nấy cùng chung sức
Quân Khiết dù hăng mấy cũng tà.*

Nhưng phe chủ chiến vẫn lép vế vì Tôn Thất Thuyết (1835- 1913) lúc ấy còn là một võ quan đang ở Bắc, chưa được dự vào việc triều chính. Hơn nữa, triều đình nhà Nguyễn lâu nay chỉ chuộng văn, ít người hiểu biết về tình hình thế giới và chính sách ngoại giao của từng nước, lại gặp phải kinh nghiệm đắng cay trong cuộc bang giao với Pháp, nên tuy Nguyễn Xuân Ôn (1825- 1889) đứng về phe chủ chiến mà qua loạt bài *Thuật hoà* cũng nói lên bài học ngoại giao đầy xương máu ấy:

*Bích khả họa long cùng nhĩ xảo,
Tĩnh tương thoát hổ ký thù lân.
Si tâm dục đắc Dương nhân thuật,
Bất liệu Dương nhân thị địch nhân.*

(*Thuật Hoà*, bài 4, đoạn cuối)

Nguyễn Văn Bách dịch:

Đào Đức Chương

Rồng nọ vẽ tường dù tuyệt khéo

Hùm kia sa cạm đợi ai lên.

Ngây thơ tưởng được người Tây dạy,

Đâu biết người Tây dạy bạc đen.

Với thành kiến ấy, quan lại triều đình ta chủ trương đừng ham chuộng canh tân cải cách, phải tránh mọi sự bang giao để khỏi hối tiếc việc rước họa vào thân. Nguyễn Xuân Ôn lý luận rằng:

Đại huyện trí tãng bi Giả Nghị

Trung nguyên bị phát quý Di Ngô.

Trần, Lê tự cổ hưng bình quốc,

Tằng hướng Dương nhân học kỹ châu?

(Thuật Hoài, bài 1, đoạn cuối)

Nguyễn Đức Vân, Hà Văn Đại dịch:

Đại huyện khuất mình buồn Giả Nghị,

Trung Nguyên hóa mọi thẹn Di Ngô.

Trần, Lê từ trước đời hưng thịnh

Kỹ thuật nào ai học Pháp châu?

Vì lẽ “đạp phải vỏ dưa, thấy vỏ dưa cũng sợ”, với ấn tượng ấy, họ không thể nào tin được những lời tường trình của Bùi Viện về sự hứa giúp đỡ của chính phủ Mỹ. Nhóm đình thần thủ cựu nhất mực cho rằng Bùi Viện đã đặt điều lừa dối vua, hoặc dẫu có thật chẳng nữa cũng không nên mạo hiểm. Ngoài ra còn một số người khác ganh ghét thấy vai trò quá lớn của Bùi Viện nên cũng hòa theo bài bác. Nhưng trước tình thế rất cấp bách, vua Tự Đức không còn cách nào hơn, đành phải ban chức Khâm sai Đại thần, lập quốc thư và cử sứ bộ, giao cho Bùi Viện cầm đầu với tư cách là Đặc sứ Toàn quyền.



Chân dung Tự Đức (1848- 1883),
vị vua Việt Nam đầu tiên gửi quốc thư
cho Tổng Thống thứ 18 của Hoa Kỳ (Ulysses Grant)
vào năm 1873, yêu cầu viện trợ chống Pháp.

Nắm được quốc thư trong tay, Bùi Viện mừng rỡ quên cả sự gian lao trong cuộc viễn hành sắp tới. Nhưng thật không may, tình hình thế giới lúc ấy biến chuyển bất lợi cho Việt Nam. Hoa Kỳ đã thay đổi chính sách vì Pháp khôn khéo, biết nhượng bộ Hoa Kỳ nhiều quyền lợi về thuộc địa. Phần thấy Pháp đã ổn định ở các nước Đông Dương, phần vì đường sá xa xôi, Hoa Kỳ ngại phiêu lưu nên lần này tuy Tổng thống Grant vẫn tiếp kiến sứ bộ ta nhưng nêu đủ lý do để từ chối viện trợ cho Việt Nam chống Pháp.

Bùi Viện tay không trở về tổ quốc. Khi tàu thủy cập bến Hoàn Tân thì trời đã cuối thu, khác với hai mùa thu trước tràn đầy hy vọng, lần này Bùi Viện lòng buồn vô hạn. Trong khi thơ thẩn ở công viên Hoàn Tân, Bùi Viện tình cờ gặp lại viên Lãnh sự Mỹ ở Hương Cảng. Hai người vào một khách sạn hàn huyên. Viên Lãnh sự cố lưu Bùi Viện ở lại Nhật để tìm phương giúp đỡ

Đào Đức Chương

Việt Nam nhưng ông phải vội vã trở về để trình tâu lên vua, không dám bê trễ.

Trước khi từ giã, Bùi Viện trao bài *Tặng biệt* cho viên Lãnh sự:

*Ly chúc Hoàn Tân cứu nguyệt thu
Nam vân hồi thủ chính du du!
Ba đào mộng tỉnh sinh tân hứng
Thủy thổ hoài thâm ức cữu du
Ca vũ tầng đài Kim Hải Quốc
Phồn hoa nhân vật cổ Bồng Châu
Vi hoan tự tích hoàn vi biệt
Tiên lữ hà niên cộng phẩm chu.*

Lam Giang dịch:

*Cuộc vui chuốc chén Hoàn Tân
Mây Nam ngoảnh lại tần ngần xót xa.
Mộng hồn tỉnh giấc phong ba
Cuộc vui còn nhớ tiệc hoa năm nào.
Đài Kim ca vũ xôn xao
Phồn hoa nhân vật khác nào Bồng Châu.
Vui rồi ly biệt càng đau
Bạn tiên ước thưở cùng nhau dạo thuyền.*

Viên Lãnh sự Mỹ họa lại:

*Hoành kiều liễu sắc tiệp ly thu
Ốc thủ phân trình vạn lý du
Cựu ước Hoa thành ưng viễn phóng
Kỳ phùng Tiên đảo cánh huê du.
Nguyệt lương khách ý phi tam nhật,
Hồ hải quân tâm hữu tứ châu.
Liệu tưởng minh triều tương biệt xứ
Trùng dương vân thủy các cô chu.*

Lam Giang dịch:

*Cầu Hoàn sắc liễu buồn thu
Cầm tay chia biệt viễn du ngàn trùng.*

Đào Đức Chương

Thành hoa ước cũ tương phùng,
Đảo Tiên đạo bước ta cùng nắm tay.
Sáng trăng ý khách ba ngày
Lòng nào hồ hải xa bay bốn trời.
Mai này thương nhớ chơi vơi,
Giông thuyền đôi ngả ra khơi một mình [5].

Cả hai bài xướng, họa đều chân thành bày tỏ tấm lòng tương tri, lời lẽ thấm thiết giữa đôi bạn tâm giao Việt Mỹ, đồng nói lên được ý chính của sứ mệnh chính trị.

Về đến Cửa Hàn (Đà Nẵng), khi lên đất liền, Bùi Viện mới hay tin mẹ mất. Quá đau xót cho tình nhà nổi nước, ông làm bài *Văn tế mẹ* rất thống thiết, có đoạn:

"Ngày xuất cáo chưa kịp lời thưa nói, những là tưởng dưới nhà trên nước, khắc xương chép dạ, biết đâu mà gửi lại can tràng;
"Bước viễn du không kịp tính gần xa, những là toan lấy hiếu làm trung, nhắm mắt đưa chân, phần nào có tưởng đâu vui tẻ.
"Lìa nhà lìa cửa, chiếc gánh quan san;
"Một nước một trời, mảnh buồm thu thủy.
"Phần e đường sá còn xa;
"Phần sợ bóng dâu đã xế..." [6]

Bùi Viện vội vã ra Huế tâu vua cả hai việc không may. Lại một lần nữa, ông bị phe chủ hoà chỉ trích. Nhưng Tự Đức thấu hiểu tấm lòng yêu nước nhiệt thành và nỗi khó khăn về ngoại giao nên khi ông xin về thọ tang mẹ, vua phê: "Trẫm ư tử, vị hữu thân ân nghĩa, tử nãi dĩ quốc an, nãi bảo gia an, thâm đồ viễn lự, quỷ thần đương diệc giám chi." (Trẫm đối với người chưa có ân nghĩa gì, mà người đã coi việc nước như việc nhà, không quản xa xôi lo lắng, quỷ thần tất cũng biết vậy – Phan Trần Chúc dịch).

Trước tình thế khẩn trương, đất nước đang cần những con người thức thời và quả cảm như Bùi Viện, nên đáng lẽ được ở nhà để cư tang ba năm thì chỉ mới ba tháng ông đã có thánh chỉ

Đào Đức Chương

triệu vào kinh giữ chức Thương chánh Tham biện, sau chuyển lãnh Chánh Quản đốc nha Tuần tảo, một chức tương tự như Tổng trưởng bộ Hải quan kiêm Hàng hải và Thương mại.

Việc tiếp xúc giữa nước ta và Hoa Kỳ lại một lần nữa tạm dừng. Sau đó chẳng bao lâu, vị cha đẻ của nền bang giao Việt Mỹ đột ngột qua đời. Ngày 1 tháng 11 năm Mậu Dần (1878), Bùi Viện mất, hưởng dương 37 tuổi, để lại một sự nghiệp dang dở và bao nỗi thương tiếc của bạn đồng song, đồng liêu, đồng chí qua nhiều câu đối điếu.

Bùi Viện là một nhà nho, một lý thuyết gia cấp tiến, một nhà quân sự tài ba (chỉnh đốn hải quân). Nhưng trên hết, ông là nhà ngoại giao lỗi lạc, quả cảm với nhiều sáng kiến.

Trong lịch sử bang giao Việt Mỹ có hai cột mốc lớn: Về phía Mỹ, năm 1832 có Edmund Robert, Đặc sứ của Tổng thống Andrew Jackson, đến Việt Nam dâng quốc thư lên vua Minh Mạng. Về phía Việt Nam, năm 1873 có Bùi Viện, Đặc sứ Toàn quyền của vua Tự Đức. Ông là người Việt Nam đầu tiên công du Hoa Kỳ, được Tổng thống Ulysses Grant tiếp hai lần tại thủ đô, có dâng quốc thư và bàn việc viện trợ.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Tân Biên*, quyển III (Sài Gòn, tác giả xuất bản, 1959), trang 133- 135.

[2] Bức quốc thư của Andrew Jackson, Tổng Thống thứ 7 của Hoa Kỳ (1829- 1837), do đặc sứ Edmund Robert đệ trình lên

Đào Đức Chương

vua Minh Mạng năm 1832. Sao chụp từ *Việt sử tân biên*, quyển 4 của Phạm Văn Sơn.

[3,4,6] Phan Trần Chúc, *Bùi Viện Với Chính Phủ Mỹ* (Paris, nxb Đông Nam Á, 1985), trang 44, 43, 69.

[5] Tài liệu của Lam Giang Nguyễn Quang Trứ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bảo Vân (sưu tầm và biên soạn lại); *Bùi Viện Một Nhà Nho Sáng Suốt - Lỗi Lạc - Phi Thường*; Toronto Ontario (Canada), nxb Quê Hương, 1988.

- Franck L. Schoell; *Lịch Sử Hoa Kỳ*; Glendale (CA), nxb Đại Nam, không đề năm.

- Nguyễn Văn Huyền chủ biên; *Văn Học Yêu Nước Và Cách Mạng Hà Nam Ninh*, tập 1; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1981.

- Phạm Văn Sơn; *Quân Dân Việt Nam Chống Tây Xâm (1847- 1945)*, quân sử III; Sài Gòn, Bộ Tổng Tham Mưu xuất bản và phổ biến, 1971; Glendale (CA), Cơ sở Đại Nam tái bản, 1983.

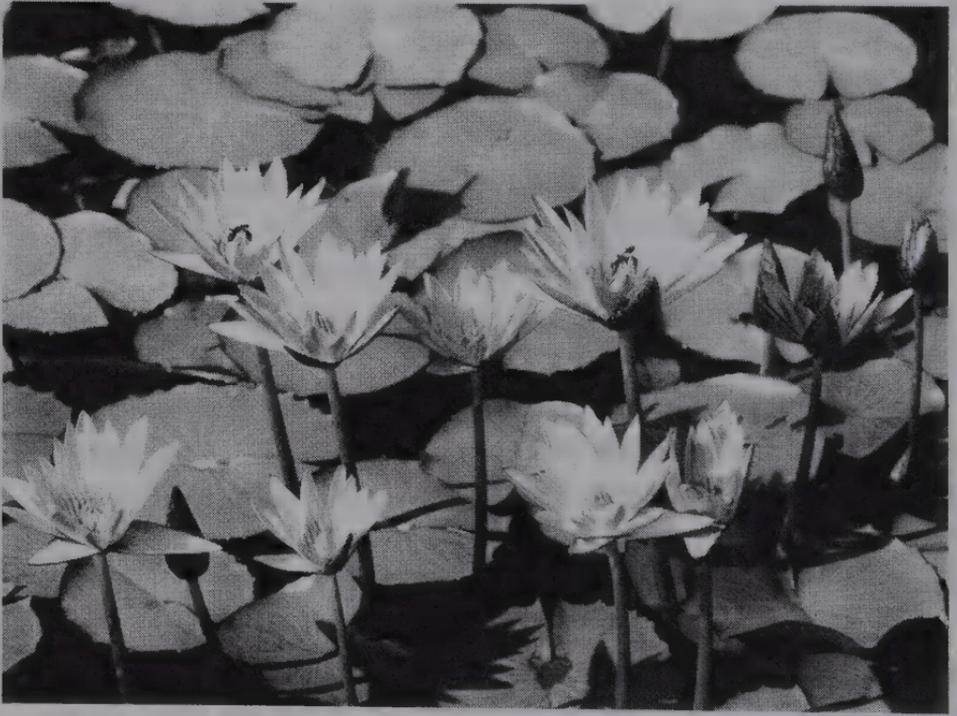
- Phạm Văn Sơn; *Việt Sử Tân Biên*, quyển III và IV; Sài Gòn, tác giả xuất bản, 1959 và 1961.

- Phan Trần Chúc; *Bùi Viện Với Chính Phủ Mỹ*; Paris, nxb Đông Nam Á, 1985.

- *Thơ Văn Nguyễn Xuân Ôn*, in lần thứ 2; Hà Nội, nxb Văn Học, 1977.

- Trần Trọng Kim; *Việt Nam Sử Lược*, in lần thứ bảy; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964.

- Trương Bá Cẩn; *Nguyễn Tường Tộ Con Người Và Di Thảo*; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1988.



Thơ

Du Sơn Lãng Tử

Du Sơn Lãng Tử



Du Sơn Lãng Tử

Tên thật: Du Sơn

Sinh năm Nhâm Thìn tại Nha-Trang, tỉnh Khánh Hòa
Định cư tại Hoa Kỳ năm 1980, hiện cư ngụ tại vùng bắc Cali.

Cựu học sinh các trường : Bá Ninh (Nha-Trang)

Trường Thượng Hiền, Văn Học, Đại Học Khoa Học, Đại Học
Vạn Hạnh (Sàigòn).

Thành viên của Văn Bút VN Hải Ngoại TT Tây Bắc Hoa Kỳ, TB
Báo chí.

Hội viên của Thi Đàn Lạc Việt

Ban Biên Tập của Tạp Chí Nguồn, Giám đốc trị sự.

Đã và đang cộng tác với Thời báo; Tuyển tập Văn Học Thời Nay.

Thơ đăng chung nhiều tác giả :

* Thi Văn Viễn Xứ 2

* Tuyển Tập Thơ Lạc Việt

* Hương Mùa Cũ

* 50 Năm Thơ & Người Thơ

* Bút Hoa 4

Và có một số thơ đăng trên web.

Đẹp Muôn Vàn

Bài Xướng của Lê Khanhí

(Kính tặng Thượng tọa Thích Thiện Minh)

Nâu sông chưa thể lánh trần gian,
Bởi nợ sơn-hà nặng gánh mang.
Chuông mõ khôn ngăn phường độc ác,
Kệ kinh khó đuổi lũ hung tàn.
Lao lung vẫn giữ tâm cao quý,
Uy vũ luôn gìn tính khí ngang.
Hai sáu năm trời bao thống khổ !
Lòng son sư phụ đẹp muôn vàn.

Lê Khanh

Vững Niềm Tin

Bài Họa của Du Sơn Lãng Tử

Trần thế đa đoan, lấm dối gian,
Cứu người độ mạng, Pháp cứu mang.
Lời kinh khó dạy loài lang sói,
Tiếng mõ khôn ngăn lũ bạo tàn.
Đánh đập hành hung, đâu khuất phục,
Giám cầm tra tấn, vẫn hiên ngang.
Lao tù hai sáu năm cay đắng,
Tải đạo niềm tin đẹp ngút ngàn. (*)

(*) xin đổi một vắn

Du Sơn Lãng Tử

Lãng Động

Duyên số còn, đi đâu cũng gặp
Cổ đại kia ai đắp mà tươi
Kiếp phần không phải do người
Nhưng ta cứ nở nụ cười trên môi
Trời định sẵn luân hồi khó tránh
Mong tương lai tỏa ánh hào quang
Chút lòng thành-mộng gác ngang
Vẫn trông chờ gió thu sang đổi thời
Hận Đê-Bàn khôn với luyện tiếc
Dạ bồi hồi tha thiết chờ mong
Trở cờ vàng sáng phương Đông
Ra đi không hẹn bến sông đợi người
Thời mạt vận, đười ươi về phố
Nửa đời thừa khôn khó mặc thay
Văn hay thơ đẹp còn đây
Chữ nghiêng chữ ngã dành ai bay giờ
Bỏ quê hương, như tờ giấy trắng
Đâu còn gì mưa nắng ngày xanh
Cái thời trai trẻ hùng anh
Bao nhiêu sự nghiệp cũng đành rời xa
Cảnh làng xưa thiết tha nhưng nhớ
Bụi chuối già bỏ chợ ai mua !
Xin đừng vì lợi hơn thua
Như lời ru trẻ ấu ưa ví dầu
Ngày ra đi chân cầu còn ấm
Trời cũng đau lấm tẩm mưa rơi
Lòng sầu dạ nát tả tơi
Nhớ quê nhớ nước buồn lơ lả buồn.

Du Sơn Lãng Tử

Phạc Hồn Vong Quốc

Bài Xướng của Kiều Nguyên

Thồn thức đêm dài nguyệt nhả sương,
Nỉ non điệu đế hận khôn lường.
Đông về trời dậy hồn vong quốc,
Xuân đến buồn tênh nhớ cố hương.
Kẻ thảng thối thường khênh khảnh mặt,
Người thua tuyệt đối mộ bi thương.
Non sông ướm hỏi ai tri kỷ?
Gói trọn dùm tôi nỗi đoạn trường.

Kiều Nguyên

Bài Họa của Du Sơn lãng Tử

Nguyệt mờ ray rút bởi mù sương,
Đế tử tê rên, hận khó lường.
Hải ngoại Đông tàn, thương cố quốc,
Xứ người Xuân chớm, nhớ quê hương.
Thảng nhờ tráo trở, cười hê hả !
Bại bởi thiếu cờ, khóc thảm thương.
Ném mặt nằm gai, đời khó nuốt !
Nhạc hồn vong quốc...lạnh canh trường.

Du Sơn Lãng Tử

Khóc Biệt Tướng Lạ Quang Trường

Bài Xướng của Trường Giang

Ánh sáng sao băng chợt rụng rơi,
Tướng Ngô Quang Trường đã về trời.
Đau lòng uất ức, nhà tan nát,
Xót dạ nghẹn ngào, nước tả trôi.
Khiến tướng nghiêm minh, tài vạn nẻo,
Điều binh quyết đoán, đức muôn nơi.
Hồn đi theo nước về tiên cảnh,
Ái quốc nghìn sau tiếng để đời.

Trường Giang

Bài Họa của Du Sơn lãng Tử

Người buồn xót lệ khóc sao rơi,
Thương Tướng dòng Ngô tạ thế trời.
Uất ức nhìn dân, đời khốn khổ,
Ngậm ngùi thấy nước, cảnh buồn trôi.
Chiến ngăn bờ cõi, tài kinh thế,
Trấn giữ biên cương, đức khắp nơi.
Quang-Trường lấy lòng trai đất Việt,
Vang danh lịch sử tiếng muôn đời.

Du Sơn Lãng Tử

Ả LỢN MỪNG XUÂN

Nàng Chó đi rồi, đón Ả Heo,
Vào nhà may mắn, quảng thua nghèo.
Tốt tươi hạnh phúc, thôi nhả nhó,
No ấm bình an, hết đói meo.
Phước lộc đầy đàn, tiền bạc đến,
Dồi dào sức khỏe, cháu con theo.
Trà ngon nâng chén mừng Xuân mới,
Tết lợn vui hơn... hưởng Tết lành.

&

Lợn về cả nước đỡ nhả nheo,
Hết sợ nghèo thua, hết chán phèo.
Tài lộc công danh đường thẳng tiến,
Học hành sự nghiệp mái xuôi chèo.
Cửa nhà no ấm đầy cơm áo,
Phố xá giàu sang lắm thịt treo.
Dân Chủ, Tự Do rồi sẽ đến,
Muốn thành đại sự phải leo trèo.

Du Sơn Lãng Tử

Chúc Xuân Các Thi Văn Đoàn

Bài Xướng của Trường Giang

X1/4 Gom hết lời mừng ở thế gian,
Lâm môn ngũ phúc, chúc Thi Đoàn.
Xuân về hội họp cầu duyên định,
Tết đến quay quần, nguyện phước an.
Trai gái không quên bầu một giống,
Trẻ già vẫn nhớ bí chung giàn.
Nói lời chính trực, yên trăm chốn,
Sức nước Đông Đoài vị Quế, Lan.

&

X2/4 Chi Lan vang vọng đã lâu đời,
Giữ mãi lời vàng tự khắp nơi.
Ba vạn mua danh, nguyện níu giữ,
Một đồng bán tiếng, quyết buông lời.
Nhiều người khiêm nhượng khôn mưu kiếp,
Lắm kẻ kiêu căng đại một thời.
Cung chúc tân Xuân trăm vẻ quý,
Thi Đoàn xướng họa, thú khôn vui...

X3/4 Vời làm sao được nghĩa thư hương,
Xướng họa điều thông suốt lập trường.
Vì chữ Thi Ca, tôn Đạo Lý,
Bởi câu Hàn Mặc, trọng Luân Thường.
Điều ngoa dã tạo nhiều cay đắng,
Trung thực thường gây lăm mền thương.
Chung sức Bốn Phương bồi đại thụ,
Nghìn bông nở rộ “Đóa Văn Chương” !!!

&

X4/4 Văn chương chính trực góp nhiều công,
Khấp chốn chia nhau vị mặn nồng.
Cả nước mở mang ngành Kỹ Nghệ,
Toàn dân phát triển giới Canh Nông.
Bốn Phương ghi nhớ lời khiêm nhường,
Tám Hướng đừng quên chữ Bất Đồng.
Ba vạn sáu ngàn ngày mấy chốc,
Muôn sau truyền lại tiếng Gia Phong...

Cuối Đông Bính Tuất 2006

Trường Giang

Chúc Xuân Các Thi Văn Đoàn

Bài Họa của Du Sơn Lãng Tử

H1/4 Xuân khai giáng phước khắp trần gian,
Phúc đáo danh môn kiết hỷ Đoàn.
Hội họp chuyện trò, mừng Thắng Lợi,
Quây quần thăm hỏi, chúc Bình An.
Trong, ngoài thống nhất chung cùng ý,
Trên dưới đồng tâm dựng một giàn.
Chính khí, Nghĩa hòa yên các nhóm,
Đông Đoài vị Quế, ngát hương Lan.

&

H2/4 Lý-Tổng hùng anh khét tiếng đời,
Danh thơm truyền tụng khắp nơi nơi.
Lời khen khó vọng, nên gìn giữ,
Tiếng xấu lưu hoài, quyết bỏ lời.
Khiêm nhượng, kính nhường khôn xuất thế,
Kiêu căng, khinh bạc đại xu thời.
Chúc mừng năm mới Văn, Thi, Hữu,
Xương họa đầu Xuân, bút khó với ...

H3/4 Làm sao quên được Tết quê hương,
Nước mắt nhà tan, nỗi hận trường.
Dù cội vắng, duy trì Lễ Nghĩa,
Dẫu nguồn xa, vẫn giữ Luân Thường.
Dạy con hiếu đạo, người đời kính,
Khuyên cháu trung thành, hậu thế thương.
Đại thụ Việt Nam chờ “chất xám”,
Bốn Phương đoàn kết dựng “Toàn chương”.

&

H4/4 Văn Hữu Thi Đoàn góp lắm công,
Xuân về chia sẻ chút hương nồng.
Nước còn nghèo, tại còn tham nhũng,
Dân mãi đói, vì bức nghiệp Nông.
Mau liên kết, xây nền Tự Chủ,
Hãy vùng lên, kết Nghĩa Tâm-Đồng.
Đời người ai sống tròn trăm tuổi?
Lưu bút tài danh...rạng sử phong.

Du Sơn Lãng Tử



1- Cờ Hội Chợt Để Cải Tổ

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

2- Lương Tâm Và Trách Nhiệm

của Trí Thức Việt Nam Trước

Vấn Đề Văn Bút

--//--

-Sơn Tùng-



Sơn Tùng

Hiện là Chủ Bút Tạp Chí: Thế Giới Ngày Nay và Bình Bút Tạp Chí Làng Văn.

Tác phẩm đã xuất bản:

- Trùng Phạt (Tập truyện ngắn 1990)
- Vết Thương (Tập truyện ngắn Alpha 1992)
- Bầy Thú Nhỏ (Truyện dài 1995)
Nguyễn Thị Thu Cúc dịch ra Đức ngữ năm 1996 dưới tên
Schar Kleiner Tiere
- Làm Người, Làm Văn, Làm Loạn (Bút ký 2000)
- Lửa Hòa Bình (Truyện dài Làng Văn 2004)

Cơ Hội Chót để Cải Tổ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Sơn Tùng

Với việc Văn Bút Quốc Tế công bố kết quả cuộc bầu cử Ban Chấp Hành ngày 13/12/2006, cơ hội cuối cùng đã đến với hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (VBVNHN) để làm một cuộc cải tổ toàn diện.

Qua những xáo trộn nội bộ dai dẳng trong suốt mười năm qua, những khuyết điểm trong cơ cấu tổ chức cũng như lề lối sinh hoạt thiếu lành mạnh đã phơi bày rõ, cho thấy VBVNHN cần một cuộc lột xác hoàn toàn, và đây là cơ hội cuối cùng. Nếu không cải tổ sẽ có thể bị đào thải trong vòng một năm.

Những xáo trộn và nguyên nhân.

Khởi đầu từ Đại Hội VBVNHN kỳ V vào tháng 11/1995 tại Garden Grove, Nam California, xáo trộn đã xảy ra khi nhà văn Viên Linh, chủ tịch mãn nhiệm, lập thêm 4 trung tâm mới mà không thông qua Đại Hội Đồng như quy định của Điều Lệ.

Cuộc xáo trộn này không được giải quyết trong nội bộ và đã đưa đến sự can thiệp của Văn Bút Quốc Tế khi Luật sư Trần Thanh Hiệp, một cựu chủ tịch VBVNHN, được cử làm trung gian để dàn xếp sự bất hòa đã được VBQT nhìn như một cuộc tranh chấp giữa hai phe trong VBVNHN qua lăng kính của ông Trần Thanh Hiệp. Đây là một sự ngộ nhận tai hại đã đưa đến việc VBQT tạm đình chỉ sinh hoạt với VBVNHN vào năm 1997, và cuộc khủng hoảng nội bộ đã kéo dài hơn 5 năm, chỉ được giải quyết khi Tiến sĩ Terry Carlbom được bầu làm Tổng Thư Ký VBQT, thay thế ông Alexander Blokh, và vai trò trung gian của ông Trần Thanh Hiệp được loại bỏ.

Ts. Carlbom đã tiếp xúc thẳng với các trung tâm thuộc VBVNHN để tìm hiểu vấn đề và áp dụng nguyên tắc đa số trong sinh hoạt dân chủ để tổ chức một Đại Hội vào tháng 3/2001 tại Virginia, bầu ra một Ban Chấp Hành thống nhất do nhà văn Minh Đức Hoài Trinh làm chủ tịch, tạo điều kiện cho việc tái phục hoạt VBVNHN.

Nhưng chỉ hai năm sau, khi Chủ tịch Minh Đức Hoài Trinh mãn nhiệm, người kế nhiệm là ông Phạm Quang Trình lại gây ra một cuộc xáo trộn khác khi bị các trung tâm cáo buộc lạm quyền, vi phạm Điều Lệ, không tôn trọng nguyên tắc đa số trong sinh hoạt dân chủ sau khi được bầu làm chủ tịch chỉ với 1 phiếu chênh lệch.

Xáo trộn này lại đưa đến sự can thiệp của VBQT vào nội bộ VBVNHN lần thứ hai khi Đại Hội kỳ VII vào tháng 3/2006 không tổ chức được do sự phản đối của ông Phạm Quang Trình. Thay vào đó, VBQT đã đề nghị một cuộc bỏ phiếu bằng thư do VBQT đảm trách để bầu ra một Ban Chấp Hành mới cho VBVNHN. Cuộc bỏ phiếu bằng thư đã diễn ra một cách khó khăn vì VBQT bị bối rối do một số khiếu nại, vu cáo, rút lui tấy chay vào giờ chót của hai liên danh ứng cử. Tuy nhiên, cuối cùng VBQT đã có một quyết định đúng đắn và hợp lý: tôn trọng ý kiến đa số thể hiện bằng lá phiếu.

Những ngày trước mắt.

Cùng lúc với sự xác nhận Ban Chấp Hành mới của VBVNHN, VBQT đã khuyến cáo Ban Chấp Hành đặc cử dàn xếp những bất hòa trong nội bộ, làm dự thảo tu chính bản Điều Lệ hiện hành của VBVNHN, và triệu tập Đại Hội Đồng trong vòng một năm để thông qua bản Điều Lệ mới, đồng thời quy định thể thức bầu cử Ban Chấp Hành khác một năm sau khi bản Điều Lệ mới được thông qua.

Việc dàn xếp những bất hòa trong nội bộ là một sứ mạng tế nhị và khó khăn vì sự ngộ nhận của VBQT và vì hành vi bất xứng của một số hội viên VBVNHN.

Do những xáo trộn liên tục và những tin tức sai lạc hay bị bóp méo về nguyên nhân thực sự đã gây ra sự bất ổn định trong VBVNHN, các viên chức có trách nhiệm điều hành tại VBQT đã mang thành kiến về sự phân hóa trầm trọng trong nội bộ VBVNHN. Thành kiến này được nhận thấy rõ trong những văn thư của VBQT cũng như qua cuộc điện đàm giữa VBQT và các ứng cử viên Ban Chấp Hành. Sự thật, không có sự phân hóa trong nội bộ VBVNHN. Hai cuộc xáo trộn đã xảy ra chỉ vì sự xuẩn động của hai cá nhân dựa vào danh nghĩa chủ tịch Ban Chấp Hành, lôi kéo vài cá nhân bất xứng khác và sự nhập cuộc của vài cá nhân ở bên ngoài Văn Bút đã thừa nước đục thả câu với mục đích phá hoại. Những người này đã dùng phỉ báng, vu cáo để gây hỗn loạn trong nội bộ VBVNHN và tạo ra sự ngộ nhận ở VBQT.

Mười một người trong nhóm này, thủ phạm của cuộc khủng hoảng lần thứ nhất (1995- 2001) đã bị VBQT khai trừ, trong đó có Đặng Văn Nhâm, người tự xưng “chủ tịch” trong một cuộc bầu cử hoàn toàn bất hợp lệ.

Cuộc xáo trộn thứ hai khởi đầu vào giữa năm 2005 cũng do một số cá nhân cùng bản chất như nhóm thứ nhất gây ra, kể cả vài ba người đã từng góp mặt trong cuộc xáo trộn lần thứ nhất. Họ cũng dùng phỉ báng và vu cáo để phá hoại. Những cá nhân này tuy chỉ là một số nhỏ, rất nhỏ, nhưng đã tạo ra sự ngộ nhận trong VBQT về một sự phân hóa trầm trọng trong nội bộ VBVNHN. “Dàn xếp” với những người này là một điều rất khó, nếu không muốn nói là không thể được vì họ là những người không thể nói chuyện và đã liên tục vi phạm Hiến Chương

VBQT qua những hành động phá hoại, vu cáo, phỉ báng hội viên khác trong VBVNHN.

Với những người này, thật ra cần phải bị khai trừ ra khỏi Văn Bút dựa theo Điều 3, Đoạn (d) và (e) của Điều Lệ VBQT:

(d) Một Trung tâm phải trục xuất một hội viên nếu hành vi của hội viên ấy rõ ràng trái ngược với tinh thần của Hiến Chương VBQT (*A Centre shall exclude a member if it find his or her conduct blatantly inconsistent with the spirit of the PEN Charter*).

(e) Một Trung tâm phải tức thì thông báo văn phòng Tổng Thư Ký VBQT về bất cứ sự loại trừ hội viên nào chiếu theo Điều 3

(d) (*A Centre shall immediately inform the International Secretariat of any member disqualified under Article 3 (d)*).

Đây là cơ hội cuối cùng để các người này chấm dứt những hành vi phá hoại, vu cáo, phỉ báng. Nếu tái phạm thì không thể tránh khỏi bị khai trừ, như VBQT đã làm với 11 hội viên bất xứng trong cuộc khủng hoảng lần thứ nhất.

Sau đó, để tránh những xáo trộn tái diễn, bản Điều Lệ hiện hành của VBVNHN cần phải được tu chính, sửa đổi những điều khoản không hợp lý, nhất là các điều khoản quy định việc thành lập và điều hành các “Trung tâm” – từ Điều 7 đến Điều 10. Theo quy định của các điều này, các “Trung tâm” được coi là “cơ sở căn bản của VBVNHN”, được thành lập không hạn chế, miễn là quy tụ tối thiểu 10 (mười) hội viên và được Đại Hội Đồng thừa nhận, và sinh hoạt “tự trị”.

Đây chính là khuyết điểm lớn nhất trong bản Điều Lệ hiện hành của VBVNHN đã đưa đến hai cuộc xáo trộn vừa qua. Trong cuộc xáo trộn thứ nhất, một chủ tịch Ban Chấp Hành mãn nhiệm kỳ muốn ngồi lại đã lập thêm 4 “Trung tâm” bất hợp lệ để kiếm phiếu. Trong cuộc xáo trộn thứ hai: một cựu chủ tịch bất

xúng của một Trung tâm sau khi bị trục xuất đã lập ra một “Trung tâm” khác (dù chỉ có 3 hội viên) dưới sự che chở của chủ tịch Ban Chấp Hành VBVNHN để chống lại Trung tâm chính thức và gây rối loạn nội bộ.

Trên đây là những điều khoản cần phải sửa đổi. Theo Điều Lệ của VBQT, mỗi hội viên của VBQT được gọi là một “Trung tâm” (Centre). VBVNHN là một Trung tâm hội viên của VBQT. Các chi nhánh của VBVNHN không thể được gọi là “Trung tâm” vì không thể có các Trung tâm trong một Trung tâm. Và, các chi nhánh ấy cũng không thể được lập ra vô giới hạn.

Trước 30/4/1975, Văn Bút Việt Nam đã là một Trung tâm hội viên của VBQT. Trung tâm ấy là một đơn vị duy nhất, hội viên trên toàn quốc đều trực thuộc Ban Chấp Hành đặt trụ sở tại Sài Gòn, không có chi nhánh nào khác, kể cả Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ là những thành phố lớn, có sinh hoạt văn học và có một số người cầm bút cư ngụ.

Năm 1979, VBVNHN được thành lập và được VBQT chính thức thu nhận là hội viên tại Đại Hội Rio de Janeiro qua một cuộc vận động đáng ca ngợi của nhà văn Minh Đức Hoài Trinh, một hội viên cũ của Trung tâm Văn Bút Việt Nam Cộng Hòa, dựa vào những mối liên lạc đã có trong VBQT đã tạo được cảm tình và sự hậu thuẫn của đa số hội viên VBQT.

Vì hoàn cảnh đặc biệt, những người cầm bút Việt Nam lưu vong sống tản mát trên nhiều lục địa nên một số “Trung tâm” đã được lập ra trong ý niệm “liên trung tâm” với bản Điều Lệ đầu tiên được thông qua năm 1989. Sau hai lần được tu chính vào các năm 1993 và 2003, bản Điều Lệ vẫn giữ nguyên các điều khoản không hợp lý nói trên.

Với kinh nghiệm chua chát trong quá khứ, và với tương lai đầy đe dọa trước mắt, những điều khoản đầy khuyết điểm ấy cần phải được sửa đổi. Các chi nhánh thuộc VBVNHN cần được

Sơn Tùng

phân thành vài khu vực cố định và trực thuộc Ban Chấp Hành Trung ương và mang một tên gọi chuẩn xác. Ngoài ra, điều kiện gia nhập Văn Bút cũng phải được quy định phù hợp với định nghĩa của Hiến Chương và Điều Lệ VBQT để loại bỏ những cá nhân bất xứng như đã xảy ra trong VBVNHN, thủ phạm của những nhiễu loạn đã và đang diễn ra.

Văn Bút là một tổ chức văn hóa và nhân quyền có mục đích cao đẹp bảo vệ quyền tự do diễn đạt của người cầm bút ở mọi nơi trên mặt địa cầu, không có chỗ cho những cá nhân không thực sự là nhà văn và những kẻ có tâm hồn đen tối, bệnh hoạn.

Nếu không làm một cuộc cải tổ toàn diện, con thuyền VBVNHN sẽ không đứng được trước cơn bão lớn trước mặt.

Sơn Tùng



Lương Tâm và Trách-Nhiệm của Trí-Thức Việt Nam trước “Vấn-đề Văn Bút”

Sơn Tùng

LÊN TIẾNG trước Đại Hội Đồng Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại ngày 21-3-1998. Luật sư NGUYỄN VĂN CHỨC đã nhắc lại câu nói của Cesar hơn hai ngàn năm trước “*Veni, vidi, vici*” (Ta đã đến, ta đã thấy, và ta đã thắng). Sau đó, ông đã sửa lại câu nói của Cesar cho hợp với hoàn cảnh: “*Chúng tôi đã đến, chúng ta đã thấy và quý vị đã thắng*”. Hẳn ông muốn nói rằng các ông đã đến đây, đã quan sát Đại Hội, và đã thấy Chính Nghĩa nằm ở đây. Chính nghĩa đã sáng ngời, và Chính nghĩa đã thắng.

LS NGUYỄN VĂN CHỨC từ Houston, Texas đã cùng nhà văn DOÃN QUỐC SỸ, cũng từ Houston, và giáo sư LÊ HỮU MỤC từ Montréal, tới tham dự Đại Hội Văn Bút và lên tiếng với tư cách nhân sỹ ký tên trong bản Khuyến Nghị về việc phục hoạt Văn Bút VNHN được phổ biến vào ngày vào tháng 11-1997.

Đại diện cho lương tâm và trách nhiệm của trí thức Việt Nam, các vị ấy đã có một chọn lựa, một hành động.

Giáo sư LÊ HỮU MỤC cho biết tại Việt Nam trước đây ông đã không gia nhập Văn Bút dù Giáo sư THANH LÃNG, khi làm chủ tịch Văn Bút Việt Nam, đã nhiều lần mời giáo sư MỤC nghĩ rằng với vai trò một giáo sư đại học và làm công tác nghiên cứu văn học, viết văn, ông đã đủ bận rộn và đóng góp phần ông trong lãnh vực văn học và mô phạm, mà không cần thiết phải gia nhập Văn Bút. Nhưng sau khi chế độ tự do ở miền Nam sụp đổ, ra tới hải ngoại, ông nhận thấy “*anh em mình*” (giới cầm bút) nhiều người quá “*lơ là*”, người thì thích “*chống đối*” nhưng không

làm gì, và những người khác thì lại “ngây thơ nhẹ dạ” vì vậy, Giáo sư MỤC quyết định “phải làm một cái gì” nên ông đã gia nhập Trung Tâm Quebec /VBVNH. Đến khi thấy ông Trang Châu “rẽ sang đường khác”, GS LÊ HỮU MỤC đã lên tiếng phản đối và phải xin “tá túc” ở Trung Tâm Ontario.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ nói rằng ông đã 75 tuổi, nên xin được “đứng ngoài” nhưng đứng ngoài không có nghĩa là đào ngũ. Đứng ngoài nhưng ông vẫn ý thức trách nhiệm của người cầm bút và đóng góp vào những hoạt động phù hợp với cá tính của ông. Ông nói rằng mỗi người tiếp cận đời sống một cách khác, và ông muốn được tiếp cận đời sống theo cách của ông. Tuy không nói ra, nhưng việc ông nhận đứng trong mấy vị chủ xướng Bản Khuyến Nghị về việc phục hoạt Văn Bút VNHN, thay mặt Hội Đồng Nhân Sỹ ký tên trong Bản Thông Báo Tổ Chức Đại Hội, và những đóng góp to lớn vào việc làm sáng tỏ chính nghĩa, nêu một tấm gương rạng ngời cho giới cầm bút và trí thức Việt Nam.

Luật sư NGUYỄN VĂN CHỨC tuy đã tới tuổi nghỉ ngơi, đã đứng hẳn lên hàng đầu khi nhận ra chính nghĩa của người Việt Tự Do đang bị những kẻ nội thù công phá. Ông khẳng định trước Đại Hội Đồng Văn Bút VNHN rằng từ vai trò “quan sát” các ông sẵn sàng “hậu thuẫn” ban chấp hành mới.

Nhà văn MINH ĐỨC HOÀI TRINH, người đã sáng lập ra Văn Bút VNHN, cũng đã tới tuổi nghỉ ngơi, nhưng một lần nữa đứng ra nhận lãnh trách nhiệm lèo lái con tàu Văn Bút trong cơn sóng gió.

Sự hiện diện của những MINH ĐỨC HOÀI TRINH, DOÃN QUỐC SỸ, NGUYỄN VĂN CHỨC, LÊ HỮU MỤC... tại Đại Hội Văn Bút VNHN là những hình ảnh gây xúc động lớn cho những người Việt Nam lưu vong còn có lương tri.

Xét về “tên” và “tuổi”, các vị ấy đứng rất cao ở phía trên những kẻ khoanh tay ngồi trong xó tối nhìn ra, tự cho mình trong

sạch và khôn ngoan hơn mọi người, không muốn dính vào chốn “gió tanh mưa máu” (như lời của họ). Họ tự cho mình là kẻ đứng bên ngoài, đứng ở giữa, hay đứng bên trên.

Cách đây không lâu, tôi nhận được một số tiền nhỏ của một người không quen, gửi tới từ Oklahoma, kèm với một lá thư ngắn:

“Tôi đang làm việc tại một lò sát sinh ở đây. mười tiếng đồng hồ mỗi ngày. Máu bò vấy từ đầu tới chân. Mũi lúc nào cũng ngửi mùi tanh. Đúng là “gió tanh mưa máu” như tôi được nghe thấy có kẻ nói về Văn Bút của quý vị; những kẻ thích ăn thịt, nhưng lại chê bai nghề đồ tể!”

“Trước 30-4-75, tôi là một người lính chiến đấu ngoài mặt trận. Cũng “gió tanh mưa máu”, máu quân thù, máu đồng đội và gió tanh mùi xác chết.”

“Tôi biết có nhiều kẻ “khôn ngoan” hơn chúng tôi, họ đứng ngoài, đứng giữa và trốn tránh cảnh “gió tanh mưa máu”. Họ sống phồn phơ ở xa nơi “gió tanh mưa máu”. Vì vậy, chúng tôi đã thua, chúng ta đã thua. Tôi bị dày dạn, bị trả thù nhục nhã trong các trại cải tạo hơn mười năm. Tôi đã sống trong cảnh “gió tanh mưa máu” và bây giờ cũng đang sống trong cảnh “gió tanh mưa máu”. Tôi biết rõ những kẻ chưa bao giờ nếm mùi “gió tanh mưa máu”, nhưng mùi tanh tươi của uơn hèn lại nồng nặc trong huyết quản của chính họ.”

“Chắc ông hiểu tôi muốn nói gì. Tôi không còn sủng nhưng quý vị còn cây viết. Hãy tiếp tục chiến đấu. Quân thù không ở trước mặt mà đang ở sau lưng chúng ta. Một ngày nào đó, không còn chịu đựng nổi cảnh “gió tanh mưa máu”, có thể tôi sẽ kiếm nghề khác sinh nhai. Quý vị thì không. Dù tanh hôi đến đâu, các ông cũng không được bỏ cuộc. Việc nhà có thể bỏ, nhưng việc nước không thể bỏ.”

Đây không phải là bức thư duy nhất gửi tới thúc giục chúng tôi. Những lá thư, những bài thơ, được gửi tới từ nhiều nơi, có khi từ các trại tị nạn. Những bức thư chứa đầy tâm huyết, nôn

nóng được đóng góp, được nhập cuộc. Cuộc gì? Cuộc “gió tanh mưa máu” mà những kẻ sươn hèn tìm cách tránh xa.

Những kẻ sươn hèn không bao giờ dám chấp nhận một thử thách nào. Alexandre Dumas từng viết: “Tâm hồn càng cao, thử thách càng lớn”. Vậy thì tâm hồn càng thấp, càng sợ hãi thử thách.

MINH ĐỨC HOÀI TRINH, DOÃN QUỐC SỸ, NGUYỄN VĂN CHÚC, LÊ HỮU MỤC...đã có đủ công danh để không cần phải vào chốn “*gió tanh mưa máu*” tìm kiếm. Hành động dấn thân của họ đã đốt lên những bó đuốc trong bầu trời u ám của “*trí thức*” Việt Nam hải ngoại.

Những người “*trí thức*” không phân biệt nổi giữa đúng và sai, phải và trái, chính và tà. Hay phân biệt được, nhưng đã chọn chỗ đứng “ở giữa” đúng và sai, phải và trái, chính và tà! Họ là cái màu...xam xám giữa tội ác và lương thiện! Họ tự biến thành “*trí thức màu xám*”. Dĩ nhiên, miễn nhắc đến ở đây những loại “*trí thức màu đen*”.

Những nhóm chữ “*Văn Bút võ làm đôi*”, “*hai phe*”, “*rạn nứt*”...được vài kẻ cố ý tung ra, và liền được “*trí thức màu xám*” hăm hở lặp lại để có lý do đứng ngoài, đứng giữa, đứng trên.

Nếu hành động vi phạm Điều Lệ trắng trợn của một cựu chủ tịch được cho là Văn Bút “*võ làm đôi*” và có “*hai phe*” thì bất cứ tổ chức nào cũng có thể biến thành hai phe. Và, cả nền dân chủ vững chắc nhất thế giới tại Hoa-Kỳ cũng có thể võ làm đôi, nếu ứng cử viên của một trong hai chính đảng không tôn trọng lễ lối sinh hoạt dân chủ, vi phạm luật bầu cử, và lôi kéo được sự đồng lõa của “*trí thức*”.

Bất đồng ý kiến là điều tất yếu trong sinh hoạt dân chủ, nhưng luật đa số là nguyên tắc căn bản dân chủ vận hành. Cuộc khủng hoảng nội bộ Văn Bút VNHN đã không thể xảy ra, nếu mấy chục nhà văn và “*trí thức màu xám*” không để cho một kẻ vô

kỷ luật lợi dụng tên tuổi để tự phong chủ tịch, và nếu không có một cựu chủ tịch “*trí thức màu đen*” bí mật xuyên tạc với Văn Bút Quốc Tế rằng VBVNHN có “*hai phe*” tranh chấp, giành giật nhau!

Những hành động gian trá ấy nay đã phơi bày trọn vẹn trước mắt mọi người, sau hai năm che đậy, phù phép.

Đã đến lúc trí thức chính danh trong khối người Việt lưu vong cần nói lên sự thật, không phải chỉ để giữ chân đứng duy nhất của người Việt tự do trên diễn đàn quốc tế, nhưng còn để “*rửa mặt*” cho trí thức Việt Nam, và danh dự dân tộc. Không thể để những kẻ nội thù phá nát Văn Bút VNHN, và không thể để vài tên phá hoại vẽ lên hình ảnh ấu trĩ dân chủ ngay trong hàng ngũ trí thức Việt Nam.

Đã có những trí thức dẫn thân đi trước. Họ đã tạo một bực cao danh dự để tập hợp trí thức Việt Nam ở hải ngoại. Một cơ hội để trí thức Việt Nam đứng lại với nhau “*làm một cái gì*” không phải cho riêng mình. Khi một người trí thức hành động không phải vì lợi danh của cá nhân mình, người ấy mới thật sự xứng danh trí thức.

Trong nước, đã có những trí thức dũng dạc nói lên tiếng nói của lương tâm trước mặt bạo quyền, bất chấp tù tội.

Ngoài nước, trí thức Việt Nam cũng cần làm một cái gì để xóa đi cái màu xám xám cầu an thủ phận mang theo khi miền Nam sụp đổ. Biến cố Văn Bút là một điều không may, nhưng biết đâu chẳng là một cơ duyên cho trí thức Việt Nam ở hải ngoại làm một cuộc “*thay máu*”? những MINH ĐỨC HOÀI TRINH, NGUYỄN VĂN CHỨC, LÊ HỮU MỤC, DOÃN QUỐC SỸ...là những người đã đi bước đầu, và có quyền nói:

“Chúng tôi đã đến, chúng tôi đã thấy, và chúng ta đã thắng”.



Tuyên Ngôn & Thơ

Trần Quốc Bảo



Trần Quốc Bảo

Tên và bút hiệu: Trần Quốc Bảo, sinh năm 1930 tại Ninh Bình.

- 25 năm phục vụ trong QLVNCH

- Phụ tá giám đốc Đài Phát Thanh Huế, Chủ sự Phòng Chương Trình, kiêm trưởng ban văn nghệ & xướng ngôn (biệt phái: 1955-1956)

- Đã cộng tác bài vở với nhiều Báo chí trong nước (trước 1975) và ngoài nước (sau 1975)

- Chủ Biên Nguyệt San Công Binh (BCH/CB) (1957-1959)

- Chủ Biên Tạp Chí Văn Học & Tuyển Tập Cỏ Thơm (Washington DC)

- Chủ Biên Bản Tin GXCTTĐVN (Richmond, VA)

- Sáng lập Bút Việt Văn Đoàn (1985)

- Chủ Tịch Hội Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do /Miền Đông HK (1989-1997)

- Chủ Tịch Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại /Trung Tâm Miền Đông Hoa Kỳ (2003-2007)

Tác phẩm đã ấn hành:

* Cuộc Di Cư Vĩ Đại Trong Lịch Sử Thế Giới Cận Kim (1956)

* Thơ Quốc Bảo (1967) * Công Chúa Thủy Tiên (truyện nhi đồng 1970) * Đối Diện Niềm Vui (Thơ 1998)

Hiện cư ngụ tại: Richmond, Tiểu bang Virginia, Hoa-Kỳ.

Chuyện Hồ

Trần Quốc Bảo

Ở một vùng quê bên nước Anh, có gia đình nọ chuyên nghề làm vườn, gồm hai vợ chồng và đứa con trai duy nhất, vì hoàn cảnh quá nghèo, nên cậu con chưa học hết Tiểu học đã phải ở nhà giúp đỡ cha mẹ việc trồng tỉa, hoặc đôi khi lên rừng lấy củi, kể cả việc câu cá ở một cái hồ lớn rất đẹp gần nhà, để thêm lương thực cho bữa ăn. Trong các việc làm phụ giúp cha mẹ, cậu bé thích nhất là đi câu cá, bởi vì mỗi buổi đi câu là mỗi lần được tắm, bơi thỏa thích. Cậu bơi tuyệt giỏi, đến mức bạn bè trong xóm gọi cậu là “*Thằng Rái Cá*” (Otter boy).

Một hôm, khi “*Thằng Rái Cá*” cầm xong mớ cần câu ở góc hồ, đang tính cởi áo nhào xuống nước bơi một tảng cho đã đời, thì nó thấy 3 chiếc xe limousine sang trọng trở tới đậu ngay gần đó, nên nó khớp không tắm nữa, leo lên cây đại-lăng ở cạnh hồ, núp mình trong tàng lá để canh chừng cần câu và cũng để ngắm nhìn toán du khách sang trọng.

Toán du khách đó, chính là một gia đình giàu có, quyền quý vào hàng đệ nhất Quý Tộc của Vương Quốc Anh, họ từ Thủ Đô Luân-Đôn đi du ngoạn miền quê, thăm dân cho biết sự tình, dưới trời nắng đẹp, một cái tảng lớn căng lên lộng lẫy, bàn ghế picnic bày ra thức ăn, cao lương mỹ vị dọn tràn đầy. Tiếng nhạc êm đềm réo rắt tỏa vang. Rồi đoàn du khách nhập tiệc. Kể ăn, người uống, kẻ khiêu vũ, người chụp hình...

Một lát sau, “*Thằng Rái Cá*” ngồi thu mình trên cành cây đại-lăng, nhìn thấy một *đứa trẻ* trong đám du khách, chắc cũng 11, 12 tuổi, cỡ tuổi nó, thay đồ tắm và lội xuống hồ bơi qua bơi

Trần Quốc Bảo

lại. Dường như những người lớn chăm chú vào việc ăn uống chuyện trò, không mấy ai để ý đến *đứa trẻ* ở dưới hồ. Riêng “*Thằng Rái Cá*” nó tò mò quan sát *đứa trẻ*...

Ồ, coi kìa thằng này bơi gì dở ẹc! Rõ ràng là nó không biết bơi ếch, bơi sải, bơi bướm gì cả, đến bơi ngựa chác cu cậu cũng chẳng làm được. Nó chỉ đập loạn tay chân lên thôi, cái điệu bơi chó như thế là không khá được!

Chợt “*Thằng Rái Cá*” nhào mình ra chăm chú nhìn, nó thấy 2 con bạch thiên nga từ xa bơi tới phía *đứa trẻ*, và *đứa trẻ* chắc là thích con bạch thiên nga nên bơi theo,...Chết chưa! Nó bơi tuốt ra xa quá rồi, chỗ đó rất sâu, nguy hiểm lắm! Đúng lúc đó, có tiếng hét cấp cứu của *đứa trẻ* – “Help me! Help...Help !!!” Toán du khách khi ấy kịp nghe và nhìn thấy, nhưng thay vì phải nhào ra cứu *đứa trẻ*, thì họ ồn ào, nhốn nháo cả lên, hai ba người nhảy xuống hồ với cả áo quần, nhưng chỉ lội ra, khi nước đến cổ thì đứng lại.

Trời đất! hóa ra chẳng ai biết bơi cả! mà ngoài xa *đứa trẻ* đuối sức có vẻ muốn chìm rồi!

Không đợi lâu hơn được nữa, từ trên cành cây cao, “*Thằng Rái Cá*” phóng xuống chạy bay ra hồ trước con mắt ngạc nhiên của tất cả đoàn du khách. Tới bờ cao, nó nhún mình lao xuống nước trong tư thế plunge tuyệt đẹp, và chỉ thoáng mắt đã sải tay bơi tới chỗ *đứa trẻ* bị nạn, nó hụp lặn xuống xóc nách *đứa trẻ* và như một chuyên viên rescue lành nghề, nó nghiêng người bơi xoải từ từ vào bờ, trước sự chứng kiến xúc động và tràng pháo tay reo mừng của mọi người. Khi tới bờ, *đứa trẻ* bị nạn được nhiều người xúm lại khiêng lên đưa vào giữa tấm táng, và tại đó có sẵn một vị Bác Sĩ (trong toán du khách) lo việc cấp cứu hồi sinh cho *đứa trẻ*.

Chừng một tiếng đồng hồ sau, không khí an toàn tươi vui trở lại với mọi người trong toán du khách, *đứa trẻ* qua tai nạn hiểm nguy, bây giờ quần mình trong chiếc mền len và đang được

uống mấy muỗng soup. Lúc ấy người ta mới chợt nhớ tới vị ân nhân vừa cứu sống nó.

- Ô hay, cái thằng bé con bơi giỏi hồi nãy đâu rồi nhỉ?

Mọi người đổ xô đi tìm, lát sau phát giác ra chỗ ẩn của nó, “Thằng Rái Cá” trèo lên ngôi yên chỗ cũ, trên cành cây đại lẵng. Nó được gọi xuống và trình trọng đưa tới trình diện trước một vị Quý Tộc, Ông này chính là cha của *đứa trẻ* vừa bị nạn.

- Hỡi con, (Vị Quý Tộc nói với “Thằng Rái Cá”) con vừa làm một chuyện vĩ đại mà tất cả chúng ta đây không ai làm được. Ta xin thay mặt toàn thể cảm ơn con.

- Bẩm Ông, (“Thằng Rái Cá” lễ phép thưa) con có làm gì vĩ đại đâu! Bơi lội là nghề của con mà... Con cứu em là **chuyện nhỏ**, chuyện phải làm và cũng là chuyện thường đâu có gì khó khăn vĩ đại. Xin Ông đừng bận tâm!

- Không đâu con ơi! Con đã cứu mạng con trai Ta, gia đình Ta và Hội Đồng Quý Tộc mãi mãi mang ơn con, nay ta muốn đền ơn con, vậy con muốn điều gì hãy nói cho ta biết.

“Thằng Rái Cá” nghe nói vậy, ngập ngừng giây lát, rồi ngỏ ý xin vài ổ bánh mì dư thừa đem về cho cha mẹ. Lòng hiếu thảo của nó đã khiến cho Vị Quý Tộc và nhiều du khách cảm động rơi lệ. Vị Quý Tộc ôm nó vào lòng và nói:

- Hỡi con, điều con vừa xin là **chuyện nhỏ**, và đó chính là bổn phận của Ta, Ta biết Ta sẽ phải làm gì cho con và gia đình con. Nhưng câu hỏi của Ta là sau này lớn lên con ước mơ sẽ làm gì? “Thằng Rái Cá” chỉ tay vào vị Bác Sĩ khi nãy cấp cứu hồi sinh cho *đứa trẻ* bị nạn, nó trả lời:

- Lớn lên, con muốn làm việc cứu người như ông kia!

- Ô, con muốn làm Bác Sĩ, tốt lắm! Với Ta đó cũng là **chuyện nhỏ** thôi, Ta sẽ giúp con.

&

Câu **chuyện nhỏ** trên đây, có phần kết luận không nhỏ mà thật là vĩ đại, bởi vì *đứa trẻ* bị chết đuối hụt, có tên là

Trần Quốc Bảo

Winston Churchill, sau này là vị Thủ Tướng đã làm rạng danh cho Nước Anh, một Vị Nhân cực kỳ tài giỏi lỗi lạc của Thế giới vào thời Đệ Nhị Thế Chiến. – Còn “*Thằng Rái Cá*”, cậu bé đã cứu mạng Churchill tên là Fleming, sau này trở thành Vị Bác Sĩ tài ba lừng danh hoàn cầu, Fleming chính là Nhà Bác Học đã tìm ra **Thuốc Trạ Sinh Penicilin**, cứu mạng biết bao nhiêu người trên thế giới, Ông đích thực là vị Ân Nhân Vĩ Đại của cả nhân loại.

Từ khởi đầu, chuyện chỉ là một chuyện nhỏ, sự hi sinh, vị tha, sự cho đi rất nhỏ nhoi! Nhưng nhờ đó, thành quả sau này đã đem đến cho cả nhân loại một chuyện vô cùng lớn lao kỳ vĩ.

Câu chuyện còn thêm cho phần kết luận điều lý thú nữa, là một ngày nọ Thủ Tướng Churchill bị lâm trọng bệnh, đến nỗi đã hôn mê, nhiều Bác Sĩ phải lắc đầu, tính mạng Ông ở vào lúc nguy kịch nhất, thì Fleming xuất hiện như một tiên duyên định mệnh, và vị Bác Sĩ tài ba này, đã lại một lần nữa cứu sống người Bạn cố tri của mình. Khi tỉnh dậy sau cơn mê, mở mắt ra nhìn thấy Fleming, Churchill ngạc nhiên xúc động và nói rằng:

- Fleming! Có phải cứ mỗi lần tôi sắp chìm, Chúa lại cho Bạn tới vớt tôi lên?

- Churchill, chúng ta hãy cảm ơn Chúa! Nhưng không hẳn là tôi (Fleming giờ ra một viên thuốc nhỏ tí xíu) bởi cái này đây, chính cái này đã cứu bạn đó,... **Chuyện nhỏ mà !**

Trần Quốc Bảo
(Richmond, VA)

Tạ ơn rừng

Tạ ơn rừng cho ta nguồn tâm sự
Cội rễ muôn trùng thăm thẳm hoang vu
Suối nỉ non bản trường ca tình tự
Vách đá vang lời vọng cổ thiên thu

Trăng cô đơn vẫn nằm nghiêng cửa động
Đỉnh hồng hoang còn e ấp sương mù
Tóc liễu buông dài thướt tha gió lộng
Tiếng thì thầm trong lòng núi âm u

Tạ ơn rừng cho ta đường cổ tích
Dáng xuân sơn kiêu diễm tự ngàn xưa
Nét sử vàng chói lòa sườn thạch bích
Hồn muôn năm uy liệt chẳng phai mờ

Rừng trải bạt ngàn, tay rừng mở rộng
Ôm giang sơn trong lòng Mẹ Âu Cơ
Đứng hiên ngang giữa mưa trào gió lộng
Ru hồn thiêng từ những buổi hoang sơ

Tạ ơn rừng cho hương hoa nguồn sống
Muôn triệu đường mòn chân bước thênh thang
Ánh lửa bập bùng, tiếng cồng khua động
Hồn núi oai hùng, hồn nước mênh mang

Ta ở nơi đây nhớ rừng nhớ núi
Năm tháng kéo dài cuộc sống lê thê
Một mai hoa vàng nở bên bờ suối
Rừng thiêng ơi, ta sẽ trở về.

Trần Quốc Bảo (Richmond, VA)

Bài Thơ Trên Cát

Trải hồn thơ trên cát
Con nước dềnh lên sẽ cuốn trôi đi
Là ký thác vào trùng dương bát ngát
Nợ tang bồng hồ thủy nam nhi
Góc biển chân trời gót mòn phiêu dạt
Mộng lớn mai chiều thoáng đã vô vi
Xưa Hạng Võ thế cùng vận mạt
Trường mắt nhìn giặc cướp biên thù
Đặng Dung mài gương trên nổi buồn bi đát
Bạc mái đầu khi Tổ Quốc lâm nguy
Cũng một ưu phiền, một trái tim tan nát
Thuở trước bây giờ nào có khác chi
Gửi tâm sự vào vần thơ điệu hát
Hoài cung tơ vãn bật dáng Chung-Kỳ
Thì nghêu ngao với trăng thanh gió mát
“Nhất trạo giang sơn tận địa duy”(*)

Trần Quốc Bảo

- (*) - *Bán kiên cung kiếm bằng thiên tủng*
Nhất trạo giang sơn tận địa duy (thơ: Hoàng Sào)
- *Nửa vai cung kiếm trời cho đó*
Khắp nẻo non sông một mái chèo (TQThái dịch)

Nguyệt Tân

Vươn lên tròn đỉnh cao rồi
Theo mây bay gió cuốn trôi phương nào
Tít mù xa ánh mắt sao
Góc trời thao thức rồi vào đêm đen
Cõi hư thiên thể hư huyền
Cái vô tâm thức vô duyên lạnh lùng
Gọi nhau ở giữa mông lung
Tìm nhau giữa chốn mịt mùng lãng quên
Khuôn vàng đáy nước ảo nhiên
Ngân hà đầy ấp mạn thuyền tương tư
Từng trang máu nhỏ vào thơ
Từng dòng lệ thấm hoen mờ không gian
Lối đi sỏi đá gian nan
Lối về từng bước dẫm than lửa hồng
Mắt nhìn thấy núi thấy sông
Thấy Quê Hương bát ngát không thấy người
Đốt tim đốt đuốc lên coi
Đốt lên ánh nguyệt mà soi lộ trình
Nhất tề a tới bình minh
Ta hong vàng nắng Quê mình sớm mai.

Trần Quốc Bảo

Ta Ở Bên Mẹ

Việt Nam quê hương tôi
Miền đông nam á
Giải đất uốn cong, hình tượng con rồng
Nằm bên bờ biển cả

Như ấu nhi nằm trong lòng Mẹ
Bãi cát trải dài, tã lót mênh mông
Sông suối ba miền nước tuôn ra biển
Như máu hồng muôn ngả đổ về tim

Trên biển đông Thái dương xuất hiện
Ánh hào quang rực rỡ non sông
Biển mặn cứu mang từ muôn thế hệ
Sóng gió ngàn trùng ấp ủ quê hương

Ngọn triều dâng lên sức sống quật cường
Nguồn giao chỉ thuở hồng hoang khuyết sử
Năm mươi con bở rừng về miền châu thổ
Biển mẹ cứng chiều bồi đắp phù sa

Ngàn ngàn năm chinh chiến can qua
Mẹ trấn an hòa suốt miền duyên hải
Khai trí con nên văn minh nhân loại
Truyền tâm con hùng khí Thái Bình Dương

Gặp lúc thế cùng vận nước suy vong
Ba triệu con phó mình trong tay từ ái
Mẹ mở đường cho con nguồn sống mới
Nguồn sống lan tràn thế giới tự do

Cờ Việt Nam phất phới khắp năm châu
Nhưng hồn Việt luôn hướng về quê Mẹ
Con thành khẩn nguyện cầu:
Rồi đây mẹ sẽ

Đưa con về xây dựng lại quê hương
Lòng mẹ bao la chan chứa tình thương
Sông núi Việt Nam tạc ghi công đức
Đàn con vong quốc

Lưu lạc bốn phương
Muôn muôn đời tạ ơn Biển Mẹ.

Trần Quốc Bảo

Tin Văn Thông Văn

Phà Văn

Đào Vĩnh Tuấn

Đào Vĩnh Tuấn



Đào Vĩnh Tuấn

Tiểu sử:

Tên thật là Đào Vĩnh Tuấn

Sinh quán: Bình Định, Việt Nam.

Sỹ Quan Nha Kỹ Thuật

Bút hiệu: Vĩnh Tuấn, Phù Sa, Đào Bình Định, Hoàng Thụy Vy

Tác phẩm:

*Bi Sử

*Hành Trình

*Rạng Đông

*Thơ Của Những Người Xa Nhau

Viết chung:

*Những Giọt Sương Rớt Muộn

*Rạng Đông Thi Tập

*Trầm Hương

Và những bài in trên các báo ở Hải Ngoại.

Tổng Thư Ký VBVNHN nhiệm kỳ 2003-005 và 2006-2008

TIN VĂN -Phỏng Vấn- VĂN HỮU VĨNH TUẤN
(XLTV/CTVBVNHN)

Tin Văn: Thưa Văn Hữu: Gần đây chúng tôi có nhận rất nhiều thư, thân hữu trong và ngoài văn giới có quan tâm đến sinh hoạt Văn Bút, Tất cả đều ngạc nhiên và thắc mắc khi thấy trong các tháng gần đây trên các diễn đàn, cùng một lúc xuất hiện những thông báo, tin tức lúc ký tên Phạm Quang Trình. nhân danh Chủ tịch, lúc ký tên văn hữu nhân danh văn phòng XLTV. Vậy chuyện gì đã xảy ra trong nội bộ Văn Bút VNHN?

Vĩnh Tuấn: Tôi xin ngắn gọn trình bày một sự việc rất cụ thể, rất rõ ràng với hy vọng sự thực này sẽ giúp giải tỏa tất cả mọi thắc mắc của quý vị có quan tâm: Ban Chấp Hành VBVNHN do ông Phạm Quang Trình làm Chủ tịch đã mãn nhiệm từ hơn một năm trước đây mà chưa tổ chức bầu BCH mới. Trước tình cảnh này. Ủy Ban Thường Trực đã quyết định cho lưu nhiệm BCH để xúc tiến việc bầu cử tân BCH . Tuy nhiên trong thời gian này, thay vì dồn nỗ lực để tổ chức bầu cử. Ông Phạm Quang Trình đã lơ là trách nhiệm, đã phạm rất nhiều sai lầm nghiêm trọng, làm hại đến uy tín, danh dự của tổ chức VB, buộc lòng Ủy Ban Thường Trực phải biểu quyết với đa số tuyệt đối (8/11 Trung Tâm. ba TT còn lại không có ý kiến) để rút lại quyết định lưu nhiệm BCH và ủy quyền cho tôi, Tổng Thư Ký XLTV Chủ Tịch Ban Chấp Hành để tổ chức bầu cử. Trong sinh hoạt Dân chủ, nguyên tắc đa số phải được tuyệt đối tôn trọng. Ông Phạm Quang trình là Chủ tịch một tổ chức, đã bị đa số hội viên rút lại sự tín nhiệm, mà ông ta vẫn tiếp tục nhận mình là Chủ tịch. Điều này có chính đáng và hợp lý không ? Chắc chắn mọi người đều có câu trả lời, không, kể cả ông Phạm Quang Trình.

Tin Văn: Văn hữu vừa đề cập đến UBTT. Vậy Ủy Ban này là gì?
-Quyền hạn của UB ra sao?- Xin cho biết lý do Ủy Ban TT có

Đào Vinh Tuấn

quyết định rút lại quyết định lưu nhiệm BCH của Văn hữu Phạm Quang Trình?

Vinh Tuấn: Ủy Ban Thường Trực đã được Đại Hội Đồng biểu quyết thông qua trong đại hội VI. Ủy ban quy tụ tất cả Chủ tịch các Trung Tâm địa phương, và thay phiên do một Chủ tịch TT làm thư ký điều hành chung. Ủy ban là cơ quan tư vấn và giám sát, có nhiệm vụ giải quyết những mâu thuẫn nội bộ trong quá khứ. Ủy Ban đã giải quyết trường hợp Nguyễn Đức An, Ủy Ban cũng đã quyết định, lưu nhiệm BCH do ông Phạm Quang Trình làm chủ tịch, và quyết định đã có giá trị thi hành. Ủy ban quyết định rút lại sự lưu nhiệm ông Phạm Quang Trình, vì ông ta đã phạm rất nhiều sai lầm, làm mất uy tín danh dự của Văn Bút. Không còn thích hợp để đảm nhận vai trò Chủ tịch VBVNHN nữa.

Tin Văn: Xin văn hữu nói rõ hơn về điều mà VH vừa cho là Những sai lầm đưa đến việc không còn thích hợp trong vai trò lãnh đạo VBVNHN của Văn hữu Phạm Quang Trình?

Vinh Tuấn: Thưa văn hữu. Đây là một câu hỏi tế nhị. Chúng tôi thực lòng không muốn đề cập đến những sai lầm của một người, từng là văn hữu, cũng từng làm việc chung với nhau. Tuy nhiên để tránh ngộ nhận, để tránh những phần tử xấu xuyên tạc việc làm của Văn Bút.

Chúng tôi xin ngắn gọn trình bày, một số điều để công luận tự đánh giá. Chúng tôi không muốn có bất cứ kết luận nào. Tóm tắt ông Phạm Quang Trình đã làm những việc đáng tiếc như sau:

-Không tôn trọng nguyên tắc dân chủ, xen vào nội bộ của nhiều Trung Tâm, gây tình trạng xáo trộn sinh hoạt tự trị của các TT.

- Phổ biến những tin tức sai lạc, có mục đích tranh biện, nguy biện và bôi nhọ cá nhân ra ngoài nội bộ Văn Bút làm sức mẻ trầm trọng.

-Xử dụng những ngôn từ bất xứng, những phong cách thiếu văn hóa đối với rất nhiều hội viên thuộc các TT.

- Cạo sửa biên bản, và phổ biến sai lạc các quyết định của BCH.
- Lạm dụng quyền hạn trong việc khai trừ nhiều hội viên, kể cả nhiều Chủ Tịch các TT và Tổng Thư Ký BCH Trung Ương (Không có Nội Qui, Điều Lệ nào cho phép chủ tịch BCH những quyền hạn này)

_ Tôi xin đính kèm tất cả những văn kiện có liên quan đến những việc làm không đúng của ông Phạm Quang Trình.

- Trên đây là một số việc ông Phạm Quang Trình đã làm, Tôi chỉ trình bày sơ lược sự việc mà không phân tích, mổ xẻ mức độ hệ trọng của nó. Tôi tin là mọi người đều nhận ra được, với những việc làm như thế. Quyết định thu hồi việc lưu nhiệm ông Phạm Quang Trình trong t^hách vụ Chủ Tịch VBVNHN là hoàn toàn chính đáng.

Tin Văn: Thưa văn hữu, qua lời trình bày của văn hữu, cùng tất cả tài liệu đính kèm, Chúng tôi nhận thấy là: VH Phạm Quang Trình quả thật không còn thích hợp trong vai trò CT.VBVNHN thoạt trông có lẽ nặng về lý mà thiếu sự dụng hòa, uyển chuyển trong tình văn hữu.

- Xin văn hữu cho biết trước khi có quyết định ((thuần lý)) như vừa trình bày, Ban Cố Vấn, Ban Chấp Hành và UBTT có nỗ lực nào nhằm giải quyết vấn đề theo một chiều hướng nặng về tình cảm và tính cách xử lý nội bộ với nhau không?

Vĩnh Tuấn: Cám ơn văn hữu đã đưa câu hỏi rất cần thiết và chí tình này, để chúng tôi có cơ hội trình bày những nỗ lực, nhằm giải quyết vấn đề trong sự tương kính và lòng tôn trọng lẫn nhau, trong tình văn hữu. Không ai muốn dùng biện pháp hành chánh, những chế tài bởi nội quy, điều lệ, để giải quyết những bất đồng nội bộ. Trước khi có quyết định của Ủy Ban Thường Trực, đã có rất nhiều trao đổi, khuyên giải lúc bằng tình cảm riêng, lúc bằng những lý luận, phân tích trên văn bản, lúc bằng tư cách cá nhân, lúc bằng ý kiến của cả tập thể, nhân danh các cố vấn, các Trung Tâm. Các Ủy Ban chuyên môn để thuyết phục ông Phạm Quang

Đào Vĩnh Tuấn

Trình, hãy đặt quyền lợi của tổ chức lên trên những tự ái cá nhân riêng tư, tránh những hành động sai lầm, gây ảnh hưởng tai hại cho Văn Bút. Ông Phạm Quang Trình đã ngoảnh mặt làm ngơ, thậm chí còn bôi nhọ phỉ báng những người mà hơn ai hết, ông ta biết không có họ, không bao giờ ông có thể thành Chủ tịch Văn Bút. Đứng trước tình trạng như vậy, vì sự sống còn của Văn Bút. Ủy Ban Thường Trực buộc lòng phải sử dụng quyền hạn để thu hồi quyết định lưu nhiệm chủ tịch bất xứng Phạm Quang Trình, Đó là điều không ai muốn, nhưng phải làm vì không còn lựa chọn nào khác.

Tin Văn: Theo văn hữu vừa trình bày quyết định của UBTT là một giải pháp bắt buộc bất đắc dĩ, sau khi những nỗ lực nhằm giải quyết vấn đề êm thấm trong nội bộ không được VH Phạm Quang Trình đón nhận.

- Vậy xin VH cho biết BCH của VH Phạm Quang Trình hiện còn có những ai? và VP. XLTV làm việc với ai ?

Vĩnh Tuấn: Tất cả quý VH trong Ban Cố Vấn, tất cả quý Văn Hữu phụ trách các Ủy Ban chuyên môn thuộc ban Chấp Hành, và hai trong bốn thành viên thuộc BCH (PCT Đào Đức Chương và chúng tôi, Tổng Thư Ký Đào Vĩnh Tuấn) Nói chung hơn 90% thành viên thuộc BCH và 8/11 TT (3 TT không có ý kiến, không có nghĩa là ủng hộ ông Phạm Quang Trình) Không còn liên hệ gì với ông Phạm Quang Trình.(Hiện ông ta chỉ còn một công sự viên duy nhất là Thủ quỹ Vũ Quang Trân.)

Tin Văn: Thưa văn hữu, dù nhìn dưới khía cạnh nào, và đứng trong cương vị nào, chuyện lũng củng nội bộ trong VBVNHN là một điều hết sức đáng tiếc, hết sức đau lòng, khiến cho tất cả mọi người quan tâm đến sinh hoạt VB đều lo âu. Xin Văn Hữu XLTV cho biết : Hiện trạng VBVNHN ra sao và điều gì sẽ xảy ra trong những ngày sắp tới ?

Vinh Tuấn: Chúng ta đang tiến hành bầu cử BCH Trung Ương, do VBQT đảm trách vai trò tổ chức. Trong thể lệ bầu cử VBQT đã xác nhận những điều căn bản như sau:

- Mọi đơn vị bầu cử đều phải ký giấy xác nhận sẽ tôn trọng kết quả bầu cử và cộng tác chặt chẽ với Tân BCH.

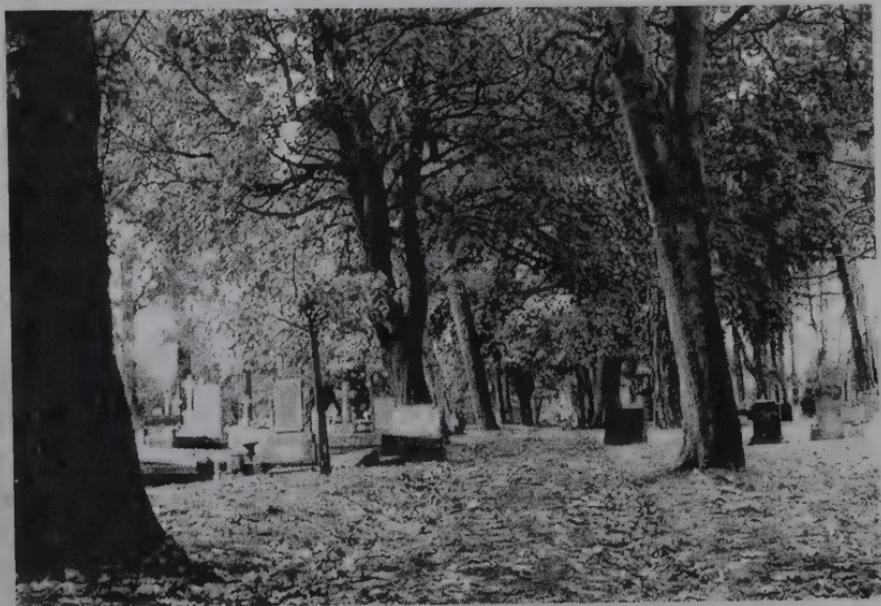
- VBQT chỉ đảm nhận vai trò tổ chức bầu cử mà không xen vào chuyện nội bộ của VBVNHN. Mọi bất đồng, tranh chấp nội bộ sẽ do Đại Hội Đồng, do Chủ Tịch Tân Ban Chấp Hành triệu tập và giải quyết.

- Chúng ta đang sinh hoạt dân chủ tại một đất nước dân chủ, quyết định của đa số trong đại hội sẽ là tiếng nói quyết định để giải quyết mọi vấn đề. Ai cũng nhận thấy, và ai cũng tôn trọng nguyên tắc sinh hoạt này. Chỉ có những kẻ phá hoại mới đi ngược lại tập thể, và chắc chắn họ sẽ bị đào thải. Việc ổn định để xây dựng ngôi nhà VĂN BÚT ngày một vững mạnh: Chỉ là chuyện thời gian.

Tin Văn: Xin cảm ơn VH XLTV về buổi nói chuyện hữu ích này.

Bia Đá

Tôi đứng bên này bờ biển lạnh
Hỏi người bên nớ bên ni
Ai cho ta tình thương bát ngát?
Ai cho ta thù hận tù đầy?
Xin tử nhục, ghi vào Bia Đá
Lửa bùng lên, lửa bùng lên
Tình người xa lạ
Trời quê hương mưa bụi mịt mờ
Dân tôi ơi! bước trong ngấn ngơ
Xin tử nhục ghi vào Bia Đá
Lửa bùng lên thế lực ma vương
Bao năm quỷ dữ gằm trong động
Ta giữa rừng thiêng chết nửa người
Lửa bùng lên, tôi mất linh hồn
Vinh hoa phú quý, nước mắt tuôn
Con đường lịch sử sao gian dối
Ôi! Một dòng sông đã đổi nguồn



Nguồn xưa đã mất
Tình xưa đã hết
Tôi xưa cũng chết.
Chúa hãy nhìn xem, Phật hãy nhìn xem
Có tên vô đạo chết bên đường
Xin tử nhục ghi vào Bia Đá
Đường chiều cây đổ bóng dài
Phù du cát bụi mệt nhòaì thời gian.

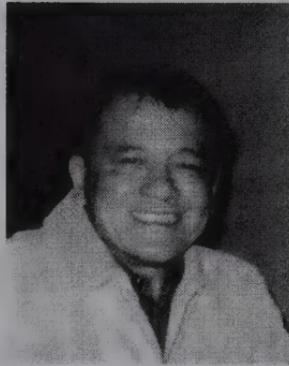
Vĩnh Tuấn



Truyện Ngàn

Trường Sơn

Lê Xuân Nhị



Trương Sơn Lê Xuân Thi

*Lý lịch cá nhân:

- Sinh năm 1951 tại Ban Mê Thuột trong một gia đình nông dân. Tình nguyện đi lính khóa 4/70 Thủ Đức năm 18 tuổi. sau khi mãn khóa tuyên chuyển về Không Quân được huấn luyện trở thành Phi công lái tàu bay L-19 (loại máy bay cũ, nhỏ, và bay chậm nhất KQVNCH) năm 1971, đóng tại Nha Trang, phi đoàn 114.
- Tị nạn tại Hoa Kỳ sau biến cố 75. Hiện là công chức Liên bang Hoa Kỳ ngành điện toán.
- Đang sinh sống tại Thành phố New Orleans, Louisiana. Hoa Kỳ, cùng vợ và con.

*Sự nghiệp văn chương:

Mê sách và viết truyện từ năm 10 tuổi, bạn bè cùng lớp đều ưa thích. Nhưng sự nghiệp văn chương bị gián đoạn từ khi vào lính. Sau khi tị nạn sang Mỹ mãi cho đến năm 1987, tình cờ tờ báo Lý Tưởng của KQ ép viết một bài, chính bài này làm đọc giả xúc động kể cả Trung tướng Tư lệnh KQ. Zược khuyến khích, nên đã viết thử một truyện dài và nhờ đó trở thành một nhà văn lúc nào không biết.

Lễ Giã Ảnh Liệm Năm 2006

Tại Dallas, Texas

Vong hồn anh linh thiêng, xin về phù trợ cho anh em ráng sống hết cuộc đời còn lại của mình, nếu không được hào sảng và ngang tàng như anh thì cũng đừng làm trò gì ô uế đến thanh danh của những người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đừng phản bội anh linh những bằng hữu của mình đã bất hạnh nằm xuống...

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Kỷ niệm lần giỗ năm thứ 9 bác sĩ nhảy dù Tô Phạm Liệu, biệt danh do anh tự đặt lấy: “A Lịch Sơn Thành Cuồng Thái Y, Việt Nhảy Dù, Âm Sĩ Tô Phạm Liệu”

Thường thường, những người đã từng mặc đồ lính thì luôn luôn yêu đời lính. Tôi cũng thế, nhưng tôi chưa hề thấy một người nào yêu đời lính như ông bác sĩ nhảy dù Tô Phạm Liệu. Anh Liệu yêu đời lính đến độ, phải mặc đồ dù trông áo saut vào người thì rượu uống mới thấy ngon, cử động ăn nói với thoải mái tự nhiên được... Những câu chuyện mà anh nói trên bàn rượu, nói tới nói lui, nói đi nói lại rồi thì cuối cùng cũng trở về lính và tất cả những thứ gì có dính dáng tới lính. Đủ thứ lính nhưng dĩ nhiên, lính nhảy dù thì nhiều nhất. Lại một điều là không bao giờ nghe thấy anh khoe cái nghề tu bíp của mình...

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Những ngày lưu vong nơi xứ người, bác sĩ nhảy dù Tô Phạm Liệu làm việc cho nhà thương VA ở thành phố Alexandria, tiểu bang Louisiana. Alexandria là một thành phố nhỏ nằm ở giữa 3 thành phố lớn, thứ nhất là Houston, thứ nhì là Dallas và thứ ba, nhỏ hơn cả nhưng tình hơn cả New Orleans. Điều đáng nói là từ Alexandria đi đến ba thành phố này, khoảng cách hầu như gần bằng nhau, khoảng 300 dặm...

Có lẽ vì thế, vào những ngày cuối tuần, ông bác sĩ giang hồ này thường có mặt tại một trong ba thành phố này nhiều hơn ở nhà. Tuần thì Dallas, tuần thì Houston và tuần thì New Orleans. Nơi nào cũng có bạn bè của anh, nơi nào anh em cũng nồng hậu đón tiếp anh, nơi nào cũng hứa hẹn những cơn say nghiêng ngửa, những trận cười tới đất.

Những ngày anh Liệu xuống New Orleans, dĩ nhiên, đối với những bạn bè và anh em của anh Liệu như chúng tôi thì thành phố bỗng trở nên tưng bừng như những ngày hội...

Anh Liệu thường đến chiều thứ Sáu và tiệc rượu bắt đầu liền, kéo dài sang ngày thứ bảy, sang đến tối chủ nhật hoặc có khi đến sáng thứ hai, tùy theo hoàn cảnh...

Tôi không thể nào quên được chiếc xe Van màu xanh da trời của anh. Xe không cũ, cũng không mới, chỉ chạy được, coi được. Nhưng nó đưa anh đến tất cả những nơi anh muốn đến...

Lần nào cũng thế, sau khi dừng xe, anh bước xuống, miệng cười hớn hở và tay thì xách cái... túi quân trang vào nhà. Anh vào phòng tắm, rửa mặt mày rồi cởi bộ thường phục ra, tròng bộ đồ hoa rùng của nhảy dù vào người. Tùy theo thời tiết nóng lạnh, anh có thể thêm chiếc áo saut vào...

Lúc anh trở ra trong bộ đồ dù, ai cũng thấy mặt mày anh sáng rỡ. Đó chính là lúc anh sẵn sàng ngồi xuống uống rượu và vui đùa với anh em...

Ai uống rượu với anh Liệu rồi, đều phải công nhận anh uống rượu rất là dễ thương. Anh luôn luôn có những mẫu chuyện cười thủ

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

sẵn trong túi mình và khi cần thì lấy nó ra, kể cho anh em nghe. Nghe xong thì ai cũng ôm nhau rũ ra mà cười. Cười đến đổ cả rượu, cười đến chảy cả nước mắt...

Nhưng không phải anh Liệu chỉ biết uống rượu. Anh còn bênh vực và lo lắng cho bạn bè nhảy dù của anh. Tôi xin kể lại một chuyện.

Năm 1992, Phan Nhật Nam vừa chân ướt chân ráo sang Mỹ, không hiểu vì một lý do gì đó, nhà văn chống Cộng nổi tiếng của của quân đội bị thiên hạ đánh tơi bời trên báo chí và trên internet. Chúng nó bảo anh Phan Nhật Nam là Việt cộng nằm vùng, là đủ thứ. Khốn nạn thật.

Một buổi chiều nào đó khoảng năm 1992, tôi cùng anh Liệu và một nhóm bạn nhà binh ngồi uống rượu. Tôi bảo:

-Anh Liệu, ngay cả một nhà văn chống Cộng nổi tiếng như anh Phan Nhật Nam mà chúng nó còn dám đội nón cối vào đầu thì khốn nạn thật.

Nhiều người bạn lính tôi chửi thề. Người khác, có lẽ cũng bắt đầu xin rỗi, đòi... bắn chết mẹ chúng nó.

Anh Liệu chỉ ngồi im, khuôn mặt anh nhăn nhúm lại, đau khổ. Có lẽ anh nghĩ mình bất lực. Anh trầm ngâm một lúc rồi bảo chúng tôi:

-Tao biết thằng Nam từ hồi còn nhỏ, hai đứa tao cùng ở một nhà, đi học chung một trường. Nó làm sao là Việt cộng được...

-Thì ai lại chẳng biết thế...

Rồi anh bảo:

-Tụi mình phải làm một cái gì cho Phan Nhật Nam. Mình không thể ngồi yên nhìn chúng nó đánh Phan Nhật Nam như thế.

Có người nhát gan, bảo nếu mình bênh PNN thì chúng nó đánh mình luôn sao. Anh Liệu lắc đầu cười:

-Mẹ kiếp, thằng nào muốn đội nón cối vào đầu ông xin cứ tự nhiên, ông đây cóc sợ.

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Chúng tôi ngồi nói chuyện một lúc và bỗng nhớ ra một chuyện. Thành phố New Orleans hồi đó đã được nổi tiếng là thành phố đầu tiên đã làm lễ Thượng Kỳ ngày quân lực tại tòa thị sảnh thành phố. Hôm thượng kỳ đầu tiên có cả tướng Westmoreland và nhiều nhân vật cao cấp Việt Mỹ đến tham dự. Theo thông lệ đó, hàng năm, chúng tôi tiếp tục làm lễ thượng kỳ tại tòa Thị Chính. Mỗi một lần thượng kỳ như thế, chúng tôi thường mời một nhân vật quan trọng trong cộng đồng Việt hay Mỹ đến đọc diễn văn.

Chúng tôi nảy ra ý kiến mời nhà văn Phan Nhật Nam đến đọc diễn văn vào buổi lễ thượng kỳ năm ấy. Trong bàn rượu hôm ấy vô tình có mặt ông chủ tịch hội Cựu Quân Nhân tại Louisiana là ông Nguyễn Văn Phú, trưởng ban tổ chức Lễ Thượng Kỳ. Nghe chúng tôi đề nghị, ông vui vẻ nhận lời ngay.

Nửa tiếng đồng hồ sau, anh Liệu và anh em nhảy dù còn thêm một tiết mục ra mắt sách cho nhà văn Phan Nhật Nam sau khi chào chờ vào buổi tối hôm đó.

Mười lăm năm rồi nhưng tôi còn nhớ lại như mới ngày hôm qua. Ngày hôm đó là một ngày vui. Thật là vui. Anh em lính tráng khắp nơi đổ về tham dự lễ Thượng Kỳ. Phan Nhật Nam hiên ngang và dõng dạc lên đọc diễn văn trong bộ quân phục nhảy dù. Chiều hôm đó là lễ ra mắt sách, và sau đó, chúng tôi nhập tiệc, nhậu nhẹt gần đến sáng...

Kể từ ngày đó, bọn khốn nạn nào đã đánh Phan Nhật Nam bỗng đứng chùng tay lại và từ từ im tiếng, rút vào bóng tối luôn.

Một kỷ niệm vui khác về anh Liệu, xin cho phép tôi kể ra đây. Hồi thân phụ tôi mới sang Mỹ, gia đình chúng tôi làm một bữa tiệc đãi bác sĩ Liệu. Tuy chúng tôi coi nhau như anh em nhưng khi thân phụ biết con mình quen ông bác sĩ nổi tiếng Tô Phạm Liệu thì lấy làm hãnh diện lắm, nhất định phải mời ông bác sĩ tới nhà dùng cơm cho được.

Tiệc vui bắt đầu rất nhộn nhịp. Thân phụ ngồi ở đầu bàn bên kia, bác sĩ Liệu ngồi ở đầu bàn bên này, tôi ngồi...kẹt ở giữa

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

một đám anh em, mọi người cười cười nói nói vui vẻ, chan gặp ào ào, nốc rượu liên miên, tưng bừng vui vẻ...

Đến một lúc nào đó, giữa bữa ăn, tôi bỗng nghĩ ra một chuyện để chọc bác sĩ Liệu và có thể đùa với thân phụ một chút. Tôi làm mặt nghiêm trang, rầu rầu hỏi bác sĩ Liệu giữa bàn tiệc:

-Anh Liệu, anh là bác sĩ, em có bị chứng bệnh này mà chữa hoài không khỏi, bây giờ gặp ông bác sĩ ở đây, không biết nói ra anh có thể chữa được cho em không?

Cả nhà tôi khi nghe như thế, nhất là mẹ tôi và thân phụ nhìn tôi lo lắng, không biết tôi có bệnh gì mà cả nhà chẳng ai biết. Chỉ có mình anh Liệu có lẽ đoán tôi sắp sửa đùa giai nên liếc nhìn tôi và cười cười bí mật.

Anh bảo, làm như chẳng biết gì:

- Thì cậu cứ kể bệnh tôi nghe thử. Nếu có thuốc thì tôi cho, không thì tôi giới thiệu đến bác sĩ khác chữa cho cậu. Mình ở trên đất Mỹ mà.

Tôi nói, vừa nói vừa làm bộ mặt nghiêm trang, ráng giữ cho đừng cười:

-Anh Liệu, em bị cái bệnh gì không biết mà đi đâu, hễ gặp... đàn bà con gái đẹp thì cứ phải quay đầu lại mà nhìn, nhìn mãi không thể nào bỏ được. Anh có thuốc gì cho em uống cho bỏ cái bệnh... nhìn gái này...

Cả nhà cười rộ lên. Anh Liệu chờ cho tiếng cười lắng xuống rồi mới bình thản trả lời:

-Trời ơi, nếu cậu gặp đàn ông đẹp giai mà nhìn như thế thì thật là nguy hiểm, cần phải cho thuốc uống gấp gấp chứ gặp đàn bà con gái đẹp mà nhìn như thế thì... tốt lắm, chẳng có bệnh gì cả. Thú thật là tôi cũng giống cậu, gặp đàn bà con gái đẹp là cứ lơ mắt ra mà nhìn. Cậu cứ tiếp tục nhìn đi, chẳng sao cả...

Cả nhà lại cười rộ lên một lần nữa...

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Đấy, những lần đi uống rượu với anh Liệu, dù ở trong hàng quán, dù ở trong nhà, hay dù bất cứ ở đâu, anh Liệu cũng tiếu và lanh trí và tiếu như thế cả.

Kiến thức về y học của anh Liệu như thế nào thì tôi không biết, nhưng kho tàng tiếu lâm và chuyện đời của anh Liệu thì sâu thăm thẳm, không bao giờ hết. Hơn thế nữa, hễ nói về nhảy dù thì anh Liệu có thể nói đến cả ngày mà vẫn chưa hết chuyện. Nhảy dù Việt Nam được thành lập như thế nào, bắt đầu ra sao, anh kể vanh vách từng ngày thành lập, từng người tiểu đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, không thiếu một ai. Không phải chỉ có nhảy dù Việt Nam mà ngay cả nhảy dù Anh, nhảy dù Pháp, nhảy dù Lê Dương, nhảy dù Mỹ, nhảy dù Do Thái anh cũng đều biết tường tận, rõ ràng từng chi tiết. Anh kể tụi SAS (Special Air Service) của Ấng Lê được huấn luyện kỹ lưỡng như thế nào, bọn SEAL Mỹ trưởng thành ra sao từ đệ nhị thế chiến v.v...

Ngồi nói chuyện với anh, nếu không biết anh là bác sĩ thì ai cũng tưởng anh là một nhà nghiên cứu quân sự. Anh là dân bộ binh mà anh lại biết rất nhiều về phi cơ, từ trực thăng cho đến phóng pháo phản lực của Không Quân. Không Quân đã rành, Hải quân cũng rành luôn. Những tàu chiến của Hải quân như tiềm thủy đình, hàng không mẫu hạm anh cũng biết rành rẻ. Chiếc hàng không mẫu hạm này trọng tải bao nhiêu, có bao nhiêu mã lực, anh đều biết rõ. Chưa hết, ai muốn biết hỏa tiễn ICBM của Mỹ tầm bắn bao nhiêu ngàn dặm, mang đầu đạn nguyên tử bao nhiêu Mega-ton anh cũng cắt nghĩa cho nghe...

Tôi biết anh đã bỏ rất nhiều thì giờ để nghiên cứu những chuyện này vì đó là một đam mê của anh...

Dĩ nhiên, trong những tiệc rượu, một trong những đề tài mà anh em thường hỏi anh nhiều nhất là trận đánh đã đi vào quân sử ở đồi Charlie, nơi đã đón nhận hình hài của đại tá Nguyễn đình Bảo và đồng thời cũng đưa tên tuổi anh cùng vài người khác lên hàng

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

những anh hùng của quân dân Việt Nam qua ngòi bút tuyệt vời của Phan Nhật Nam.

-Ngày tiểu đoàn xuống Charlie, tao đang còn chống gậy vì bị trật chân...

Anh luôn luôn bắt đầu như thế rồi cười khi một phát:

-Mẹ... tụi tao vừa đi hành quân về, đang dưỡng quân ở vườn Tao Đàn. Bố khỉ, lính uống rượu sau lấy súng bắn chỉ thiên thế nào không biết, ngày hôm sau tiểu đoàn bị bốc đi. Mẹ, thế là hết dưỡng quân, đành khăn gói lên đường.

Hôm đó, anh bị trật chân chưa lành, nhảy xuống đồi Charlie còn phải chống gậy, đi khập khiễng. Nếu anh muốn, anh có quyền xin dưỡng thương ở nhà nhưng anh không muốn. Anh muốn đi với anh em...

Tiểu đoàn 11 dù đã bị pháo của Bắc Quân cường tập như thế nào, mọi người đã biết, nhưng phải nghe đích thân anh Liệu kể mới thấy thấm thía. Từng giây từng phút một trên ngọn đồi Charlie, quân ta đã oằn oại chịu đựng những cơn mưa pháo của đối phương. “Mẹ, chúng nó bắn không trật một quả ra ngoài,” anh Liệu bảo thế, mặt hơi nhăn lại.

Một lần, trong một đợt tấn công, anh Liệu đứng lên khỏi giao thông hào, móc cây Colt .45 của người y sĩ ra, bắn vào Việt cộng. Ông trung tá cố vấn tiểu đoàn người Mỹ tên Duffy nhìn thấy. Sau trận đó, ông cố vấn làm một bài thơ tả lại trận đánh và kể chuyện ông bác sĩ nhảy dù dùng Colt .45 để bắn nhau với Việt cộng. Sau khi sang Mỹ, ông gửi tặng anh Liệu một tập thơ và anh Liệu đã đem tặng tôi. Tôi quý tập thơ lắm và gìn giữ như một báu vật.

Bài thơ của ông trung tá nhảy dù Hoa Kỳ tên Duffy nguyên văn như sau trong tập thơ Warman, tôi xin copy lại nguyên bản để tặng anh em:

Courage

The Doc have been shot at

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Oh, Lord! He has his gun out!
Sighting, Aiming and Shooting
At a cannon with a Forty-Five

He is hit and down
But not for long,
Back up again,
Sighting, Aiming and Shooting

Trying to knock out a cannon,
With his Forty-Five
God, isn't he ridiculous?
But he has courage.
Duffy (Warman)

Tạm dịch:

Can Trường

Ông bác sĩ bị bắn
Trời đất ơi, ông rút cây súng ra
Chuẩn bị, nhắm và bắn
Vào cây đại pháo bằng khẩu 45

Ông bị bắn và té xuống,
Nhưng không lâu
Lại đứng lên trở lại,
Chuẩn bị, nhắm và bắn

Ông gắng tiêu diệt cây đại pháo,
Bằng cây súng 45
Trời ơi, ông ta thật là nực cười
Nhưng ông ta thật là can trường.

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Đọc bài thơ này của một người cố vấn Mỹ, tôi không ngờ anh Liệu lại can trường như thế. Điều đặc biệt là anh không bao giờ kể lại sự can trường của mình. Anh luôn luôn bảo, rất thành thực “Tao chả ngon lành gì, nhưng người ta sao thì mình vậy.”

Một ngày anh Liệu cùng tôi ngồi cửa mấy chai vang của anh đem xuống. Tự nhiên anh nhìn tôi nói:

-Đức Khổng Tử bảo “Khi tiễn đưa nhau, kẻ tiểu nhân tặng nhau lễ vật, nhưng người quân tử thì tặng nhau những lời hay ý đẹp. Mày là nhà văn, tao có cuốn sách muốn tặng cho chú mày.”

Rồi anh mở va li lấy tập thơ “Warman” của ông trung tá cố vấn Duffy đã tặng cho anh, đưa cho tôi. Đây là một chuyện lạ nhưng tôi lúc ấy tôi không để ý lắm vì rượu đã ngà ngà say.

Sau này nghĩ lại về tập thơ tôi mới thấy giật mình kinh hãi. Diêm gở gì đây? Tại sao đương không anh lại tặng cho tôi tập thơ rồi lại còn kéo ông Khổng về để bảo “Người quân tử dùng lời hay ý đẹp để tiễn đưa nhau...” Tại sao lại “tiễn đưa.” Bình thường, anh Liệu là một người rất kiên cố. Mỗi khi sưu tầm được một cái áo saut đẹp, anh lấy tặng cho tôi nhưng luôn luôn bảo: “Tặng áo là một dấu hiệu của sự chia tay. Tao bán cho mày cái áo này chứ không tặng. Lấy đưa tao một đô la rồi ra ngồi uống rượu.” Tại sao bây giờ bỗng dưng anh lại tặng cho tôi một tập thơ quý giá nhất của anh? Tôi cảm thấy có điều gì không ổn.

Thật thế, lần uống rượu hôm ấy là lần cuối cùng tôi uống với anh. Sau hôm đó, anh không còn xuống New Orleans thường nữa. Có khi cả mấy tháng anh không xuống một lần, nhưng xuống là đi ngay, không ghé ai cả.

Tôi không biết chuyện gì xảy ra nhưng tôi nhớ lại một chuyện như thế này.

Hồi đó, anh Liệu xuống New Orleans thường ngủ lại nhà tôi và một buổi sáng, sau khi anh đi rồi, vợ tôi vào dọn phòng và tìm thấy một ống Insulin, loại ống chích dành cho người bị tiểu

đường. Vợ tôi ngày xưa làm trong nhà thương nên biết rõ loại này.

Nàng hỏi:

-Ông bác sĩ bạn anh bị bệnh tiểu đường phải không anh?

Hỏi đó tôi đâu biết gì, nên lắc đầu. Nàng đưa ống thuốc cho tôi coi và nói:

-Nếu không thì làm sao ảnh lại sử dụng ống chích này. Đây là ống chích dành cho những người bị bệnh tiểu đường...

Chúng tôi nhìn nhau im lặng, không nói gì thêm. Một lúc, vợ tôi phê bình một câu, vô thưởng vô phạt:

-Bị tiểu đường mà uống rượu được như thế thì hay thật.

Năm cuối cùng và không lâu trước khi anh vĩnh viễn ra đi, một ngày thứ bảy, tôi đang ngồi viết lách thì chuông điện thoại nhà reo vang. Tôi nhấc máy lên và mừng hóm khi nghe tiếng anh Liệu trong ống nói. Hình như đã hơn một năm rồi tôi chưa được gặp anh. Tôi tưởng anh ghé nhậu nên hỏi anh đang ở đâu, chừng nào đến tôi hay tôi sẽ tới bất chỗ nào đó mà anh đang ngồi nhậu.

Anh Liệu trả lời, giọng buồn buồn:

-Anh đang ở Phở Hòa ngồi nói chuyện với Thịnh và Thắng nhỏ nhưng anh phải đi liền...

Nghe nói anh ngồi với Thịnh và Thắng thì tôi càng mừng hơn nữa vì hai tay này cũng là dân nhẩy dù, cũng là dân bợm nhậu... tới bến. Nhưng những tay đại hảo hán nhẩy dù này gặp nhau vào một buổi sáng thứ bảy, nếu không nhậu thì để làm gì mà anh Liệu phải đi liền? Chuyện này khó hiểu.

Tôi cực lực... phản đối:

-Anh nói thế nghe không được anh Liệu. Anh không tới đây thì chờ đấy em ra liền...

Anh Liệu ngập ngừng một chút rồi nghẹn ngào cất giọng, buông một câu mà tôi nghĩ là câu nói đau đớn nhất trong đời anh:

-Anh không uống rượu được nữa rồi Nhị ơi...

Tôi hoảng kinh, thở phì ra một phát, ngờ ngợ một chuyện gì kinh khủng lắm đã xảy ra. Im lặng một lát, anh tiếp:

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

-Anh có chuyện phải ghé qua New Orleans, gọi thăm em chút mà...

Tôi bàng hoàng đau đớn, hỏi dồn dập. Anh không trả lời, chỉ vắn tắt gởi lời thăm anh em tôi và gia đình tôi. Thấy anh như không muốn gặp tôi, tôi không dám ép. Gác điện thoại lên giá, tôi ngồi thừ ra suy nghĩ, thấy lòng mình chùng xuống, đau đớn vô cùng.

Sau đó, tôi tìm hiểu và nghe anh Liệu bị bệnh nặng lắm, bụng xưng to lên. Thỉnh thoảng anh vẫn còn về New Orleans để khám bệnh hay làm gì đó nhưng anh không còn muốn gặp anh em nữa. Nhiều người không hiểu vì sao nhưng tôi hiểu. Con người của anh Liệu là hiện thân của sự vui đùa sung sướng. Bây giờ anh không còn vui được, không còn uống rượu được, hơn nữa, hình hài bị tàn phá, anh không muốn anh em nhìn thấy anh như thế, sợ anh em buồn.

Anh cao cả làm sao.

Rồi một ngày, anh Liệu nằm xuống. Nơi anh nằm xuống là thành phố Alexandria, tiểu bang Louisiana. Alexandria là một thành phố rất là khiêm nhường của một tiểu bang khiêm nhường nhất của Hoa Kỳ. Alexandria một thành phố nhỏ nằm hiu quạnh như bị chôn kín giữa những rừng thông chập chùng bất tận. Alexandria với những người nông dân chất phát quê mùa của miền Nam nước Mỹ. Alexandria nơi người Việt ở đếm không quá mười đầu ngón tay. Alexandria, nơi bác sĩ Liệu âm thầm sinh sống và âm thầm hành nghề tu bíp sau khi đặt chân đến Hoa Kỳ. “Alexandria chả có mẹ gì,” anh Liệu thường nói như thế, cặp mắt buồn buồn. Alexandria, thành phố u buồn ấy, cuối cùng, đã đón nhận hình hài của một người y sĩ, một người lính nhảy dù Việt Nam...

Alexandria, hay A Lịch Sơn thành, ngậm ngùi và đau đớn làm sao...

Tô Phạm Liệu, người bác sĩ nhảy dù, người đã tham dự không biết bao nhiêu trận đánh lớn nhỏ trong một binh chủng hung hãn và tài giỏi nhất của quân lực, người đã lê đôi giày trên khắp

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

bốn vùng chiến thuật để bảo vệ tổ quốc và đồng bào mình, người đã trở thành anh hùng sau trận Charlie, người mà pháo giặc dù cho hung hãn đến mấy cũng không hề đụng đến được một sợi lông ở đồi Charlie, người mà cuối cùng, đã đi nửa vòng thế giới để làm một người tị nạn, người ngày xưa đã chữa trị và cứu sống không biết bao nhiêu binh sĩ dưới bầu trời lửa đạn, và người bây giờ đem niềm vui cùng nụ cười đến cho không biết bao nhiêu anh em đồng đội, đã vội vàng và âm thầm nằm xuống ở một lứa tuổi còn quá trẻ.

Tô Phạm Liệu, người đã nằm xuống...

Anh Liệu đi rồi, chén rượu bọn em uống bây giờ không còn thấy như ngày xưa nữa, như thiếu thiếu một cái gì...

Mùa hè (lại mùa hè) năm 2005, bão Katrina tàn phá thành phố tôi ở, làm tôi khăn gói lên đường tị nạn. Tôi lái xe lên hướng bắc, rồi kẹt đường phải vòng về Tây Nam rồi sau đó lấy hướng đi Dallas. Đoạn đường chỉ có 500 dặm mà tôi lái hơn hai ngày chưa tới vì hàng chục ngàn chiếc xe dồn dập, chen lấn nhau. Tốc độ trung bình khi nào mau lắm là 30 dặm.

Một ngày sau vào buổi chiều gần tối, xe đang chạy phom phom trên đường, tôi bỗng ngạc nhiên khi nhìn thấy tấm biển trước mặt: “Alexandria chào mừng quý khách.” Tiếp theo đó là tấm biển khác đề như sau: “Alexandria Next Three Exits.”

Tôi giật mình và nghĩ đến anh Liệu. Đây chính là nơi anh đã sống những ngày cuối cùng. Trời về chiều, tôi đưa mắt nhìn chung quanh, chỉ thấy rừng rậm xanh rì. Tôi nhớ đến cái tên của thành phố nơi anh ở, thành phố Pine Ville, tức thành phố những cây thông.

Alexandria, hay A Lịch Sơn Thành, thành phố của anh Liệu.

Hồi còn sống, anh thường đùa với chúng tôi, nói như sau trong những buổi tiệc rượu:

-Biệt hiệu của tao là: A Lịch Sơn Thành, Cuồng Thái Y, Việt Nhảy Dù, ẩm sĩ Tô Phạm Liệu.

Sợ chúng tôi không hiểu, anh cắt nghĩa như sau:

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

-Này nhé, A Lịch Sơn thành tức là thành phố Alexandria, Cuồng Thái Y tức là bác sĩ chữa bệnh điên, Việt Nhảy Dù bởi vì tao là lính nhảy dù, âm sĩ tức là người uống rượu, Tô Phạm Liệu chính là tao.

Chúng tôi ai nấy cười rộ. Anh có vẻ khoái cái biệt hiệu này lắm, cứ lập đi lập lại hoài trong những lần nhậu, ra chiều rất đắc ý về cái tên của mình...

Chiều hôm đó, một buổi chiều oi bức và một mình tôi trong một chiếc xe hơi chạy đi trốn bão, tôi cảm thấy nhớ anh vô cùng. Tôi toan ghé vào một exit nhưng thành phố nhỏ quá, chỉ chớp mắt chiếc xe của tôi đã vượt qua 3 cái ngõ vào. Tôi đi luôn và định bụng, khi hết bão trở về, tôi sẽ ghé thăm thành phố anh ở.

Ba tuần sau cơn bão, tôi quay trở về và lúc lái xe ngang qua Alexandria thì trời đã tối đen như mực. Tôi quẹo vào ngõ rẽ và dừng xe ở cây xăng đầu tiên. Tôi xuống xe đi một vòng và chẳng nhìn thấy gì ngoại trừ những bóng đêm dày đặc. Tôi bước vào đồ xăng và tự hỏi lòng mình, không biết anh Liệu đã dừng xe ở đây để đổ xăng bao nhiêu lần trước khi anh đi nhậu hoặc khi anh đi nhậu trở về. Anh đã nghĩ gì trong những lần ấy?

Tự nhiên, tôi thấy nơi anh ở buồn quá. Buồn và cô quạnh, và không hiểu sao, tôi có thể nói là thê lương nữa. Tôi không biết anh nghĩ gì trong đầu mỗi lần đứng ở đây bơm xăng. Anh nghĩ gì không biết nhưng chắc anh phải cô đơn và nhớ bạn bè lắm. Có cô đơn như thế anh mới phải đi nhiều. Đi nhiều để tìm những trận cười, để nói chuyện và tán dóc với anh em bạn bè...Đi để tìm lại những vùng trời đã bị đánh mất.

Sau đó, vì công việc, tôi phải lưu vong về thành phố Dallas sống, làm một anh cao bồi bất đắc dĩ. Tháng 9 năm 2006, anh em nhảy dù ở Dallas làm lễ giỗ anh Liệu. Tôi đến nơi thấy bàn thờ anh đã được trang hoàng tề chỉnh, bạn bè đang đứng thành từng nhóm nói chuyện. Tôi tới trước bàn thờ anh Liệu, tính đốt nhang nhưng nhìn lại, tôi thấy hình như bàn thờ còn thiếu thiếu một cái gì. Nhìn

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

kỹ hơn, tôi thấy nhang đèn hoa quả đầy đủ và biết thiếu cái gì liền. Tôi chạy ra xe, lấy hai chai rượu mình mang theo lễ mễ đặt lên bàn thờ anh.

Một người nào đó lột cái mũ đỏ mình đang đội trên đầu và đội lên tấm hình của anh...

Bây giờ thì tôi có thể đốt nhang và khấn vái. Tôi niệm với linh hồn anh đang tiêu diêu ở một nơi nào đó, xin anh về đây chứng giám cho tấm lòng thành của những người bạn, người em của anh.

Anh ra đi lúc tuổi còn quá trẻ, để lại không biết bao nhiêu là thương nhớ trong lòng mọi người. Sinh ra trong thời ly loạn, anh đã mặc áo nhà binh để phụng sự tổ quốc mình và đã trở thành một anh hùng cho thế hệ chúng tôi. Anh chính là một Lệnh Hồ Xung tân thời. Lệnh Hồ Xung của nháy dù Việt Nam. Tôi may mắn và hãnh diện biết bao khi được quen biết với anh, được anh coi như một đứa em, một người bạn.

Nhà văn Phan Nhật Nam đứng lên tuyên bố lời khai mạc. Sau đó, từng người một lên nói về anh. Tôi cũng lên, lí nhí vài lời, kể lại vài kỷ niệm với anh, nhưng không nói được nhiều. Nước mắt tôi chan hòa.

Mùa Xuân năm 2007, tôi bay sang Santa Anna đi nhậu với em của anh Liệu, ông Tô Phạm Thái. Trời đất, tôi tưởng ông Thái, em ông Liệu thì chắc phải biết uống rượu không nhiều thì ít. Nào ngờ, ông ấy chỉ uống cô ca làm cho tôi... thất vọng vô cùng. Ông Thái cũng có máu tếu giống như anh Liệu nhưng nói chuyện chẳng biết chữ thề, mặt mũi coi hiên lành ngoan ngoãn như một ông bụt. Chán bỏ xừ. Hình như, trong thiên hạ có bao nhiêu bồ rượu thì anh Liệu đã dành uống hết rồi, chẳng để cho ông em được bao nhiêu.

Chúng tôi ngồi ở một quán phở và tôi nói chuyện về tập thơ "Warman" mà anh Liệu tặng tôi hôm nào. Tôi bảo anh Thái đây là một sản phẩm vô cùng quý giá và tôi tự cảm thấy mình không đủ vinh hạnh để lưu giữ. Tôi muốn hoàn trả báu vật này lại cho gia đình anh Liệu. Đây không phải là một tập thơ thường mà một tập

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

hồi ký trung thực viết dưới dạng thơ của một ông trung tá trong quân đội Hoa Kỳ. Không phải viết bằng mực mà bằng máu và nước mắt của những người lính nhảy dù Việt Nam...

Đây là một minh chứng hùng hồn về những can trường, những hy sinh vĩ đại, những uất hận khôn nguôi qua những trận đánh đẫm máu đến độ kinh hoàng của những người lính Việt Nam, không phải do một người lính Việt Nam viết mà một người lính Mỹ đã từng phục vụ với những người lính Việt Nam viết lại. Cuối cùng, đây một thiên hùng sử ca trung thực nhất dành cho một binh chủng oai hùng nhất của một quân lực cô đơn nhất, bất hạnh nhất trên thế giới. Một quân lực đã bị phản bội trắng trợn và bỏ rơi dễ dàng...

Con cháu anh Liệu cần có những tài liệu này làm hành trang cho chúng nó bước xuống cuộc đời. Với tập thơ này, chúng nó sẽ hãnh diện mà ngẩng mặt lên để nhìn đời, để chiến đấu và để hy vọng... Một tập thơ nhỏ không thể nào nói lên hết một cuộc chiến bi hùng kéo dài hàng chục năm với hàng triệu người ngã gục, nhưng cũng nói lên được một phần nào, dù rất nhỏ, cuộc chiến đấu và sự hy sinh can trường của cha anh, của một thế hệ...

Thôi nhé anh Liệu. Cuộc đời mà. Ai trong chúng ta rồi cũng đến một ngày phải chia tay mà thôi. Tử Biệt Sinh Ly. Sinh ra là chia lìa, chết đi là tử biệt, người xưa đã nói vậy. Điều quan trọng và đáng kể là ngày xưa anh đã sống một cuộc đời oai dũng và ngoại hạng. Ngày hôm nay lưu vong trên xứ người, tuy sống âm thầm lặng lẽ, nhưng anh vẫn giữ được tâm hồn hiên ngang bất khuất, coi rẻ tiền tài danh vọng, một lòng tận trung với tổ quốc, hết lòng với anh em bạn bè.

Trên đời này, dễ thử, có bao nhiêu người được như anh, anh Liệu?

Vong hồn anh linh thiêng, xin về phù trợ cho anh em ráng sống hết cuộc đời còn lại của mình, nếu không được hào sảng và ngang tàng như anh thì cũng đừng làm trò gì ô uế đến thanh danh của những người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đừng phản

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

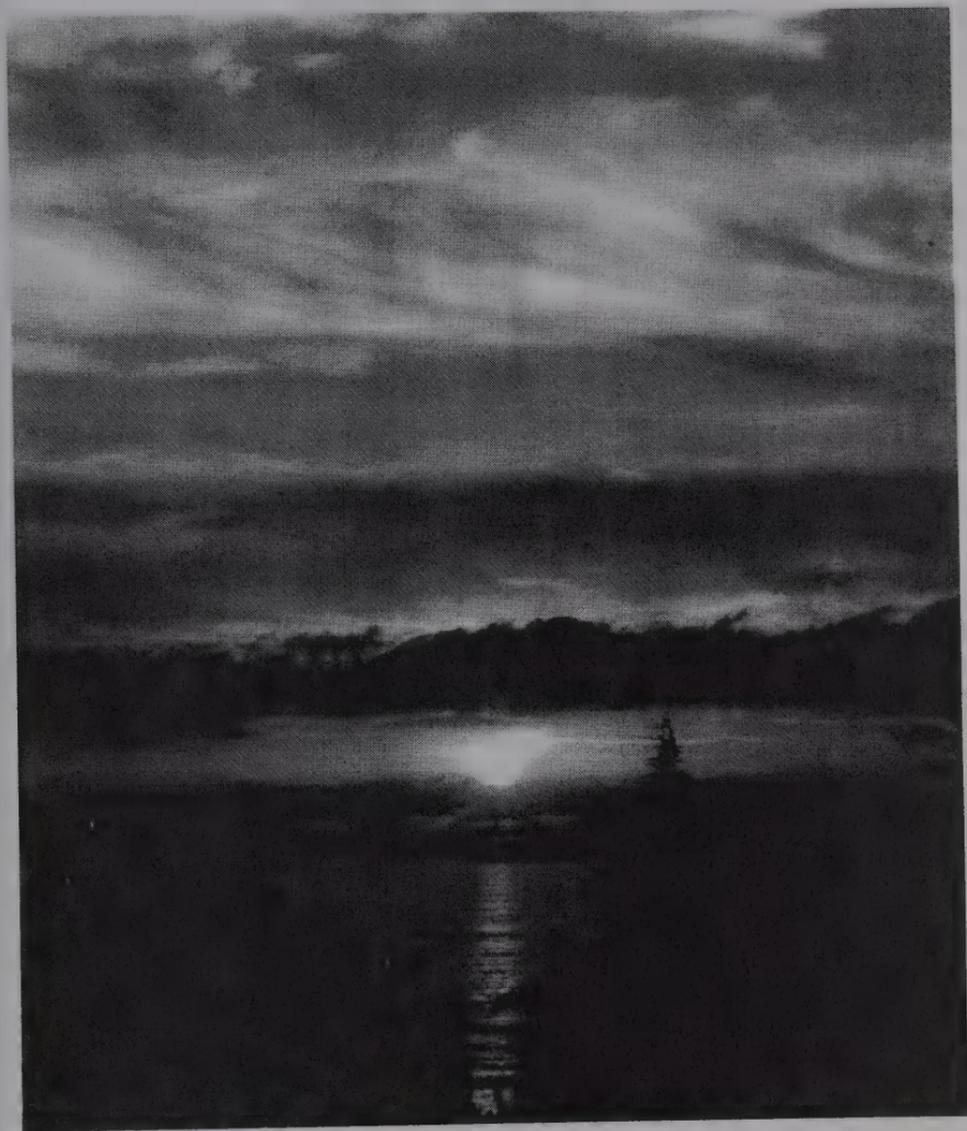
bội anh linh những bằng hữu của mình đã bất hạnh nằm xuống. Vong hồn anh bất khuất, xin trở về phù trợ cho những chiến sĩ chống Cộng được thành công trong việc quang phục quê hương, lật đổ chế độ Cộng Phỉ bạo tàn đang làm tan nát quê hương...

Hỡi A Lịch Sơn Thành Cuồng Thái Y, Việt Nhảy Dù, Âm Sĩ Tô Phạm Liệu ơi, Trường Sơn Lê Xuân Nhị này thương nhớ anh vô cùng...

Bắt đầu viết tháng 9, 2006 – Viết xong tháng 4, 2007

Trường Sơn Lê Xuân Nhị





Thơ

Hoàng Xuyên Anh



Hoàng Xuyên Anh

- Tên: ÔN QUẾ-ANH.
- Bút hiệu khác: Huyền Thi, Nhất Mộng Tuyên
- Sinh ngày 15-9-46 tại Long Đức, Trà Vinh, Việt Nam
- Giáo sư trung học Công Lập Vĩnh Bình.
- Đến Mỹ 1980, định cư tại Concord, Bắc California, Hoa Kỳ.
- Thành viên International PEN-Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại – Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ. Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ VBVNHN-TTTBHK {2004-2006},
- Chủ Tịch VBVNHN-TTTBHK (2006-2008)
- Hội Văn Học Nghệ Thuật-Thi Đàn Lạc Việt.
- Trưởng Nhóm Thi Văn Viễn Xứ.
- Thành viên Thi Văn Đoàn Bốn Phương.
- Hội Bà Mẹ Công Giáo Mân Côi.
- Hội viên danh dự Phụ Nữ Thiện Nguyễn BC.

TÁC PHẨM XUẤT BẢN:

- * Nỗi Lòng Cô phụ (Thơ 1995).
- * Bể thơ Nỗi Lòng Cô Phụ (1995)
- * CD nhạc Tình Khúc Cho Anh (1998).
- * Khung Trời Kỷ Niệm(thơ 2000)
- * CD thơ nhạc Những Cánh Thơ Tình (2000)

TÁC PHẨM IN CHUNG:

- * Một Phía Trời Thơ 1, 2, 3, 4,5 và Xuân Thu (Thi Đàn Lạc Việt 1998)
- * Cúm Hoa Tình Yêu 2, 3, 4, 5, 6,7 (Hội Thơ Tài Tử)
- * Bút Hoa 1, 3 (Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại-TT Tây Bắc Hoa Kỳ)
- * LES POÈTES DU DIMANCHE, TomeVII, Edition 2000-PARIS
- * Thơ Việt Hải Ngoại (2001).
- * Tuyển Tập VAALA (Văn Học &Nghệ Thuật Việt Mỹ Oklahoma 2002)
- * Tam Ngữ (Việt, Anh, Pháp), Hội Thơ Tài Tử xuất bản (2003)
- * Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại 3(HVH Pháp Việt 04)
- * Thi Văn Viễn Xứ 1 và 2 (Nhóm Tình Thơ Hải Ngoại 2005 và 2007)
- * Hoa Thơ Bốn Phương 2005, Thơ Văn Bốn Phương 2006 (TVĐ Bốn Phương)
- * 50 Năm Thơ & Người Thơ (Xuân Thu- Lạc Việt Groups 2007)

Bút Hoa

*(Thân họa bài thơ BÚT HOA TÂY BẮC
của thi hữu Cao My Nhân. Kính tặng Văn Bút Việt
Nam Hải Ngoại- Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ).*

BÚT ngà ghi chép mấy vần thơ,
HOA nở năm châu náo nức chờ.
Kết nghĩa văn chương đời nghệ sĩ,
Giữ tình thi hữu kiếp tâm tơ.
Quê người hoài vọng trăng non nước,
Đất khách vươn cao một bóng cờ
Lý tưởng quốc gia đồng phục vụ,
BÚT HOA TÂY BẮC thắm trời mơ.

Thung lũng Thuận Hòa, Concord, 16-2-07

Anh Xuân Đình Hội

Mừng Xuân Đình Hội ánh vinh quang,
Phất phới cờ bay rợp bóng vàng.(1)
Tha thiết gọi mời Ngày Tết đến,
Hân hoan chào đón Chúa Xuân sang.
Liên minh Dân Chủ thêm thành quả,
Đoàn kết Cộng Đồng được vẻ vang.
Giải thể giặc Hồ, quang phục quốc,
Toàn dân hạnh phúc sống huy hoàng.

(1): Có 12 Tiểu bang, gồm 114 thành phố trong nước Mỹ được phép treo cờ vàng ba sọc đỏ, trong đó có Tiểu bang California. Ngày 5- 8- 06, thống đốc ARNOLD SCHWARZENEGGER (Governor of California) đã ký nghị quyết số: S-14-06 cho phép đồng bào Việt Nam hải ngoại treo cờ vàng khắp Tiểu Bang California. Đây là một niềm vinh dự cho người Việt Hải Ngoại.

Chúc Xuân Đinh Hợi

Bài Xướng của Cụ Trùng Quang

Xuân tới Á, Phi, Úc, Mỹ, Âu.
Ngàn phương nhưng nhớ chúc thương nhau.
Chúc tâm ngày tháng còn nguyên nếp,
Chúc trí, xuân thu chẳng đổi màu.
Chúc thịnh vượng, hòa bình bốn bể
Chúc an lành hạnh phúc năm châu
Chúc riêng quê mẹ luôn no ấm,
Vạn sự thành công như ước cầu.

Trùng Quang

Chúc Xuân Đinh Hợi

Bài Họa của Hoàng Xuyên Anh

Đón Tết mừng Xuân khắp Á, Âu,
Vần thơ xướng họa kết tình nhau.
Hai mươi năm trước môi hồng thắm,
Sáu chục năm qua tóc bạc màu.
Vượt biển ra đi từ nước Việt,
Băng ngàn đã đến tận Âu Châu.
Giao thừa pháo nổ khơi niềm nhớ,
Đất mẹ an khang mãi nguyện cầu.

&

Đất mẹ vời xa nửa địa cầu,
Ân tình ấm, lạnh nổi hàn Châu.
Vui Xuân đất khách, thơ huyền diệu,
Nhớ Tết quê hương, bút nhiệm mầu.
Thi hữu bốn phương luôn khắng khít,
Bạn bè vạn nẻo chẳng rời nhau.
Mừng Xuân Đinh Hợi chân thành chúc,
Kẻ ở Hoa Kỳ, người Bắc Âu.

Thung lũng Thuận Hòa, Concord, 19-2-07

Định Hội Tự Thân!

Người đời thường nói sướng như Heo,
Bệnh hoạn đầu xuân sao chán phèo!
Năm đếm thời gian tim óc nhức,
Ngồi nghe năm tháng ruột gan teo.
Mối tình Hoa Bút chưa với cạn,
Cái nợ văn chương mãi bám đeo.
Lục phủ, mật suy sinh đá sạn!
Ta sầu mặc vận, kiếp rong bèo.

Thung lũng Thuận Hòa, Concord 26--07

Vòng Hoa Thân Tặng
Lời Hùng Lý Tống

Chào mừng Lý Tống là thành viên danh dự
Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại
Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ

Vòng Hoa tâm kết mến tặng Anh,
Quật khởi đấu tranh ước nguyện thành.
Quyết chí tiêu trừ loài Cộng Sản,
Bền tâm tận diệt lũ gian manh.
Đập tan chế độ. cờ sao đỏ,
Xây dựng quê nhà, đất nước xanh.
Thế giới, đồng hương: đều mến phục,
Nghìn năm Lý-Tống mãi lưu danh...

&

Nghìn năm Lý-Tống mãi lưu danh.
Tiêu diệt, hồn ma. Nguyễn Tất Thành.
Cộng đảng buôn dân: quân trộm cướp,
Cáo Hồ bán nước: lũ lưu manh.
Quê hương quang phục, cờ vàng thắm,
Đất nước thanh bình, rạng sử xanh.
Khúc khải hoàn ca ngày hội ngộ,
Con Hồng cháu Lạc, vẻ vang danh.

Hoàng Xuyên Anh Concord 5/5/2007

Mong Anh (Thơ Nhạc).

Mong Anh Ánh Mắt Đông Dầy

Melodie Française

Mong anh ánh mắt đông dày, Chua chan hình ảnh
nắng ngày đèn như Đưa với sóng biển thu vào,
Nụ hôn đắm đuối ngọt ngào tình yêu Trong
w riết ánh nắng chiều, Hoàng hôn đôi bóng
sao diều mộng mơ Nấc thang vẽ cảnh để thơ,
Núi đồi tình tứ đợi chờ bước chân. Mong anh tác tượng nữ

Hoàng Xuyên Anh

Thơ : HOÀNG XUYÊN ANH
Nhạc: HOÀNG GIA THÀNH 11/2006

thân, Vòng viên xoắn sát trắng ngân tên
em. Và thêm hai chữ dấu em, "Mình
ơi" hãy ngủ hên thêm hồng loan. Suốt
đời em đợi mãi mòn, "Mình ơi!" tiếng
gọi mãi còn ngân vang. Nhắm mắt hồi tưởng mộng
vàng, Sợ cơn gió lộng thổi tan giấc nồng!
Mong anh đừng nói tiếng "không", Mùa Xuân hát tán
nhuộm hồng trần gian. Mong...

Mong Anh

Mong anh ánh mắt đong đầy,
Chứa chan hình ảnh những ngày bên nhau.
Đùa vui sóng biển thuở nào,
Nụ hôn đắm đuối ngọt ngào tình yêu.
Trong ta nhất ánh nắng chiều,
Hoàng hôn đôi bóng sáo diều mộng mơ.
Nấc thang vẽ cảnh đề thơ,
Núi đồi tình tứ đợi chờ bước chân.
Mong anh tạc tượng Nữ Thần,
Vòng viền xoắn xít trắng ngần tên em.
Và thêm hai chữ diu êm,
“Mình ơi!” hãy ngủ bên thêm hồng loan.
Suốt đời em đợi mỗi mòn,
Mình ơi! tiếng gọi mãi còn ngân vang.
Nhắm mắt hồi tưởng mộng vàng,
Sợ cơn gió lộng thổi tan giấc nồng.
Mong anh đừng nói tiếng không,
Mùa xuân bất tận nhuộm hồng trần gian.

Thung lũng Thuận Hòa, USA, ngày 26-9-05

Thơ

Võ Kôi

Trường Ca Lý Tống

Kính tặng Anh hùng O Đen Lý Tống

(Anh về thấp sáng quê hương Việt
Tổ Quốc Không Gian: Một cánh dù)

Anh về đây ban lệnh truyền Tổ Quốc
Vượt không gian chim sắt hương đường bay,
Lửa căm thù, tích lũy ở lòng trai,
Hoa dù nở, báo mùa Xuân lịch sử.

Bướm truyền đơn, thiết tha bao dòng chữ,
Tình quê hương đất nước, trái tim này,
Mẹ Việt Nam con đã trở về đây,
“TỔNG NỔI DẬY LẬT BẠO QUYỀN CỘNG SẢN”

Vũ trụ đen ngòm, rực lên ánh sáng,
Vệt sao băng, xuất hiện giữa trời cao,
Trường sơn xôn xao, sóng biển rạt rào...
Đang náo nức, chuyển mình đường xích đạo,

Đón chào anh về, Đất tổ mến yêu,
Không gian bao la, gió lộng muôn chiều,
Anh nhảy xuống đạp đầu quân dã thú,
Lũ giặc Cộng giật mình cơn ngái ngủ,

Cờ vàng bay phất phới giữa thành Hồ,
Vạn bàn tay cổ võ tiếng hoan hô,
Cộng Sản đỏ, đã đến ngày tận số,
Uất hận, căm thù, trào dâng thác đổ...

Ngút ngàn cao, hịch lửa dậy phong trào,
Đập phá gông cùm, dẫm nát cờ sao,
Giờ lịch sử khai nguyên làn gió mới.
Tái hồi sinh bao mỗi mòn mong đợi,

Quê hương thanh bình, hạnh phúc, Tự Do,
Bắc, Trung, Nam thừa áo ấm cơm no,
Tô đậm nét, bản đồ hình chữ S,
Lũ cáo Hồ, điên cuồng khi dấy chết,

Miệng máu me, nanh vuốt cố vẫy vùng.
Loài sói lang, đã đến bước đường cùng,
Hần học cắn, kéo dài hơi thở cuối,
Bọn cán Ngố, bủa vây sẵn đuổi.

Bắt anh về tra tấn dã man.
Vẫn cười vang, ngạo nghễ, hiên ngang.
Lò hỏa ngục, đúc nung ý chí,
Anh đã vượt lao tù...

Qua Miên, Thái Lan, Mã Lai, đến Mỹ.
Trở về đây, bất chấp mọi gian nguy,
Xác thân anh, đâu chẳng kể sá gì,
Trong tâm nguyện, trọn lời thề Sát Đát,

Vách xà lim, chuyển rung tiếng nhạc,
Trống Diên Hồng, vang vó ngựa Chi Lăng,
Vạn Kiếp Đổng Đa, gào sóng Bạch Đằng,
Đại lộ kinh hoàng, Khe Sanh, Bình Giã,

Hạ Lào, KomTum, xác thù nghiêng ngã.
“ĐỘI THẦN PHONG” Giặc tới tả bao phen,
Phi vụ cuối cùng, gãy cánh Ó Đen,
Bị giặc bắt, vẫn hoàn thành nhiệm vụ.

Làn sóng Tự Do, Nhân Quyền, Dân Chủ,
Hành động anh, vang dậy năm châu,
Tên tuổi anh, chấn động địa cầu,
Quyết bảo vệ, anh hùng Lý Tống.

Bị cực hình, nhưng anh vẫn sống,
Nhìn quê hương tươi đẹp ngày mai.
Dù giam cùm xiềng xích hôm nay,
Bia miệng vẫn lưu truyền mãi mãi,

Sau cơn mưa, Bình minh sáng lại.
Vợ hiền, hòa lệ máu viết tên anh,
Bài vở lòng nhắc nhở mái đầu xanh,
Tên Lý Tổng tô son trang sử Việt,

Đứa con nhỏ đánh vần từng chữ viết,
Họ, Tên (Anh Hùng Tổ Quốc Không Gian)
Trong óc, tim, hình ảnh lá cờ vàng.
Xuân Giáp Tuất, là mùa Xuân Kỷ Dậu,

Con lưu lạc, nhìn về sao Bắc Đẩu,
Mẹ Việt Nam, dòng dõi, giống Tiên Rồng,
Cánh HOA DÙ làm rạng rỡ non sông.
Xuân bất tận, bài TRƯỜNG CA LÝ TỔNG.

Võ Khôi Cali., Xuân Giáp Tuất



Tuyên Ngôn & Thơ

Lê Minh Nguyên



Lê Minh Nguyên

Tiểu Sử:

Tên thật: Nguyễn Chi Minh

Bút hiệu khác: Châu Trần, Tứ Lang

Thành viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ

Cư ngụ tại San Jose, Bắc Cali.

Trước 1975 đã góp tiếng thơ, đoản bút, phóng sự trên diễn đàn quân đội... và các nhật báo và tuần báo miền Nam trước đây.

Sau 1975 di tản sang Hoa Kỳ, đã có thơ đăng trên các báo Văn Nghệ Tiền Phong, Trắng Đen, Bút Lửa, Hồn Việt, Chuông Việt, Việt Nam Nhật Báo và hiện nay là biên tập viên Nhật báo Việt Nam San Jose và cộng tác với một số nhật báo, tuần báo và bán nguyệt san tại vùng "BAY" Bắc Cali.

Lưu Niệm Mùa Xuân Trên Đất Tạm Dưng

Lê Minh Nguyên

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi

Thêm một lần nữa, chúng ta lại cùng nhau đón mừng Xuân mới trên miền đất tạm dung, nhìn lại nửa phần đời lưu lạc, dấu ấn đã hằn lên đậm nét trên xứ người mà nỗi sầu quê đủ dài theo năm tháng cố ngăn lại chút dòng dư lệ hoài niệm cố hương qua ký ức từ những bến bờ xa thẳm, một lần đi là miền viễn nhớ thương ngăn cách, không hẹn ngày trở lại.

Hoàn cảnh ly hương của chúng ta: những người Việt Nam tỵ nạn lưu vong chấp nhận hành trình tìm tự do đánh đổi với vô vàn mất mát một quê hương khổ nhục bỏ lại đằng sau, quyền sống bị tước đoạt, kỷ niệm còn gì ngoài những nẻo cũ, đường xưa, hình bóng cũ, những người thân yêu phía bên kia bờ đại dương, một quá khứ nhạt nhòa hoài niệm.

Xuân vẫn đến với người luôn tươi thắm tràn đầy những ước mơ và hy vọng, vạn vật biến đổi theo ước lệ thời gian vẫn diễn biến tuần hoàn theo tứ thời bát tiết, hoa lá xinh tươi đâm chồi nảy lộc dưới tiết Xuân ấm áp cùng lòng người mở hội khai Xuân vui tươi hòa đồng giữa thiên nhiên trong bối cảnh giao hòa đất trời chuyển hóa.

Từ Linh hôm nay lòng chàng như mở hội, chàng đã thành công trong việc làm thủ tục để mời được bà cô ruột từ

Lê Minh Nguyên

Việt Nam sang du lịch gặp lại đứa cháu và gia đình sau gần một phần tư thế kỷ chia ly theo vận nước. Nhớ lại ngày nào vào cuối tháng tư đen, chàng đã ở lại đất nước tuân lệnh tử thủ của cấp trên đến phút cuối cùng cuộc chiến, tàn cuộc binh đao sau lệnh buông súng đầu hàng nhục nhã, dẫn dắt những anh em đồng đội xuống tàu rời quê hương qua cửa biển Vàm Láng, Gò Công. Ngày ra đi đã hẹn lúc quay về, vậy mà thấm thoát đã gần 26 năm qua, ôm mối hận lòng xa xứ đê đầu từ cố hương. Vàng trán của Từ Linh đã hằn lên nếp nhăn cùng mái tóc xanh giờ đã nhuộm màu sương muối bên nỗi buồn của tráng sĩ Đặng Dung mài kiếm dưới trăng nuôi chí quang phục lại quê hương. Không chấp nhận bạo quyền với chế độ phi nhân, chàng đã bao lần đau khổ cố đè nén niềm đau thương và nỗi nhớ gia đình: Mẹ, anh em thân bằng quyến thuộc, từ chối cúi đầu chấp nhận đặc ân của kẻ thù áo gấm về lại quê hương trong tủ nhục. Bên này xứ Mỹ, chàng chỉ còn cách liên lạc qua thư từ, điện thoại, gửi chút quà mọn về quê nhà để vơi bớt nỗi sầu quê, nhớ nhà, thương Mẹ.

Rồi được tin tức người anh cả Chi Lăng cùng toàn thể gia đình tử nạn trong chuyến vượt biên bất thành, trước đó được hung tin Mẹ hiền vừa nằm xuống, phận làm con, làm em không thể về báo hiếu cư tang.

Sau đó Từ Linh đã đau khổ qua nhiều đêm thức trắng, bạc cả mái đầu tựa như Ngũ Tử Tư của nước Ngô thời Xuân Thu chiến quốc.

Buổi lập xuân thời tiết vùng vịnh khá lạnh về đêm, Từ Linh cùng vợ và hai con vợ vã đến phi trường San Francisco để đón bà cô theo chuyến bay của hãng Eva cất cánh từ phi trường Đài Bắc sang.

Sau thủ tục quan thuế, hành khách túa ra theo một hành lang riêng, giòng người đông đảo đủ các quốc tịch Âu Á mặt

mày bơ phờ sau chuyến bay dài tay xách, nách mang hay các xe đẩy hành lý, ngơ ngác trông tìm người đến đón, trong nét mặt hân hoan gọi nhau ồn ào huyên náo. Nhìn đám người lao xao, không kịp thốt lên tiếng reo vui Từ Linh chợt nhận ra bà cô, người gây ốm xanh xao nhất là bị che khuất sau các xe đẩy hành lý kèn cồng đồ đạc, nước mắt chàng tự dưng rơi xuống: “Cô Út đây rồi, cô, cô”. Bà cô cũng vừa nhận ra chàng cũng kêu lên: “Từ Linh, cháu phải hôn?” Phút giây hội ngộ mừng tủi, tưởng chừng như không gian chùng hẫng lại thực diệu kỳ, cô, cháu, gia đình ôm nhau khóc trong một niềm vui không tả xiết, cô ngơ ngác nhìn cô cháu dâu, hai đứa cháu nhỏ mà khóc nức nở. Niềm vui nào cũng pha chút lệ mừng phải không cô!

Đã chuẩn bị cho bà cô, chiếc áo ngự hàn khoác tạm trên tấm thân còm cõi, giờ đây cháu biết cô không cảm thấy lạnh đâu, vì tình thân ái đã sưởi ấm lòng cô từ phút gặp lại đứa cháu thân yêu sau bao năm xa cách.

Chiến tranh mà Từ Linh, bạn bè cùng trang lứa đã dẫn thân trước đó, đã là niềm lo lắng cho biết bao gia đình có con em lâm chiến. Nỗi lo lắng “cổ nhân chinh chiến kỹ nhân hồi” hy vọng hòa bình sẽ trùng phùng hội ngộ. Vậy mà ngày tàn cuộc binh đao, chàng lại phải bỏ nước ra đi, để lại bao nhớ thương cho gia đình cho Mẹ và Cô. Từ Linh cảm thấy vô vàn bất hiếu đối với Mẹ và Cô khi gặp lại. Từ Linh có đem chuyện đó biện bạch cùng cô, nhưng được cô từ tốn, hiền hòa tha thứ. “Con đi như vậy cũng phải, nếu con ở lại Mẹ và cô cũng cơm nước nuôi con tù ngục mà thôi, con đi còn có thể lo được cho người ở lại, quyết định của con rất đúng” chàng cúi đầu nghe cô nói lòng bồi hồi cảm động nhưng cũng không vui.

Đưa bà cô về đến nhà, trên đường thôi thì nghe đủ chuyện cô kể lể: hình như chuyện của 25 năm, 27 năm cô

Lê Minh Nguyên

muốn kể hết những tâm tình, muôn ngàn khổ ải của nhân gian trong khổ nạn 75, cơn Hồng Thủy đã nhận chìm cả nước vào cơn quốc nạn.

Thu Lê và các con cũng rất vui vẻ và khâm phục cho trí nhớ và tài kể chuyện của cô. Nhất là sau đó cô tả lại cậu cháu Từ Linh với đầy đủ tài, đủ tật, nốt ăn, nốt ở mà chàng cố gắng che dấu mãi từ lâu, bà cô sang chơi vô tình bật mí.

“Cũng không sao, có sao nói vậy nghe cô” cũng nên nói sơ qua bà cô Từ Linh để chư đọc giả hãn tường.

Bà cô út Từ Linh giờ đây đã vào tuổi “thất thập cổ lai hy” bà sinh vào năm Ngọ nên đường đời gian nan vất vả như ngựa chạy đường xa, tính tình bà thẳng thắn bộc trực, cang cường giống như các bậc nam nhi chí chí, thương yêu ai thì hết lòng hy sinh giúp đỡ.

Đối với bà điều gì sai là sai, không có chuyện chung chung. Nhớ đến ngày xưa có một thi sĩ tiền chiến đã cảm động vinh danh sự hy sinh cao quý của các phụ nữ, nhất là các bà Mẹ. bà chị của ông nên đã viết: “Nếu đền bù được sự hy sinh cao cả ấy bằng cách nạm vàng, nạm bạc thì ông xin được trao tặng kim khánh ấy cho quý bà, quý cô”.

Bà cô Từ Linh là mẫu người phụ nữ đáng quý đó, bà đã tận tụy hy sinh cả cuộc đời son trẻ, không lập gia đình, lo phụng dưỡng báo hiếu Bố Mẹ lúc sinh tiền và sau đó lo đùm bọc bầy cháu dại mồ côi, con của người Anh khuất bóng.

Cô sống âm thầm như chiếc bóng đơn lẻ, quạnh hiu sâu đối bóng thu mình trong ngưỡng cửa gia đình, cô đã lẳng lặng đi hết quãng đời còn lại như hình bóng của con ngựa già mòn mỗi bên nổi cô đơn trống vắng của cuộc đời bất hạnh trọn vẹn với hai chữ hy sinh.

Ngạc nhiên hơn cả, ngày Từ Linh đề nghị sắm dịp cô sang chơi, tổ chức giỗ chạp cho ông anh quá cố tử nạn. nhân tiện mời bà con thân hữu đến để giới thiệu cô cùng lúc tiệc

vui đoàn tụ, cô tỏ vẻ rất vui mừng. Ngoài những tư trang, chút quà cáp quê hương, cô đã lôi ra từ đáy valise một tập album vàng úa đã ngả màu cũ kỹ, cả nhà xúm lại xem, thì ra bà cô sang chơi đã mang theo cả một quê hương, một vùng trời kỷ niệm, những hình bóng thân yêu trên những bức ảnh lưu niệm, một quá khứ dường như sống lại sau năm tháng dài quên lãng.

Thực trân trọng, cô giở từng trang ảnh ghi dấu theo thời gian nét tàn phai đôi phần nhạt nhòa những gương mặt thân yêu ngày trước, cô bảo: “Từ Linh cháu, đây là những di ảnh cuối cùng cô gìn giữ của dòng họ Nguyễn, mà giờ đây thế hệ của cháu, cô sẽ trao cho như là một cuốn gia phả, thế hệ của cô coi như đã sang trang.

Nếp nhà xưa của gia đình được ghi lại trên dương bản trông còn phẳng phất vẻ cổ kính với mái ngói rêu phong, tường gạch cột tròn bề thế trong một khuôn viên đầy cây xanh, bóng mát. Căn nhà cổ được chi tiết hóa với các bàn thờ gia tiên, trưng bày theo lối cổ truyền với nghi thức long châu hổ phục, trướng đối uy nghi cùng độc bình, đĩa sứ đầy hoa mai, lan, huệ, hoa quả bên bộ lư đồng to lớn mắt tre, chung quanh có chạm khắc hình sự tử. Hình ảnh Ông Bà Nội Từ Linh với phẩm phục mang thẻ bài ngà, ngồi trang nghiêm hai tay các cụ để trên gối, nét mặt phúc hậu và quý cách.

Đặc biệt hơn cả là ảnh toàn thể gia đình mà lúc sinh tiền, ông Nội Từ Linh vẫn theo thông lệ đầu năm cả nhà sau khi chúc Tết, cúng Ông Bà, tập tục mừng tuổi con cháu, cả nhà quây quần lại chụp một tấm hình toàn gia, ngoại lệ không ai được vắng mặt.

Nhìn lại hình ảnh quây quần của đại gia đình cả mấy chục người đứng ngồi theo thứ tự vai vế lớn nhỏ từ Ông Bà Bác Chú Cô Dì, anh em, con cháu xúng xính trong các bộ đồ mới, nét mặt tươi cười vui vẻ, cô và Từ Linh có dịp giới thiệu

Lê Minh Nguyên

cho Thu Lê và các con những thân bằng quyến thuộc hiện còn sống hay đã ra đi. Bà cô Từ Linh lúc đó trong hình vẫn còn là một cô gái xuân thì nhí nhảnh xinh đẹp e thẹn trong tà áo dài với chút trang điểm dịu nhẹ thích hợp lúc bấy giờ. Nhìn kỹ mới thấy cô kẻ mắt, tô son, đánh má hồng theo mức độ sẫm màu ghi trên nền ảnh đen trắng, cô còn kể là Bà Nội thuở đó rất khó khăn giữ gìn con gái như không cho mặc áo mỏng, dài eo, trang điểm sớm sỡ mất duyên, cô chỉ len lén đợi lúc ông thợ chụp hình lắp ráp phim, chuồn nhanh vào phòng thoa chút phấn hồng, bôi tí son cho đẹp mà Bà Nội vì đông người không kịp kiểm soát lại. Anh Hai Từ Linh lúc đó đã chững chạc mặc bộ veston, thắt ca vạt hẵn hời vì anh là trưởng tôn của dòng họ, Từ Linh lúc đó còn ngồi trên đùi Bà Nội, mặc bộ đồ ngắn màu xanh trắng, thắt nơ bướm đỏ, túi có hình mỏ neo vàng trông trẻ con lắm vì tuổi còn nhỏ.

Thứ đến là tấm hình chụp riêng Mẹ Từ Linh, dáng dấp đài các mệnh phụ, áo dài nhung đen, choàng khăn đi hài cườm tóc búi cao đôi mắt ưu ẩn nhìn về hướng nào đó xa xăm trông rất buồn, vì lúc đó ba Từ Linh đã mất sau cơn bạo bệnh. Thời thơ ấu của Từ Linh được ghi dấu lại bởi những hình ảnh lúc chàng được lãnh phần thưởng lớp nhì tiểu học, lúc đi hưởng đạo ngành Tráng đứng nghiêm nhận bằng đi rừng ở Trảng Bom, tay chào theo lối đặc biệt hưởng đạo, tinh thần “sắp sẵn” và chỉ dấu hoa huệ.

Nhìn ảnh hai anh em lúc còn ở Vũng Tàu tham dự trại hè liên trường Petrus Ký và Gia Long. Anh Chi Lăng hùng tráng trong bộ quân phục đại lễ đứng trước hàng quân ở quân trường Võ Bị Đà Lạt trong hệ thống tự chỉ huy.

Những ghi dấu lúc anh ở Trung Đoàn 1 /SD1/BB trên Lao Bảo, Cà Lu, Làng Vei bên các cô sơn nữ bản Thượng Lào lúc anh ngồi trong văn phòng quận đường Triệu Phong, nói chuyện cùng các vị quận trưởng Gio Linh Vũ Thế Mẫn

Hương Hóa Tinh A Nhi, Hải Lăng: Nguyễn Văn Điềm cùng Trung Tá Nguyễn Ấm, Thiếu Tá Thọ, thuộc Tk Quảng Trị. Từ Linh trong quân phục tác chiến lúc Sư Đoàn 7 tăng phái hành quân Kiến Hòa, Cai Lậy, Định Tường.

Bao nhiêu hình ảnh tưởng chừng như sống lại với năm tháng tàn nhẫn trôi nhanh. Rất may mắn với những hình ảnh này, Từ Linh có thể hồi tưởng lại từng bước thời gian của từng lưu ảnh. Điều đáng tiếc như vào thời xa xưa, đấng quân vương thuở đó quá sủng ái Bằng Phi đã vô cùng đau buồn khi phải mất người yêu. Tấm gương soi của người yêu đã từng phản chiếu lại hình ảnh người xưa, những hương thơm của da thịt một thời Bằng Phi đã ủ ấp trong bộ xiêm y lượt là còn phảng phất, nhà vua si tình đã phải tìm cho bằng được hình bóng cố nhân, qua hai câu thơ trong bài “Khóc Bằng Phi” mà người viết đã mượn ý thơ làm điểm tựa cho bài viết này. Cảm ơn những hình ảnh được ghi lại, giữ lại qua máy ảnh, những tấm ảnh dường như được hồi sinh với một linh hồn như một hoạt cảnh quá khứ bị lãng quên.

Cảm ơn cô đã bay qua một đại dương, mang một khoảng trời đất, người năm cũ đến với người thân, cuốn lưu ảnh như một chất liệu biện minh cho sự việc khi người ta hướng về tương lai vẫn quay lại với quá khứ với cay đắng hay vui tươi đón hèn hay vinh nhục.

Từ Linh vẫn nhớ đến những kỷ niệm vui bạn bè trong chi hội nhiếp ảnh nghệ thuật Bắc California mở đầu cho những chuyến dã ngoại săn ảnh từ những vùng xa xôi cát trắng ở Death Valley đến núi thẳm rừng xanh thác đổ Yosemite, Kim Môn Kiều (Golden gate) vùng biển Santa Cruz, đã ghi lại bao hình ảnh thiên nhiên khó quên. Ảnh nào cũng có cái giá trị riêng của nó dù là đen trắng, ảnh màu, nghệ thuật hay không, chỗ đứng của những người cầm máy là đạt được một bức ảnh nghệ thuật, đạt trên 3 tiêu chuẩn: bố

Lê Minh Nguyên

cục, kỹ thuật, mỹ thuật. Do đó lúc trưng bày người thưởng ngoạn thường nhận xét giản dị một bức ảnh đẹp và có hồn, nghĩa là sống thực và bắt mắt người xem. Người viết xin không đi vào chi tiết bộ môn nhiếp ảnh, của những người họa sĩ vẽ thiên nhiên nhân sự bằng ánh sáng này, mà xin kể hầu như mọi chuyện cảm động thay cho lời chào tạm biệt.

Vào thập niên 90 nhân dịp chi hội Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật San Jose ra mắt triển lãm một số ảnh nghệ thuật tại hội quán địa phương, Từ Linh cùng các nhà nhiếp ảnh Thân Trọng Sỹ, Nguyễn Tâm, Tô Toàn, Nguyễn Minh, Duy Hình đã tạo cơ hội để giới thiệu nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh.

Mở đầu cho phần nghi thức khai mạc phòng tranh ảnh. Lê Minh Nguyên giới thiệu nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh sau lời chào mừng ông đã đến định cư tại đây và tham gia sinh hoạt nhiếp ảnh.

Ông Hạnh đã mở đầu với lời thân chúc anh em trong chi hội Nhiếp Ảnh đã phục hồi và phát huy ảnh nghệ thuật, ông đã kể cho cử tọa câu chuyện khá cảm động như sau:

Trong thời gian tù cải tạo tại miền Bắc Ông đã chứng kiến cảnh một người bạn cùng tù cấp bậc Trung Tá đã phần hận thất chí đến lúc nào cũng tìm cơ hội để quyên sinh với lý do là Ông hay tin: lúc Ông còn tại hàng, vợ con Ông đã vào phi trường, được tòa Đại Sứ Mỹ bốc đi di tản, sau đó Ông được tin đồn là toàn thể chiếc phi cơ và hành khách đều tử nạn vì phi cơ bị rơi. không hy vọng gì vợ con thoát được, giờ chỉ còn tuyệt vọng nên lúc nào ông cũng hỏi anh em có thuốc sốt rét Cloroquinn cho ông vài chục viên uống để tự vận. Mọi người cản ngăn, cố thuyết phục ông vẫn không bỏ ý định tự tử cho nên anh em phải canh chừng ông, không cho ông thực hiện ý định. Mãi vài tháng sau tự nhiên cả trại tù thấy ông

vui vẻ tươi tỉnh không còn buồn rầu nữa, thì ra trong đợt thư từ thăm nuôi, ông đã nhận được tin tức của vợ con báo tin đã đến bến bờ tự do an toàn, kèm theo một bức ảnh chụp bằng máy chụp lấy liền Polaroid. Hình ảnh nhỏ bé đó đã cứu sống được một mạng người.

Ông Nguyễn Ngọc Hạnh ngậm ngùi nói: thưa quý vị chúng tôi đã chụp hàng ngàn bức ảnh, đạt được nhiều tước hiệu nhiếp ảnh quốc tế, vậy mà chẳng có bức ảnh nào sánh bằng bức ảnh rẻ tiền đặc biệt đó, nó đã cứu sống anh bạn của chúng tôi trong tuyệt vọng lao tù.

Ông còn chua chát khi nói đến những bức ảnh vô hồn đây máy móc kỹ thuật chi ly, cảnh vật xứ người với kiến trúc, lối thẳng, cây trồng, thiên nhiên bị cơ khí lấn áp mất vẻ linh hoạt, ông hy vọng sẽ vẽ lại các bức tranh đời qua máy ảnh với lối nhìn của một nhiếp ảnh gia với triết lý nhân bản Đông Phương.

Câu chuyện chỉ có vậy mà đã là mối suy nghĩ của bao người: tìm một vẽ đẹp quê hương trên xứ Mỹ trong tình tự dân tộc và bản sắc Việt Nam.

Riêng Từ Linh thì may mắn hơn, bà cô sau khi viếng thăm gia đình chàng đã về lại Việt Nam để lại tập lưu ảnh quý giá cho chàng.

Những kẹo chuối, mè xừng, bánh trắng, trà lá cô đã mang qua làm quà những đặc sản này Từ Linh cũng đã dùng gần hết. Cảm ơn cô, điều đặc biệt hơn hết ngoài hình ảnh cô thân thương gây guộc vai nhỏ mà gánh vác quá tải, một quãng đời khốn khó, cô đã mang đến cho cháu một quá khứ hình ảnh nặng ngàn cân, đưa cháu giờ thay thế tôn trưởng gánh vác chuyện nhà qua quan hôn hỷ sự tang tế. Giờ đây còn biết nói sao hở cô, cháu chỉ còn hai tay đón nhận và sẽ gìn giữ những lưu ảnh đó suốt đời.

Lê Minh Nguyên

Kính thưa các vị độc giả, hàn huyền với quý vị tản mạn qua các chuyện hình ảnh riêng tư của từng mảnh đời, từng cuộc sống, hẳn nhiên quý vị cũng từng có may mắn giữ cho mình những lưu niệm giống Từ Linh, nhưng chỉ xin nhắc nhở quý vị bắt đầu bây giờ có lẽ còn chưa muộn chúng ta nên ghi lại hình ảnh hôm nay và cả ngày mai dù với camera hiện đại Digital hay các máy móc cổ điển, sự kiện nào cũng có khởi đầu và bắt đầu như một chàng tài xế gương mẫu lúc lái xe đi thẳng về phía trước (tương lai) vẫn không quên nhìn vào gương chiếu hậu (quá khứ) người xưa vẫn gọi là “ôn cố tri tân” đó mà.

Đa tạ ân tình của quý vị độc giả đã bỏ thì giờ nghe người viết dài hơi tán chuyện, có lẽ giờ đây đã đến phút chia tay, tạm biệt mừng xuân mới.

Ngoài kia ánh nắng đã lên, mùa xuân tươi đẹp đã về, mọi người vui vẻ mừng xuân, vạn vật cây trái đâm chồi, kết lộc. Mong rằng những nguyện ước mùa xuân sẽ mang đến nhiều hạnh phúc, An Bình đến cho mọi người trong một năm mới đầy hy vọng, đoàn tụ và yêu thương.

*Hai câu thơ trích từ bài Khóc Bằng Phi.

Lê Minh Nguyên

Dựng Lạ Cờ Vàng

Kính tặng NT Bùi Quyền K16 người anh quá cố Nguyễn Chí
Lang K18 (TVBQGVN). Kỷ niệm buổi dựng cờ tại kỳ đài VN tại
San Jose

Ôi đẹp quá, màu cờ vàng trong gió
Buổi sáng này, ghi nhớ mãi muôn người
Lá cờ thiêng, hun đúc tự nghìn đời
Ngày phát phối trên đất người, xứ Mỹ

Bao biến động trong cuộc đời vị kỷ
Thoáng bên tai, nghe ngựa hí, quân reo
Bạn bè xưa, bao cay đắng gieo neo
Đã nằm xuống cho quê nghèo được sống

Cờ xung trận, từ bước chân Phù Đổng
Thuở Bình Chiêm. phạt Tống mở sơn hà
Xuân Quang Trung và chiến thắng Đống Đa
Hồn ngày đại, cất lời ca hùng tráng

Vui, vui quá trong cuộc đời phiêu lãng
Tôi gặp Anh ngày hội lớn hôm nay
Vẫn hiên ngang trong khí phách làm trai
Alpha đỏ chưa phai lòng Võ Bị

Ôi vinh dự phút giây người chiến sĩ
Tay nổi gân, căng mạch kéo dây cờ
Màu cờ tươi trong sáng, đẹp như mơ
Tôi, Anh khóc, ngày dựng cờ lịch sử .

Lê Minh Nguyên



Truyện Ngàn
Ngọc Anh



Ngọc Anh

Tên thật Nguyễn Ngọc Kim Anh. Sinh tại Sài Gòn.

Lớn lên ở Đà Lạt.

Đã theo học tại các trường Trí Đức, Bùi Thị Xuân Đà Lạt và Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Hiện sống tại Nam California.

Đã cộng tác với các tạp chí: Làng Văn; Văn Học v.v...

Tác phẩm đã in:

- Chân Dung (truyện, Tình Thương xb 1994)
- Mưa Xuống Cuộc Đời (truyện dài, Phương Đông xb 1996)
- Thương Tiếc (truyện, Làng Văn Canada xb 2002).

Màu Thời Gian

Ngọc Anh

Có một lần tôi đọc hay nghe đâu đó tôi không còn nhớ rõ, câu “*bàng bạc màu thời gian*”, thế là nó cứ bám chặt vào tôi, để rồi thắc mắc mãi tại sao có người lại muốn gán ghép cho thời gian một cái màu, nhưng rồi lừng lơ giữa chừng như thế. Bởi theo tôi, nếu đã có màu thì không trắng cũng xanh, không tím cũng đỏ, không vàng cũng đen... cứ gì lại bàng bạc, nghĩa là sao? Hay tác giả tạo ra nó có trí tưởng hạn hẹp, không thể mường tượng được màu của thời gian là xanh, đỏ, tím, vàng... hầu có thể sử dụng ngôn từ, lý lẽ chứng minh thời gian có màu sắc; hoặc đây là người ưa triết lý vụn, dùng chữ thật kêu mà nghĩa lại rỗng tuếch; hay ông ta có tính thích cương ẩu, lỡ đưa ra mấy chữ hết sức mơ hồ, mà với tự ái cá nhân, không dám nhận sai, nên cứ để cho ai muốn thắc mắc, tranh cãi gì cũng mặc. Rồi không chừng càng có nhiều người tranh cãi, càng chứng tỏ tác giả là một người sâu sắc.

Nghĩ thế nên tôi bất mãn với tác giả, quyết tìm cho thời gian một màu sắc hầu chứng minh tác giả đã mập mờ và như thế là không công bằng với những người đã đọc hay nghe câu nói đó. Tuy thế chính điều này đã làm khổ tôi. Bởi nhập tâm, tôi bị ám ảnh mãi với câu nói không thể dứt bỏ được.

Tôi tự trách mình, tại sao bận tâm với điều vô bổ như thế, vì tìm ra hay không ra màu sắc của thời gian thì cũng đâu chết ai. Còn bây giờ đeo đẳng nỗi thắc mắc không đáng như thế đã làm

cho tâm trí mất đi sự thanh thoi, trong khi ngày cứ đều đặn trôi nhanh, chẳng chờ chẳng đợi một ai.

Biết thế, nhưng mấy chữ “*màu thời gian*” và “*bàng bạc*” cứ theo tôi ngao du đây đó. Tôi ở nhà nó ở nhà, tôi ra đường nó ra đường, ngay khi tôi hết sức bận rộn nó cũng chẳng tha, cứ lửng lơ đâu đó chờ đợi giây phút tôi rỗi rảnh là nháy búa vào thách thức. Do bị ám ảnh cái điều vô lý đó, riết rồi tôi nghĩ có lẽ tôi điên, khi nhìn quanh, thấy những con người thường dành tâm trí cho những chuyện bình thường như sự mưu sinh, tiền bạc, danh vọng... Mà chừng ấy thứ cũng đủ bủa vây con người tứ phía như mạng nhện làm con người thấm mệt, cố gì vận thêm rắc rối vào người. Như vậy chẳng còn chữ có lẽ, mà tôi đã thực sự bị điên chẳng! Và nếu đã mang bệnh thì phải tìm cách chữa trị. Nhưng chữa bằng cách nào? Quả thực câu hỏi không dễ có đáp số. Dầu sao tôi cũng cần nghĩ đến kế hoạch chữa trị. Nhưng kế hoạch như thế nào? Lại thêm một câu hỏi nữa cần được trả lời.

Khởi đầu bằng hai chữ thời gian. Tôi nhìn đồng hồ, đếm đi đếm lại, một giây rồi hai giây, một phút rồi hai phút, một giờ rồi hai giờ, cứ thế ngày qua ngày, đêm qua đêm, vẫn không thấy thời gian có hình thù hay màu sắc nào có thể nắm bắt được. Lếu láo, lếu láo tất cả! Rõ ràng chiếc đồng hồ là vật có thể đo đếm để nắm bắt thời gian, tại sao bảo thời gian không thể nắm bắt được? Vậy thời gian là sự trừu tượng hay vật cụ thể? Trường hợp cụ thể thì màu sắc nào sẽ được xác định cho màu của thời gian? Tôi nhìn màu của chiếc đồng hồ. Nó màu nâu. Thế thời gian là màu nâu. Nói thế mà nghe được ư! Màu vỏ bọc đồng hồ làm sao là màu thời gian cho được! Nếu đồng hồ treo tường của tôi màu xám hay màu trắng, chẳng lẽ màu thời gian cũng trở thành xám hay trắng? Có lẽ phải nhờ những sinh vật từng là nạn nhân bị thời gian xoi mòn như con người mới biết đích thực thời gian có màu gì. Nhìn quanh tôi thấy gần nhất và dễ nhất là xoay quanh nhân vật tôi, sau đó sẽ là những đối tượng gần gũi với

nhân vật tôi.

Tôi là một gã đàn ông Việt Nam li dị vợ, đã sống gần nửa đời người ở Việt Nam và nửa đời người ở Mỹ. Dĩ nhiên tôi không có chiều cao của một người Mỹ vì tôi là người Việt Nam từng ăn mắm tôm, mắm thái, mắm lóc, mắm sặc, mắm ruốc, mắm nêm; từng húp cả chén nước mắm pha tỏi, ớt, chanh, đường khi cần ăn chung với những món bánh cuốn, bánh xèo, bánh cốm, bánh bèo, bánh khọt...

Tuổi nhỏ, tôi chỉ được bú sữa mẹ khoảng hai năm đầu đời, sau đó bị dứt sữa một cách đàn ông để bầu vú mẹ cho thằng em trai kế tôi. Từng tuổi này tôi vẫn nghĩ là tôi đã bị dứt sữa quá sớm. Lúc đó, vì không còn được bú sữa, tôi bị buộc phải ăn cháo với cá hay thịt trộn chung cùng rau cải nấu nhừ cho đến khi tôi có thể tự múc cơm ăn một mình. Cũng may, qua Mỹ, nơi kem, bơ, phó mát luôn luôn dư thừa, mà những thứ này vốn là phó sản của sữa, nên sữa rẻ như nước, hàng ngày tôi có quyền uống bao nhiêu ly cũng được để bù trừ cho khoảng sữa mẹ bị thiếu lúc tuổi còn nhỏ; nhưng sữa mẹ là sữa mẹ, chẳng có thứ sữa nào có thể thay thế được. Tôi than phiền việc bị cho dứt sữa một cách tức tưởi, tuy nhiên xin đừng hiểu lầm là tôi không có thời gian tuổi nhỏ hạnh phúc. Lúc đó tôi phải tự nhận là tôi đã nhỡ nơ sống, nếu muốn tôi xác định thời gian đó có màu gì tôi sẽ nhất định bảo là màu xanh tươi. Có điều vì còn nhỏ tôi không hề thắc mắc gì về vấn đề thời gian, nên bảo thời gian không có màu tôi cũng chấp nhận được.

Tôi có khái niệm thời gian tuổi nhỏ có màu xanh tươi hay không màu. Tuy nhiên cái đầu của tôi không chịu dừng chỗ đó, vẫn cho rằng thời gian không bất biến, nên thời gian còn những màu khác. Thế là tôi buộc tôi phải đối mặt trước gương với hy vọng biết được thời gian biến đổi như thế nào!

Trước tấm gương lớn, tôi là một gã đàn ông trung niên, tóc lốm đốm bạc ở hai bên thái dương. Theo tôi đây là một ưu điểm

Ngọc Anh

vì trông tôi chững chạc vững chút phong trần, đàn bà con gái ưa hạng đàn ông này, tôi nghĩ thế. Thân hình tôi đầy đặn vừa phải, nhờ hằng ngày tôi vào gym ít nhất cũng hơn tiếng đồng hồ để tập luyện thân thể. Với thức ăn của xứ Mỹ luôn luôn đầy đủ nên da mặt tôi hồng và căng dẫu vết thời gian cũng điểm vài nét trên trán, nhưng tôi cho đây là ưu điểm vì đó là dấu chỉ của sự khôn ngoan và kinh nghiệm.

Ngoài ngoại hình tôi đã tả, tôi cũng cần nêu thêm một số chi tiết để dễ nhận dạng từng khoảng thời gian đã ở lại trên con người tôi.

Tôi tên Nguyễn Văn Tùng, tên cha mẹ đặt từ lúc tôi chào đời. Tên đó đã theo tôi thêm 30 năm ở Mỹ. So với nhiều người Việt khác ở Mỹ, tôi phải hãnh diện về sự thủy chung đối với cái tên Nguyễn Văn Tùng của mình. Bởi tôi đã thấy nhan nhản những tên khác như Nguyễn Kevin, Phạm Martin, Trương Joe..., đa số những tên tôi có cảm giác không do cha mẹ đặt. Dầu sao đó là chuyện của họ, vì mỗi người một tánh ý, một hoàn cảnh...

Tên Tùng là tên riêng, nhưng tôi có một điểm chung của nhiều người Việt ở Mỹ lâu năm, là có một buổi sáng sớm nào đó, trên siêu xa lộ rộng sáu, bảy *lanes* với xe cộ như mắc cửi, đã lái xe đưa bầu đoàn thể tử theo dòng xe cộ xuôi về sở Di Trú (trường hợp của tôi là thành phố Los Angeles) để tuyên thệ trở thành công dân Mỹ quốc. Xin ai đó chớ trách chúng tôi quên nguồn, quên gốc. Hãy thông cảm vì ở vào trường hợp của chúng tôi và nhiều người Việt khác, nếu không thể mang quốc tịch Việt Nam khi chính quyền Việt Nam Cộng Sản không chấp nhận những người di tản như chúng tôi là công dân nước họ, liệu chúng tôi còn lựa chọn nào khác chẳng? Dầu sao, như tôi đã đề cập ở phần trên, tên tôi một trăm phần trăm tiếng Việt, chưa kể tôi vẫn nói tiếng Việt như gió, còn tiếng Mỹ dầu đã cố gắng uốn nắn vẫn còn mang đầy âm hưởng của tiếng Việt, nên tôi dám đoán chắc rằng ngoài cái vỏ là người Mỹ, bên trong tôi

hoàn toàn là người Việt Nam. Vậy muốn tìm hiểu thêm về màu thời gian, vốn là công việc đòi hỏi nhiều công sức, tôi cần quay lại với khoảng không gian Việt Nam tôi từng đi qua và những con người Việt Nam còn biết đi biết đứng tôi đã gặp hay thân thiết, những con người có đủ chiều dài cuộc sống để hiểu rõ mình và người. Bởi tôi hiểu thời gian ưu ái với những con người và khoảng không gian có những con người hiện diện. Muốn biết màu thời gian, còn cách nào hay hơn cách nhìn thẳng vào những con người, tìm hiểu về những nơi họ sống và những năm tháng họ đã trải qua, có thể mới có được cơ may xác định được màu thời gian.

Tôi bắt đầu việc tìm cho được màu thời gian bằng cách đi ngược lại thời gian, tìm đến những kỷ niệm cũ, bạn bè cũ và phong cảnh cũ. Thế là sau 30 năm ở Mỹ tính từ năm 1975 khi tôi bỏ lại tất cả vốn liếng tài sản để chạy qua Mỹ, tôi quyết định thực hiện chuyến viếng thăm quê hương.

Tôi bước chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào một buổi sáng có những tia nắng mặt trời nóng bỏng, chói chang, sau những bực mình trên chuyến bay của hãng hàng không Việt Nam từ Đài Loan về Sài Gòn. Mặt máy cô tiếp viên Việt Nam, cô nào cô nấy tương đối xinh xắn nhưng lạnh hơn tảng băng ở vùng bắc cực Alaska. Các cô đón khách người Việt bằng thái độ trịch thượng như hàng cha chú. Trời đất, tôi mang theo đồng đô la Mỹ để ăn xài trên đất nước Việt Nam nhằm góp phần xây dựng nền kinh tế Việt Nam, và hơn thế nữa tiền vé tôi trả cho chuyến bay phần nào cũng góp vào đồng lương trả cho các cô, thế mà mỗi lần hành khách cần các cô phục vụ như lấy một ly nước lạnh, chỉ chỗ toilet, các cô đang tươi cười với nhau, bỗng dưng sắc mặt thay đổi thành nghiêm nghị, lạnh lùng. Với thái độ của các cô đã làm cho khoảng không gian và thời gian ngồi trên phi cơ của hãng hàng không Việt Nam trở nên cực hình. Chỉ mới bắt đầu thực hiện chuyến hành trình đi tìm màu thời gian

Ngọc Anh

tôi đã nhận ra được màu thời gian trên chiếc phi cơ của hãng hàng không Việt Nam không như màu tôi mong đợi vì do phản ánh tâm trạng vừa giận vừa bực mình của tôi vào lúc đó đã có màu xám xịt pha chút màu đỏ.

Đón tôi tại phi trường là anh bạn học cũ tên Mẫn. Tôi và Mẫn cùng học một trường, một lớp và ngồi cạnh nhau trong mấy năm trung học. Trước đó khoảng mười năm, qua một anh bạn khác tôi đã tìm được Mẫn và bắt đầu liên lạc, trao đổi thư từ, hình ảnh. Người đàn ông trong hình thật xa lạ. Tôi xăm xoi bức hình cố tìm một vài nét quen thuộc nhưng đành thất vọng. Lúc đó tôi quên nghĩ đến hai chữ thời gian làm thay đổi con người! Tôi rời trường trung học để vào đại học lúc tôi mười tám và Mẫn mười chín tuổi. Từ đó hai chúng tôi xa nhau. Tôi đã quên, chừng ấy năm dài, làm sao con người còn giữ lại nét cũ, vì như tôi đây, bây giờ đã là người đàn ông trung niên bệ vệ. Dầu sao, tôi còn lại chút an ủi, là nét bút của Mẫn vẫn đẹp như ngày nào và lời văn trong thư của Mẫn vẫn còn phảng phất chút tiểu lâm, bất cần đời của một chàng Mẫn tôi còn giữ được trong trí tưởng của thời xa xưa.

Thư của Mẫn lúc nào cũng dài, lúc xa lúc gần đề cập đến sự túng thiếu. Của tôi chỉ vài chữ, bù lại là những thùng quà hay những món tiền giúp đỡ gia đình Mẫn. Từ đó đến nay, nhờ mối liên lạc thường xuyên này mà tình cảm giữa hai người bạn thân thuở trước được nối kết một cách tốt đẹp.

Mẫn là người đầu tiên tôi chọn để làm cuộc thử nghiệm tìm hiểu màu thời gian do lời mời gọi tôi về thăm quê hương trong những bức thư của Mẫn và do thâm tình giữa tôi và Mẫn.

Sau khi qua mấy cửa hải quan, với thủ tục trình thẻ thông hành mỗi lần không quên kèm theo thủ tục “*đầu tiên**” 5 đô tiền Mỹ, một tay tôi kéo chiếc va-li Samsonite, tay kia nắm quai chiếc xách đeo vai đứng lơ ngơ bên ngoài phi trường ngó quanh tìm Mẫn. Cái nóng phả vào người làm mồ hôi rịn ướt áo.

Trước mặt tôi là một rừng người tới đón tiếp thân nhân. Giữa rừng người đó là những chiếc tắc-xi, xe ôm nằm đợi đón khách. Tai tôi bị lấp đầy bằng những tiếng nói, tiếng réo gọi, tiếng chào đón lẫn tiếng kèn xe không ngớt reo lên inh ỏi. Dường như người Sài Gòn dạo này thích xài kèn xe!

Tôi nhìn vào nhiều người đàn ông trung niên đang đứng quanh mấy tấm chắn ngăn đôi hành khách và người đi đón, hy vọng sẽ nhận ra nét quen thuộc hay nét mừng rỡ gặp lại bạn quen của một người nào đó, nhưng tôi chỉ bắt gặp những cái nhìn vô cảm. Tôi nhìn qua vô số tên viết vội trên những tấm bảng bằng giấy thùng. Không đọc thấy tên mình, nên đành bước dọc theo hành lang dài khoảng vài chục thước, thì bất chợt nghe tiếng gọi:

- Tùng, Tùng... Mẫn đây này!

Tôi quay về hướng có tiếng gọi. Một ông lão cầm tấm bảng bằng giấy thùng màu nâu với tên tôi được viết nắn nót mà tôi nhận ra ngay là nét chữ của Mẫn. Tôi kéo vội va-li về hướng đó, nhìn ông lão ngờ ngợ.

- Mẫn nè, không nhận ra hả? - Mẫn lên tiếng khi thấy tôi đến gần.

Mẫn, người bạn nhanh nhẹn của tôi năm nào, bây giờ là một ông lão già nua, yếu đuối. Tôi đến sát bên Mẫn. Mẫn tính dần chiếc va-li từ tay tôi. Tôi miệng bảo, “chỉ có một va-li mình xách được rồi”, tay vô ý dần va-li lại làm Mẫn hơi loạng choạng.

Tôi kéo va-li theo Mẫn chen vào giữa những giành giật, nín kéo để leo lên chiếc tắc-xi do Mẫn đã thuê sẵn mà lòng tràn ngập thắc mắc, rồi tự hỏi:

- Chẳng lẽ Mẫn đây thật sao? Bức hình cũ mười năm đâu hơn hém đến thế? - Mà thời gian trong tôi lúc này tràn ngập màu tím vì nỗi xót xa.

- Nhìn Tùng mình nhận ra ngay. Vẫn còn ít nét cũ. Tùng ở ngoài và trong hình không khác gì nhau. - Tiếng nói hơi đót đất phát

Ngọc Anh

ra từ chiếc miệng móm có lẽ do hàm răng cửa đã bị rụng gần hết.

Xe tắc-xi chạy qua những con đường có nhiều căn lầu nhiều tầng. Sài Gòn đông đảo và ồn ào hơn ngày tôi rời khỏi nó rất nhiều. Cũng có vài hình ảnh của ngày xưa còn sót lại như một tiệm hủ tiếu ở đầu đường, một gánh hàng rong ở đầu ngõ, nhưng giữa những ngôi nhà xây cao, giữa phố thị đông đúc, những hình ảnh đó trở nên lạc lõng đến tội nghiệp. Tôi có cảm tưởng Sài Gòn chưa bao giờ trông giống dáng vẻ giả dối của một anh giàu xổi, hợm của như lúc này. Những nhớ nhung, thương tiếc khi phải rời xa Sài Gòn ba mươi năm trước giờ này ở đâu! Lòng tôi đứng đưng, vắng hẳn nỗi xúc động của người đi xa trở về thăm lại chốn cũ.

- Sài Gòn bây giờ có vẻ giàu hơn ngày moa bỏ đi. - Tôi nói với Mẫn.

- Giàu thì cán bộ giàu. - Mẫn với giọng bất mãn. - Những người như bọn mình đầu tắt mặt tối thiếu vẫn hoàn thiếu.

Xe chạy ra hướng xa lộ Biên Hoà, đến gần Ngã Ba Hàng Xanh, tên cũ tôi còn nhớ, thì quẹo vào một đường hẻm chật hẹp, với hai bên là nhà cửa chen chúc, cái thấp cái cao. Chạy vào một đoạn ngắn đến những con hẻm nhỏ, xe bị buộc phải dừng lại. Mẫn bảo:

- Nhà mình ở trong sâu, phải đi bộ một đoạn. Đầu tiên tính thuê một phòng khách sạn ở đầu đường để ông ở cho đủ tiện nghi, lại tiện gặp ông, nhưng nghĩ lại, đợi ông đến rồi tùy ông chọn, tốt hơn! Bây giờ ghé về nhà mình trước rồi tính toán xem thuê khách sạn ở đâu cũng không muộn.

Căn nhà của Mẫn vừa nằm sâu trong hẻm, vừa chật, vừa ọp ẹp. Tôi chợt có ý nghĩ so sánh Mẫn với ngôi nhà.

Vài đứa trẻ thấy tôi và Mẫn bước vào vội chạy lại vây quanh:
- Nội về! Ngoại về! - Mấy cái miệng đua nhau thưa.

Rồi chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn, những đứa trẻ hàng

xóm thấy người lạ cũng đã đứng đây bên ngoài nhà lấp ló nhìn vào. Nhìn mấy đứa cháu, Mẫn nói:

- Chào ông đi tụi con. - Mẫn quay sang tôi phân bua. - Ông tính, nhà Sài Gòn ngày càng đắt, tưởng sao, mấy đứa lấy chồng lấy vợ ra riêng, tiền làm ra không đủ tiền thuê nhà, rớt cuộc cái nhà nhỏ xíu như vậy mà chứa cả chục mạng. - Mẫn cúi xuống làm nổi rõ mấy sợi tóc bạc lơ thơ trên chiếc đầu hẹp trơ xương.

Tôi muốn đưa ra mấy lời an ủi nhưng không biết phải nói thế nào cho phải, nên đành yên lặng.

Mẫn nói tiếp:

- Đáng lý mới gặp ông, mình không nên nhắc đến mấy điều không vui, nhưng ông thông cảm, quanh mình như vậy, nói gì khác bây giờ!

Cái nóng vào buổi trưa Sài Gòn bên dưới ngôi nhà của Mẫn hừng hực như một lò lửa. Tôi nghĩ đến chuyện mượn khách sạn để nghỉ ngơi, nhưng nấn ná sợ Mẫn buồn. Tôi lôi ra mười đồng đô bảo:

- Toa nhờ đứa nào mua giùm moa mấy chai nước lọc.

Mẫn xua tay:

- Nãy giờ gặp ông mừng quá, nên quên. Ông cất tiền đi. - Mẫn quay sang đứa con gái lớn nhất đang bế em bảo, - Hoa, con bỏ em xuống để ngoại coi, chạy ra đầu hẻm mua cho ngoại hai chai nước lọc lớn với hai chai bia Sài Gòn. Nói chút nữa ngoại ra tính tiền.

Tôi nhét vội tờ mười đô vào tay con bé:

- Con cầm tiền này trả.

Đứa con gái hơi ngần ngừ. Tôi đẩy vai nó:

- Đi mau đi, ông khát nước quá.

Con bé chạy vụt đi. Mẫn đẩy một cái ghế về phía tôi:

- Ông ngồi nghỉ mệt một lát rồi tôi đưa ông ra mượn phòng ngủ.

Lòng tôi dâng lên chút hối hận, tự hỏi, tại sao tôi không chịu liên lạc trước một khách sạn nào đó, đến thẳng nơi đó rồi gặp

Ngọc Anh

Mẫn sau. Tôi hỏi mà quên là cho dù tôi là người Việt, nói tiếng Việt, tôi cũng chỉ biết đến Sài Gòn của ba mươi năm trước, của một Sài Gòn cũ với người cũ, với phố xá thân quen. Còn Sài Gòn bây giờ đã có tên mới, tôi nghe không quen, thì Sài Gòn đâu còn thuộc về tôi, và tôi nào khác gì người ngoại quốc đến Sài Gòn. Không có Mẫn, không có người hướng dẫn, liệu tôi có dám một mình trở lại?

Tôi ngồi nói chuyện với Mẫn, cố làm ra vẻ thoải mái để Mẫn không nhìn thấy sự miễn cưỡng của tôi. Qua lời nói và dáng điệu của Mẫn, tôi cũng thấy Mẫn không mấy thoải mái trước một người mập mạp, áo quần bảnh bao đang ngồi trong nhà mình.

Khi mấy chai bia được mang về, qua hơi bia, câu chuyện giữa hai chúng tôi trở nên dễ dàng hơn. Chuyện cũ nhanh chóng trở về. Bạn bè người mất, người còn, người ở lại, người đi Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Úc... Dần dà câu chuyện đi đến chỗ giong tan. Không gian vây quanh bớt u ám. Ngồi nhà như bớt đi cái nóng. Có thể nhờ hơi bia, Mẫn quên đi mặc cảm, trở nên sống động hơn khiến Mẫn bớt đi vẻ già nua.

Qua đối thoại chúng tôi như trở ngược lại thời quá khứ, tìm lại được những thân tình ngày cũ. Giữa câu chuyện, một cái tên được Mẫn nhắc đến làm lòng tôi nhói đau. Nhà Mai. Tên đẹp mà người cũng đẹp. Nhà Mai là hoa khôi của trường chúng tôi học. Đạo đó quanh Nhà Mai trồng vô số cây si. Tôi là cây si cổ thụ nhất mà cả trường đều biết, và cũng là người may mắn nhất nhờ sự bền gan đã chiếm được cảm tình của Nhà Mai để nảy nở mối tình đẹp giữa hai chúng tôi. Tôi vội hỏi:

- Nhà Mai giờ ra sao? Toa có gặp Nhà Mai không?

- Chỉ biết tin về cô ấy qua buổi nhậu với thằng bạn cách nay mấy tháng. Bạn moa cũng là bạn của chồng Nhà Mai.

Tôi tò mò hỏi tiếp.

- Cô ấy giờ ra sao. Gia đình yên ấm chứ?

- Chồng cô ấy chết lúc đi tù cải tạo. Nghe nói bị bắn lúc vượt rào trại.

Tin chồngannah Mai chết là chuyện buồn, cố sao lòng tôi có chút reo vui. Như vậy phải chăng việc đi tìm màu thời gian chẳng qua là cái cớ để tôi tìm lại người tình cũ? Dầu sao, tôi vàannah Mai đã có biết bao là kỷ niệm với sự đứt đoạn tức tưởi. Nếu tôi muốn trở về tìm lạiannah Mai, theo tôi, cũng là chuyện hết sức bình thường.

Tôi vờ như vô tình:

- Về đây chỉ có niềm vui là gặp lại được bạn bè cũ. Trường hợpannah Mai đau khổ thật đấy. Hay chúng ta đi thămannah Mai nhé!

Mẫn tỏ ra thông cảm:

-Nếu ông muốn. Nhưng phải đợi tôi hỏi địa chỉ của cô ấy đã. Nghe nói cô ấy đang ở Đà Lạt.

-Cô ấy có con cái gì không? - Tôi hỏi.

Tôi lôi ra trong trí nhớ hình ảnhannah Mai. Mặt thon, mắt to, mũi cao vừa phải và một chiếc miệng cười thật xinh. Nhìn riêng, khuôn mặtannah Mai có những nét nổi bật sắc xảo. Nhìn chung, những điểm riêng trên khuôn mặt lại hài hoà một cách tuyệt diệu tạo nên vẻ đẹp toàn diện. Say mêannah Mai, muốn đánh bật mọi đối thủ, tôi đã phải tận dụng tất cả ưu điểm mà một thằng con trai có được, từ cách ăn nói, sự chải chuốt áo quần, đến uy tín của gia đình... Ba tôi là một công chức hạng cao, nhưng không bổng lộc, cũng may nhờ tài buôn bán của mẹ tôi mà gia đình chúng tôi thuộc hạng khá giả. Với những tiêu chuẩn như thế, cuối cùngannah Mai đã trở thành người yêu của tôi.

Chúng tôi lạc mất nhau vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975. Trong mấy năm đầu ở Mỹ tôi quay quắt tìmannah Mai với hy vọng một cơ may nào đóannah Mai cũng là một trong những người di tản như tôi. Tia hy vọng tắt dần theo năm tháng.

Gần mười năm ở Mỹ tôi gặp vợ li dị của tôi và quyết định đi đến hôn nhân. Vớiannah Mai, chính mối tình dang dở đã làm hôn tôi ấm áp những kỷ niệm đẹp, mà thời gian xa nhau và kỷ niệm là những mắc xích khó thể tách rời, giúp tình đó sống mãi với thời gian.

Người vợ tôi lấy không có sắc đẹp củaannah Mai và cũng không có đủ những nét duyên dáng cần có nơi một người đàn bà: sự uyển chuyển trong lời nói, sự dịu dàng trong đời sống vợ chồng, và sự lo lắng cho tương lai của một gia đình. Vợ li dị của tôi thiếu những thứ đó, nhưng có một thứ nàng rất dư là nỗi đam mê cờ bạc. Tôi đã cố tránh sự đổ vỡ, nhưng sự chịu đựng nào cũng có giới hạn. Khi đưa con độc nhất lên đại học tôi quyết định chia tay với vợ. Nếu ai hỏi tôi, thời gian này của tôi có màu gì, tôi sẽ không do dự trả lời: màu của đêm — đêm không trăng, sao với bóng tối dày đặc.

Nên chưa bao giờ tôi thấy cần gặpannah Mai như lúc này.

Tôi tự hỏi, hoàn cảnh gia đình không hạnh phúc và nỗi cô đơn dằng dặc hay chính là mối tình bông bột thời trai trẻ vẫn còn nung nóng đã là cái cớ cho tôi đi tìm màu thời gian, để tìmannah Mai?

Vậy mà đã ba mươi năm. Tôi bất giác thở dài!

Chuyến xe của hãng du lịch đưa tôi và Mẫn đến Đà Lạt vào một buổi trưa. Chúng tôi thuê phòng của một khách sạn gần khu Hoà Bình. Trước kia tôi có dịp ở đây vài năm. Khu Hoà Bình và chợ Đà Lạt còn lại chút hình dáng cũ, nhưng chung quanh đã hoàn toàn thay đổi với khách sạn bao quanh và những dãy ki-ốt mọc dài theo đường vào chợ. Hồ Xuân Hương cũng không còn sạch như xưa. Sân Cù thì mất hẳn dáng thơ mộng cũ và không còn là nơi dành cho những cặp tình nhân hẹn hò. Rừng thông ở Đà Lạt đã thưa đi nhiều với vô số nhà cửa được xây cất vô tổ chức làm cho Đà Lạt thiếu vắng nét đài các của một “hoàng triều cương thổ” cũ. Và nhất là Đà Lạt đã mất đi cái lạnh cố

hữu với những chiếc măng - tô sang trọng hay áo len đan tay khoác lên mình các thiếu nữ xinh tươi.

Giữa nỗi háo hức được gặp người yêu cũ, có chút thất vọng về một thành phố từng hãnh diện vì phong cảnh hữu tình.

Chiếc tắc-xi lên đồi vòng về hướng ấp Du Sinh cũ.

Mẫn bảo:

- Trước kia moa cũng có dịp lên đây một vài lần.

Không biết Mẫn nói câu đó với ý tiếc rẻ nét thơ mộng đã mất của một thành phố hay chỉ là câu nói suông. Tôi đuổi theo ý nghĩ của mình, không đáp lại lời Mẫn. Hai chúng tôi yên lặng cho đến lúc xuống xe.

Sau những lời hỏi thăm, chúng tôi đến gần những căn nhà nhỏ làm bằng gỗ thông, mái lợp tôn nằm chênh vênh, rải rác trên ngọn đồi xen kẽ một số vườn tược. Một vài cây thông non, cao chỉ hơn quá đầu người mà có thể vì còn quá nhỏ nên không bị chặt như những gốc thông già nằm rải rác đây đó chúng tôi đã nhìn thấy. Con đường đất đỏ vòng vo dẫn đến những dãy nhà. Tôi im lặng chậm chạp thả bộ theo sau con người lụm khụm chậm chạp của Mẫn. Dầu sao nhìn dáng đi của Mẫn cũng nhắc nhở là tôi cũng không còn trẻ nữa.

Một người đàn bà đi ngược chiều, Mẫn chặn lại hỏi thăm nhà Nhà Mai. Mẫn tiếp tục đi theo lời chỉ dẫn của người đàn bà. Đến trước ngôi nhà nhỏ trống trước trống sau vì cửa ra vào và cửa sổ mở rộng, Mẫn dừng lại. Nhìn sự trống hoác của ngôi nhà tôi hơi ngạc nhiên. Vì từng ở Đà Lạt tôi biết nhà nào ở Đà Lạt cũng có những cửa kính đóng lại vào ban ngày để tránh cái lạnh mà vẫn có đủ ánh sáng bên trong nhà. Những nhà quanh đây không nhà nào có cửa kính. Tôi hơi thắc mắc, những cánh cửa kính tượng trưng cho sự kín đáo của Đà Lạt cũ đã mất hẳn rồi chăng?

Tôi đưa mắt nhìn vào trong nhà. Một mái tóc chảy dài trên tấm lưng thon của một phụ nữ đang ngồi quay lưng về hướng

Ngọc Anh

cửa sổ. Trước mặt cô là chiếc máy đan len. Đôi tay người đàn bà thoăn thoắt đẩy chiếc cần trục đưa những sợi len qua lại. Một hình dáng quen thuộc. Có lẽ nào Nhanh Mai? Dáng dấp đó làm sao tôi quên được? Ba mươi năm mà Nhanh Mai của tôi vẫn không khác gì ngày xưa. Hình ảnh trước mắt làm tôi lơ mơ như người nằm mơ. Tôi gọi thầm, Nhanh Mai ơi!

Mẫn gõ tay vào cánh cửa. Cô gái quay lưng lại:

- Thưa bác hỏi ai ạ?

Khuôn mặt có nhiều nét giống Nhanh Mai của tôi thuở trước. Một Nhanh Mai tôi từng yêu say đắm. Nổi hân hoan len lỏi vào lòng. Màu thời gian trong tôi lúc này có màu hồng phơn phớt. Tôi nhìn cô gái định kêu lên hai tiếng: Nhanh Mai. Bất chợt nghe giọng Mẫn:

- Mẹ có nhà không cháu? Hai bác là bạn của mẹ từ Sài Gòn lên thăm mẹ.

Vâng, hai bác vào nhà chơi để cháu đi gọi mẹ cháu. - Không đợi câu trả lời của chúng tôi, cô gái hớn hở đứng lên ra phía sau nhà.

Chúng tôi đứng loanh quanh vài phút. Một người phụ nữ hiện ra, đến trước mặt hai chúng tôi. Đó là một người đàn bà xa lạ.

-Lẽ nào là Nhanh Mai của tôi? - Tôi thầm hỏi mình.

Mẫn cũng không nhận ra người đàn bà, cất tiếng:

- Tôi muốn gặp chị Nhanh Mai.

Bằng đôi mắt đục lờ với lớp da đùn thấp ở đuôi mắt, người đàn bà nhìn Mẫn rồi nhìn tôi vẻ ngờ ngợ:

- Tôi là Nhanh Mai. Thưa hai ông tìm tôi có chuyện gì không ạ?

Thời gian vô tình nhưng lẽ nào lại vô tình đến thế ư? Đôi mắt tinh anh, to tròn như mắt nai tơ giờ ở đâu, sao chỉ còn lại đôi mắt hấp háy với da xếp lớp như bị thời gian đùn đẩy đến mức độ khốc liệt nhất.

- Anh... Tùng phải không? - Giọng người đàn bà khá trầm,

nhưng tôi có thể cảm nhận được chút quen thuộc.

Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa. Đúng là Nhà Mai của tôi thuở xa xưa. Nhưng với hình ảnh Nhà Mai trước mắt, tôi có xót thương, nhưng đó chỉ là nỗi xót thương chung dành cho một kiếp nhân sinh. Còn tình yêu ngày cũ với những háo hức được gặp bỗng dưng tắt ngấm. Tôi và Mẫn được mời ngồi. Những câu hỏi được hỏi và những câu trả lời được trả lời. Không một nhắc nhở nào về những ngày bị tức tưởi rời xa. Không có một giọt nước mắt chảy xuống vì cảm động cho cuộc hội ngộ. Tôi thấy tội nghiệp cho Nhà Mai về những gian truân Nhà Mai đã gặp, nhưng kỷ niệm đẹp giữa tôi và Nhà Mai mà tôi từng ôm ấp bỗng dưng đã không cánh mà bay mất hút. Điều mà tôi có thể làm nhiều nhất cho Nhà Mai là những đồng tiền được để lại, và đó cũng có thể là điều mong ước duy nhất của Nhà Mai vào lúc này.

Tôi không còn hứng thú để tiếp tục ở lại Đà Lạt. Chúng tôi trở về Sài Gòn ngay ngày hôm sau.

Tôi đã trở về Mỹ. Vẫn liên lạc thường xuyên với Mẫn qua điện thư bằng chiếc máy điện toán tôi mua tặng Mẫn để nhờ đó con cháu của Mẫn có thể cho thuê giờ để vào Internet hầu bù đắp thêm cho ngân quỹ gia đình. Đôi lúc Mẫn nhắc đến Nhà Mai, tôi đọc, nhưng những điện thư của tôi hầu như lúc nào cũng thiếu Nhà Mai.

Tôi nghĩ nhiều đến màu sắc của thời gian qua tình bạn và tình yêu để rồi chợt nghiệm ra. Tình yêu là ngọn lửa, tình bạn hay tình thương là hơi ấm của những cục than. Lửa cháy bùng rồi tắt, trong khi than còn âm ỉ nóng bên dưới lớp tro. Tình bạn giữa tôi và Mẫn với thời gian như cục than được vùi kỹ nên hơi ấm tỏa ra tuy yếu ớt cũng tạo chút ấm lòng cho cả tôi lẫn Mẫn. Trong khi tình yêu của tôi dành cho Nhà Mai bùng vỡ với đam mê và lòng hiếu thắng lại là khắc tinh của thời gian.

Hy vọng Nhà Mai và Mẫn đừng nghĩ tôi là kẻ bạc tình.

Ngọc Anh

Màu thời gian bằng bạc, giờ tôi mới chấp nhận tác giả nói đúng. Vì bằng bạc nên có và mất, nên cần được nâng niu và nuôi dưỡng. Tình yêu giữa tôi vàÀNH Mai thiếu cơ hội để dưỡng nuôi, để biến nó sang thứ tình bền vững hơn đó là tình thương gắn bó với những sợi tơ bốn phận ràng buộc.

Hai chúng tôi không có được cơ hội đó, nhưng đáng lý chúng tôi vẫn có được những kỷ niệm đẹp để mãi mãi chúng tôi mang ảo tưởng màu thời gian của hai chúng tôi là màu hồng nên tình yêu đó là tình yêu bất diệt. Đây là món quà hậu hỉ thưởng để dành cho con người mà tôi, đáng lý cũng được hưởng để làm hành trang lãng mạng trong suốt cuộc đời còn lại của tôi. Thế mà chỉ vì tâm lý muốn được thoả mãn, cố tìm cho bằng đượcÀNH Mai nên tôi đã đánh mất nét đẹp thuần khiết vĩnh cửu đó. Để bây giờ tôi đã thật sự mất hẳnÀNH Mai. Tôi tiếc phải chi ngay từ đầu tôi hiểu được sự tuyệt diệu của thượng đế khi tạo cho bộ óc con người như chiếc túi lọc để lọc tinh chất — sàng lọc đất cát, tinh hoa giữ lại. Và kỷ niệm đẹp chính là tinh chất.

Dầu sao tôi cũng đã biết được lỗi lầm của mình để ngừng tìm hiểu thêm màu thời gian và chấp nhận sự bằng bạc của màu thời gian. Vì biết, nên tôi vẫn còn có được niềm hy vọng và sự chấp nhận bất cứ chuyển tầu thời gian và sân ga không gian nào, dầu chuyển tầu này mang màu sắc gì đi chăng nữa hay chỉ còn lại sự bằng bạc sắc không cuộc đời.

* “Đầu tiên”= tiên đầu

Ngọc Anh

Thơ

Trường Giang



Trường Giang

Bút hiệu : Trường Giang, Tuổi : Mậu Thìn

Trước năm 1975: Sỹ Quan Quân Lực V.N.C.H.

Sau năm 1975 : Bị ở tù Cộng Sản 4,464 ngày

Ngày đến Hoa Kỳ : Tháng 2 năm 1992

Hiện định cư tại San Jose, California

Giải Nhất đồng hạng Thi Thơ Hội Tết Quý Dậu 1993 tại San Jose

Thi Phẩm tự xuất bản : MỘT RỪNG CHÍNH KHÍ (2000)

Loại thơ : Đường luật

Đã có thơ in chung trong các Tuyển Tập :

* Bốn Biển Thơ Chung Nói Nhịp Cầu (1995)

* Một Phía Trời Thơ 1 (1995) * Xuân Thu (1998)

* Hoa Giáp Đông Anh (2000) * Một Hương Đi (2000)

* Một Phía Trời Thơ 5 (2002) * Thơ Văn Hoa Vàng (2003)

* Thi văn Viễn Xứ (2005) * Hoa Thơ Bốn Phương 1 (2005)

* Thơ Văn Bốn Phương 2 (2006) * Nam Phong 2 (2006)

* Thơ Lạc Việt (2006)

Tháng Tư Oan Nghiệt

Trường Giang

1/4- Tháng Tư oan nghiệt quá đau lòng,
Tang tóc trùm lên cả núi sông.
Giặc Bắc mọi nơi xương rải trắng,
Quân Nam khắp chốn máu tô hồng.
Quốc gia chiến đấu vì nhân bản,
Cộng Sản xâm lăng bởi đại đồng.
Chiến lược toàn cầu tàn nhẫn quá,
Miền Nam “buông súng” thảm thương không !!!

&

2/4- “Buông súng”, trời ơi quá tủi lòng...
Thế là tan tác cả non sông.
Giao tranh xá kể phơi xương trắng,
Chiến đấu màng chi đổ máu hồng.
Chống giặc từng xô tan cũi xích,
Diệt thù đã phá nát cùm gông.
Cơ trời vận nước đành là thế,
Con tạo đành hanh quá bất công.

3/4- Thân Nga vừa đấy, lại thân Tàu,
Tráo trở lừng danh nhất Á, Âu.
Ban sáng tung hô phe hiếu chiến,
Buổi chiều đả đảo nhóm điều hâu.
Liên Xô quát tháo cam quỳ gối,
Trung Quốc hăm he chịu gục đầu.
Thân phận tôi đòi không biết nhục,
Lại còn ngang ngược với năm Châu.

&

4/4- Năm Châu phỉ nhổ bọn vong nô,
Đầu Đảng gian manh chính “ rợ Hồ”
Văn hóa rập khuôn như Hán, Mãn,
Quốc hồn theo mẫu tựa Trung, Xô.
Độc quyền sản xuất, dân xơ xác,
Liên kết kinh doanh, nước vật vờ.
Bán sạch tài nguyên, vàng ních đầy,
Rõ ràng Bác-Đảng lũ ma cô.

Trường Giang

Sử Hôn Ráo Gai

Trường Giang

1/4- Đất nước chông chênh tựa đám đò,
Cả bầy quỷ đỏ chẳng hề lo.
Trong ngoài phè phỡn toàn “ăn bản”,
Trên dưới mê man rất “ngũ khò”.
Chẳng nhớ toàn dân nhai sắn bắp ??
Đã quên cả nước nuốt bo bo ??
Ngày đêm tính kế lừa dân tộc,
“Giải phóng” gì bay lữ “rợ Hồ” ??

&

2/4- Tôn giáo xưa nay dẫn dắt người,
Đi tìm cuộc sống lắm vui tươi.
Tà quyền sớm tối toàn lời khóc,
Chính đạo ngày đêm rất tiếng cười.
Bởi tạo nghiệp lành sâu bớt chín,
Vì gây tội ác tử thêm mười.
Chớ đưa dân tộc vào oan nghiệt,
Xú ối nghìn sau tiếng hổ người...

3/4- Các hàng Giáo Phẩm tội tình gì ??
Đầy đọa triền miên, nhốt cách ly !!
Đảng gán Tăng Ni : “phường phản động”,
Đoàn vu Cha Cố: “bọn gian phi”
Cương thường băng hoại văn thơ chép,
Đạo lý suy đồi sử sách ghi.
Cuộc sống vó câu qua cửa sổ,
Bạc vàng, danh vọng khó đem đi...

&

4/4- Vang động chuông khua cảnh tỉnh đời.
Đừng mê ngủ nữa, buổi dầu sôi.
Nhân quyền chôn chặt còn đâu nữa !!
Dân chủ vùi sâu hết cả rồi !!
Căn bản quê hương sao thả lỏng ??
Cội nguồn dân tộc lại buông trôi !!
Sử hồn réo gọi phường quên gốc,
Giặc Cộng nghe chẳng trống đổ hồi ??

Trường Giang

Nhân Nghĩa Bà Tú Để

Người ta sinh ở trên đời,
Giữ câu tín nghĩa, nói lời nhân luân.
Tôn vinh các bậc trung thần,
Anh hùng hào kiệt xa gần gương soi.
Xưa nay cầu bắc để noi (1)
Áo nào mặc được hắt hoi qua đầu (2)
Đồng hương gặp lúc cơ cầu,
Thả câu nước đục, mở đầu bung xung.
Chôn vùi độ lượng bao dung,
Dẫu không huyết thống cùng màu da!!
Yêu nhau nào phải lựa là,
Hại người trung hậu chẳng qua vì tiền.
Cộng đồng đang sống bình yên,
Bỗng dưng xuất hiện thằng điên, con khùng.
Đặt điều, bịa chuyện lung tung,
Nặng mùi hơn cả trứng ung quá ngày!!
Xa lìa nẻo chánh, đường ngay,
Lòng đầy gươm giáo như bầy quỷ ma.
Quên nghĩa nước, bỏ tình nhà,
Cớ sao hành động như là đười ươi!!
Đen đầu cũng kể là người,
Uống ăn chi tổn cơm trời, nước sông?
Vì tiền đổi dạ, thay lòng,
Gây ra tan nát cộng đồng lạ chưa!!
Gục đầu nuốt miếng cơm thừa,
Ham đồng bạc nhớp mà lừa lọc nhau.

- Loài tôm “cứt lộn lên đầu”, (3)
Còn trên hàng lũ quân hầu “Khuyển Ưng”
Chim khôn tìm đậu cây rừng,
Những nơi gai góc thì đừng chui vô.
Tấm gương phản trặc “giặc Hồ”,
Được chim bẻ ná (4) điên rồ mới theo...
Cạn suy bám lũ hùm beo
Bây giờ danh hảo chôn theo đồng tiền.
Quả thật là điên!!!!

11, 2000 TRƯỜNG GIANG

GHI CHÚ:

- (1) Tục ngữ: “Bắc cầu mà noi, ai bắc cầu mà lợi”.
Ý nói, bất cứ ai làn việc gì cũng mong đem
kết quả tốt cho mình, cho người, không ai muốn
gây kết quả xấu, làm thương luân, bại lý.
- (2) Tục ngữ: “Áo mặc sao qua khỏi đầu”. Chê
người hành động càn rỡ, gây tai hại cho mình,
cho người mà không hỏi ý kiến người trên như
cha mẹ, ân nhân của mình.
- (3) Tục ngữ “Họ nhà tôm cứt lộn lên đầu” chê
người sống bất chấp thứ bậc trong gia đình, con
cãi cha, vợ gây lộn với chồng v...v...
- (4) Tục ngữ “Được chim bẻ ná, được cá quên nơm”
Chê kẻ đã lợi dụng người khác để làm lợi cho mình,
khi xong việc thì đuổi đi.

Nhớ lời Đau Lây

Cá không ăn muối cá ươn,
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư. (Ca dao)

Mẹ dạy con kể từ nhỏ tuổi,
Ráng học hành theo đuổi văn chương.
Từ khi cấp sách đến trường,
Học hành chăm chỉ, gạt lười tránh xa.
Lời cha mẹ gắng mà để dạ,
Chớ theo phường cặn bã đảo điên.
Nhớ khi lìa nước vượt biên,
Trăm nghìn xác chết khắp miền biển khơi.
Cướp Thái Lan giết trời gây tội,
Hiếp đàn bà, thả nổi đàn ông.
Hiểm nguy toàn cõi Biển Đông,
Mười phần chết chín đáy lòng chớ quên.
Hỏi ai đã gây nên thảm họa ??
Để toàn dân toi tả khổ đau.
Chính là giặc Cộng bấy lâu,
Đầu dây mối nhợ trước sau độc tài.
Chúng cướp của, giết người mọi cách,
Dẫu nghìn sau sử sách còn ghi.
Toàn dân lìa nước ra đi,
Chịu muôn thống khổ chỉ vì Tự Do.

Nay con đã qua đò thắng tiến,
Đã thành tài thực hiện giấc mơ.
Công danh, sự nghiệp đón chờ,
Mở mày, mở mặt còn ngờ nữa sao?
Khi con đã bước vào hoạt động,
Ổn dưỡng sinh biển rộng chớ quên.
Sớm khuya sẵn sóc báo đền,
Của ngon, vật lạ dâng lên chút lòng.
Chữ hiếu tử quyết không sao lãng,
Đấng thung huyên (1) ngày tháng báo ân.
Thời gian mãi mãi chuyển vần,
Kế thừa sự nghiệp song thân lẽ thường.
Dạy con cháu theo đường hiếu thảo,
Để góp phần giữ đạo trung lương.
Gia quy tôn trọng kỷ cương,
Vun bồi quốc pháp, luật thường thẳng ngay.
Phải rèn luyện tối ngày đạo hạnh,
Bĩ cực rồi đến cảnh thái lai.
Quê nhà quyết phải đổi thay,
Tập đoàn chuyên chính vững lây tự chôn.
Đem tài trí bảo tồn dân chủ,
Phải duy trì đầy đủ kỷ cương.
Việt nam mãi mãi hùng cường,
Quê hương hãnh diện ngang hàng năm Châu.
Thời gian quyết chẳng còn lâu

(1) Thung huyên: cha, mẹ

TRƯỜNG GIANG

Đón Vàng Lũ

1/4- Bè lũ Cộng nô chẳng sửa mình,
Khư khư ôm lấy tượng HỒ tinh.
Gục đầu quy phục Ma Lăng Cốt,
Sấp mặt tôn sùng Xít Tạ Linh.
Cưỡng ép toàn dân thờ Các Mác,
Dọa hù cả nước cúng Lê Ninh.
Cha căng, chú kiết siêng van vái,
Bỏ Tổ Hùng Vương, phá Miếu Đình.

&

2/4- Đình Chùa hoang phế khắp xa gần,
Dẹp hết bàn thờ để chứa phân.
Tượng Phật vất nghiêng trong xó bếp,
Ngai Thần lật ngược ở ngoài sân.
Thủy Hoàng chịu kém mưu vô đạo,
Ngụy Đế cam thua chước bất nhân.
Định luật gió gieo thì bão gặt,
Quyết không còn đất để dung thân.

3/4- Thân Nga vừa đấy, lại thân Tàu,
Tráo trở lừng danh nhất Á, Âu.
Ban sáng tung hô phe hiếu chiến,
Buổi chiều đả đảo nhóm điều hâu.
Liên Xô quát tháo cam quỳ gối,
Trung Quốc hăm he chịu gục đầu.
Thân phận tôi đòi không biết nhục,
Lại còn ngang ngược với năm châu.

&

4/4- Năm Châu phỉ nhổ bọn vong nô,
Đầu Đảng gian manh chính “rợ Hồ”.
Văn hóa rập khuôn như Hán, Mãn,
Quốc hồn theo mẫu tựa Trung, Xô.
Độc quyền sản xuất, dân xơ xác,
Liên kết kinh doanh, nước vật vờ.
Bán sạch tài nguyên, vàng ních đầy,
Rõ ràng Bác-Đảng lũ ma cô.

Trường Giang

Thơ

Phụng Thiên

Phụng Thiên



Phụng Thiên

Quê hương xứ Huế
Sinh năm 1944
Nghề nghiệp cũ: giáo viên
Lớn lên và tốt nghiệp tại Huế
Vào Sài Gòn từ 1968
Dạy trường Đào Tạo Nghệ
Định cư tại Mỹ năm 2001
Thích viết văn và sáng tác thơ.

Xuân Tha Hương

Bài Xướng của Hà An

Gió lạnh mùa sang, vẫn tiết Đông,
Tìm đâu nắng đượm dáng Xuân nồng?
Hoa vàng bờ ngõ cành mai Tết,
Tuyết trắng mơ màng rặng núi thông.
Đất khách, tình Xuân niềm buốt giá,
Quê hương, đất nước món hàng rong !
Hương trầm khói quyện, Xuân lòng Mẹ,
Nến rục soi đường Sử Tổ Tông.

Hà An (Xuân Đình Hội)

Bài Họa

Chuyển vẫn Xuân, Hạ, đến Thu Đông,
Trà ngát hương sen, chén rượu nồng.
Xướng họa, kết tình thêm chặt chẽ,
Giao hòa, trọn nghĩa được khai thông.
Nào câu dẫn mối, người buôn lẻ?
Thêm tiếng rao hàng, kẻ bán rong!
Tết đến, ngày Xuân lòng náo nức,
Gia đình hạnh phúc: rạng Gia Tông ...

Phụng Thiên (06/03/2007)

Cuối Năm Hạp Mặt

Bài Xướng của Cụ Hà Thượng Nhân

Cuối năm hạp mặt chúc đông vui,
Vinh nhục ngày qua đủ mọi mùi,,,
Quý Hội cùng hô nghìn bước tiến,
Tân Xuân chẳng nói một câu lùi.
Nhớ về đất nước bao trăm trở,
Nghĩ tới quê hương luống ngậm ngùi !
Dòng nước Trường Giang không thể cạn,
Bốn phương bát ngát, cỏ hoa tươi...

Hà Thượng Nhân (San Jose, 26/01/2007)

Bài Họa của Phụng Thiên

Đinh Hợi năm nay chúc thật vui,
Ly hương nếm trái biết bao mùi.
Hạp đoàn quyết chí cùng nhau tiến,
Kết bạn tâm đồng chẳng thối lui.
Đón Tết xứ người, lòng hớn hởi,
Chờ Xuân quê Mẹ, dạ bùi ngùi.
Bốn Phương dòng nước Trường Giang chảy...
Thung Lũng Hoa Vàng: rực rỡ tươi...

Phụng Thiên (San Jose, 28/01/2007)

Xuân Lạ Mai Có Lỡ?

Bài Xướng của Ngô Đình Chương

Mai này mai có nở không Mai?
Ai nét vàng Xuân trước ngõ ai?
Lỡ bước, em giảng tình ái lỡ!
Hoài công, ta đợi nhận tin hoài.
Một lời, khó trước sau như một,
Hai ngã, sao toàn vẹn được hai?
Tạo hóa trở trêu thường cứ tạo,
Dài trang thơ viết những đêm dài...

Ngô Đình Chương

Mai Một

Bài Họa của Phụng Thiên

Mai một lại về, lại một mai,
Ai trao tâm ý, biết rằng ai?
Lỡ đò, lỡ chuyến, thôi đành lỡ!
Hoài chí, hoài mong, cũng thật hoài...
Một chữ chung tình, luôn có một,
Hai câu trọn nghĩa, vẫn không hai.
Tạo thêm nghiệp chướng, nhường ông Tạo,
Dài ngắn thời gian, giấc mộng dài..

Phụng Thiên (San Jose, Xuân Ly Hương 2007)

Tình Mãi Trăm Năm...

(Viết cho người nằm xuống)

Anh nằm xuống đất trời luôn biến đổi,
Một màu đen trầm mặc với tang thương !
Đường trần gian đượm mùi gai nhọn hoắc,
Buốt nhói tim em nỗi nhớ chán chường...

Ba mươi tuổi vội vàng chi anh nhỉ ?
Lìa trần gian ẩn tích một chỗ nằm !
Đêm cô quạnh linh hồn về thấp sáng ?
Hạt bụi tình phiêu bạt mãi xa xăm..

Ta khẽ gọi trong cô đơn tuyệt đỉnh,
Khói hương trầm vàng ngọn nến hắt hiu,
Khua nỗi nhớ mò về tìm quá khứ,
Mắt cay xè, hôn giọt lệ nâng niu...

Những kỷ niệm của một thời trân quý,
Hiện nguyên hình trong lớp vỏ thời gian,
Ta ôm lấy vô vàn niềm sung sướng.
Trái tim yêu hình bóng chẳng phai tàn.

Thân lẫn lóc vụn nẻo đường gió bụi,
Kiếp tha hương còn vướng nợ tơ tằm.
Bài thơ viết lệ tràn thơm trang giấy.
Một cuộc tình nuôi tiếc mãi trăm năm...

Đất khách nhớ về kỷ niệm dấu yêu...

Phụng Thiên (San Jose, Xuân 2006)

Khóc Cụ Nguyễn Thị Nga

Cụ già cả, lại thêm bệnh tật,
Tôi trông nom, cũng thật tận tình,
Lòng riêng coi tựa Mẹ mình,
Nghĩa tuy hầu hạ, mà tình cháu con,
Lòng những tưởng Cụ còn trường thọ,
Các cháu con, trong họ, ngoài hàng,
Đi về quà bánh hỏi han,
Nào ai thoát cảnh hợp tan có trời !
Cụ chẳng ở, dẫu mời chẳng ở,
Con chỉ xin lấy nhớ làm thương,
Chúng con cùng cảnh tha hương,
Nghĩ thôi ngoảnh lại bước đường càng đau !
Càng nghĩ tới cơm hâu, nước rót,
Lúc gần kề đau xót nào nguôi.
Ly tan, sống thác kiếp người,
Làm sao ngăn được, lệ rơi bây giờ ?

Phụng Thiên (San Jose, 26/ 02/2007)

Thành Kính Dâng Ba

(Mùa lễ Vu Lan 2006)

Thương nhớ Ba ngày đêm khắc khoải,
Cuộc đời lưu xứ phải gian nan,
Cơ may không phải cơ hàn.
Tự Do Dân Chủ đem bàn với nhau,
Con nhớ Ba, lòng đau như cắt,
Thương nước non, ruột thắt gan bào,
Nghĩ câu một giọt máu đào,
Bí bầu khác giống, vươn cao một giàn,
Ốn Phước Lộc, trời ban mạnh khỏe,
Có niềm tin vui vẻ quanh năm,
Dòng thơ tâm nguyện kính thăm,
Mong sao giấc ngủ đêm nằm bình yên,
Vui Tiên cảnh, vẫn hiền tích đức,
Vẫn hết lòng, hết sức tin yêu,
Lượng bao dung, bác ái thật nhiều...
Lấy câu nhân nghĩa, làm điều dạy con.
Lời chỉ bảo sắc son ghi tạc,
Mong cầu trời ban phước cho Ba
Trăm năm ai lại không già ?
Lòng con nhớ mãi: công Ba đời đời...

Phụng Thiên (12/07/2006)

Truyện Ngắn

Đào Quang Vinh

Đào Quang Vinh



Đào Quang Vinh

Tên thật: Đào Quang Vinh

Học sinh tiểu học: Puginier Hà Nội.

Học sinh trung học: Nguyễn Trãi, Hồ Ngọc Cẩn, Chu Văn An
Sài Gòn.

Sinh viên Đại Học Khoa Học và Văn Hạnh Sài Gòn.

Tốt nghiệp khóa 19 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam

Tốt nghiệp Phi Công tại Hoa Kỳ:

T 28, Dakota C 123, Hercules C130.

Chủ Tịch Hội Văn Bút VNHN /TTĐN Hoa Kỳ

Tác phẩm đã xuất bản:

- Cung Thương Ngày Cũ (Truyện dài, hết)
- Phiêu Bồng (Tuyển tập)
- Cỏ Dại (Tuyển tập)
- Anh Vẫn Quay Về Với Em (Audio book)
- Bâng Khuâng Tuổi Ngọc (Tập truyện)
- Khung Trời Kỷ Niệm (phát hành 2007)

Cassette đọc truyện:

- Những Cánh Chim Bằng
- Giọt Nắng Bên Thềm

Nhạc: (Kim Uyên)

- Bơ Vơ (Cassette)
- Tình Chỉ Là Giấc Mơ (CD)

Bố Mẹ Tôi

Đào Quang Vinh

Đêm hôm nay, mười bốn trăng tròn. Tôi tưởng tượng như thế. Nếu quả thật như vậy thì ngày mai nhất định phải là ngày rằm. Ngày rằm tháng tám, ngày Tết trung thu, trăng sẽ sáng và thật tròn. Ánh trăng sẽ tỏa ngập trần gian. Thành phố này, nơi tôi vừa đến, tôi nhìn lên cao mà ngỡ như trăng, dường như thấy rõ cả khuôn mặt chị Hằng nơi cung điện...

Với bao mùa trung thu qua, xa quê nhà tính ra đã cả hai mươi lăm năm trời, tôi đã trở thành “*người khác*” từ lúc nào không hay biết. Bây giờ giật mình, tôi thấy tôi đã bắt đầu chớm già. Không phải già vì tuổi tác mà già vì cuộc sống tranh đua từng ngày. Có lẽ, vì vậy mà Tết Trung Thu chẳng còn ý nghĩa sâu đậm trong tôi như ngày nào, thừa tôi còn bé. Hình ảnh những chiếc bánh nướng mầu nâu, bánh dẻo mầu trắng và mùi thơm của tách trà tàu mạn sen bốc khói và nhất là nụ cười thật tươi của cha tôi cũng chẳng còn. Nhớ tới cha tôi là nhớ tới miền Bắc xa xôi của người.

Hà Nội ngày ấy, tôi còn nhỏ, trời có mưa phùn bay và gió lạnh hiu hắt thổi nhẹ. Tôi vẫn còn nhớ cái mũ nồi mầu xám đậm kéo phủ mang tai, lổm đổm có những li ti bụi nước long lanh mầu vẫn thạch. Chiếc khăn quàng cổ rộng và dài, dày cộm, quấn quanh chiếc cổ bé xíu, hồi tôi lên bảy, trông thật ngộ nghĩnh. Cứ ba tháng trời mới được một lần dờn nhà nội trú, để theo bố tôi về nhà, hưởng những ngày đầm ấm bên gia đình.

Tôi nhớ có lần bố đón, trên con đường vắng quen thuộc, ảm ướt, bố dắt tay tôi qua đường vội vã và dục “*nhanh lên con,*

Đào Quang Vinh

về ăn bún riêu mẹ nấu". Theo chân bố, tôi bước những bước thật dài mà vẫn còn lẻo đẽo ở phía sau. Tôi muốn đi nhanh hơn nữa, có lúc phải chạy, vì biết giờ này mẹ đang mong ngóng chờ đợi tôi về. Mỗi năm chỉ có vài lần được sung sướng như thế. Ở lại nhà với mẹ vài ngày, hạnh phúc thật to lớn. Tôi muốn xà vào lòng mẹ ngay từ lúc mới bước vào cửa, nhưng không được. Bố tôi nghiêm khắc quá. Lúc nào thì ông cũng một mực "*là con trai thì phải cứng rắn, không được làm nũng mẹ*". Lần nào cũng vậy, đợi cho bố tôi vừa đi khuất, mẹ vẫy tôi lại ngay. Tôi ngập ngừng sợ hãi, dường như lời nói của ông vẫn còn văng vẳng đâu đây. Mẹ hiểu tâm trạng của tôi, vội với tay kéo tôi vào lòng. Những giờ phút ở cạnh mẹ, tôi thấy được bao bọc, được che chở mọi điều, được đền bù cho những giây phút cô đơn một mình. Hằng đêm trước khi đi ngủ, tôi vẫn thường khóc, mơ ước được nằm trong cánh tay ấm áp của mẹ. Mẹ xoa đầu tôi, trùi mền nhìn thẳng vào mắt tôi, xuýt xoa. "*Con của mẹ chóng lớn quá*". Không khí gia đình luôn luôn vẫn thế, ấm cúng, khác xa với nơi nội trú tôi ở, nhất là về mùa đông có những ngày dài lê thê lạnh lẽo. Cơn mưa nhỏ làm mờ cửa kính, chỗ tôi vẫn thường đứng đó hằng đêm mà ngóng về hướng nhà cha mẹ tôi đang ở, nơi có một mảnh vườn nhỏ và đôi guốc gỗ bé vừa bằng bàn chân tôi. Tôi đã dấu thật sâu nơi bụi cây hàng rào chỉ vì nó dính bùn. Tôi sợ mẹ tôi nhìn thấy vì người đã cấm tôi không được ra chơi ngoài mưa.

Những ngày ở lại nhà, mẹ thường nấu cho tôi những món ăn lạ. Cái bụng nhỏ bé của tôi không bao giờ làm tôi vui lòng, nó nhỏ quá so với những thức ăn thật ngon mẹ dành cho tôi. Nhiều thứ lắm nhưng tôi chỉ thích món bún riêu cua mà thôi. Có lẽ vì tôi đã góp công lớn trong đó. Mẹ nói không có tôi chưa chắc món canh riêu cua lại đậm đà như thế. Lần nào cũng vậy, trong bữa cơm, mẹ vẫn thường tìm cách để tuyên dương công

trạng của tôi. Tôi hãnh diện lắm và cảm thấy như đã là người lớn.

Tôi thích món bún riêu cua. Mà phải chính tay mẹ tôi nấu mới được. Nhìn những con cua đồng ngâm trong chậu nước đầy. Mẹ tôi đưa tôi chiếc đũa cả và dặn “*Con cẩn thận nhé, đừng để tay sát mặt nước, quấy cho đều để xả nước bùn*”. Tôi đỡ lấy chiếc đũa cả dài to bản, bắt đầu nhúng vào nước. Mấy con cua dơ tay lên cao như phản đối. Tôi gạt mạnh chúng sang một bên hùng dũng như người vào trận địa. Rồi cười thích thú, bắt đầu quấy nhanh hơn cho chúng chóng mặt. Làn nước xoáy nhẹ chạy theo vết di chuyển của chiếc đũa to bản, làm thành những vòng tròn tù hãm trong chậu. Bọt bong bóng nhỏ dính từng chùm, nhả từ miệng mấy con cua màu xám bóng loáng, nổi nhẹ trên mặt nước rồi trôi theo vòng quay, bám vào thành chậu. Mẹ biết tôi vẫn thích nghịch nước như thế. Mà thật vậy, trò chơi này tôi đã say mê khi nhìn thấy mấy con cua ngoan cố, tinh nghịch trèo lên thành chậu ngồi chơi, dương đôi mắt tròn như hai hạt é đen ướt át nhìn tôi khiêu khích. Tôi vội vã hất nó vào lại phía trong nhưng khó quá. Cặp chân như hai gọng kìm bám sát vành chậu. Tôi dơ chiếc đũa cả lên cao, đập cho vài cái thật mạnh trên chiếc mai cứng nhưng dường như chẳng thấm vào đâu. Con cua vẫn nghênh ngang trên tôi, nó bò ra khỏi chiếc chậu nhôm cũ. Rồi rớt xuống sàn xi măng, chạy loạng quạng. Bối rối, sợ hãi tôi biết phải làm gì, nháy vội lên chiếc ghế thấp, la cầu cứu âm ỉ. Mẹ tôi đang bận tay rửa chiếc cối đá gần đó, giật mình hốt hoảng chạy tới, tưởng tôi bị cua kẹp. Mặt tôi vẫn tái xanh, chỉ con cua đang tìm đường lẩn trốn, lấp bắp mách mẹ. Người cười, xoa đầu tôi, rồi mới thông thả đưa tay ra bắt lại con cua, ném nó vào trong chậu nước như cũ. Tôi phục mẹ tôi quá, việc gì người cũng làm được. Nhanh nhẹn, tháo vát. Lúc nào mẹ tôi cũng đến đúng lúc khi tôi cần đến người. Khuôn mặt hiền từ của mẹ và cử chỉ âu yếm ấy cứ luẩn quẩn theo tôi suốt năm tháng

Đào Quang Vinh

còn ở nội trú trong trường nhà dòng. Đạo ấy, cứ vào mỗi buổi chiều có cơn mưa phùn dai dẳng, tôi lại lên cơn nhớ nhà và nhớ hương vị thơm ngát của những món ăn. Đầu óc tôi lúc nào cũng luẩn quẩn bên bát bún riêu nóng mà mẹ tôi đã cẩn thận nấu dành cho tôi. Nhớ những cọng rau muống chẻ cong vút bám chặt, như những ngón tay búp măng đan vào nhau của đôi bàn tay đang kính cẩn nguyện cầu, hòa với mầu lá xanh của rau kinh giới vị nồng thơm, lác đác vài ba khoanh hoa chuối xắt mỏng mầu tím hoa sen. Mùi khói thơm bốc lên từ chiếc nồi đun sôi lăn tăn sủi bọt. Mẹ tôi nhanh nhẹn gấp bún bỏ vào tô, rắc ít hành hoa và gạch cua trứng rưới lên trên, rồi chan riêu cua cho ngập mặt bún. Mầu vàng sẫm của váng cua nổi bật trên mầu trắng của bún tươi. Tô bún gia đình, tô bún của mùa đông ẩm ướt có gió lạnh ngoài trời. Làm sao tôi quên được.

Rồi ngày lên đường, tôi trở lại trường cũ mà nước mắt quanh tròn. Mẹ tôi dịu dàng bao nhiêu thì trái lại, bố tôi nghiêm khắc bấy nhiêu. Bố tôi nhắc khéo “*Con trai không được khóc đấy nhé*”. Tôi đã cắn gằn như nát bờ môi và nguyện với lòng là nhất định không khóc. Bố tôi lặng lẽ đưa ra xe. Chiếc xe xích lô đạp xa dần căn nhà thân yêu mà tôi biết chắc mẹ tôi vẫn còn thấp thoáng nơi cửa sổ đang nhìn theo. Tôi không dám quay lại, sợ dòng nước mắt sẽ tuôn rơi. Rồi sẽ nhận lời khiển trách của bố. Tôi âm thầm chịu đựng ngồi cạnh người trong lòng chiếc xe mà nhịp tim đập mạnh hơn lúc thường. Dẫu sao đi nữa, tôi vẫn chỉ là một cậu bé lên bảy bịn rịn lúc xa nhà.

Nơi tôi đến chẳng xa gì với chỗ bố mẹ tôi ở. Có nhiều lúc tôi nghĩ, thà như đám bạn tôi. Họ từ các tỉnh lỵ xa xôi khác tới, không biết đường về để dứt khoát khỏi nghĩ ngơi. Còn tôi, biết nội trú và nhà tôi ở cùng trong một thành phố, chỉ cách nhau bằng một con sông nhỏ mà sao tôi phải chịu cảnh cách xa. Nhiều lúc lòng xôn xao tôi muốn trèo qua cái hàng rào bọc quanh trường, để chạy về nhà gặp lại mẹ tôi. Cái hàng rào làm

bằng song sắt, thấp lè tè ngang tầm ngực, có màu sơn đen đã bạc, nhiều chỗ sơn đã tróc đang chuyển sang màu nâu rỉ sét. Cái hàng rào thấp ấy tôi có thể trèo qua một cách dễ dàng. Nhưng không hiểu tại sao dường như có một lực vô hình nào đã cản bước chân, giam hãm tôi, tù túng ở lại trong sân trường. Tôi thấp thỏm đợi lần sau bố tôi đến đón như người đã hứa. Ngày tháng chờ mong thật dài, cái mũ nồi xám rộng vẫn nằm nguyên trên bàn và lời dặn dò của bố, tôi vẫn còn nhớ nằm lòng “*Chịu khó học, lần sau bố đón về sớm. Nhớ đội nón khi ra sân chơi. Đừng nghịch mưa*”. Và đặc biệt không bao giờ người đề cập tới giọt nước mắt của tôi khi người vẫn còn ở quanh phạm vi sân trường, nhất là trước mặt đám bạn bè nhỏ của tôi. Lúc ấy tôi chỉ biết bịn rịn nắm chặt tay bố. Người xoa đầu tôi, bế bổng tôi lên cao và hôn nhẹ vào má. Rồi thả lại tôi về với đám đông.

Tuổi quá non, tôi chẳng nhớ được nhiều những gì khi còn bé. Lớn lên tôi biết rất ít về Hà Nội, thành phố cổ kính rêu phong, có ngôi trường đồ sộ và những căn phòng nội trú lạnh lẽo. sau này, nhiều lần nghe bố tôi kể lại, lúc ấy Hà Nội dần dần thành hình, để bồi đắp thêm cho vùng kỷ niệm đơn sơ của tôi, cái dĩ vãng của thằng bé xa nhà có nhiều nước mắt tủi thân hơn những nụ cười trẻ dại. Những hình ảnh gượng gạo của Hà Nội xa vời không rõ nét trong tôi. Bố chỉ kể cho tôi nghe loáng thoáng như thế, nơi có hồ Hoàn Kiếm và những con đường nhỏ đông người. Phố Huế với đường xe điện chạy lên xuống, qua khu chợ Hôm. Chợ Đồng Xuân đông người tấp nập ngược xuôi. Những cảnh náo nhiệt ấy vẫn vô tình không thấm nhập hẳn vào tâm hồn bé bỏng của tôi. Những hình ảnh thật đơn sơ so với những trang sách sau này viết về Hà Nội. Cái kỷ niệm đậm nhất của thành phố cổ còn vương trong tôi về nhà, để rồi từ đó tôi chẳng bao giờ có dịp trở lại nơi nội trú nữa. Tôi vẫn tiếc tấm hình màu “Zorro” để trên đầu giường mà tôi thường mân mê trước khi đi ngủ. Bàn tay rắn chắc của chàng đang vung làn roi

Đào Quang Vinh

da quất mạnh vào không khí. Cái âm thanh sắc bén cao vút xé trời mà tôi đã tưởng tượng. Với bộ mặt nghiêm nghị, tự tin, “Zorro” như sẵn sàng thách thức với mọi biến chuyển của cuộc đời. Tôi dời nơi đó không một lời giã từ. Bỏ lại đằng sau tất cả trong vội vàng. Mãi chơi, tôi quên mất lời bố đã dặn, đó là năm học chót, bãi trường sớm không chờ hết niên học. Tôi thương cho mấy con ve sầu trong hộp diêm chắc cũng chết queo vì đói và lạnh, tôi vẫn còn thấy tội nghiệp cho chúng.

Rồi tôi xa Hà Nội để theo gia đình vào Nam, tôi quên đi thật lạ thành phố tôi đã ở, quên đầy nhà nội trú hàng ngày với tiếng chuông keng quen thuộc đều đặn nhắc nhở giờ sinh hoạt, giờ thức dậy, giờ đi học, giờ đi chơi, giờ ăn, giờ đi ngủ, để làm quen khí hậu mới với nắng mai hai mùa. Sài Gòn với những cơn nắng cháy da, và những trận mưa chiều rờn rã ướt át. Bố tôi đi làm vất vả hơn và mẹ tôi cũng vậy, lo cho chúng tôi đủ thứ. Chỉ có tôi là sung sướng, khỏi phải đi học, không phải trở về căn phòng bé nhỏ quạnh hiu ngày xưa nơi nhà nội trú nữa.

*

Tuổi thơ đi qua nhanh quá. Thời gian chẳng chờ đợi ai. Tôi đã lập gia đình và có đứa con trai đầu lòng cũng vừa bảy tuổi. Sau giờ học, tôi giữ nó ở nhà, vui chơi với nó vài giờ rồi mới đi làm ca đêm, tôi vẫn sợ nó cô đơn như tôi thừa bé. Có những đêm nửa khuya, đi làm về tôi không hiểu đã nghĩ gì mà vội chạy vào phòng nó. Có lẽ tôi sợ nó như tôi ngày trước. Nửa đêm giật mình thức giấc rồi nằm nghĩ vẫn vợ để dòng nước mắt rơi ướt gối. Bố tôi ngày ấy nghiêm khắc quá, vô tình đã tạo nên một khoảng cách xa giữa tôi và người. Bây giờ người đã mất. Lớn lên tôi mới hiểu được cái lý do tại sao người luôn luôn nghiêm khắc với tôi như thế. Cái mục đích duy nhất của cha tôi là tạo cho tôi trở thành con người cứng rắn và biết tự lập. Nhưng có một điều, theo tôi, có lẽ người đã bắt đầu quá sớm khi tôi vốn vẹn mới sáu, bảy tuổi..

Đêm nay, tôi đến đây, thành phố này, nhân một chuyến đi công tác của sở. Ngồi bên bờ hồ Eola, của thành phố lạ, Orlando vẫn rực sáng với ánh đèn màu và làn nước phun nhân tạo. Những hạt nước li ti được gió đem đi xa, như những hạt mưa phùn Hà Nội. Ngày ấy còn nhỏ, những kỷ niệm bé xíu chưa chưa đầy vũng bàn tay mà bây giờ tôi phải nâng niu như một kỷ vật hiếm quý còn sót lại của thừa ấu thơ. Tôi nhớ cha tôi và nhớ cả đứa con trai đầu lòng. Ba thế hệ liên đới hòa nhập trong tôi cùng một buổi chiều tối xa nhà. Tôi lang thang đi vòng quanh bờ hồ, nơi đây một mình, rồi ngồi nghỉ chân trong một góc tối của bóng cây mà hồi tưởng đến những mùa trung thu đã đi qua trong đời. Thành phố Hà Nội buồn tẻ với cơn mưa phùn, như những hạt nước nhỏ đang bay quanh đây. Và một Sài Gòn ngợp ánh nến lung linh của ngày tết trung thu. Đám trẻ nhỏ cùng lớp tuổi với tôi, hồi đó, đang hí hửng rước đèn, sức nóng của cây nến tỏa ra, làm tờ giấy bóng kính màu. Đèn con cá, con tôm, đèn ngôi sao đủ màu, có cả đèn kéo quân công kênh. Những chiếc đèn xếp hình trái bí, trái bầu có sắc thái đặc biệt của đường giấy xếp gọn sóng. Tiếng cười đùa, tiếng la hét thỏa thuê của đám trẻ nhỏ vô tư. Hình ảnh đó vẫn còn phảng phất trong tâm khảm tôi, bất chợt hôm nay nó chạy vội tới, và tôi biết, ngày mai nó sẽ lặng lẽ đội nón ra đi chẳng một lời chào. Tôi không sợ những cơn giông to lớn mà chỉ ngại làn gió nhẹ thoảng qua mơ hồ. Hình ảnh Tết trung thu ngày xưa, bây giờ chính nó đã làm tôi xao xuyến, nhiều lúc đến độ ray rứt khôn nguôi. Ôi! tuổi trẻ vô tư, nó đi qua thật mau. Những bài hát thuở tôi còn nhỏ bây giờ vẫn còn nghe trên đài phát thanh nơi quê người, cứ mỗi độ trung thu về.

Tết trung thu rước đèn đi chơi
Em rước đèn đi khắp phố phường
Đèn ông sao với đèn cá chép...

Đào Quang Vinh

Trăng đã lên cao, thật tròn tỏa ánh sáng trên vạn vật. Thế giới trẻ thơ là vùng đất của thần tiên, của ánh trăng vàng, của ngây thơ vụng dại. Ai đánh mất tuổi thơ, hoặc không có tuổi thơ mới thấy tuổi già ngọc ấy là quý. Chúng ta có trong tay, mà tội nghiệp thay cho những người không cảm nhận được những gì mình đang có. Để một ngày nào, nó vượt khỏi tầm với rồi mới thấy tiếc. Hạnh phúc của con người không phải góp nhặt bằng những hờn dỗi vu vơ, những bực bội vô tưởng mà bằng những yêu thương nồng ấm. Những thứ đó chúng đóng bè lại, tạo thành một vùng kỷ niệm của một thời, rồi chúng sẽ rủ nhau trôi đi thật xa. Thời gian bay nhanh quá, chúng ta có níu lại được không. Để một ngày nào đó, một cơn gió thoảng, một hạt mưa bay hay có một khoảnh khắc băng khuâng nào chợt đến đã làm tâm hồn mình rung động. Mình nhận ra sự hiện hữu của chính mình, con người chỉ là cây sậy mềm yếu. Loài cây cỏ ấy cho nhau được những gì ngoài những phiên muộn.

Tuổi thơ! tôi cũng như bạn đã ra khỏi lớp tuổi này từ lâu để hội nhập vào một thế giới khác nhiều lọc lừa và ganh đua. Chán nản, nhiều lúc tôi muốn quay về với những ngày xưa xa cũ, để cố tìm lại hình ảnh của cậu bé ngây thơ dạo nào. Tìm lại bát canh riêu cua mẹ nấu và những lần bịn rịn chia tay với cha tôi nơi văn phòng của nhà nội trú. Tôi có lấy lại được gì nữa đâu ngoài những trống vắng và cô đơn, như đêm nay với những bước chân âm thầm lặng lẽ trên lối đi bên bờ hồ vắng lạnh này.

Đêm rồi cũng qua và bình minh sẽ lộ dạng. Trăng cũng chẳng còn treo trên cao và tâm hồn tôi cũng thế, chẳng còn là tôi của những ngày xa xưa cũ.

Đào Quang Vinh

Thơ

Cát Dương



Cát Dương

Tên thật: Trương Thế Hương
Bút hiệu: Cát-Dương, Trương Cát Dương
Sinh quán: Điện Bàn, Quảng Nam
Nghề nghiệp: Trước năm 1975 SQHQ/QLVNCH
Sau năm 1975 Cán Sự Điện Tử
Định cư: 1975-1978 Thành phố Waterloo, IO
1979- đến nay Thành phố San Jose, CA

Thơ in chung: Một Phía Trời Thơ 2, do Hội Văn Học
Nghệ Thuật Thi Đàn Lạc Việt xuất bản năm 1997
- Tuyển Tập Thi Văn Bút Hoa 3, do VBVN Hải Ngoại
Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ xuất bản năm 2006
- Thơ và tùy bút đăng trên: GP Hải-Quân, ĐS Lướt Sóng,
Việt Nam nhật báo, Tạp Chí Người Việt Tha Hương
tại Canada, Kiên-Giang Thư-Quán.
- Trang thơ Trương Cát Dương trong TTVT Hoa Biển Gọi Hồn
Dân Tộc của tác giả HOA HƯƠNG DƯƠNG xb năm 2007

Nhớ Biển

Mười chín năm dài nhớ biển khơi
Tình đem chôn kín mãi phương trời
Áo kia vẫn trắng chờ tao ngộ
Trắng cả hồn thơ, mộng rã rời

Mười chín năm dài ta nhớ biển
Lòng như chưa dứt mộng trăng sao
Biển khơi nồng mặn tình thương nhớ
Nhớ bạn bè xưa, lệ muốn trào...

Nhớ mãi tàu đi giữa biển xa
Hải hành trên sóng động phong ba
Gió mưa gào thét, thân tàu lướt
Nghiêng ngả đời trai, mộng nhạt nhòa...

Mộng nhạt theo từng cơn sóng đẩy
Đời trôi theo mấy kiếp phiêu du
Biển ơi, một thuở xưa vang dậy
Ngang dọc đời ai, khiếp kẻ thù...

Mười chín năm dài ta nhớ biển
Người đi tàn lụn tuổi hoa niên
Biển ơi, bữa sóng vây ta lại
Rửa hộ giùm ta những muộn phiền...

Mười chín năm dài nhớ biển đông
Biển xưa giờ vẫn thắm hơi nồng?
Gió nam còn thổi khơi mùa động?
Ôi đến bao giờ thỏa ước mong!...

Mười chín năm dài nhớ biển khơi
Mà ta mãi đứng một bên trời ...
Gương thiêng đã ngả màu năm tháng
Cuối nẻo đời ai, tiếc một đời ...

Cát Dương

San Jose, Cali., 1994

Tình Em Như Biển

Em xóa tóc, nghiêng nghiêng vành nón lá
Mắt thẹn thùng, che nửa cánh môi xinh...
Mười ngón tay tiên bao lần em đã
Ru đời anh trong giấc mộng diễm tình....

Em có ghét, những chàng trai lính biển?
Đời hải hồ, trôi giạt bến bờ xa
Nói yêu em, trong những lần đưa tiễn
Còn nhớ gì? khi mỗi bến tàu qua...

*Em đâu biết, bến đời muôn vạn nẻo
Nhưng bến tình, xin chọn một em thôi!
Tàu ra khơi gió trùng dương lạnh lẽo...
Mơ quay về bến cũ của riêng tôi .*

Em ghét lắm, những nơi tàu anh ghé
Nào Vĩnh Long, Sa Đéc, đến Cần Thơ
Anh lẩn thẩn, theo “người ta “ lặng lẽ
Mắt đưa tình, môi tán chuyện vu vơ...

Em không thích, anh đi hoài, đi mãi
Nay Long Xuyên, mai Hồng Ngự, Tân Châu
Nơi anh đến, bao nhiêu nàng con gái
Anh say tình trong khóm mắt đêm sâu ...

*Em đâu biết, đời trai thời chinh chiến
Đối mặt thù, cái chết nhẹ như bông
Bạn anh đó, hôm qua còn vang tiếng...
Mà chiều nay, ngã xuống giữa dòng sông!*

Em ghét lắm, Bến Tre tàu anh đến
Anh đi bờ, dạo phố, không có em!
Đừng làm bộ, để “người ta” thương mến
Đến cổng trường, rồi hò hẹn quán kem !..

Nghĩ đến đây, tim em nghe nhói buốt
Ghét anh nhiều, đời lính thủy chong chanh..
Anh đừng mơ những mối tình bèo bọt...
Em mới là “Hoàng Hậu” của riêng anh!

Anh đâu biết, Sài Gòn em cô quạnh
Ngày lang thang trên phố một mình em
Bến Bạch Đằng, chiều nay hồn hoang lạnh
Bước chân buồn, lặng lẽ ngắm sao đêm

*Đừng khóc em, tình ta đâu sánh được
Tình quê hương, đất nước lớn hơn nhiều
Anh đâu thể làm người trai bạc nhược
Quần quanh hoài trong ủy mị tình yêu*

*Anh phải sống như kinh ngư biển cả
Đời vẫy vùng trên những ngọn sóng cao
Chí nam nhi bao lần tàu nghiêng ngã
Giữa trùng khơi, biển dậy sóng ba đào*

Tha anh đó, em yêu đời thủy thủ
Em sẽ là biển sóng hát ru anh...
Là hải đăng, dẫn anh về bến cũ
Em vui mừng, giọt nước mắt long lanh...

Cát Dương San Sose, Cali., 2005

Hoàng Sa Giác Biến

Biển ơi đừng có lạnh lùng
Hãy ngưng sóng gió hãi hùng cuối năm
Thân tàu một chiếc lạnh căm
Chở người ra đảo, xa xăm bến bờ
Người đi, người ở mong chờ
Năm qua, tháng lại, nhạt mờ bóng cầu
Chiều ra đứng tựa chân cầu
Trông về quê mẹ một màu biển xanh
Biển ơi, thôi cũng, thôi đành
Thân trai thời loạn, kinh thành lìa xa
Bãi hoang một cõi riêng ta
Tuyến đầu hải đảo Hoàng Sa mịt mờ ...
Ngày canh sóng vỗ quanh bờ
Đêm canh biển thẳm, dật dờ khói sương

Chiều về ngả bóng tà dương
Trăng treo một mảnh, đoạn trường là đây
Tháng năm nỗi nhớ đong đầy
Sáng ra sưởi nắng, cuối ngày ngó trăng
Cõi lòng không khỏi băn khoăn
Mẹ nơi quê ngoại, vết hằn mấy mươi
Mẹ ơi, mẹ vắng nụ cười
Từ cha chinh chiến ra người Hùng anh
Mẹ về ôm trọn tuổi xanh
Quyết lòng nuôi lớn con thành chàng trai
Dạy con gánh vác đôi vai
Cõi bờ giữ vững, chẳng phai trong lòng
Mẹ ơi, đời mẹ long đong
Cũng vì hai chữ Tiên Long rạng ngời
Tình con trải rộng nơi nơi
Núi sông biển cả đầy với tình người
Mai về dâng mẹ nụ cười
Mẹ vui, vuốt tóc mây trời trong tay ...

Cát Dương

Ta làm lữ Sóng Biển

Ba mươi một năm, tôi thăm hỏi biển
Biển có buồn, thương đợi bóng tàu ai?
Có cô đơn trong những tháng năm dài
Mong gặp lại tóc ai màu biển trắng!

Ba mươi một năm, lòng đầy cay đắng
Xa biển rồi hoang vắng cõi hồn tôi.
Trùng dương ơi, một đời ai trôi nổi
Vẫn mong về biển cũ, sóng ngàn khơi

Ba mươi một năm, tàu không về tới
Ta đi hoài trong ký ức mộng mênh
Ta cưu mang bao nỗi nhớ lênh đênh
Đời thủy thủ mơ về nơi biển mẹ!

Ba mươi một năm, xứ người dâu bể
Ta vùi chôn mộng ước thuở ngày xanh
Ta đau thương khi giấc mộng không thành
Ngày tháng đến, phai mờ theo quá khứ?

Ba mươi mốt năm, làm thân viễn xứ
Ta neo tàu sắt rỉ bến bờ xa
Đêm từng đêm nơi bãi đời nghiệt ngã
Ta nằm nghe sóng biển gọi ta về

Ba mươi mốt năm, tình người hoang phế
Ta cuồng si nhớ biển, nhớ quân trường
Nhớ ba lô, nón sắt dậy mùi hương
Từng buổi sáng chân vương bờ biển lạnh

Ta chớ quá những đêm khuya ngồi cạnh
Chia nhau từng điếu thuốc, ổ mì thơm
Nhìn khói bay, nhớ ánh mắt ai lờm
Khi hờn giận, bén hơn ngàn dao cắt.

Ba mươi mốt năm, biển tình héo hắt
Nha Trang buồn, áo trắng cũng chia xa?
Nhớ những lúc di hành trong nắng hạ
Ta bên người kỷ niệm khó phai pha.

Đèo Rù Rì chân ai đùa trên lá
Đôi giày Sô rộ nã bước ven rừng
Vai ba lô, tay súng, áo bụi đường
Vang tiếng hát quân hành trên dốc núi

Hòn Lớn xa xa, mây mờ giăng tối
Đêm hải hành giông gió vẫn ra khơi
Ta chưa quen mùi biển mặn, chơi với
Nên đầu óc vật vờ say say sóng!...

Ba tháng quân trường, tân binh lóng ngóng
Đầu húi cua, mặt mũi cũng bơ phờ
Nắng cháy trên da, thao trường bỡ ngỡ
Chân bước chưa đều, miệng đếm một hai

Rồi một hôm áo tân binh trả lại
Ta thay vào màu áo biển thân thương!
Giã từ em Nha Trang buồn chân vướng
Ta trở thành thủy thủ giữa trùng dương.

Cát Dương

Viết để nhớ lại một thời. San Jose, 2006



Thơ

Võ Thành Văn

Võ Thanh Văn



Võ Thanh Văn

Sinh năm 1949 tại Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
SVSQTB/K1/70/TBB/Thủ Đức; Sĩ Quan Phi Công Chinook CH-
47, Phi Đoàn 237/SĐ3/KQ & Phi Đoàn 247/SĐI/KQ

Đại Học Luật Khoa Huế, 1972-1975

Đại Học Hungtindon, Montgomery, Alabama, 1975-1976

Đại Học UTA, Texas, 1976-1979

Sang Hoa Kỳ năm 1975. Đã sống tại các Tiểu Bang:

Alabama, Florida, Georgia, Texas, California

Hiện cư ngụ tại Phù Hư am, Vùng Bắc Vịnh, California, USA

Làm thơ, 1964--Nhiếp ảnh, 1975--Viết văn, 1982

Viết báo & làm báo, 1985-1988--Soạn tự điển, 1995

[Tự Điển Thần Thoại & Điển Tích Thế Giới]

- Phụ tá Nội Vụ Thi Đàn Lạc Việt

- Tổng Thư Ký Văn Bút VN Hải Ngoại TT Tây Bắc Hoa Kỳ

- Nhóm Chủ Trương Tạp Chí Nguồn

- Nhật báo Investment Business Daily (IBD)

- Và nhật báo Marin Independent Journal (IJ)

Ngân Cách (II)

- 61— Chỉ xa nhau cơn phùng
Mà mưa chưa thấm đất
Nên nhớ thương chất ngất
Mong manh cuộc trùng phùng
- 62— Chỉ xa nhau cơn giông
Mà trời đầy sấm giạt
Nên mây chiều ản dật
Chờ giây phút rạng đông
- 63— Chỉ xa nhau áng mây
Mà cách ngăn vơi vợi
Gió đưa tin bay vợi
Về chân trời nắng phai
- 64— Chỉ xa nhau tuần trăng
Mà suốt mùa nguyệt tận
Con trăng rằm lặn đặng
Uớt dầm mùa tuyết băng
- 65— Cách nhau cơn triều lên
Mà tình người nước rút
Buồm giạt xa hun hút
Nên thuyền đời lênh đênh
- 66— Cách nhau cơn mưa nguồn
Mà đôi miền thác đổ
Chảy dài dòng kinh khổ
Nhánh sông trầm mặt buồn

Ngân Cách (12)

67— Chỉ cách nhau vòng tay
Mà lạnh lòng băng tuyết
Cơn mê đời bạo liệt
Vần vũ cuộc chuyển xoay

68— Chỉ cách nhau lời thề
Mà chén quỳnh chưa cạn
Mà hơi men lãng đãng
Nên cuộc tình mê mê

69— Chỉ xa nhau mâm trầu
Mà họ hàng không đến
Mà nghi ngờ đặc quánh
Nên sóng vỗ chân cầu

70— Chỉ xa nhau buông cau
Mà môi hồng không thắm
Mà mắt xanh chợt nhắm
Nên trăm năm còn đau

71— Chỉ cách nhau lời ru
Mà gừng cay muối mặn
Mà cội nguồn chưa vẹn
Nên rụng mãi sa mù

72— Xa nhau khúc nghê thường
Nên xiêm y lộng gió
Mai sau người qua đó
Nghe tình đầu phai hương

Ngân Cách (13)

- 73— Chỉ cách nhau tao nôi
Mà khóc cười hai cách
Từ đôi bên hông vách
Bởi cách nhau đôi môi
- 74— Cách nhau lời mẹ ru
Trên miền hoang tuổi dại
Nên suốt đời ái ngại
Những sân hận đòn thù
- 75— Cách nhau câu ca dao
Chị hát vào chạng vạng
Mà chân trời biến dạng
Nên lối mộng nghẹn ngào
- 76— Chỉ cách nhau lời kinh
Chúa xuống từ thánh giá
Chứng nhân đời chí trá
Để cứu vạt sinh linh
- 77— Chỉ xa nhau giáo đường
Bài phúc âm thành đá
Đã làm rơi trên má
Giọt lệ ngấm xót thương
- 78— Chỉ xa nhau tháp chuông
Bóng đổ dài ngăn cách
Tấm bích họa trên vách
Tìm cay đắng sâu tuôn

Ngân Cách (14)

- 79— Chỉ xa nhau sân trường
Mà bướm ong không tới
Bởi vơi vợi tay vơi
Đành trộm nhớ thầm thương
- 80— Chỉ cách nhau hàng me
Mà chim về không đậu
Thư đưa qua bờ đậu
Mà tim đập sắc se
- 81— Chỉ cách nhau đậu thưa
Mà tình người dày đặc
Dáng xưa giờ trầm mặc
Nên bờ liễu đong đưa
- 82— Cách nhau vệt sao băng
Nên trời chia nam bắc
Nên nhớ thương dằng dặc
Nên xa cách vĩnh hằng
- 83— Cách nhau một tuần sương
Mà âm dương biên biệt
Tình nghìn năm thống thiết
Mục rã đóa quỳnh hương
- 84— Cách nhau chiếc xe hoa
Mà hai đời tách biệt
Cuộc tình thời Ngô Việt
Cũng từ đó sương sa

Ngân Cách (15)

- 85— Chỉ xa nhau nhịp cầu
Mà dòng sông vờ vợi
Con nước nào chảy vợi
Qua từng khúc nông sâu
- 86— Chỉ xa nhau chuyển tàu
Mà sân ga quạnh vắng
Mà sân đời không nắng
Nên mây tình trắng phau
- 87— Chỉ cách nhau nhánh sông
Mà muôn trùng cách trở
Bờ đá cao chón chở
Rọi bóng nước quạnh mông
- 88— Chỉ cách nhau chuyển đò
Mà thuyền không cập bến
Mà đường đi không đến
Ngập nhớ thương dày vò
- 89— Chỉ xa nhau cánh bướm
Mà suốt mùa gió ngược
Sóng nhấp nhô phiền trực
Ráng chiều pha mây vương
- 90— Chỉ cách nhau đường làng
Mà bến bờ thăm thẳm
Mà quạnh hiu thái thặm
Nên tình đành dở dang

Ngân Cách (16)

- 91— Chỉ cách nhau đọt sương
Nên muôn phiến nhỏ giọt
Nên đoạn tình chua ngọt
Nên đời nhiều tai ương
- 92— Cách nhau một vẫy tay
Mà mây bay gió thoảng
Mà muôn vòn ngao ngán
Về qua khung cửa gầy
- 93— Chỉ cách nhau cơn ho
Mà vỡ toang buồng phổi
Cơn mê nào tròn tuổi
Mờ kinh điển từng pho
- 94— Chỉ cách nhau ngày sinh
Mà sang hèn đôi ngã
Dù thanh tao phong nhã
Cũng một kiếp phù sinh
- 95— Cách nhau phút xuất thân
Mà tỉnh mê cùng lúc
Con sông buồn đôi khúc
Cuồn cuộn chảy thương tang
- 96— Cách nhau chút nồng nàn
Mà con tim băng giá
Gót chân ai hóa đá
Trơ cứng dưới trăng vàng

Ngân Cách (17)

- 97— Chỉ cách nhau hố bôm
Mà hận thù ngùn ngụt
Ý hệ nào xa mút
Tận bên trời sao hôm
- 98— Chỉ cách nhau bãi mìn
Mà tình người đành đoạn
Bao mùa quê lửa loạn
Tim đời vẫn lặng thình
- 99— Chỉ xa nhau tầm nhìn
Mà chính tà phân liệt
Mà tình người biến biệt
Như tình đời trôi linh
- 100— Chỉ cách nhau đường gươm
Mà tử sinh đã định
Với bàn tay thù nghịch
Xé tình người rách bươm
- 101— Chỉ cách nhau gợn tình
Mà thê phong lãnh nguyệt
Mà trăng tròn nguyệt khuyết
Mà sao rụng băng tinh
- 102— Chỉ cách nhau quả tim
Mà máu không về kịp
Mà tình không hòa nhịp
Nên lòng người lặng im

Ngân Cách (18)

103— Chỉ cách nhau cổng làng
Mà trong ngoài xa lạ
Mà hương cau mùi rá
Gió chiều không đưa sang

104— Chỉ cách nhau gốc đa
Mà lòng đầy xao xuyến
Mắt ai ngồi đáy giếng
Nên khuya rớt mù sa

105— Cách nhau một chợ phiên
Mà trắng đêm mộng寐
Cơn mơ khuya dị dị
Không nối được đôi miền

106— Cách nhau dặm trường đình
Chờ hoài sáo không thổi
Nên vó đời rong ruổi
Chén rượu tiễn nhạt tình

107— Chỉ cách nhau đài sen
Từ chín tầng không nở
Mùa hạ không rạng rỡ
Như hoa dâng thắp đèn

108— Chỉ cách nhau cội mai
Mà mùa xuân không đến
Còn biết đâu bờ bến
Trên từng cánh mơ phai

Ngân Cách (19)

- 109— Cách nhau bụi mỏng tơ
Mà hai đầu tím thắm
Nên cuộc tình chưa đậm
Nên duyên tình chơi vơi
- 110— Cách nhau một giàn bầu
Mà không tròn duyên phận
Nên một đời lận đận
Ướt đẫm cơn mưa ngâu
- 111— Cách nhau một giàn dưa
Mà bầu không ưa bí
Mà giọng hò câu ví
Không ru ngọt giấc trưa
- 112— Cách nhau luống cải dài
Mà buổi chiều không tím
Chuyện đón đưa phù phiếm
Trăm năm vẫn miệt mài
- 113— Chỉ cách nhau nướng khoai
Lòng không bùi sắn luộc
Đôi tay đời lạnh buốt
Trăm năm vẫn khép hoài
- 114— Cách nhau một chồi canh
Mà mùa màng thất thoát
Miệng lưỡi đời giảo hoạt
Nên nướng rẫy lạnh tanh

Ngân Cách (20)

- 115— Chỉ cách nhau dòng thơ
Mà ý lời không đạt
Nên dòng dòng ngơ ngác
Nên giấy trắng từng tờ
- 116— Chỉ cách nhau đường dây
Mà gửi lòng không tới
Chỉ một tầm tay với
Mà tình người lắt lây
- 117— Cách nhau miếu thần hoàng
Mà đường xa ngút mắt
Đôi miền lạnh ngăn ngắt
Nên tình chợt sơ hoang
- 118— Cách nhau đường chim bay
Mà lạc xa tầm với
Cơn mơ vừa chín tới
Đã chìm trong gió xoay
- 119— Chỉ cách nhau giấc mơ
Mà đôi bên mộng mị
Cuộc tình nào bất nhị
Mà chưa kéo thành tơ
- 120— Chỉ khác nhau lối về
Mà đường đi cách biệt
Dù tấm lòng tha thiết
Đành đôi ngả thê thê
Phù Hư dật sĩ **VÕ THẠNH VĂN**

Tuyên Quán

Nguyễn Văn Thông



Nguyễn Văn Thông

Tiểu Sử:

54 tuổi, sinh tại Hưng Yên, Di tu Dong Don Bosco qua các trường Thu Duc, Trạm Hành, Đà Lạt. Sau 1975 đi nhóm làm rẫy ở Dốc Mơ. Ra khỏi động 1976. Làm rẫy tại Lâm Đồng. 1980 lập gia đình. 1981 vượt biển đến Kuku, Indonesia rồi đến trại Galang. Làm trưởng đoàn Thanh Niên Công Giáo phụ giúp Cha Dominici, và làm trưởng Trung Tâm Sinh Hoạt Thanh Thiếu Niên của trại Galang. Cuối năm định cư tại Thành phố Boston, Hoa Kỳ. Sinh hoạt phần nhiều trong các Ca đoàn và các đoàn thể xã hội như hội Phụ huynh Học sinh Boston, hội Diên Hồng. Hiện là giáo chức Công lập.

Quên Đi Niềm Cay đắng

Nguyễn Văn Thông

Chị A. bạn chúng tôi kể:

- Cô B. bị tai-nạn xe mới chết, tội-nghiệp. Từ xưa đến giờ mọi chuyện trong gia-đình một tay cô ấy lo cả, chồng cô đi làm về chỉ có uống bia và coi ti-vi, mặc cho vợ con làm gì thì làm. Thành ra bây giờ mấy cha con nheo-nhóc, nhà cửa chả có...

- Anh ấy có mấy cháu? Lớn chưa chị?

Tôi hỏi, như thói quen, và cũng có vẻ như để xem nên thương mấy cha con anh kia nhiều hay ít. Chị A. trả lời:

- Hai gái một trai, đứa lớn đã ra trường, đứa nhỏ 14.

Tôi thở nhẹ một cái:

- Vậy cũng đỡ chứ nếu còn con nhỏ thì tội nghiệp lắm.

Chị bạn quay đi không thềm nhìn tôi nữa, có vẻ khinh cái kiểu an-ủi “sợ mệt” của tôi cho người bạn của chị. Chết nào mà chả là chết, là mất-mát, làm gì mà có cái kiểu đỡ với chẳng đỡ. Nhưng hình như chị không giận tôi mà lại chép miệng nói:

- Tội nghiệp là sang đây đã hai chục năm, bạn bè ai người ta cũng có nhà có cửa, mình thì cứ còn đi thuê nhà. Đến chết vẫn chưa trả xong nợ.

- Cô ấy nợ gì mà nợ dữ thế? Không lẽ bạn chị đi đánh bạc? Hay làm ăn thất-bại?

- Cô ấy nợ credit card (thẻ tín-dụng) vì giúp-đỡ anh em đấy. Trả mấy năm nay rồi mà chưa hết nợ.

- Vậy thì cô ấy tốt quá. Anh em chắc thương lắm?

Nguyễn Văn Thông

- Nếu được anh em thương thì đã chả nên chuyện, đằng này anh em ghét không thèm nhìn mặt, từ luôn, chết rồi cũng không tới đưa đám ấy chứ đừng nói.

Tôi bỗng thấy câu chuyện lạ quá nên trở nên chăm-chú. Sao lại có chuyện thương anh em, giúp-đỡ anh em đến mang nợ, mà rồi lại bị anh em ghét đến mức chết không thèm nhìn mặt là thế nào? Giá câu chuyện nghe thấy ở đâu đâu thì để khỏi bận lòng, có khi tôi sẽ ngầm kết-luận: chắc là cũng tại cái gì đây chứ chẳng lẽ... Nhưng câu chuyện này do chị A. kể, kể về người bạn thân của chị, người bạn mà chúng tôi biết mặt đã lâu nhưng không biết gia-cảnh. Chị A. vẫn là người kín-đáo... Rồi như thế để cho tôi khỏi nửa tin nửa ngờ, chị A. nói thêm.

- Nói anh em đây là anh của cô ấy đi diện H.O. Ông anh ấy mua được nhà rồi đó.

- Như vậy là cô B. có anh đi diện H.O. sang Mỹ. Cô dùng credit card giúp-đỡ anh mình nhiều quá nên suốt mấy năm trả chưa hết nợ. Sau ít năm, anh cô mua được nhà, trong khi cô em thì chưa. Thế thì ở cái khúc nào mà ông anh lại ghét không thèm nhìn mặt cô em gái mình đến cả lúc cô chết?

- Ở cái khúc giúp-đỡ. Ông anh cho là cô em chả giúp được cái gì. Không cái gì ông bằng lòng cả. Ti-vi, máy hát cũng chẳng hài lòng, giường chiếu, bàn tủ cũng chưa vừa ý. Cả nhà ông anh đi mua sắm thì cô em chỉ biết chìa credit card ra mà trả. Mà vì thương anh mới sang nên mọi thứ cô em đều sắm-sửa cho, chồng cô để mặc-kệ. Cuối cùng thì tiền nợ cứ vài ngàn này chồng lên vài ngàn khác, cô em phải âm-thầm trả một mình.

Tôi chưa thấy hiểu được rõ tình-tiết. Cô em làm toàn chuyện tốt cho ông anh, rành-rành ngay trước mắt mà tại sao ông anh lại ghét em? Chị A. tiếp:

- Hai vợ chồng cô ấy trước đây có hai cái xe, một cũ một mới. Cái cũ thì cũ quá nên đến lúc đã phải cố mua cái mới. Cái lúc ấy lại là cái lúc đón ông anh sang mới khổ. Em thì có đến

hai cái xe mới, còn ông anh phải đi bộ. Có lẽ vì vậy mà bao nhiêu sự giúp-đỡ khác cũng không thay-thế được hình-ảnh chiếc xe trong đầu ông anh chẳng. Không biết thế nào.

- Chị nghĩ ra cái lí-do này hay do cô bạn nói?

- Tôi không hay giỏi nghĩ như nhà văn các ông. Tôi nói thế là vì cô bạn có nhiều lần than-thở thấy gia-đình ông anh không có chiếc xe làm chân đi lại mà nhà cô ít người hơn lại có những hai cái. Không lẽ cô lại phải mua cho ông anh một cái. Cô bảo vài ngàn tiền down (phần tiền trả lúc mua) mình có thể cố được chứ tiền xe trả hàng tháng, rồi bảo-hiểm nữa thì mình lo làm sao. Rồi mới sang, ai cũng muốn được hưởng chương-trình này chương-trình kia của chính-phủ, mà lại muốn có xe, có nhà, không lẽ mình lại đứng tên xe tên nhà cho các quý-vị. Ở Việt Nam thì khác, ở đây khác. Nói ra rất khó, không được hiểu cho mà còn bị cho là không muốn giúp-đỡ tận-tình.

Vấn-đề trở nên khá sáng tỏ. Bây giờ anh A. mới góp ý-kiến. Từ nãy giờ anh để yên cho chị A. là người biết rõ tình-tiết câu chuyện kể cho chính-xác. Anh đáng làm gương cho những ông chồng hay cướp lời vợ, hoặc hay đuối khéo vợ xuống bếp mỗi lần bàn chuyện với bạn. Anh nói:

- Câu chuyện làm tôi ưu-tư đến một điều, đó là sự giúp-đỡ thân-nhân ở Việt Nam. Tôi nghe có người gửi hàng chục ngàn về để thân-nhân xây nhà, mở hotel, mở này mở nọ trong khi tôi gửi mỗi lần vài trăm, mỗi năm gửi vài lần. So-sánh với người ta mình thấy mình giúp-đỡ thân-nhân chẳng là bao nên càng ngày càng cảm thấy thẹn. Mà cũng càng ngày mình có linh-cảm rằng, thân-nhân mình không được vui khi nhận quà như hồi xưa.

Anh A. nói lên tâm-trạng của riêng anh nhưng nằm trong cái tâm-trạng chung của hàng triệu người Việt ở hải-ngoại. Các bạn cũng như tôi đều nằm trong khối triệu người ấy, cho nên đều có những kinh-nghiệm và tâm-tư của riêng mình. Hàng

Nguyễn Văn Thông

triệu người Việt hải-ngoại, không nhiều thì ít, đều gởi tiền, gởi quà về giúp-đỡ thân-nhân tại Việt Nam, và ròng-rã từ khoảng 30 năm, 20 năm, hoặc 10 năm, 5 năm cho tới bây giờ. Về những phương-diện chính-trị, xã-hội thế nào chúng ta không bàn. Về phương-diện gia-đình, việc gởi quà là một nghĩa-cử rất nặng tình-nghĩa. Đã có những thời-điểm vì tình-yêu quê-hương nung-nấu, chúng ta đã ví quê-hương mình như căn nhà bị một bọn cướp đến cướp phá tan-tành. Chúng ta là những người may-mắn thoát ra khỏi căn nhà ấy, tìm cách quay về cứu-vớt những người ruột thịt còn lại. Qua những chặng thời-gian và những biến-chuyển lịch-sử, khối người Việt chúng ta đã cố-gắng trong nhiều chiều-hướng chính-trị, xã-hội và văn-hóa với chủ-đích cứu người thân và giành lại căn nhà mình. Chúng ta dù cùng trong một í-chí nhưng khác nhau trong đường-lối. Có điều hiển-nhiên là chúng ta rất giống nhau, về một mức-độ, có thể gọi là đồng nhất ở hành-vi giúp-đỡ thân-nhân mình. Nhưng cái nghĩa-cử nặng tình-nghĩa ấy lại trở thành vấn-đề mới khổ. Tôi góp chuyện với anh chị bạn:

- Chúng tôi chắc cũng chỉ gởi về nhà giúp nội, ngoại, các anh, chị, em cỡ như anh chị thôi. Tỉnh-thoảng dịp Tết mình gởi thêm cho các cậu, dì, cô, chú, bác. Mình đi làm lương giới-hạn, trong khi ở lâu đời sống thêm nhu-cầu, con cái lớn lên phải thêm tiêu-pha. Mình cố giữ không bớt phần quà là giỏi chứ làm sao mà tăng lên được. Thú thực với anh chị, trước đây nghe những chuyện lục-đục về việc gởi quà, và ở nhà nhận được quà không chịu đi làm mà chỉ ăn chơi hư-hỏng, tôi thậm nghĩ chuyện ấy là của thiên-hạ, không phải của mình. Nhưng tới bây giờ sau một vài sự-kiện, tôi không thể không có cái cảm-nghĩ như anh, là hình như thân-nhân không còn vui khi nhận những món quà bình-thường của mình nữa.

Chị A. nhắc khéo:

- Chú nói vài sự-kiện nào vậy?

Chết, thế này thì nguy to. Mình nói về thân-nhân mình thì phải nói điều hay chứ nói điều dở thì chết. Tôi phải hoãn binh:

- Để nhẫn-nha khi nào cần phải nói đến sự-kiện nào thì tôi sẽ nói. Bây giờ hãy để cho anh A. nói hết ý cái đã. Theo anh A., thân-nhân mình nhận quà bây giờ không còn vui như trước vì có sự so-sánh...

- Sự so-sánh đóng-góp một phần nhưng cái rộng hơn không phải là sự so-sánh, vì xét cho cùng, sự khác nhau là chuyện đương-nhiên của cuộc đời. Trúng số-số mà còn trúng khác nhau, tức là dù gặp may mà may-mắn cũng khác nhau, thì mọi người nên biết rằng người thân của mình ở hải-ngoại cũng mỗi người một hoàn-cảnh, người có ít, người có nhiều, miễn là sau hàng chục năm vẫn giúp-đỡ đều-đặn là quá quý rồi.

Tôi bảo:

- Nhìn lại thời-gian thấy nhiều điều không ngờ được, nhiều điều khá kinh-khủng. Chuyện giúp-đỡ không cần nhiều hay ít, chỉ đều-đặn qua từng đó năm mà không thấy kinh-khủng à? Nói cho ngay, khi còn ở Việt Nam, dù ruột-thịt thương nhau đến đâu, tôi không thấy anh em, chị em nào giúp-đỡ nhau như người ra khỏi nước giúp người ở lại. Đành rằng sống nghèo thì lấy gì mà giúp, nhưng xét theo tỉ-lệ và tinh-thần giúp cũng không thể có. Hãy nhớ lại đi, cái ngày mình mới sang, ai ai cũng chỉ nghĩ đến việc gửi gói, gửi thùng. Có những thanh-niên đều-đặn hàng tuần hoặc hàng tháng ra bưu-điện xếp hàng gửi gói hai cân. Có người không biết một chữ tiếng Anh mà không nghĩ đến chuyện đi học, cấm-cúi đi làm hai job, ba job ngày đêm để có tiền gửi quà. Lâu lâu gặp họ vội-vàng đi chợ mua đồ ăn chuẩn-bị cho tuần lễ tối, nhìn họ lam-lũ, mặt mũi hốc-hác như thiếu ngủ triền-miên, tôi có cảm-tưởng họ mang thân-phận của những con chuột chũi lằm lũi trong bóng tối, rất ít khi được

Nguyễn Văn Thông

nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Vài chục năm sau, cuộc đời họ như chìm khuất dần, trừ việc vẫn tiếp-tục gửi quà.

Tôi nói về người khác nhưng không ngờ lại giống nói về anh A. Anh đang cúi đầu trầm-ngâm. Chắc hình-ảnh của những chục năm trước đang hiện về. Anh bảo hồi anh còn một mình, kho một nồi cá ăn cả tuần. Thuê nhà chia phòng với người ta, chật-chội không có chỗ kê một cái bàn viết, anh phải dọn cái găm cầu thang ở lối đi chung để có chỗ cầm bút. Chị A. được anh bảo-lãnh sang sau, không biết cảm-nghĩ của chị ra sao. Ít ra tôi nói lên được vài điều chân-thực, nếu được hiểu để tôn-vinh phần nào sự hi-sinh của những người đi trước thì thật quý-hóa. Chị A. cũng trầm-ngâm. Một hồi chị nói:

- Phần nhiều ở Việt Nam không biết được nỗi khó-nhọc của người ở bên đây đâu, chỉ nghĩ bên đây dễ làm ra tiền, đời sống tiện-nghi sung túc, ti-vi có hàng chục đài, tủ lạnh đầy bia, cam, táo, nước ngọt. Nhà nào cũng hai ba cái xe hơi. Nhà một người cũng có một xe. Đi làm năm, bảy đô một giờ, cứ thế mà nhân lên, một tháng ba chục ngày, tiền để đâu cho hết? Một ngày làm ở bên đây có thể nuôi một gia-đình bên kia đủ ăn cả tháng. Cứ thế mà tính.

Tôi hỏi:

- Vậy hồi chị ở nhà, chị có làm tính như vậy không?

- Làm tính chứ sao không? Nhưng có điều không tin ai chứ ai lại không tin điều chồng mình nói...

Tôi nghĩ nhanh: "Chị có sợ nói lỡ lời không đó?" và mỉm cười trong bụng. Nghe chị nói chắc anh A. mát ruột phải biết. Nhưng chị tiếp:

- Mà phải nói thật, tin thì tin nhưng hiểu thì không hiểu. Phải sang đây rồi mới hiểu.

Tôi cãi:

- Chưa chắc. Có người sang đã vài ba năm còn chưa hiểu cơ chị ạ. Không phải là ông anh H.O của bạn chị phải chờ đến lúc cô em chết mà còn chưa hiểu là gì.

Anh A. kéo chúng tôi trở lại điều anh muốn nói.

- Ủ, hãy nói tiếp về chuyện của ông anh H.O. hồi nãy. Tôi nói sự so-sánh quà ít quà nhiều chỉ là một phần trong sự làm thay-đổi cảm-nghĩ của người nhận quà ở nhà. Thôi mình phải xác-định là không phải ai cũng thay-đổi. Mình nói đây là nói về một con số chung chung nào đó thôi. Theo tôi, cho nguyên-nhân là sự hiểu sai về nếp sống ở hải-ngoại cũng được, nhưng tôi thích nhìn theo một cách khác. Đó là khi tình-thương được kéo dài thì tình-thương ấy không còn được coi là ân-huệ nữa mà bị coi là bổn-phận, không có không được, không giúp không xong.

Chà, cái nhìn của anh bạn tôi có vị cay-đắng đây, nhưng khó có thể chối-cãi. Thiếu gì người than, "Làm ơn mà mắc oán". Quà nhận được đều-đặn, khi cần xin thêm gì cũng được dù người cho có gởi kèm vài ba câu như phải cố-gắng thu-xếp lắm mới có mà gởi. Người nhận vô hình chung cho rằng mình được hưởng một ngân-quỹ nào đó, ngân-quỹ ấy là của mình. Ông anh, bà chị, cô em ở bên đó được "ra đi" để cứu-giúp mình ở lại mà. Họ có "bổn-phận" chia-sẻ cái may-mắn đó với người ở lại. Tôi nói:

- Xét ra sự chia-sẻ là cần-thiết, là hợp tình và hợp lí, cho nên phần nào đó cũng là bổn-phận, nhưng là bổn-phận theo nghĩa đạo-đức chứ không phải bổn-phận theo nghĩa công-bằng xã-hội. Người may-mắn hơn, đủ ăn hơn nên chia-sẻ với người kém may-mắn và thiếu ăn hơn, nhưng bắt-buộc người ta phải chia-sẻ thì chỉ có não-trạng cộng-sản mới làm như vậy thôi.

Anh A. hình như không thèm đếm-xỉa đến ý-kiến của tôi nên nói tiếp:

- Không những tình-thương kéo dài bị nhìn theo kiểu biến dạng, bị mất bản-chất, mà còn xa nguồn-gốc. Khi người ra

Nguyễn Văn Thông

đi gửi sự giúp-đỡ cho người ở lại là muốn cứu người thân của mình trong một hoàn-cảnh cùng-cực cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, không có chút tự-do để hít thở, tương-lai là bóng đêm. Nhưng sự giúp-đỡ này kéo dài, và tình-trạng ban đầu không còn nữa, hay không đến nỗi cùng-cực nữa, thì sự giúp-đỡ bị hiểu một cách biến thái. Thậm chí đến khi người ở nhà được ra đi tới miền đất tự-do rồi, họ vẫn nghĩ rằng họ phải được tiếp-tục hưởng sự giúp-đỡ, cái ngân-quỹ của họ vẫn còn đó, mà có khi còn biến thái thêm một bậc nữa, là mức sống bên này cao thì sự giúp-đỡ phải cao hơn, nhiều hơn. Vài trăm bạc thì làm ăn được cái gì!

Chị A. mãi bây giờ mới nói:

- Nói ra thì hơi phũ-phàng. Nhiều khi tôi nghĩ rằng phải để người ta hiểu được sự khó-khăn của cuộc sống bên này khi mới sang, không nên tạo cho người ta hiểu lầm bằng những sự giúp-đỡ nông-hậu. Hãy để dành giúp khi họ đã biết giá-trị của đồng tiền bên đây là do mồ-hôi nước mắt mới kiếm ra được. Thực-thà mà nói, có giúp hay không thì họ vẫn sống, vẫn có những chương-trình của chính-phủ giúp-đỡ. Và tiền của chính-phủ là tiền của mình đóng thuế chứ tiền ở đâu. Hỏi các anh sang trước thì có anh em nào giúp đâu? Đòi ai, kêu ai?

Tôi thầm nghĩ, như vậy là cả hai anh chị đều có những cảm-nghĩ cay-đắng cả. Sự việc mới xảy đến người bạn mà anh chị đã thấy cay-đắng như vậy, nếu xảy đến với anh chị thì còn cay-đắng đến thế nào. Nhưng thôi, chẳng nên nghĩ nhiều về những chuyện cay-đắng làm gì cho héo người. Tôi nói:

- Sự phải làm ơn mà mắc oán không phải chỉ có nhiều người mình phải chịu đâu, hình như đó là thân-phận chung của nước Mỹ hay sao đó. Tôi thấy có chuyện gì xảy ra trên thế-giới từ bão lụt, động đất, núi lửa, đến bệnh-tật, bạo-động, mà người Mỹ không chạy đến cứu-giúp, viện-trợ. Nhưng khi nước Mỹ gặp nạn thì có thấy anh nào giúp-đỡ hay an-ủi lấy một câu đâu. Tôi

Nguyễn Văn Thông

thấy có những thành-phố và giáo-hội kết-nghĩa chị em với thành-phố và giáo-hội Mỹ, mà xảy ra cuộc khủng-bố 11 tháng 9, không hề nghe một lời thăm-hỏi hoặc chia-buồn. Hình như đó là số-phận hẩm-hiu chung của những người làm ơn. Nhưng đôi khi cũng có những niềm an-ủi tuyệt-vời. Những ngày sau cuộc khủng-bố xảy ra trên nước Mỹ, một tờ báo Canada ở Toronto viết một bài chia-sẻ và tôn-vinh nước Mỹ, một đất-nước làm ơn rộng-rãi gặp nạn trong cảnh cô-đơn.

Quả thật, đọc xong bài đó, tôi mỉm mãi một nụ cười. Và quên đi mọi cay-đắng. Biết ơn vẫn mãi là ánh-sáng dịu ngọt của tâm-hồn.

Nguyễn Văn Thông, Oct 10, 2003





Thơ

Mặc Lan Đình



Mặc Lan Đình

Tên thật: Trần Phúc Anh

Bút hiệu khác: Nguyên Đình

Sinh năm 1944 tại Đại Lộc, Quảng Nam, SQ/QLVNCH

Tù cải tạo 6 năm, vượt biên năm 1982, định cư tại Hoa Kỳ 1983

Nghề nghiệp: phục vụ cho Học Khu San Jose

Cựu học sinh trường Trung Học Trần Quý Cáp, Hội An, Quảng-Nam

Làm thơ từ lúc còn đi học

Sở thích: yêu thơ văn, nhạc và thể thao

Hội viên Thi Đàn Lạc Việt

Hội Viên Hội Văn Bút VN Hải Ngoại / Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ

Có thơ đăng trong:

- Một Phía Trời Thơ 2,3,4

- Tiếng Thơ Hải Ngoại Tuyển Tập 2.

- Xuân Thu tuyển tập của Hội Văn Học Nghệ Thuật.

- Có thơ đăng trong Việt Nam Nhật Báo tại San Jose.

Cho Tôi

Cho tôi tìm lại nụ hôn,
Từ lâu đã mất theo hồn nước non,
Cho tôi tìm mảnh trăng tròn,
Cây đa bến cũ chỉ còn trong mơ.
Cho tôi dệt lại vần thơ,
Yêu em ngày đó bây giờ là đâu?
Cho tôi lại mối tình đầu,
Nghìn năm nghiêng nón qua cầu gió bay...
Cho tôi giấc ngủ nồng say,
Nơi quê hương đó những ngày ấu thơ.
Cho tôi một điệu ru hờ,
À ơi tiếng Mẹ lời thơ ngọt ngào.
Cho tôi một buổi mưa rào...
Tóc em ướt sũng đi vào thiên thu.

Mặc Lan Đình (San Jose, ngày 7/11/04)

Mở Phút Tương Phùng

(Tặng một người thân tại Anh Quốc)

Ba mốt năm rồi mất dấu nhau,
Chợt nghe giọng nói thấy lòng đau,
Áo xanh màu lính còn đâu đó.
Gợi nhớ trong tôi phút nhiệm mầu...

Bạn ở Luân-Đôn, tôi ở đây,
Chúng mình lưu lạc khắp trời tây.
Còn bao nhiêu nữa ngày xa xứ?
Mới được gần quê dấu lệ đầy...

Từ thuở biên cương tràn khói lửa,
Đời ta áo trận gối phong sương.
Quên đi tuổi mộng vàng xuân trẻ,
Ném mật nằm gai giữa chiến trường.

Vẫn vui với kiếp trai thời loạn,
Đâu sá từng đêm đạn thét gào.
Vẫn hát bài ca anh lính chiến,
Cho tình non nước thấm trăng sao.

Rồi ngày rã ngũ, buổi ly tan!
Bãi biển nường dâu quá phủ phàng.
Ta lạc đời nhau từ dạo đó,
Kẻ tù người tội sống lang thang.

Mơ ước có ngày gặp lại nhau,
Tương phùng tao ngộ xóa niềm đau.
Ôn bao kỷ niệm đời chinh chiến,
Cho bóng xuân xưa chẳng nhạt màu.

Mặc Lan Đình (San Jose, ngày 27/5/06)

Quê Hương Mất Dấu

Tôi về đứng lặng nhìn sông nước,
Dấu mốc thời gian cách quá xa...
Bốn chục năm dài lòng đã lạnh!
Tro tàn giá buốt những phiêu pha,
Tôi về như thể người thiên cổ,
Tìm kiếm mình trong mớ thịt da.
Dõi mắt truy nguyên dòng quá khứ,
Một thời trôi dạt bãi hà sa...
Lắng nghe tiếng vọng nghìn năm trước,
Giục giã huyên gào giọng thiết tha,
Ngửa mặt trông vời non nước cũ.
Có còn sót lại bóng ngày qua?

Tôi đi lục lạo tìm dư ảnh,
Chỉ thấy tang thương với nhạt nhòa!
Chỉ thấy lòng đau như ruột cắt,
Ngổn ngang tâm sự trắng canh ga...
Tôi về lạc lõng trong tiền kiếp,
Chợt nhận ra mình như bóng ma.
Tất cả trôi theo dòng chiến sử,
Còn đâu cái thuở dưới trăng nga?
Tôi về một bóng đi lầm lũi...
Giữa cảnh hồng hoang mỗi sát na,
Mảnh đất vườn xưa, nay mất dạng!
Về quê mà chẳng thấy quê nhà?
Về quê lại thấy buồn man mác...
Như thể muôn trùng mất dấu ta!..

Mặc Lan Đình (San Jose, ngày 11/10/05)

Đường Tơ Kối Mạch

(Thân tặng nhà thơ Du Sơn Lãng Tử)

Ngại ngừng khi nổi mấy đường tơ,
Sợ phụ cùng ai khắng khít chờ.
Giấy trắng trải lòng e khó thắm,
Trúc xanh lưu bút dễ chi mờ.
Còn duyên ắt hẳn còn tương ngộ.
Hết nghiệp cam đành hết ước mơ.
Cảm xúc dâng đầy niềm phấn khởi,
Gởi người bạn mới chút tình thơ.

Mặc Lan Đình (San Jose, ngày 27/10/05)

Bài Họa của Du Sơn Lãng Tử

Ngọn Bút giao hòa rộn tiếng tơ...
Xa quê nửa kiếp mấy thu chờ.
Thâm tình lãng xứ mong trường cửu,
Nghĩa bạn đường xa ước chẳng mờ.
Xương họa vẫn gieo hoài cảm mến,
Đàn ca thi phú vẫn thường mơ.
Tha phương tri kỷ đồng tâm nguyện,
Cạn chén **Lan-Đình...** đẹp ý thơ.

Du Sơn Lãng Tử

Chia Thôi

(Tặng những cô gái VN lấy chồng Đài Loan)

Tặng anh một sợi tóc,
Lòng nghe xao xuyến buồn!
Bởi vì em đang khóc,
Cho cuộc tình tay buông.

Ngày mai em đi rồi,
Về bên kia núi thắm.
Dầu có điểm son môi,
Cũng không làm má thắm.

Em biết là anh trách,
Sao lại bỏ ra đi.
Để cho tình ngăn cách,
Nắng nhạt màu phân ly.

Đường Sài Gòn vắng em,
Chắc là anh buồn lắm.
Rượu không làm người quên,
Tháng ngày dài say đắm.

Em sẽ khổ hơn anh,
Những đêm buồn quay quắc.
Những đợi chờ mong manh,
Biết bao giờ thấy mặt.

Thôi đành thế, anh ơi!
Bởi dòng đời nghiệt ngã,
Lệ nào cũng rơi rơi...
Em bên trời xứ lạ.

San Jose, ngày 27/9/05

Mặc Lan Đình

Quê Người Gặp Lại

(Riêng tặng Chú Nga Trần)

Gặp nhau nơi đất khách,

Tóc đã đổi hai màu.

Nhớ ngày còn cắp sách,

Mà nghe lòng thêm đau!

Chú từ U Tah đến,

Tôi ở San Jô Sê

Anh em nhiều quí mến,

Cùng chung mảnh tình quê.

Ba mươi năm xa cách,

Mỗi người sống một nơi.

Quê hương ngày ly tán.

Hụt hẳn giọt đầy vơi.

Tôi viết dòng thơ ngắn,

Tặng một người phương xa,

Lòng còn bao hoang vắng,

Lệ trong tim nhạt nhòa.

Đời ta như cánh chim,

Rày đây rồi mai đó.

Chẳng bao giờ nguôi quên,

Thời tuổi thơ bé nhỏ.

Mai chú về bên ấy,

Nhớ chiều mưa bên này.

Đời lưu vong lệ đắng,

Biệt cuối trời chân mây.

San Jose, ngày 27/11/04

Mặc Lan Đình

Thơ

Nguyễn Đông Giang

Đợi Em Về

Em về làm nắng màu Xuân
Trong anh đông ngự khô từng lá cây
Em về, bước nhẹ như mây
Nước da em trắng thân gầy dễ thương
Ngày xưa khi má em hường
Mưa nguồn, gió biển cũng thương má đào
Em về, tóc rối xanh xao
Lướt tay anh gỡ, ôi chao ! diệu huyền
Xa em, tình khóc truân chuyên
Gần em, anh thở ưu phiền trên môi.

Nguyễn Đông Giang, ĐN, 1968

Nước Mắt Quê Hương

Quê hương có phải, là nước mắt
Anh, đêm ở Mỹ, nhớ thương về
Tháng chạp bên nhà, mưa thúi đất
Lục bình trôi nổi, bến sông quê.

Em bảo trời mưa, buồn đứt ruột
Buồn như thua lận, một ván bài
Ngày xưa em khóc, quê ly loạn
Hòa bình còn sợ, họa trùng lai!

Anh, xưa xuống thuyền, trốn em đưa
Biệt quê nhiều giọt, nước mắt dài
Lở tay buông súng, đời bán loạn
Lòng cũng tan tành, ướt sũng mưa

Em bảo trời mưa, là nước mắt
Nhỏ đau thêm những, mảnh đời thường
Ướt lạnh lòng lên, từng nổi khổ
Mưa buồn như, nước mắt Quê hương

Anh biết trời mưa, em sợ lắm
Tháng tư năm ấy, có mưa buồn
Nước mắt chảy đầy, trang sử Việt
Sơn hà, Xã tắc, cũng... lệ tuôn!

Nguyễn Đông Giang

Tương Thù

Cám ơn bằng hữu, còn mong đợi
Sơn khê ngàn dặm, có ta về
Có ta bằng hữu, cùng nhật nguyệt
Và, cuối đời, buồn nỗi nhớ quê

Cám ơn trời đất, cho ta gặp
Những bạn bè xưa, những cố tri
Những người sống lại, trời sinh lại
Lặn lội qua sông, biệt kinh kỳ

Cám ơn trời đất, cho ta được
Qua đây tạm trú, sống ngày còn
Nghìn trùng cố lý, xin tạm vắng
Tim vẫn gõ đều...nhịp sắt son

Nhớ xưa lặn lội, trong binh lửa
Mong ước sao, có ngày hòa bình
Đạn vẫn liên tu, đi tới bến
Ngày lại tiếp ngày, chuyện tử sinh

Nay ở xứ người, còn thất trận
Tiếc, từng thằng bạn, đã hy sinh
Nâng ly để biết, mình còn sống
Để đáp đền em, nợ ân tình

Nước Mỹ, mở lòng ra mời gọi
Non cao đất rộng, chúng ta về
Ta về cùng cất cao lời hẹn
Chờ buổi tương phùng tại cố Quê.

Nguyễn Đông Giang

Em Oi! Đi Về Đoàn Trường

Mai kia, ta sẽ trở về,
Dầu sông hết nước, dầu đê lở bờ.
Ta về , về thật hay mơ.
Vườn cau lá rụng, em chờ lâu nay.
Ta về sông núi có hay?
Người xưa trở lại, sau ngày biển dâu.
Ta về tóc bạc mái đầu.
Cúi hôn miếng đất chôn nhau của mình.
Vô tình, trời đất lặng thinh.
Như chim Hoàng Hạc, nghĩ mình mà đau.

Ta về biết có còn nhau.
Vầng trăng cổ lụy, ngả màu tháng năm.
Chiến tranh lốt ổ ai nằm.
Mà người năm cũ xa xăm vô cùng.
Ta về mây vẫn trắng bay.
Còn ta chưa hết, những ngày lưu vong.
Ta về, tổ quốc còn đau.
Nước non vẫn vậy, vẫn màu tang thương.
Em ơi! Đời vốn đoạn trường.
Cõi xưa đã rụng, vẫn vương thêm buồn.
Ta về, ngựa cũ qua truông.
Xoải chân thổ mộ, bước buồn trăm năm.
Quê hương! Mảnh đất, Mẹ nằm.
Tha hương! Nhớ quá về thăm cho cùng.
Ta về, gom hết, nhớ nhung.
Dem san sẻ lại cho từng nỗi đau.

Nguyễn Đông Giang



Tuyên Ngôn
Minh Anh

Minh Anh



Minh Anh

Sinh năm: 1941 tại Quảng Bình (Cảnh Dương)

Trước năm 1975 có bút hiệu: Hoàng Minh.

-Viết truyện ngắn trên nguyệt san Tiền Phong của QLVNCH.
- Có truyện ngắn đọc trên Đài Phát Thanh Sài Gòn và chương trình phát thanh khác (của một binh chủng) trên Đài Tiếng Nói Quân Đội.

Đến Mỹ đổi bút hiệu: Minh Anh.

-Viết truyện ngắn đăng trên tuần báo Mỡ, Sài Gòn Nhỏ, KBC Hải Ngoại, Radio Bolsa...

-Hiện là: Giám đốc nhà xuất bản Sống Đời.

-Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại TT Tây Bắc Hoa Kỳ.

-Hiện định cư tại Oakland, California, Hoa Kỳ.

*

Tác Phẩm đã xuất bản:

* Những Giọt Nước Mắt Vàng (tập truyện ngắn, Sống Đời xb)

Tác Phẩm sắp xuất bản:

* Chiếc Nón Bài Thơ (tập truyện ngắn)

Tình Và Động

Trời lập xuân có nhiều hoa và sương mù. Chỉ sau hai tháng không đến thăm Kiều Loan, hôm nay trên đường đến thăm nàng, Dũng ngạc nhiên thích thú khi thấy rõ sự cách biệt giữa mùa đông và xuân. Những ngày tháng mùa đông cho mưa gió giật bứt lá cành, hàng cây khô cho cành khô lá úa, từng cơn gió lốc lạnh cồng, cuốn theo lá vàng rơi theo chiều gió, tạo thành làn sóng cuốn lá tỏa rộng như thảm lá khô trên lòng lề đường. Hôm nay, một buổi sáng đầu xuân hoa lá đủ màu sắc đang lấp lánh dưới ánh nắng phủ hơi sương. Lòng chàng rộn ràng theo tiếng chim hót líu lo, hay tiếng nói của Kiều Loan có giọng oanh vàng thỏ thẻ thu hút lòng người. Dũng nhớ lại quá khứ khi gặp lại Kiều Loan, nàng kể về hoàn cảnh gia đình và rủ chàng ra biển ngắm cảnh. Nhìn sóng biển chuyển động, bọt nước trắng xóa, đàn chim hải âu với tiếng kêu buồn thảm, nàng đưa đôi mắt rèm mi e-ấp ngàn thương nhớ, nhìn vào khung trời xanh mịt mù của biển khơi, rồi cho chàng biết chính nước biển đã cướp đi người chồng yêu dấu của nàng trong lúc vượt biên.

Lúc đầu đến Mỹ, nàng và con sống ở Alaska để mong vùng đất băng tuyết quanh năm xoa dịu được nỗi lòng, nhưng có ai hiểu được nỗi lòng của người góa phụ trẻ, thương thật nhiều chỉ biết gói trọn niềm thương. Một đóa hoa nở dưới vùng tuyết rơi không thể thiếu ánh nắng mặt trời, nàng đưa con về Cali nơi có nhiều trường đại học và được ngắm ánh nắng buổi chiều khi hoàng hôn xuống trên biển cả.

Trong buổi đi chơi, khi nhìn những đợt sóng biển nối tiếp nhau và có những chàng trai trẻ ôm ván lướt sóng, Dũng kể cho Kiều Loan nghe ở trong đơn vị chàng có anh lính trẻ đã chèo thuyền cứu chục người bị trôi sông, nhưng cụt chân vì mình khi cứu em bé trên đường vượt biên. Nước mắt nàng ràn rụa, vì em bé được cứu sống là con nàng. Tâm hồn nàng xúc động, ngón tay buông thõng như cát vàng rã rời dưới chân. Tiếng sóng biển gầm thét hay lòng nàng đang nổi loạn! Kiều Loan nghĩ đến tuổi thơ ấu, đến chồng, con và vị ân nhân với bao kỷ niệm không phai dù năm tháng đã mang mùa xuân đi mất. Con nàng khôn lớn, sự suy nghĩ của Kiều Loan càng sâu đậm. Nàng quyết định về Việt Nam theo địa chỉ của Dũng đưa, để gặp lại Hoài, vị ân nhân đã cứu sống con nàng.

Suy nghĩ về chuyện cũ, Dũng ngừng xe trước vườn của Kiều Loan lúc nào không hay và ngạc nhiên khi thấy Kiều Loan đang vẽ tranh. Chàng lặng lẽ đứng yên ngắm nhìn, nhìn Kiều Loan cầm cây cọ với bàn tay búp măng. Một tâm hồn trừu tượng đưa nét vẽ diễn tả những điều nàng muốn nói. Người nàng có một sức quyến rũ, ai nhìn thấy đều phải dừng lại trước khuôn mặt trái xoan, nước da trắng mịn, nhìn dáng trang nhã với những nét thần vệ nữ tạo trên thân thể nàng.

Dũng nói vừa đủ cho Kiều Loan nghe.

- Chuyện gì xảy ra ở Việt Nam đã làm Kiều Loan có óc sáng tạo vẽ nên những bức tranh tuyệt đẹp này?
Bức tranh bên trái, Kiều Loan vẽ về những làn sóng, có những bàn tay nhô lên khỏi mặt nước. Hai màu đỏ đen diễn tả đất nước Việt Nam hiện nay là đúng rồi, dân khổ trăm bề biết kêu cứu với ai. Hình vẽ thật sống động với những đợt sóng cuộn cuộn, xoáy tròn là sóng đời, sóng xô sóng, sóng đè lên nhau, sóng ngăn sóng dài, sóng gập khúc. Làm sao để có thể thoát ra khỏi vòng quay, những bàn tay vươn tới nhô lên cao nhưng lại bị nhận chìm, họ kêu cứu trong tuyệt vọng. Trên làn sóng đời

Kiều Loan vẽ một người nằm trên ván trôi theo sóng. Bức tranh này nếu Kiều Loan cho tôi đặt tên, tôi sẽ đặt là sống động, à bỏ chữ sống, một chữ “**động**” là đủ rồi.

Kiều Loan ngưng vẽ, đôi mắt long lanh xa vời, mang nhiều ý tượng sâu sắc của một sự suy nghĩ phong phú nội tâm, nhìn bức tranh thứ hai rồi nàng bước đến gần Dũng. Nhìn con người Kiều Loan hấp dẫn, chiếc cổ trắng, áo hở vai như đang đưa mùa xuân đến cho mình, Dũng nói tiếp:

-Bức tranh thứ hai Kiều Loan vẽ ba vòng tròn, ở giữa có cái chấm và màu sắc là trắng và xanh. Màu xanh là màu da trời màu hy vọng, màu trắng là trắng trong tinh khiết không vẩn đục tâm hồn. Ba vòng tròn là thiên địa nhân. Vòng tròn ngoài đậm nét ý Kiều Loan muốn nói đến Trời khởi thủy và cùng tận, còn cái chấm ở giữa là tụ tâm. Tâm phải tịnh để sinh lực biến thành thần lực đón nhận Hồng Ân của Thượng Đế. Tâm lắng đọng để không bị chi phối bởi dục vọng thấp hèn, khởi bị cuốn hút vào vòng quay của cuộc sống xô bồ ngã nghiêng. Tâm lắng đọng sẽ giúp bản thân thấm lượm được các bài học quý giá trong cuộc sống hằng ngày để tự sửa mình. Con người không phải là Thần Thánh, mấy ai không vướng phạm lầm lỗi, cần có chăng là phải tu thân tịnh tâm để sửa chữa lỗi lầm của mình. Bức tranh bên trái tôi đặt tên là “**Động**”, còn bức tranh này tôi đặt tên là “**Tịnh**”.

-Anh giải thích rất đúng với nội tâm suy nghĩ của Kiều Loan. Chính nguồn phim sống đã dẫn tâm Kiều Loan diễn tả cảm xúc. Để Kiều Loan kể cho anh nghe vì sao sau chuyến đi Việt Nam trở về Mỹ, Kiều Loan đã vẽ hai bức tranh này.

Lúc Kiều Loan rời phi trường Tân Sơn Nhất đến nhà anh Hoài thì trời gần tối, căn nhà sâu hun hút trong con hẻm lầy lội của bến Phạm Thế Hiển.

Lúc bước vào hẻm thì mùi bùn xông lên làm Kiều Loan khó chịu. Nhưng càng vào sâu, Kiều Loan cảm thấy như

Minh Anh

mình đang đi vào vùng quê miền Tây, nào mùi hoa cau, hoa dứa, hoa sen, bông súng... Kiều Loan thích thú với hương vị đặc biệt của quê hương.

Ngôi nhà Hoài nằm cạnh ao rau. Theo lời người đàn bà tuổi trung niên vợ Hoài giải thích, Những hôm mưa gió hai vợ chồng ăn rau chấm mắm qua ngày. Kiều Loan nhìn những lon đồ hộp dùng để thay thế chén bát, những bịch khoai sắn để ở góc nhà, là hiểu được phần nào cuộc sống của hai vợ chồng Hoài. Vợ Hoài cho biết chồng nàng thường hay nhắc đến hai mẹ con Kiều Loan và không biết cậu bé được Hoài cứu bây giờ ra sao?

Nghe nhắc đến con, một kỷ niệm hai mươi bốn năm trước hiện ra dưới mắt nàng.

Lúc đó tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy lăm, hai mẹ con Kiều Loan nhập vào đoàn người chạy loạn ra Vũng Tàu. Ngôi bên cạnh nàng và con, trên chiếc xe đồ chở đầy áp người là một chàng trai trẻ trở về đơn vị. Đứa con của nàng lúc đó năm tuổi liếng thoảng nghịch đùa, trong khi tâm tư những người lớn tuổi sầu héo cho sự sống chết bấp bênh, và họ buồn rầu hơn khi đoàn xe ngừng quá lâu vì bị đắp mô. Hai mẹ con Kiều Loan xuống xe như mọi người để tránh cái nắng oi bức của trưa hè. Con Kiều Loan vượt khỏi tay nàng vụt chạy đuổi theo con gà bị đứt dây. Hoài là chàng trai trẻ ở đơn vị tác chiến nên có kinh nghiệm khi biết đường bị đắp mô là hai bên đường Việt Cộng gần đây mìn bẫy. Chàng lính trẻ đuổi theo con Kiều Loan để kéo đứa bé ngừng lại, nhưng quá chậm. Một tiếng nổ với mảnh đạn đã cưa mất hai chân của Hoài. Con nàng được che thân nên không việc gì, còn chàng trai trẻ là Hoài được đưa vào bệnh viện. Nàng và con tiếp tục hành trình vượt biên.

Bao ngày đêm Kiều Loan ray rứt nội tâm vì thảm kịch của hai mươi bốn năm trước. nàng xót xa cho cuộc sống của Hoài đang độ tuổi thanh xuân. Bây giờ nàng đau buồn hơn khi

nhìn ra đường hẻm dẫn vào nhà, một người nằm úp trên tấm ván có bánh xe, dùng hai tay để đẩy tấm ván và thân hình cụt hai chân đang di chuyển khó nhọc mệt mỏi. Lúc Hoài đến cạnh ao rau trồng giống chiếc thuyền gỗ di động. Vợ Hoài chạy ra kéo tấm ván trượt lên dốc vào nhà. Nàng làm rơi những xấp vé số từ áo chồng. Kiều Loan sững sờ nhìn, nước mắt nghẹn ngào. Còn cảnh nào thê thảm hơn khi một người bị cụt hai chân nằm úp trên tấm ván, di chuyển bằng sức của hai cánh tay nằm lết bán vé số kiếm sống qua ngày. Khi vào nhà Hoài ngỡ ngàng khi thấy có người đàn bà ăn mặc sang trọng và trong nhà đầy ắp quà. Những giọt nước mắt trên má người đàn bà lạ, đã giúp Hoài hiểu được nàng là ai.

-Con của cô đâu rồi? Cháu đã thành tài chưa?

Kiều Loan cúi xuống đưa vòng tay ôm hai vợ chồng Hoài, nước mắt nàng ướt đẫm má Hoài.

-Cháu đã đậu kỹ sư đang làm việc cho hãng điện tử ở Mỹ.

Vợ Hoài nghĩ hai mươi bốn năm qua chưa thấy giây phút nào chồng mình cười, nên nàng mừng rỡ.

Nhân buổi gặp gỡ, Kiều Loan có nhã ý mời các bạn của Hoài tham dự buổi họp mặt thân mật với các món ăn Mỹ. Năm phút sau vợ Hoài đi về dẫn theo các bạn đến chung vui. Kiều Loan cảm động khi gặp các thương phế binh cũ.

Anh cụt tay mang bàn tay giả, người cụt chân chống nạng gỗ đã phai màu, có anh bị mù lần bước theo các bạn. Trên cánh tay các anh còn xăm hình Cọp ba đầu rắn, Trâu điên... Có anh độ bốn lăm, năm mươi, sáu mươi tuổi đời dày dặn phong sương hằn in lên nét mặt vầng trán. Các anh hát tặng Kiều Loan những bản nhạc xuân chinh chiến. Tiếng hát “Nếu xuân này con không về” được nhịp theo với bàn tay sắt trên thanh nạng gỗ. Có anh không còn tay nên nhịp bằng chân, không có đàn nên dùng miệng thay thế đàn, dùng giấy cuốn lại làm micro. Buồn

Minh Anh

vô cùng khi nghe nhắc đến một thời vàng son, những huyền thoại về cuộc đời gió bụi phong sương của những chàng trai trong thời loạn. Bài hát “Vọng gác đêm xuân” hay anh chiến trường, tôi nơi hậu tuyến, quyến luyến tình người cười ra nước mắt. Hát không có đàn nhưng chung một cung điệu, những tâm hồn cùng nhìn về một hướng. Sau năm bài hát các anh tạm ngừng để nghỉ đến những đồng đội đã hy sinh rồi hát tiếp. Kiều Loan ngồi cạnh Hoài, chàng đang nằm im, ban ngày Hoài nằm sắp để di chuyển, về nhà Hoài nằm nghiêng hai bàn tay đan vào nhau. Một anh cất cao bài hát do anh sáng tác giọng ca thê lương nào nê. “Ôi cuộc đời, ôi cũng kiếp người, những chàng trai nước Việt đã hy sinh vì tự do, vì nhân loại, vì quê hương và vì trẻ thơ, nhưng chúng ta đã đón nhận những mảnh sắt cố tình, những viên đạn đồng đen để hy sinh cho sự cao đẹp của Tự Do, để cho quê hương những xuân thanh bình. Giờ đây nước mất nhà tan mấy ai nghĩ đến những người thống khổ, mấy ai lúc sung sướng nghĩ đến những đồng đội đã ra đi. Thương thay! ôi một kiếp người! Tạm biệt nhau, tạm biệt Charlie, Kontum anh dũng, Bình Long oai hùng, tạm biệt những anh hùng vô danh”. Hát xong anh khóc và mọi người tham dự đều khóc.

Dư âm của buổi họp mặt đã làm Kiều Loan không ngủ được. Sáng hôm sau nàng vội rời khách sạn đến góc đường Nguyễn Du và nhà thờ Đức Bà, để gặp Hoài đang nằm bán vé số. Kiều Loan mỉm lòng khi quan sát thấy Hoài nằm im một chỗ, phía đầu gối có hai cần câu, một cần để bao đựng tiền, còn một cần cột vé số, ai muốn mua vé số họ bỏ tiền vào bao, xong kéo cần câu, để lấy vé số lên theo ý muốn và phù hợp với số tiền đã bỏ ra. Nhiều người cho thêm tiền hay không mua vé số cho tiền đều được Hoài từ chối không nhận vì chàng có lòng tự trọng. Thiếu gì kẻ gian trong xã hội bon chen, nhiều kẻ đưa tiền ít nhưng lấy nhiều vé số hay không bỏ tiền cướp giật vé số. Có

hôm tiền bán vé số chỉ đủ để Hoài đóng thuế! Hoài chỉ biết thở dài ngao ngán!

Kiều Loan nhìn cảnh Hoài nằm bán vé số, giữa dòng người, dòng xe qua lại. Âm thanh trong thành phố thật hỗn độn. Nhiều người dùng khăn che kín mặt, để tránh bụi trông giống các hiệp sĩ. Giữa bầu trời Sài Gòn âm u Hoài nói cho Kiều Loan nghe lý do chàng nằm im bán vé số giữa cảnh náo nhiệt của phố phường.

Chàng kể lại lời dặn dò của vị ân nhân:

- “Trong cuộc sống đừng bao giờ con phê bình chỉ trích chính con và đừng bao giờ con trở nên thất vọng khi con không hoàn hảo trong cặp mắt của con, điều này chỉ dẫn đến sự thất vọng và chán chường mà thôi. Con cần phải tịnh tâm để được sự bình an, niềm tin và tình yêu”.

Kiều Loan hỏi

- Thế vị ân nhân có chỉ cho anh cách tịnh tâm không?

- Có chứ, ông ngồi tịnh cho Hoài thấy, nào xương sống phải thẳng, mắt nhìn vào khoảng không giữa hai mắt rồi nhắm lại, còn năm ngón tay là kim mộc thủy hỏa thổ, tức ngũ hành đan vào nhau, tay phải tay trái là âm dương phải dung hòa và ngũ hành thuận hòa.

Ông còn chỉ cách vận khí điều hòa nhịp thở, vị ân nhân ngồi tịnh tâm còn Hoài nằm tâm tịnh.

- Như vậy là tâm anh tịnh để khỏi vướng mắc bụi trần, anh nằm tịnh ở địa điểm này để được nghe tiếng chuông nhà thờ Đức Bà ngân vang.

Hoài gật đầu và nói tiếp:

- Trước khi vị ân nhân già qua đời, ông cho Hoài miếng gỗ mít để làm phương tiện di chuyển và ông rất mến Hoài. Chính sự an ủi giúp đỡ của ông như là một mạch suối khởi nguồn từ chính tâm hồn Hoài và chảy vào con người của Hoài để thay đổi chính Hoài”.

Minh Anh

Rời nhà Kiều Loan, Dũng nghĩ đến hai bức tranh và câu chuyện nàng kể. Chàng nghĩ đến những sóng gió cuốn lá thả ra đường, sóng biển cuộn cuộn dâng rồi nhận chìm và nguy hiểm là sóng đời đưa mọi người trôi giạt theo cơn lốc không định hướng. Dũng thấy chàng cần phải học phương pháp tịnh tâm để dưỡng sinh nâng cao sinh lực, nâng cao trình độ học vấn, trí tuệ được phát triển tinh hoa hơn hầu giúp ích cho đời.

Chàng phải yêu chính con người của chàng và yêu tha nhân. Chàng phải biết dưỡng sinh lực của tuổi đời để biến thành thần lực, hầu mong được sự bình an trong tâm hồn và cuộc sống.

Xuân đã về, xuân cho nguồn sinh lực mới với sức sống mới. Chàng mỉm cười với lời chúc xuân giữa phong cảnh hữu tình của mùa xuân đang rơi.

Minh Anh



Thơ

Từ Phong



Từ Phong

Tên thật: Nguyễn Văn Ân

Bút hiệu: Từ Phong, Nhân Tâm, NTP, Minh Tâm Cư Sĩ
Sinh Quán: Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh, Bắc Việt

Trước năm 1975: Cựu Thiếu Tá QLVNCH

Chức vụ sau cùng: Chủ tịch Hội Đồng Tỉnh

Sau 30/04/1975: Bị Việt Cộng cầm tù gần 7 năm

Định cư tại Hoa Kỳ 1994, theo diện HO
* Từ 1963 có thơ đăng trong mục “Đàn Ngang Cung” của Báo Tự Do và mục “Nói mà chơi” của Báo Ngày Nay.

* Từ 1995: Hội Viên Hội Thơ Tài Tử Việt Nam Hải Ngoại.

* Từ 1997: Hội Viên Văn Bút VNHN TT Tây Bắc Hoa Kỳ.
-Có thơ đăng trong một số các tạp chí hải ngoại và trên các Web Site Thảo Luận, Mẹ Việt Nam.

Thơ in chung:

- * Hội Thơ Tài Tử Việt Nam: CHTY 1,2,3,4,5,6 và 10
- * Thi Phẩm Tam Ngữ Anh, Pháp, Việt “Flowers of Love”.
- * Hội Văn Học Nghệ Thuật.
- * Thi Đàn Lạc Việt: Một Phía Trời Thơ: 2,3,4 và 5.

* Văn Bút VNHN-TT/ TBHK: Bút Hoa 1,3 và 4.

* Nhóm Thi Văn Một Hướng Đi: Thi Phẩm Một Hướng Đi
1,2

* Thi Văn Viễn Xứ 1, Hoa Thơ và Thơ Văn Bốn Phương.

Đã xuất bản: Thi Phẩm Hoài Vọng Quê Hương (2000)

-Hội Viên đồng sáng lập Thi Văn Đoàn Bốn Phương.

-Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút TBHK, nhiệm kỳ 2004-2006

Lời Mẹ Khuyên Con

Từ ngày Cộng sản chiếm quê hương
Đảo lộn tam cương với ngũ thường
Cướp đất, đoạt nhà, tra khảo của
Giám cầm, trấn áp thật thê lương !

Việt cộng coi ai cũng kẻ thù
Từ Quân, Cán, Chính đến nhà tu
Từ người trí thức, người giàu có
Đều bị Công an bắt bỏ tù

Cha mẹ phần đông thương các con
Vì sự an nguy, sự sống còn
Nhìn thấy tương lai mờ mịt quá
Nên đành tạm biệt Nước cùng non.

Tìm cách vượt biên để trốn đi
Trải bao khổ cực với gian nguy
Tốn bao của cải bao công sức
Trốn thoát, con ơi có dễ gì !

Chỉ mong con cái một ngày mai
Đỗ đạt thành danh ở nước ngoài
Có đủ tài năng và kỹ thuật
Còn mong phục quốc ở tương lai

Con ơi con hãy vì dân tộc
Hãy tạo cho con vẹn đức tài
Cứu nước, cứu dân là trách nhiệm
Đừng như ai đó, uống đời trai

Con hãy trông xa, hãy nghĩ xa
Giữ gìn danh giá của ông cha
Đừng nên trác táng đừng sa đọa
Thiệt cả thân con nhục cả nhà

Mẹ thương, Mẹ nhủ bấy nhiêu thôi
Thương Mẹ con ơi hãy nhớ lời
Cọp chết để da người để tiếng
Muốn nên tài đức phải trau dồi.

Từ Phong

Hồ Bất Minh

Chinh chiến điều linh chỉ tại Hồ
Hắn là đệ tử của Trung, Sô
Ham danh lãnh tụ, ham danh Bác
Thích được đề cao, thích được hô
Thủ đoạn gian manh từng áp dụng
Mánh mung đối trá quyết bồi tô
Hại dân tội chất cao như núi
Bán máu buôn xương, có ý đồ.

Nay đứa con rơi cũng thế thôi
Cha nào con nấy, quá ư tồi
Mãi lo giữ Đảng, mà quên nước
Chỉ chịu nhìn cha để chiếm ngôi
Quốc hội bù nhìn, danh Chủ tịch
Bí thư Cộng đảng, phận bầy tôi
Nam Quan, lãnh hải dăng Tàu đỏ
Bám chủ nường thân bởi chỗ ngồi.

Từ Phong May 11, 2002

Mừng Văn Bút Tây Bắc

Bài Xướng của Cao My Nhân

Ươm từ mối kén, nở thành hoa
Cánh bướm phù dung giữa nắng lò
Mới biết vô vi thường khởi sắc
Nào hay hữu thể hóa ra hoa
Gió hiền trải rộng bao tơ dụn
Mưa thuận lan xa bấy ý hòa
Đã ngát hương chưa mà khóa tử
Lượn vòng Tây Bắc, ngọt lời hoa.

Cao My Nhân (Hawthorne, 06-6-006)

Bút Hoa 3 Ra Mắt

Bài Họa của Từ Phong

Ba lần Tây Bắc Bút khai hoa
Dưới ánh bình minh tỏa chói lò
Trong tiết Xuân tươi cây nảy lộc
Dưới mùa Hạ ấm nhánh đơm hoa
Cây xanh lá tốt nhờ mưa thuận
Hương ngát đưa xa mượn gió hòa
Chào đón tao nhân và mặc khách
Ghé vườn thưởng ngoạn sắc trăm hoa.

Từ Phong (09-6-2006)

Miền Tuyền Tập Bút Hoa 3

Bài Xướng của Trường Giang

Trí tuệ gom chung, sá mỏng dày,
Biết bao ý đẹp, lăm lời hay.
Lấy câu Quốc Pháp khuyên nơi đó,
Đem chữ Gia Quy dạy chốn này.
Xây dựng Nhân Quyền như đất Mỹ,
Vun bồi Dân Chủ tựa trời Tây.
Góp công bảo vệ nền văn hóa,
Con cháu không sa xuống vũng lầy.

&

Quốc tổ nghìn xưa tổn lăm công,
Đẹp nền Văn Hiến tự Vua Hùng.
Bốn nghìn năm lẻ vui dân tộc,
Sáu chục xuân dư tử núi sông.
Bản Giốc thác cao, ai hiến “bố” ?
Hoàng Sa biển rộng, họ dâng “ông” !
Bút Hoa hài tội phường vong bản,
Sấp mặt buôn nôi, bán Tổ Tông...

Trường Giang (8-06-2006)

Mình Tuyển Tập Bút Hoa 3

Bài Họa của Từ Phong

Ba sáu ba trang, cũng tạm dày,
Thơ, Văn nào dám tự khoe hay.
Tuy thân tị nạn xa quê Mẹ,
Dù phận ly hương trú xứ này.
Muốn nước Tự Do theo kiểu Mỹ,
Mong dân Hạnh phúc giống như Tây.
Cho nên Văn Bút trao lời nhắn,
Thức tỉnh ai đang mãi lún lầy.

&

Phải nhớ tiền nhân đã lắm công,
Bao trang sử Việt rất oai hùng.
Bình Nguyên oanh liệt yên bờ cõi,
Phật Tống oai hùng giữ núi sông.
Hậu thế chẳng noi gương Tổ phụ,
Cháu con không nối nghiệp cha ông.
Cộng nô dâng đất, nhường thêm biển,
Mãi quốc cầu vinh, nhục Tổ Tông !

Từ Phong (09-6-2006)

Ôn Cố Tri Tân

Hai thời Nhất, Nhị Cộng Hòa,
Phải đâu thiếu bậc tài ba điều hành
Mà vì bên Quốc Gia mình
Cả tin, nhẹ dạ, nặng tình vị tha
Bị quân Cộng sản gian tà
Chúng dùng chước quỷ, mưu ma gạt hoài
Thầy, Cha cũng bị dài dài
Quy y, theo đạo, quý ngài tin ngay
Cộng bèn khai thác điểm này
Chui vào tôn giáo, hăng say giúp ngài
Rất là dễ bảo, dễ sai
Việc trong cho đến việc ngoài siêng lo
Đêm ngày thậm thụt nhỏ to
Quý Ngài mừng có đứa trò đáng tin
Đưa vào các cấp chính quyền
Có tên “Cố Vấn”, có tên “Tướng tài”
Đâu ngờ mặt một, lòng hai
Chúng là nội tuyến, tay sai kẻ thù

Vâng lời tụi ở trong khu
Núp trong quần chúng vờ tu cửa thiền
Để rồi ngấm phá Chính quyền
Để làm tình báo, đưa tin ra rừng
Bề ngoài chúng cứ đứng đưng
Hành chánh, Quân sự cũng từng chỉ huy
Vô tình ai lại dám nghi
Chúng là nội tuyến, vi xi (VC) nằm vùng
Bảy lăm mới thấy hỡi hùng
Phụ tá, tà lọt, đặc công dấy đầy!
Bây giờ tị nạn sang đây
Đồng hương còn nhớ cảnh này hay không?
Giữa rừng, thấy nhánh cây cong
Chim khôn nghi ná, còn không lại gần
Có nên ôn cố tri tân?
Để không tái diễn như lần bảy lăm.

Từ Phong

Thơ

Trúc Giang



Trúc Giang

Họ và Tên : Cao-Gia

Bút Hiệu : Trúc-Giang, Cao-Nguyên, Hoài-Hương

Nguyên Quán : Mộ-Đức, Quảng-Ngãi, VN

Nghề Nghiệp trước 75: Nhà giáo Triết (động viên 67, dân cử 72)

Định cư tại California HK 91 (Tù Nhân Chính Trị)

Gia nhập Văn Bút VNHN/TTTBHK. 95

SINH HOẠT VĂN HỌC:

- Một phía Trời Thơ 2,3,4 & 5
- Hương Thơ Hải Ngoại
- Bút Hoa 1,2& 3
- Thi Văn Đoàn Bốn Phương 1,2& 3
- Thi Văn Viễn Xứ.

TÁC PHẨM :

- Những Chiếc Bóng Hồng
- Vùng Trời Ký Úc
- Bụi Phấn.... Truyện dài, truyện ngắn đăng các Báo, Tạp

Chí & Đặc San trong và ngoài Hoa Kỳ.....

Quần Anh Nghĩa Tu

Đàn con Mẹ Việt đã về đây,
Lưu mãi thiên thu trang sử này.
New York địa linh quy nghĩa tụ,
Washington nhân kiệt hội rồng mây.
Anh hùng khởi nghiệp phê văn bản,
Chí sĩ đăng trình thấp nắng mai.
Khởi ngọn Tây phong bùng cách mạng,
Phục hưng Tổ-Quốc rợp cờ bay.

Kỷ niệm ĐH Tu Chính Bản ĐL của
LL/CTNCT/VNHN, Tại New York, 23-6-06.

Trúc-Giang

Đông Về Thờ Cha

“Tưởng niệm Lễ Giỗ thứ 3”

Thơ cô em Nhỏ Mắt Tím (Lệ-Hằng)

Chiều mùa đông thứ năm
Con buồn đến khôn cùng!
Chiều dần buông sắc tím
Nắng lịm vào mênh mông

Con nghe hồn thốn thức
Đông từng mùa trôi qua
Khơi nỗi niềm tiếc nhớ
Vương vấn buồn xót xa!

Hình bóng cha yêu dấu
Muôn đời con kính yêu
Cha ơi! Cha có biết
Con gối sầu quạnh hiu?!

Con nhìn lên dư ảnh
Ôi! Se sắc mảnh hồn
Như cơn mơ tỉnh thức
Mất cha, đời cô đơn!

Công Cha như núi Thái
Nghĩa Mẹ như suối nguồn
Thác muôn đời vẫn đổ
Kết mây ngàn mưa tuôn

Ngày Giỗ Cha đã đến
Con chạnh nhớ mỗi mòn
Hương nến vàng thấp sáng
Tình Cha mãi trong con.

Thung Lũng Hoa Vàng, mùa đông 2006
Nhỏ Mắt Tím Lệ-Hằng

Trúc Giang.

Yêu Em Sài Gòn

Tặng hai cháu **Đặng-Thiện & Xi-Thanh**
Nhân mùa cưới, Thu 2006.

Cali, anh nhớ úa chiều thu
Nhớ dáng em yêu, nhớ Sài Gòn
Giá! có em nhìn anh vuốt tóc
Môi chuyền hơi ấm, giữa chiều hoang.

Làm sao thu lại khoảnh không gian?
Để những đêm mơ có bóng nàng
Say đắm mãnh hồn trong sợi tóc
Nghe dòng cảm xúc chảy miên man.

Rồi mùa mơ ước đến chiều nay
Lũng nhớ băng khuâng bỗng lấp đầy
Hoa cưới trao nàng đêm gối mộng
Vòng tay ân ái siết vòng tay.

Trúc-Giang

Xuân Viên Xứ

Gió xuân anh đào nở
Bỗng nhớ cánh mai vàng
Thương giống nòi sống kiếp
Tận cùng, cảnh lắm than

Nắng xuân viển xứ quyện hoa đào
Én liệng vẽ vòng đẹp biết bao
Con bướm đa tình vượn cánh lượn
Quyên lan xao động nhả hương trao
Bỗng nghe một thoáng buồn ray rút
Chợt thấy đâu đây nỗi ngậm ngùi
Tổ Quốc bên trời xuân héo hắt
Muôn dân quần quại dưới cờ sao.

Trúc-Giang

Thơ Cho Người Năm Xương

“Tiếc thương tặng chú em Năm Lửa”

Sáng nay rải rác lá thu rơi
Chạnh nhớ chú em biệt cõi đời!
Vội vã đi về miền vĩnh cửu
Bạn bè thương tiếc buồn chơi với!

Hôm nay tưởng niệm một trăm ngày
Đứng trước bàn thờ hương khói bay
Thân hữu nghiêng mình thăm khẩn nguyện
Hồn thiêng mời chú hãy về đây !...

Chứng tri người vợ hiền chung thủy
Một tấm lòng son một tấm gương
Trọn đạo luân thường, nhân lễ nghĩa
Như loài hoa quý mãi thơm hương.

Ngoài trời hoa lá nhuộm màu thu
Thân hữu thấp nhang để nguyện cầu
Chúc Chú tiêu diêu miền cực lạc
Bên kia thế giới cõi thiên thu.

Anh Sáu Trúc-Giang

cùng nhóm thân hữu Thung-Lũng Hoa Vàng
Concord & Antioch, mùa thu 2006.

Trúc-Giang

Cánh Phượng Hồng Hoa Sinh Nhật

Tặng cô em "Nhỏ Mắt Tim" Birthday 30.5.06

Mùa hạ về, anh làm thơ sinh nhật
Để tặng em, tìm lại tuổi ấu thơ
Những mùa xưa, ngập ngừng bên cửa lớp
Tà áo bay, dệt trắng cả ước mơ

Tuổi mười lăm, thoáng nghe hồn thỏ thức
Em mơ màng, vương vấn chuyện mộng lung
Đêm thơ trinh, xuân thì sang mười tám
Em nghe hồn, bỗng nở cánh hoa xuân

Từng cánh bướm, cơ hồ say hương phấn
Như rã rời đôi cánh chập chờn bay
Mùa mộng mơ, trên khung trời đại học
Đêm hẹn hò, yêu chồng sách ngu ngơ

Đêm băng khuâng, mảnh hồn pha sắc tím
Tháng Tư buồn, tang tóc ngập quê hương
Rồi từ đó! mùa xuân không trở lại
Em già từ, bỏ lại bao yêu thương

Hôm nay đây, hạ về khơi ký ức
Cánh phượng hồng thấp thoáng tuổi thơ bay
Sinh nhật em, bên người yêu Công-Thuận
Hai mảnh hồn, chung hạnh phúc đắm say.

Thung-Lũng Hoa Vàng, mùa hạ 5/06

Trúc-Giang

Thơ Cho Thanh Thủy

Qua bài thơ “Thay Lời Tiễn Biệt”

Nếu Em chết khi chưa tàn Cộng Đảng
Hàng triệu thanh niên sẽ tiếp nối Em...
“Vang tiếng thét như trời long, đất lở
Đường tự do vàng rợp nắng và cờ”.

Nếu Em chết khi chưa tan chế độ
Muôn vạn con tim thấp sáng tên Em
Bằng bút thép, bằng búa liềm đập nát
Phá xiềng gông truy diệt đảng bạo cuồng
“Viết tên Em vào thiên sử sang trang
Và tô lại khung trời xanh Tổ-Quốc”.

Nếu Em chết còn kia quân bán nước
Thanh-Thủy ơi! Xin Em hãy đừng lo
Phút thiêng liêng lịch sử đã hẹn hò
Kết liễu chúng từng hồi chuông báo tử.

Nếu Em chết còn kia đàn con nhỏ
Còn có Anh cùng dân tộc thay Em
Chúng tự mãi tên Em ghi bia đá
Bút bẻ xiềng cho Tổ-Quốc thắng hoa.

Viết cho **Thanh-Thủy**, nhà văn trẻ yêu nước
Dùng ngòi bút làm lợi khí diệt bạo quyền.

Versailles Đứng Đó

(kỷ niệm chuyến Hội Thảo CT tại Paris 4-05)

Điện Versailles trầm mặc
Phẳng phất nét tự hào
Thời vàng son một thuở
Paris bừng ánh sao .

Điện Versailles cổ kính
Còn kia chiếc ngai vàng
Tháp ngà cung Hoàng Hậu
Tột cùng đỉnh vinh quang.

Versailles bao tráng lệ
Vương cung lộng sắc màu
Màu máu xương chinh phục
Rung chuyển trời Âu-Châu.

Qua Phi Châu, xuống Á
Mở rộng thế cường quyền
Ngày Versailles kêu hãnh
Đêm hận thù cô miên.

Versailles trong lớp bụi
Thời gian đã phủ mờ
Trầm mình trên dòng thác
Trôi vào cõi bơ vơ !

Nàng tóc vàng đứng đó
Thoáng buồn trong mắt xanh
Khi hoàng hôn đỏ xuống
Nhuộm vàng nước sông Seine.



Tuyên Quán
Ái Khanh



Ái Khanh

Tên thật: Đỗ Lê Ann

Chính quán: Huế

Cư ngụ tại: Florida

Tác phẩm đã xuất bản:

- Hình Như Là Tình Yêu, 1997, tập truyện ngắn
- Một Thời Để Nhớ, 1994, tập truyện ngắn

Hiện là Chủ Tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, VAALA-Florida.

Chủ Bút BNS Rạng Đông, Atlanta, Georgia.

Chủ Bút NS Hương Quê, Houston, Texas.

Cộng Tác Viên thường xuyên của:

- NS Diễn Đàn Phụ Nữ, Garden Grove, California
 - Việt Nam Nhật Báo tại San Jose, CA
 - Tiếng Việt & Thế Giới Phụ Nữ Việt, Garden Grove, California
 - Suối Vãn, San Jose, CA
 - Nguyệt San Rạng Đông, Arizona
 - Kỷ Nguyên Mới, Germantown, Maryland
- và nhiều báo khác tại Hoa Kỳ.

Hồ Ái Cuộc Tình

ÁI KHANH

*Sông Quê nước chảy đôi bờ
Để em chín đợi mười chờ thương anh*

*

Thục cầm tay mẹ bước ra khỏi nấc thang cuối cùng để tiến về cửa phi cơ.

Tránh né để cho đoàn người đi trước gần hết, Thục xốc lại quai xách trên vai, nói khẽ đủ cho mẹ nghe:

- Sao con hồi hộp quá mẹ ạ!

Bà Quế thở dốc, đáp lời con:

- Mẹ cũng vậy! Chẳng biết "họ" có tốt với mình không?

Bố Thục là một sĩ quan QLVNCH đã mất trong trại cải tạo. Qua bao nhiêu tổn kém về thủ tục, Thục với mẹ mới được cứu xét cho đi diện H.O. đến Hoa Kỳ. Ngoài hội USCC bảo trợ, mẹ con Thục còn được người chị bà con hứa giúp đỡ nên hai mẹ con ngày nay đến được Hoa Kỳ sớm hơn dự định.

Hôm nay là ngày Thục và mẹ được chị họ ra phi trường đón. Từ xa, Thục đã thấy được hai người mà nàng chắc chắn là chị họ và anh rể vì chỉ có hai người tóc đen người Á Châu duy nhất trong đám người đang lơ nhố bên ngoài hành lang... Nàng bảo:

- Con chắc chắn đó là chị Quỳnh và anh Hoàn mẹ ạ.

- Đâu? Đâu?

Bà Quế nhón nhác nhìn ra xa... bà bảo:

- Kể ra con Quỳnh nó cũng tốt bụng thật. Nếu nó không chịu

Ái Khanh

lãnh mình thì chắc gì đi được sớm như vậy.

Tiếng ồn ào từ loa, từ những đoàn người lũ lượt đi tới đi lui xuôi ngược, gọi nhau ơi ơi khiến cho Thục cảm thấy chóng mặt. Nhưng nàng cũng cố gắng kéo tay mẹ đi đến hai người mà nàng nghi là chị họ và anh rể của mình. Mặt đối mặt, họ nhìn nhau mừng rỡ. Bà Quế hỏi trước:

- Có phải vợ chồng cháu Quỳnh đó không?

- Dạ! Dì Quế và em Thục đây hả?

Hoàn và Quỳnh tươi cười phụ với mẹ con Thục xách những túi lĩnh kính trên tay họ, Quỳnh hỏi:

- Còn gì nữa không dì?

- Còn hai cái va-li sắt gửi theo hành lý! Thục dành trả lời.

Gần nửa giờ sau họ mới ra khỏi phi trường, đẩy chiếc xe hành lý ra bãi đậu xe, Hoàn thở dốc bảo:

- Coi vậy mà cũng nhiều đồ dữ a!

Lúc này Thục mới để ý quan sát người anh rể của mình, Thục cười nhỏ nhẹ:

- Thật là phiền anh chị quá!

- Ối chao, ăn thua gì. Đừng khách sáo. A, dì và em chắc đói bụng lắm hả?

Thục trả lời chị:

- Mệt quá chị ơi! Có ăn uống được gì đâu.

Khi ngồi yên lên xe rồi, Thục bắt đầu quan sát: chiếc xe đẹp quá, sang quá..., Thục nghĩ.

Anh Hoàn lên tiếng phá tan sự im lặng trên xe:

- Bây giờ về nhà dì và em Thục ăn uống xong tắm cho mát mẻ rồi ngủ một giấc cho đã...

Bà Quế e dè:

- Dì và con Thục ở nhà cháu có gì bất tiện không?

Quỳnh đơn đả:

- Dì nói gì kỳ vậy? Nhà rộng thênh thang, có tới bốn phòng lạn; vợ chồng con một phòng, thằng Huy một phòng, còn hai

phòng để cho dì và Thục, cứ ở tạm rồi thủng thủng Thục có việc làm tính sau...

*

Qua một tuần nghỉ ngơi lấy lại sức, Thục nôn nóng đi làm nhưng Hoàn và Quỳnh buộc nàng phải đi học sinh ngữ một thời gian rồi tính. Mỗi tháng sẽ có vài trăm tiền trợ cấp và phiếu thực phẩm, vợ chồng Quỳnh định sẽ dùng hết phiếu thực phẩm vào việc ăn uống, còn mấy trăm bạc để mẹ con Thục chuẩn bị cho cuộc sống.

Hoàn làm ca ngày, riêng Quỳnh vì bé Huy mới sáu tuổi nên nàng chọn làm ca hai để tiện việc chăm sóc cho Huy. Từ ngày có bà Quế và Thục ở chung căn nhà ấm cúng hẳn lên... Ngày ngày Quỳnh bày cho dì và em nấu nướng đủ thứ, chiều hai giờ là chuẩn bị để đi làm, giao hết công việc còn lại cho Thục. Khuya nào trở về nhà, Quỳnh cũng hài lòng vì nhà cửa nhờ dì Quế và Thục nên ngăn nắp, sạch sẽ. Nàng định bụng sẽ bàn với chồng giữ dì và em gái lại cho đến lúc đủ tiền mua nhà cho lợi cả đôi bên.

Ý kiến Quỳnh đưa ra Hoàn chấp thuận ngay vì chàng được nghỉ ngơi nhiều không như trước kia, ngoài việc cắt cỏ Hoàn không phải làm gì thêm.

Như dự định, cơm chiều vừa xong, bà Quế tắm rửa cho bé Huy; Hoàn chuẩn bị đưa Thục đi phố để mua sách vở, vật liệu cho Thục đến trường học Anh văn chuẩn bị kiếm việc làm.

Lần đầu một mình đi theo anh rể ngồi trên chiếc xe với nhạc đìu dịt, Thục nghe lòng hồi hộp, chen lẫn một cảm giác vừa sợ hãi, vừa thích thú...

- Thục! Nói chuyện đi, sao em im lặng vậy?

Thục lúng túng như bị anh mình đọc được ý nghĩ. Đêm ấy Thục được anh mua cho mười quyển vở, một số bút và quyển từ điển Anh Việt.

Qua đêm sau, Hoàn dẫn cho Thục đi phố sắm một số quần

áo, giày dép theo ý thích của nàng. Nhìn Hoàn ký chi phiếu cho mình, Thục rụt rè:

- Anh mua nhiều quá, chị Quỳnh có nói gì không?

Hoàn nhún vai:

- Em đừng lo. Em là em của chị Quỳnh chứ đâu phải em của anh đâu!

Ra xe, thay vì về nhà, Hoàn lại đem Thục đến một tiệm ăn. Thục thắc mắc:

- Mình ăn rồi. Đến đây làm gì hở anh?

- Ô! Hồi nãy mệt quá anh ăn không được, giờ anh muốn kiếm gì ăn thêm.

Thục thật sự bị sức hút của căn nhà sát mé biển này... Phố đã bắt đầu lên đèn. Nhà hàng được trang trí với những ánh đèn sấp thơ mộng, nhìn ra bầu trời lấp lánh sao, sóng biển rì rào. Thục bảo:

- Nhìn cảnh này em nhớ Việt Nam quá!

- Vậy sao? Vậy anh phải cho em đến đây thường mới được...

Hai anh em vui vẻ chuyện trò sau khi ăn vài món nhẹ, và họ ra về.

Rồi cứ mỗi đêm sau khi cơm nước xong là Hoàn giúp cho Thục đến trường. Bà Quế vui sướng khi thấy cuộc sống của mình bắt đầu có những viễn ảnh tốt đẹp. Trong buổi cơm, bà rất ân cần chăm sóc hai người cháu đã cho bà cuộc sống hôm nay.

Ba tháng trôi qua, Thục qua đã được lên lớp sau kỳ thi; sở xã hội cũng gửi giấy báo sẽ ngưng trợ cấp của bà Quế và Thục trong tháng tới. Do đó, Quỳnh và Hoàn dự định sẽ tập cho Thục lái xe. Thục thì muốn chị mình dạy, nhưng Quỳnh cứ sợ không biết hướng dẫn và nàng lý luận đàn ông phản ứng nhanh, có gì không bị nguy hiểm... Cuối cùng Thục phải làm phiền anh rể một phen nữa...

Tưởng khó, nhưng thật ra cuối cùng chỉ một lúc là Thục đã

lái được. Nàng vui sướng chạy vòng vòng trong sân trường không muốn ngừng lại. Thấy em gái vui, Hoàn cũng vui lây. Cuối cùng thấm mệt, Thục bảo:

- Thôi bây giờ nghỉ. Anh cho em mời anh kiếm tiệm nào uống gì nhé?

Hoàn đề nghị đến tiệm gần mé biển đầu tiên. Thục đáp ngay:

- OK! Bây giờ phải trả ơn ông thầy!

Khi ngồi trong tiệm rồi, nhìn bầu trời Thục lại nghe lòng xúc động:

- Kỳ thật anh ạ. Em không hiểu sao ngồi đây em nhớ nhà quá!

Không biết vô tình hay cố ý, Hoàn bóp nhẹ tay Thục đang đặt trên bàn và hỏi:

- Ở Việt Nam em đã có người yêu chưa?

Thục rút tay lại như bị điện giật, im lặng không trả lời Hoàn.

Hoàn nhỏ nhẹ:

- Anh xin lỗi! Tại thấy em cứ nhớ nhà nên anh tò mò thế thôi. Thục thành thật:

- Em thật tình chưa có ai hết vì em đoán trước thế nào em cũng sẽ được ra đi nên em chẳng dám nghĩ đến chuyện yêu ai...

Hoàn gục gặc đầu:

- Vậy cũng khỏe. Lỡ thương ai giờ bảo lãnh cũng khó khăn lắm không như trước đâu!

Và chiều nào cũng vậy, Quỳnh đi làm trước, Hoàn về sau; ăn uống xong là Hoàn và Thục đều đi tập lái xe... Bà Quế vui mừng khi nghe con gái báo tin chỉ còn vài hôm là đi thi bằng lái.

Sự gần gũi, thân mật của Hoàn và Thục đã đưa họ đến bờ vực thẳm mà họ không ngờ được... Đêm ấy, trong sở của Hoàn mở "party" cho nhân viên. Thay vì về báo lại cho

Ái Khanh

Quỳnh để Quỳnh cùng đi chung, Hoàn lại dấu vợ và rủ Thục đi. Khi thấy Thục ăn mặc sang trọng trong phòng đi ra, bà Quế hỏi:

- Con đi đâu?

Lần đầu tiên nàng nói dối mẹ khi Hoàn cũng trong bộ vét đất tiền từ phòng chàng bước ra:

- Con nhờ anh Hoàn chở đi đến nhà người bạn đã hứa xin việc cho con... chút con về liền!

Ra khỏi nhà, thấy Thục cũng dối mẹ nên Hoàn mạnh dạn đề nghị:

- Nếu mình đi "party" ở sở anh thế nào bạn bè gặp chị em họ cũng nói lại, vậy thôi mình đi chơi chỗ khác nghe em.

*

Chuyện gì sẽ đến, đã đến... Hoàn đã dối Quỳnh và Thục đã dối mẹ. Họ gặp gỡ nhau thường xuyên trong phòng ngủ. Cho đến một hôm Thục thấy mình bắt đầu có những triệu chứng kỳ lạ, nàng tự động đi bác sĩ để cuối cùng nàng thực sự hoảng hốt khi bác sĩ cho biết là đã mang thai...

Nàng lo sợ, trong lớp học nàng có một số bạn bè, nàng định tâm sự và nhờ giúp ý kiến nhưng chưa biết phải giải quyết cách nào. Nàng định tâm là sẽ báo cho Hoàn biết... Nhưng ý định chưa kịp nói ra thì chiều hôm ấy Quỳnh về nhà thật sớm và báo tin cho Thục biết là trong sổ của Quỳnh cần một người làm. Quỳnh xin ngay cho Thục và đã được họ chấp thuận khiến Quỳnh mừng quá xin về sớm báo tin cho dì và em cùng vui. Thục sưng người, rồi vùng ôm chầm lấy Quỳnh cười mà nước mắt tuôn như mưa. Quỳnh không hiểu, vỗ lưng em an ủi:

- Có gì mà khóc em. Cho dù chị không xin được việc này rồi hội USCC cũng tìm cho em việc khác mà.

Thục gật gật đầu trên vai chị và tự mắng thầm: "Minh thật là một kẻ khốn nạn... Ổn chưa trả đã lo phản phúc!".

Hoàn trong phòng bước ra, thấy hai chị em thân thiết chỉ

cười thầm. Riêng bà Quế thấy vui mừng hơn hết vì bà từ lâu mong con có việc làm để mẹ con bà được đời sống tự lập khỏi bám víu mãi vào cháu và cháu rể. Thục bàn với chị tuần sau sẽ theo chị đi làm.

Đầu tuần ấy, Thục đã chính thức là nhân viên của hãng điện tử. Nàng đi về cùng ca với Quỳnh, nhiều lúc nàng muốn có thời giờ để nói riêng cho Hoàn biết mình hiện đang mang giọt máu của Hoàn trong người, nhưng cũng có lúc nàng thấy Quỳnh chăm sóc cho nàng từ miếng ăn đến chỉ dẫn công việc sở... Hai ý nghĩ mâu thuẫn khiến Thục lo sợ đến hốc hác cả người.

Bà Quế cũng nhận thấy điều ấy trước, Thục cứ chối quanh là chưa quen việc nên lo lắng thế thôi. Cuối tuần, cả nhà được quây quần bên nhau. Hoàn đề nghị... ăn mừng Thục có việc làm bằng một buổi tiệc tại nhà hàng... gần bãi biển, Thục giật mình hoảng hốt:

- Không! Không đâu. Em mệt lắm, em muốn ở nhà nghỉ ngơi.

Hoàn tưởng thật bảo:

- Ô! Mới đi làm có một tuần mà em có vẻ sút đi thật đó. Thôi, ở nhà nghỉ ngơi để anh chở chị Quỳnh đi chợ mua món gì về làm ăn cả nhà cũng được.

Thục khoát tay, mắt nhắm lại mà lệ muốn trào:

- Trời ơi! Em đi làm có gì là quan trọng đâu mà ăn mừng?

Quỳnh vỗ vai em:

- Nói ăn mừng là cho vui thôi. Bữa nay chị cũng muốn tìm món gì đặc biệt cho cả gia đình ăn. Nếu em mệt, ở nhà trông cháu Huy để anh chị chở cho đi ra ngoài một tí kéo lâu nay cứ để đi ở nhà hoài...

Bà Quế nghe thế vui mừng:

- Ừ! Đúng đó. Dì cũng muốn ra phố một tí cần gì đi mua luôn.

Thục bậm môi, che dấu sự xúc động của mình cũng như lòng ăn năn của mình khi thấy sự đổi đãi của Quỳnh.

Mấy ngày không ngủ, chiều thứ hai nhìn Thục bơ phờ lúc ra xe đi làm, Quỳnh ái ngại:

- Em sao vậy? Bệnh hả? Nếu nghe mệt trong người quá thì thôi, để chị vô xin cho em nghỉ một bữa.

Thục uể oải đáp lời chị:

- Không sao đâu chị. Em vô sở làm việc một tí tỉnh người ngay. Mới làm có một tuần đã nghỉ bệnh sợ... họ cho nghỉ luôn thì khổ!

Thấy em có lý, Quỳnh chẳng nói gì, ngồi trên xe Quỳnh bảo:

- Nếu việc này không thích hợp với em, thôi làm tạm vài ngày. Rảnh, chị gọi bạn bè hay hội USCC xin giúp em việc khác.

Thục cười phì:

- Hãng điện tử là nhàn nhứt mà làm không nổi chỉ có việc... ở nhà ăn bám thôi chị ạ.

Rồi nàng trấn an chị:

- Em nghỉ vài bữa sẽ quen thôi.

Đến giờ cơm chiều, vừa ăn vài muỗng, tự dưng Thục nôn thốc nôn tháo trên bàn. Mọi người hoảng hốt dìu Thục lên phòng y tế nằm nghỉ. Quỳnh làm khác phòng nên không hay biết...

Rất may mắn cho Thục người thư ký trực ban đêm là một người Việt Nam nên Thục không phải trở ngại khi nói chuyện. Cô tự giới thiệu trước tên của mình, mới nói vài câu thì chị Quỳnh ở ngoài xô cửa bước vào hoảng hốt:

- Thục! Em có sao không? Nghe mấy người kia nói em bị gì hả?

Cô Vân thư ký cười bảo:

- Ô, chị Quỳnh! Em chị đó hả? Mấy bữa nay nghe nói giờ mới biết. Không sao đâu chị. Cô ấy chỉ mệt, trúng gió thế thôi...

Chị Quỳnh thở phào, cầm tay em gái nhỏ nhẹ:

- Hồi chiều nghe chị ở nhà khỏe rồi!

Thục bóp tay chị, nước mắt trào ra, ấp úng:

- Chị. chị tốt với em quá!!!

Quỳnh vuốt những cọng tóc lòa xòa trên trán em rồi bảo:

- Thôi, nếu không có gì nằm nghỉ một chút đi, chị trở về làm việc.

Quỳnh bước ra rồi, Vân khép cửa lại bảo:

- Chị Quỳnh dễ thương lắm, ở đây ai cũng mến!

Nghe xong câu nói ấy, Thục cầm tay cô thư ký bảo:

- Chị! Chị giúp em điều này được không chị?

Vân mở tròn mắt nhìn Thục thắc mắc. Thục bảo:

- Chị khóa cửa giùm em rồi em nói!

Lạ lùng với những câu nói của Thục nhưng Vân vẫn làm theo, xong nàng hỏi:

- Em cần chị giúp gì?

- Em cần chị giúp em ý kiến. Em chán sống quá chị ơi!

Vân hoảng hốt:

- Em nói gì vậy? Có gì cứ nói đi, chị giúp được em chị giúp liền.

Như một cái máy, Thục kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Vân nghe... rồi kết luận:

- Sở dĩ em ới hôm nay cũng tại cái bào thai nó hành em đó chị ạ.

Vân sửng sốt:

- Rồi bây giờ em tính sao?

Thục cười buồn:

- Nếu em biết tính sao thì em đâu nhờ tới chị? Em phân vân quá vì chị Quỳnh thật tốt với mẹ và em. Do đó, em tới giờ vẫn chưa nói gì với anh Hoàn cả.

Vân suy nghĩ một lúc rồi mở ví bảo:

- Em lấy số điện thoại chị, khi cần em liên lạc hoặc buổi tối

Ái Khanh

thẳng vô đây gặp chị. Chị không hứa, nhưng có thể giúp được vì hồi trước ở New York quen bạn bè nhiều. Nếu họ tìm được việc ở đó giúp em có chịu đi không?

Thục như vỡ được chiếc phao khi sắp đuối giữa dòng:

- Đi được! Em sẽ rời nơi này!

Rồi Thục cố gắng nói thêm để Vân đừng đổi ý:

- Sở dĩ em mửa cũng tại lo nghĩ nhiều mất ăn mất ngủ đó chị; không phải tại em yếu đâu. Hồi ở Việt Nam em ...

Vân hiểu ý cười bảo:

- Em an lòng đi. Chị sẽ liên lạc với bạn chị ngày mai. Tối mai em vào đây chị cho em biết kết quả...

*

Suốt hai, ba đêm, đêm nào cũng thừa lúc mọi người ăn tối, Thục đều vào phòng thư ký Vân để bàn bạc. Mọi người không ai nghi ngờ gì vì cứ nghĩ sau lần bệnh đó cô Vân và Thục quen nhau.

Thục nhẹ người khi thấy Vân đã kiếm được cho mẹ và mình một công việc may quần áo tại nhà, tạm thời có một căn phòng còn bỏ trống nên chị Tâm (bạn của Vân) sẽ cho mượn với giá tượng trưng... Thục ân cần cầm tay Vân bảo:

- Ôn chị em sẽ không bao giờ quên. Chị giúp giúp em giấu kín chuyện này nhé chị!

Vân nhỏ nhẹ:

- Chị hứa chắc sẽ không cho ai biết điều này; vả lại chị cũng rất mến Quỳnh. Chị ấy là một người tốt và yếu đuối, nếu biết được không biết sẽ ra sao...

*

Đêm ấy Thục về nhà, thở thê với mẹ là việc trong hãng điện tử nàng không hạp vì những sợi dây điện nhỏ li ti nhức mắt khiến cho nàng nhức đầu; nay có người quen xin được việc cho cả mẹ và cả nàng nữa nên nàng muốn mẹ đồng ý để cùng nói với vợ chồng Hoàn qua New York làm việc... Bà Quế là

người thật thà, nghe con nói bà tin ngay, nhưng vẫn còn e ngại:

- Giờ con định nói sao với vợ chồng nó?

- Để ngày mai ăn sáng xong con sẽ thưa chuyện!

Khi Thục vừa nói xong ý định của mình và mẹ thì Quỳnh cứ nự liên:

- Sao kỳ vậy? Bộ vợ chồng con ăn ở có gì phiền lòng dì và em Thục sao? Mà hồi nào giờ con đâu có nghe Thục nó quen bạn bè gì ở New York đâu?

Quỳnh nói một mạch, còn Hoàn thì trầm ngâm suy nghĩ... Liếc nhìn Thục, chỉ thấy Thục cúi đầu im lặng.

Bà Quế phân trần:

- Bậy nà! Tụi con ăn ở với dì như vậy làm gì có chuyện phiền lòng. Chỉ tại con Thục nó bị nhức đầu hoài vì nó nói ba cái đồ điện tử nhỏ xíu nên nó ... nên nó ...

Bà Quế ngáp ngừng vì không diễn tả được về những sự việc mới lạ ấy.

Quỳnh gọi Thục:

- Thục! Có thật như vậy không? Sao cả tuần nay không nghe em nói?

Hoàn chen vô:

- Bạn nào ở New York mà em đâu có bao giờ kể với anh chị?

Thục khổ sở nói gần như khóc:

- Tại anh chị tốt với mẹ và em quá cho nên em cố làm thử vài tuần ở hãng điện xem sao, nhưng em cứ nhức đầu hoài ...

Chị Quỳnh thở dài:

- Thì thôi, hay em chờ chị tìm việc khác?

Bà Quế nhìn con dò hỏi. Thục cương quyết:

- Không chị ạ! Bạn em đã lo giùm hết rồi. Với lại mẹ em qua đó phụ em may gia công, hai người làm không sao đâu.

Bà Quế nghe mình cũng có thể làm ra tiền được nên hăng hái:

- Quỳnh à, dì ở Việt Nam cũng là thợ may nên mấy việc lãnh

Ái Khanh

hàng về may Mỹ nó chịu trả lương cho đi là đi mừng lắm. Cứ lo qua Mỹ không làm gì ra tiền thôi!

Hoành thở dài im lặng. Quỳnh thu dọn chén đĩa vào trong, chờ bà Quế đến tủ lạnh lấy nước, Hoành hỏi nhỏ đủ Thục nghe:

- Tại sao em lại quyết định như vậy mà không cho anh biết trước?

Liếc nhìn Quỳnh còn trong bếp, Thục vừa thu dọn chén bát vừa trả lời:

- Em lớn rồi, em phải tự quyết định đời mình, không muốn làm phiền ai cả.

Hoành đanh mặt, giận dữ:

- Em sao khó hiểu quá, lại mau thay đổi nữa.

- Anh Hoành! Anh hãy quên đi chuyện cũ, anh nên nhớ dù gì chị Quỳnh cũng là chị của em, nhất là chị ấy rất tốt với mẹ và em ...

Tiếng Thục hơi lớn khiến Hoành giật mình, nhìn vội vào bếp. Thục như đọc được ý nghĩ của Hoành, cười nhạt:

- Đàn ông mấy người thật là ...

Thục bỏ dở câu nói khi bà Quế đến bàn đặt cái ly xuống ngáp dài:

- Thôi, con Quỳnh để đó đi rửa dọn cho. Mấy đứa đi nghỉ đi. Làm cả tuần mệt rồi, để đó cho đi.

Cuối tuần đó Thục và mẹ từ già chị Quỳnh và Hoành để ra đi. Nhiều lần Hoành gặp riêng Thục để tìm hiểu nhưng Thục vẫn một mực giấu kín niềm đau khổ để tạ lại tình cảm của chị họ đã dành cho mẹ và mình ...

*

Sau ba tháng ở New York, bà Quế và Thục đã mượn được một ngôi nhà nhỏ nhỏ. Hàng ngày hai mẹ con chăm cùi may, bụng của Thục bắt đầu lớn.

Thấy con lười biếng trong việc ăn uống và vẻ hoạt bát, liến

thoảng không còn, nhất là... bụng nó hơi lớn, bà Quế nhìn con đăm đăm như tìm một câu hỏi gì mà chưa nói được. Thục lo sợ hỏi:

- Mẹ! Làm gì mà mẹ nhìn con hoài vậy?

- Nè, con nói cho mẹ biết, sao mẹ thấy... cái bụng con ... cái bụng nó ...

Như suốt vỡ bờ, Thục ôm chầm lấy mẹ khóc ngất. Bà Quế đẩy con ra:

- Nè cái gì vậy? Có phải là...

Thục gật lia gật lịa:

- Đúng rồi, thôi mẹ tha cho con đi, đừng có hỏi nữa có được không mẹ?

- Trời thần ơi! Thiệt vậy sao vậy?

Thấy mẹ đổi cách xưng hô với mình, Thục ôm đầu khổ sở:

- Mẹ ơi! Con biết con làm tội lớn lắm, mẹ chửi mắng con đi!!!

Bà Quế lấp bắp:

- Ai vậy? Thằng nào vậy???

Thấy Thục im lặng, bà nổi da gà:

- Chẳng lẽ thằng Hoàn, anh rể mày???

- Mẹ! Con van mẹ đừng hỏi nữa!!!

Thục bỏ chạy vào phòng tung mình lên giường nằm khóc ngất...

Bà Quế mếu máo chạy theo vào phòng, vừa thương vừa giận trách móc:

- Trời ơi! Con ơi! Sao con Quỳnh nó tốt với con vậy mà con làm chuyện ác nhưn thất đức vậy?

Rồi bà lầm bầm:

- Hèn nào mà cứ một, hai đời đi! Trời ơi, rồi mặt mũi nào tui nhìn tui nó? Nè Thục, nghe tao hỏi nè! Thằng Hoàn nó có biết không?

Thục ngồi dậy hai tay bó gối nhìn mẹ buồn bã:

Ái Khanh

- Không ai biết cả, mẹ yên tâm. Con sinh đứa nhỏ ra rồi con tự nuôi lấy. Có ai hỏi mẹ cứ nói giùm là cha nó bị tai nạn chết rồi!

Bà Quế im lặng nhìn đứa con mà bà cứ đinh ninh ngoan hiền, mẫu mực. Thì ra tất cả chỉ là cái vỏ bên ngoài. Bà khổ sở cố đấu dịu:

- Thôi lờ rồi! Má cũng chẳng biết sao hơn!

*

Rồi thời gian lặng lẽ trôi qua...

Khi bé Long ra đời, bà Quế tự tay lo lấy tất cả. Bà nghĩ lại thương con gái hẩm hiu, nên mọi việc đã qua bà im lặng, tha thứ và coi như chồng của Thục bị... tai nạn thật.

Nhiều lần Quỳnh và Hoàn gọi qua thăm, bà đã giấu giếm tất cả, chỉ nói những điều tốt đẹp cho mẹ con bà để Quỳnh được an lòng.

Đêm đêm con khóc, Thục ngồi ru con mà nước mắt tuôn như mưa. Nàng tự trách mình đã yếu đuối để ngày nay mới có hậu quả này!.. Tiếng nhạc nhẹ nhàng vang lên: "Bao năm qua em trở thành thiếu phụ. Ngồi ru con như ru tình buồn...".

Thục thiếp dần trong giấc ngủ mộng mị, tiếng nhạc vẫn buồn chơi vơi trong không gian tịch mịch...

Bà Quế đứng lặng nhìn rồi chép miệng thở dài: "Tội nghiệp con tôi! Nhưng mà cũng may nó biết lỗi nên đã không làm gia đình chị nó tan nát!".

ÁI KHANH

Thơ

Nguyễn Hà



Nguyễn Hà

Bút Hiệu: Nguyễn Hà

Bút Hiệu khác: Lam Hà Vũ, Nguyễn Vũ.

Sanh Quán: Bình Nguyên (Hà Lam) Thăng Bình, Quảng Nam.

Cựu Học sinh Trung học Phan Chu Trinh Quảng Nam. (Trước 54)

Cựu Công chức từ 1954 đến 1975,

Trực thuộc Tổng Nha Ngân Khố Sài Gòn, Bộ Tài Chánh.

Đến Hoa Kỳ vào cuối năm 1992 theo diện đoàn tụ gia đình.

Hiện định cư tại City Tampa thuộc tiểu bang Florida.

Tác phẩm đã xuất bản: Quê Hương Dấu Yêu.

Ra mắt 2 CD Ngâm Thơ: Tình Tự Quê Hương; Tình Yêu.

Năm 2007 sẽ ra mắt 2 tập thơ: Xương Họa cùng các Thi Hữu Bốn Phương và 1 tập thơ “Đôi Bờ Thương Nhớ” sắp in.

Thành Viên Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Hội Viên Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ Florida

Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút / Florida, ĐNHK.

Tâm Sự Em Gái

Lấy Chồng Xa Xứ

Bao năm rồi mới gặp,
Ánh mắt như đại khờ,
Niềm vui nào kể xiết,
Tưởng chừng một giấc mơ?
 Hương xưa, ngày tháng cũ,
 Thoáng chốc, trải mấy thu,
 Lá vàng rơi nhẹ nhẹ...
 Nhịp bước dưới sương mù.
Hoa niên ngày tháng ấy,
Trong trắng ánh ngọc ngà,
Nắng thu hờn úa lá,
Hương say đắm mặn mà.
 Ly hương buồn lẻ bóng!
 Đa đoan phận má hồng,
 Tiếng đế sâu cô tịch,
 Nào ai thấu hiểu không?
Thật phũ phàng cay đắng,
Từng giọt lệ đêm đông,
Rơi vào tim giá lạnh,
Dở dang giấc mộng nồng.
 Lạnh lùng mùa thu tím,
 Xuân lạnh lẽ trôi qua...
 Tâm nguyện cầu Phật Tổ,
 (Nam Mô A Di Đà...)

Xin cứu rỗi đời con,
Ôi ngày tháng mỗi mòn!
Cầu phúc duyên an lạc,
Lòng thành mãi sắt son.

Nợ tầm dâu xa xứ,
Thân phận gái một mình!
Bất đồng hai ngôn ngữ,
Thương tình bị rẻ khinh.

Thân ướt lạnh tàn đông,
Con thơ đại ảm bông,
Bao năm trường khổ nhọc,
Còn ai đợi, ai trông?

Ôi! tình nghĩa vợ chồng,
Nào ai thấu hiểu không?
Khác nào thân ở đợ!
Chủ, tớ...se lạnh lòng.

Em âm thầm thở than,
Duyên nợ, lắm bẽ bàng,
Đêm trường không yên giấc,
Số phận ôi! phũ phàng!

Em thương nhiều thương lắm,
Cầu Phật Tổ Như Lai,
Ban phước lành...may mắn,
Xuân rạng rỡ ngày mai.

Nguyễn Hà, *Hạ buồn* 2005

Xốt Thân Mã Hàng

(Lời Thở Than)

(Mến tặng Nguyệt Yến)

Gắm thế sự, cười ra nước mắt
Ba mươi năm ấy, thật ngỡ ngàng
“Gió đưa, gió đẩy bông trang”
Lại xuôi cánh én về ngàn Tampa

“Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng r ám màu nâu”
Vì ai, cánh én âu sầu ..
Tháng tư năm ấy, bể dâu bể bàng!

Ai sống cảnh giàu sang phú quý
Kẻ bần cùng, rồi cũng như nhau
Màu xanh nay đã đổi màu
Sao vàng cờ đỏ, khổ đau bao người .

Kinh Tế Mới, nhưng nào thấy mới
Cảnh đọa đày sống kiếp ngựa trâu
Gót chân ngà ngọc ... tìm đâu?
Bây chừ nứt nẻ đơm mầu tang thương!

Lê Minh Xuân nông trường thủy lợi
Nước chua phèn, mặt nám, tay chai
Còn đâu hong vuốt tóc dài
Còn đâu mắt biếc, gương soi má hồng.

Nhớ ơn “Bác” .. Vinh Quang Lao Động
Tay chân mềm, nay đã nứt .. chai!
Xa cơm, chỉ có gặm khoai
Sắn, rau chẳng đủ . Tìm ra Chợ Trời

Mại mại dzô .. mua đâu , bán đó
Bọn “ Bò Vàng” rình rập trước, sau
Xem chừng mà chạy mau mau
Nghèo đeo lấy khổ, đắng cay sự đời.

Cũng lắm lúc hực hơi, hực căng!
Cửa nhà không, kiếp sống TỰ DO!! ..
Hỡi Ôi! áo ấm , cơm no...
Đảng đi Giải phóng, mặt mo quá dày.

Người dân Nam đọa đày khốn khổ
Bởi man di, nửa ngợm, nửa người
Ba mươi năm ấy qua rồi
Mà nay lòng vẫn bồi hồi tâm can.

Nguyễn Hà

Nhớ Xuân Xưa... Xuân yêu

Thương có về trên đất Mẹ
Dấu chỉ là héo úa một cành mai
Luống nghẹn ngào tủi hờn xuân cách biệt
Phương trời xa hoài vọng chẳng hề phai

Nay Xuân về, nơi xứ người chốn lạ
Càng nhớ thương bao kỷ niệm quê nhà
Sáng ba mươi, cuối năm, rộn ràng Tết
Nhớ Cha già gói bánh tét, bánh chưng

Mẹ xếp bánh vào nồi đem ra nấu
Phía sau hè cạnh bên chái chuồng heo
Chiều ba mươi, pháo nổ dồn xóm dưới
Rước Ông Bà về vui tết tình nghèo

Nghe pháo nổ, trẻ thơ lòng ấm áp
Đón giao thừa lễ bái, khói trầm bay
Bát nước chè thơm, quỳện mùi khói pháo
Cây neo trước nhà, lất phất gió lay

Trống đình làng khai nguyên mừng đón Tết
Hàng cờ bay, trụ phước, trước sân đình
Những cụ già áo dài đen, khăn đóng
Đàn trẻ thơ quần áo mới, cười xinh

Sáng mông một, Mẹ lên chùa lễ Phật
Gái làng quê cầu phước lộc, xin xăm..
Dẫu đói nghèo, vẫn vui đùa chúc tết
Để xóa đi bao khổ nhọc quanh năm

Trên bàn thờ trái cây: cầu, dừa, đủ
Chỉ mong sao cuộc sống bớt chua cay
Tiếng trẻ thơ ê a ngày hai buổi
Nắng Xuân về cánh én lượn tung bay

Cánh đồng quê ngát hương mùa lúa mới
Dòng sông xanh, em bé dắt trâu về
Bao kỷ niệm vui xuân mừng đón tết
Chứa chan hồn dân Việt, thắm tình quê...

Nguyễn Hà Tampa, ngày đầu xuân 2007

Hè Về

Bài Xướng

Xuân sắp tàn phai, lại đến Hè,
Đâu đây khúc nhạc tiếng ca Ve?
Chập chờn sóng nước, hoa Sen nở,
Rực rỡ sân đình, cánh Phượng khoe...
Nhớ mái tóc huyền, hương ngát tỏa,
Thương tà áo trắng, nón nghiêng che.
Trái bao dâu bể, tình xưa ấy,
Bạc mái đầu xanh, nhớ bạn bè.

Nguyễn Hà (Tampa, Hè 2007)

Nước Thời Gian

Bài Họa 1:

Tiếng Cút cô đơn, gọi nhớ Hè,
Phượng buồn già biệt, khóc sầu Ve...
Vần thơ kỷ niệm, còn e ấp!
Hình bóng trao tình, vội dấm khoe.
Nhật ký chia tay, dòng lệ ứa,
Tự trường gặp mặt, bóng mây che.
Tương tư ngày tháng, phai màu tóc!
Ngược nước Trường Giang, sóng vỗ Bè...

Bạch Tâm (Santa Ana, 14-7-2007)

Gọi Hè

Bài Họa 2:

Gió thoảng hương Sen, gọi nắng Hè,
Cung đàn phím lạnh, chạnh lòng Ve!
Mây trời lơ lững, chim reo hót,
Cánh bướm chập chờn, Hoa biếng khoe.
Tiếng nói ngọt ngào, môi hé nở,
Nụ cười duyên dáng, tóc buông che.
Một thời áo trắng, còn đâu nữa?
Trường Thủy lênh đênh một chiếc Bè...

Bạch Tâm

Giã Từ Hoa Phượng

Bài Họa 3:

Tạm biệt chia tay, ba tháng Hè,
Giọt buồn rã rích, tiếng sầu Ve...
Hương Sen thơm ngát, chờ Ong đến,
Sắc Phượng diễm kiều, đợi Bướm khoe.
Nắng sáng trông thư, cổng trường đợi,
Mưa chiều ngóng bạn, mái hiên che.
Cầu tre lắc lẻo: làm chi rửa*?
Biết trước như ri* kết nối Bè.
(* Ri, mô,chi, rửa (Tiếng Quảng Nam)

Vũ Gia Sắc (Santa Ana, 14-7-2007)

Buồn Trong Lòng Đại...

Bài Họa 4:

Ba tháng chia tay, tạm biệt Hè!
Đau lòng than khóc, hỏi nàng Ve?
Rưng rưng giọt lệ, môi hồng khép,
Vương vấn tơ lòng, Phượng đỏ khoe...
Ánh mắt trao tình, bài thơ gửi,
Vòng tay ôm mộng, tóc mây che,
Sông Tương, bến vắng, buồn hiu quạnh!
Thương nhớ, chờ mong: nước ngược Bè!...

Vũ Gia Sắc (Santa Ana, 14-7-2007)

Cánh Chim Hải Âu

Rộn ràng tung cánh khắp ngàn phương,
Lướt gió tung mây, vạn nẻo đường.
Hải đảo dừng chân trên bến nước,
Lưng trời sải cánh dưới cầu sương,
Non cao, rừng rậm nào mơ ước,
Biển rộng, sông dài mãi vấn vương...
Chim chíp...gọi đàn về tổ ấm,
Riêng đàn CHIM VIỆT tử ly hương!

Nguyễn Hà (Tampa, hè về 97)



Thơ

Kim Vũ



Kim Vũ

Kim-Vũ sinh tại Hà Nội, học trường tiểu học Nguyễn Du, trung học Nguyễn Trãi, vào Nam năm 1954, tiếp tục học đệ nhất cấp ở trường Nguyễn Trãi, học đệ nhị cấp tại trường Chu Văn An, du học Hoa Kỳ về ngành Kiến Trúc năm 1959, về nước năm 1964, làm việc tại Bộ Công Chánh cho đến năm 1975. Định cư tại Hoa Kỳ năm 1991. Từ năm 2001 đã xuất bản 7 tác phẩm, gồm ba tập thơ song ngữ Việt Anh (Tình Anh Như Thế Đây, Khi Yêu Em, và Miền Đất Lạ), hai tuyển tập thơ dịch từ tiếng Việt ra tiếng Anh (VIỆT NAM: Những Áng Thơ Tuyệt Tác, và Những Áng Thơ Tuyệt Tác Hiên Đại), và hai tuyển tập truyện ngắn (Hạnh Ngô Mong Manh và Cánh Bướm Ngẩn Ngơ). Dự tính xuất bản thêm tập thơ song ngữ Trăng Mât Thiên Niên Kỷ, và tuyển tập truyện ngắn Bóng Chim Qua Trời, cùng tập dịch ca dao Việt Nam ra Anh ngữ. Sau đây là một số bài thơ của Kim-Vũ trong hai tập thơ Miền Đất Lạ và Trăng Mât Thiên Niên Kỷ. Muốn biết thêm về những tác phẩm của Kim-Vũ, cũng như xem cảm tưởng, ý kiến, phê bình của các bạn thơ, bạn văn, bạn đọc, xin vào thăm trang nhà trên liên mạng tại saigonline.com/kimvu.

Em như ...

Em như làn gió nhẹ nhàng
Cho anh chấp cánh phượng hoàng bay cao
Em như một tấm lụa đào
Phất phơ trước gió dạt vào tay anh
Em như mai thắm môi xinh
Mặn mớ chín mọng cho anh mê cuồng
Anh như xưa gã từ quan
Đưa em vào động hoa vàng dấu yêu
Anh yêu em rõ thật nhiều
Em yêu anh lại còn nhiều hơn anh
Hoang đường biết mấy chuyện mình
Đố ai cực cảm cuộc tình không hai.

Kim Vũ

Sài Gòn, Một Chiều Tháng Năm

Mùa mưa năm nay đến muộn
Trời Sài Gòn oi nồng không một đám mây che
Nhưng chỉ kéo dài trong tháng Năm thôi
Nên em cũng đừng bận lòng em nhé.

- Ngày mai khi mình bên nhau
Thì đến tháng này làm sao anh nhỉ?
Anh sẽ bảo em, nào có khó chi
Tháng này mình sẽ là chim thiên di!

Mình sẽ bay đi Nhật Bản
Hay bay tới Hoa Kỳ
Hay Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển
Brunei, Trung Quốc, Tahiti.

Hay giá chót cũng là đi Huế
Đà Lạt, Đại Lãnh, Nha Trang
Phú Quốc, Sa Pa, Tam Đảo
Vũng Tàu, Mũi Né, Sầm Sơn.

Mình sẽ xa Sài Gòn một tháng
Để khi về sẽ yêu Sài Gòn hơn
Sài Gòn của chúng mình đó
Thành phố tình yêu, như cánh môi hôn.

Em có cho là anh mơ mộng
Chỉ toàn nghĩ chuyện viễn vông
Vì làm sao mà rong chơi suốt tháng
Muốn rong chơi mà túi rỗng không!

Nhưng em biết không, mộng mơ lạ lắm
Đôi khi không hề là chuyện thần tiên.

Thì em đã từng xem rồi đó
Câu chuyện Cô Bé Lọ Lem
Một hôm trong đêm dạ hội
Thoắt nhiên lộng lẫy áo xiêm.

Mình cũng có nhiều tiền lắm chứ
Em không tin anh sao em?
Tiền anh dăm bảy bồ cát đó
Khi cần lập tức có liền.

Năm nay mùa mưa đến muộn
Chiều Chủ Nhật chờ mưa anh nhớ đến em
Hứng lên làm bài thơ mơ mộng
Vẽ sẵn hành trình cho một đôi chim.

Ngày mai khi trời bắt đầu oi nắng
Giữa Sài Gòn tháng Năm
Thì mình đã có chương trình vạch sẵn:
Xin chào thế giới, chúng tôi đến thăm!

Kim Vũ

Mùa Xuân Trung Quốc

Một tuần vào cuối tháng Năm
Mình cùng đáp chuyến bay đêm nhẹ nhàng
Lướt nhanh qua Thái Bình Dương
Đến thăm đất nước những Hoàng Đế xưa
Phi cơ đáp xuống buổi trưa
Bắc Kinh trời mát, gió đưa dịu dàng
Nghỉ đêm khách sạn huy hoàng
Hôm sau viếng Thiên An Môn, Cấm Thành
Rồi leo Vạn Lý Trường Thành
Rồi thăm chùa cổ an bình thanh cao
Bay qua Thượng Hải hôm sau
Mua dù che thoáng mưa chiều lằng lằng
Hàng Châu thành phố thần tiên
Tây Hồ bát ngát dạo thuyền thông dong
Tô Châu thành phố tơ tằm

Quay về Thượng Hải đi thăm bến tàu
Trời đêm gió mát hiu hiu
Tay trong tay bước dẫu yêu mặn nồng
Rời lục địa, ghé Hồng Kông
Nhìn từ đỉnh núi, mênh mông cửa nhà
Trong đêm, ánh điện sao sa
Nhìn ra vịnh biển nhạt nhòa tối đen
Về phòng mát lạnh hương em
Nghỉ ngơi sau sáu ngày đêm mệt mỏi
Đời mình gắn bó từ đây
Tình mình đang đến tháng ngày thần tiên
Khi anh nắm chặt tay em
Bước chung về hướng diễm huyền mùa xuân
Xuân Trung Quốc thật là xuân
Của tình yêu đã đến gần đỉnh cao
Của mình mãi mãi bên nhau
Của đời rộng mở đón chào uyên ương.

Xuân Trung Quốc đẹp lạ thường
Là nơi ghi dấu sắc hương cuộc tình.

Kim Vũ

Mùa Thu Sông Seine

Dưới cầu Saint Michel
Đạo bước dọc sông Seine
Trời thu hiu hiu lạnh
Tinh thu dịu êm êm.

Chân sóng bước bên em
Trong ánh nắng vừa lên
Của mùa Thu diễm tuyệt
Nơi thành phố thần tiên.

Dọc sông bờ liễu rủ
Lá phơ phất la đà
Một chiếc bateau-mouche
Đang chậm chậm lướt qua.

Sóng dồn lên kè đá
Nghe gió nhẹ thoảng qua
Nhìn Notre Dame bên trái
Nhớ Esméralda.

Nhớ anh gù tội nghiệp
Của Victor Hugo
Với mối tình tuyệt vọng
Mà sao mãi thiết tha.

Không như em với anh
Như tình yêu chúng mình
Tròn đầy và hạnh phúc
Tay nắm buổi bình minh.

Thảnh thơi ngồi kê đá
Nhìn nước vỗ phập phồng
Đỉnh Eiffel trước mặt
Viện Louvre trải sau lưng.

Bước lên cầu thanh thoát
Quai des Tuilleries
Chụp tấm hình kỷ niệm
Một sáng đẹp diệu kỳ.

Rồi thông dong dạo bước
Đọc một rặng bạch phong
Về hướng cầu Pont Neuf
Mua tấm carte postale.

Thiên tài Sigmund Freud:
“What’s on a man’s mind.”
Là Nàng Thơ bé nhỏ
Mà anh yêu suốt đời.

Xuống métro trở lại
Về thẳng Quận Mười Ba
Bước đi trong chiều tối
Ghé quán Tonkinoise.

Dùng bữa cơm chiều nhẹ
Với canh chua thì là
Thơm ngon và tinh khiết
Thoảng hương vị Bắc Hà.

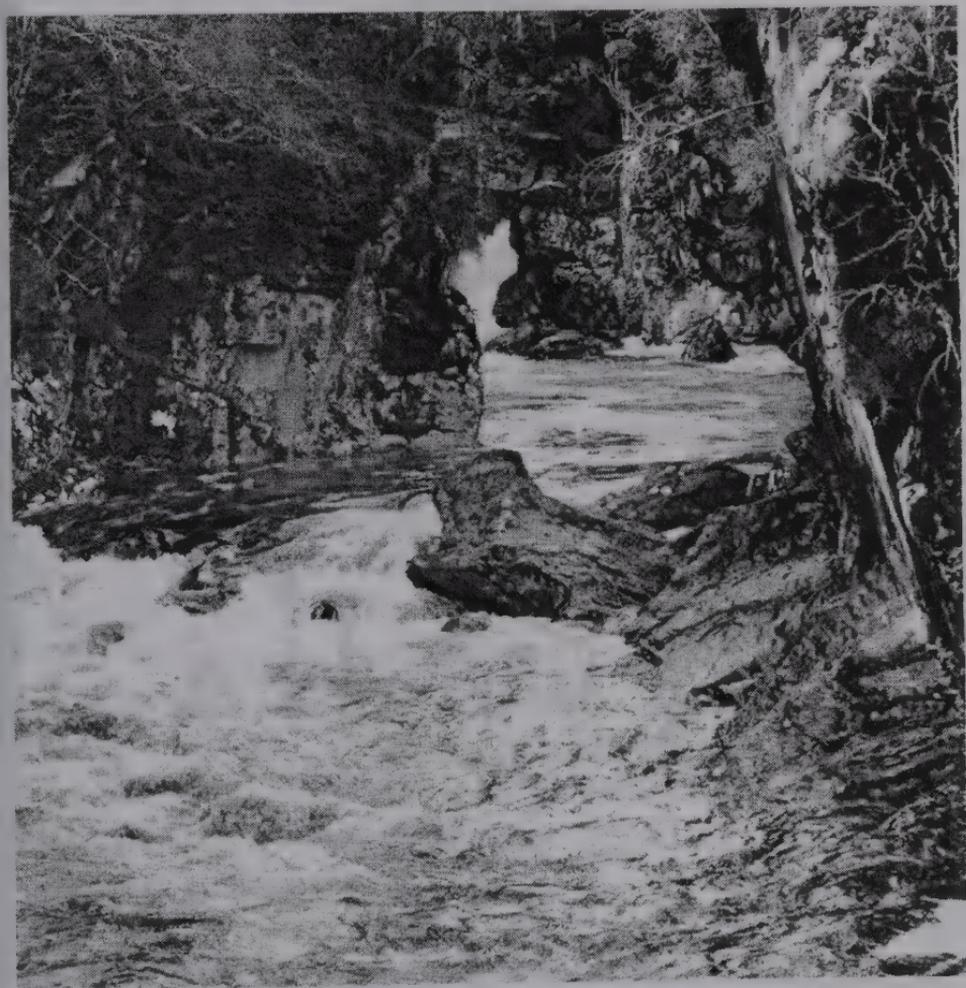
Xuống métro lần nữa
Rút ngắn chặng đường xa
Về khu Montparnasse
Thành phố đã vào khuya.

Với căn phòng thơ mộng
Tổ ấm chỉ riêng ta
Cho nhau tình nồng thắm
Đượm ân nghĩa thiết tha.

Tình mình như thế đấy
Muôn kiếp chẳng phai mờ
Một trang đời diễm ảo
Có mùa Thu Paris.

Con đường tình ta đi
Như bao năm mộng ước
Nay đã thành sự thực
Mà cứ ngỡ như mơ.

Kim Vũ



Tuyên & Thơ

Túy Hà



Túy Hà

Tên: Cung Bảo Bình - Nguyên quán Việt Nam

Lưu lạc khắp Đông, Tây - Dỡ khóc dỡ cười giữa hai thế kỷ.

Đã có một thời: Vui chơi trường Luật - Gắn bó trường Vẽ

Khóc cười trường lính - thâm trầm trường tù.

Sáng tác từ thập niên 60 viết trở lại từ 98. Hội viên P.E.N Club.

Tổng Thư ký Văn Bút VNHN-TT Nam Hoa Kỳ

Tổng Biên Tập Tạp Chí Thời Đại TX. -Tạm cư cực Nam Hoa Kỳ

Tác phẩm: *Tình gầy (Thơ 1969)

*Tình yêu lang thang và chiến tranh (Thơ 1972)

*Trên đồng lau trắng (Tùy bút 1973)

*Những nẻo đường hành hương (ký sự dở dang)

*Tuyển tập Văn Bút Nam Hoa Kỳ 2003-04-05(viết chung)

*Vàng lên nỗi nhớ (Album thơ nhạc)

*Rực rỡ đời thường (Thi văn 2005)

*Dấu ấn da vàng (Thơ 2006)

*Một phần tư thế kỷ Thi ca Việt Nam Hải ngoại 2007 (Viết chung)

Văn lang thang cùng chữ nghĩa trên các tạp chí Văn học Hải ngoại

Đôi khi hóa thân thành Nguyên hà hoặc th.Đoàn thý vân.



Phươg Triều

Từ Bàn Viết Đến Cuộc Đời

GIỮA XÓM MỘ ĐỜI KHƠI NGUỒN SỮA ĐẤT

Đã có khá nhiều người viết về thơ Phươg Triều, chân dung anh được mô tả cũng như phác họa dưới nhiều góc cạnh khác nhau nếu gom lại có thể như kính vạn hoa làm rực rỡ một quãng đời. Từ đó dường như đã quá đủ để đọc giả có thể hình dung, thậm chí nhìn thấy một Phươg Triều hiện thực, quá đủ để có thể cảm nhận cõi thi ca rất riêng của Phươg Triều.

Riêng tôi, một thời bơi cùng Thơ Phươg Triều trên sông Tiền sông Hậu đắm mình trong màu mỡ phù sa từ những nhánh sông đời của quê hương Nam bộ vẫn cảm thấy thiếu...thiếu thiếu một điều gì.

... Đâu dễ nguyên lòng như đã hẹn

Ly đời hồ dễ hết men cay ...*

Túy Hà

Cho đến nay thơ Phương Triều vẫn được xem như có rất nhiều nét đặc thù Nam Bộ tiêu biểu cho văn minh miệt vườn với đầy đủ bốn mùa hoa trái. Lời thơ bình dị chân chất mà hiện thực như khóm lục bình trở hoa lặng lẽ trôi trên dòng sông êm mát quê nhà. Cứ như những cây rơm khô nhớ lúa thơm con gái, đám mạ non nhớ lúa ngậm đòng đòng. Con tép con tôm con còng con bống, vườn rau thơm, thơm ngát sau nhà. Cứ như tiếng gà con dưới gốc chanh gốc bưởi, có ngọn rau răm đưa cây cải về trời, có nước ngọt sông Tiền, có phù sa sông Hậu, có em Nha Môn mơn mớn má đào, có bánh phồng tôm Sa-Giang dòn rụm, có trái khế chua Vàm Cống đưa cay... nhưng dường như vẫn thiếu:

*...Cùng nhau uống cạn phần chưa hết
Những giọt trầm luân cay xé môi...**

Quả thật ngoài những ẩn dụ của một dòng chảy lớn chuyên chở thông điệp của Phương Triều đến với mọi người, đã được nhiều tác giả khác viết về Phương Triều, khai thác triệt để nhằm đẩy Phương Triều đến với một số thức giả hạn hẹp và độc quyền, một vài người khác lại cố tình bê trợn (chứ không trích đoạn) hầu như gần hết thơ Phương Triều lên bài viết để trám chỗ cho trang giấy của mình. Và nếu ai đã đọc qua những bài viết loại này có thể sẽ chủ quan cho rằng đã quá đủ không cần thiết phải đọc trọn vẹn những thi tập của Phương Triều nữa. Điều này thật tiện lợi cho người đọc vốn keo kiệt thời gian với chữ nghĩa, nhưng lại vô hình chung bó khung Phương Triều trong một giới hạn nào đó và thơ Phương Triều sẽ không còn đường rộng rãi để đến với quần chúng. Tiếc thay và như vậy là vẫn thiếu một điều gì:

*Như thường không phải như xưa
Như ta thấy vậy mà chưa có gì!...**

Trong nỗi u-ẩn của riêng mình, Phương Triều vẫn còn nguyên sinh lực nuôi mầm tươi của vườn bách hoa xuân, sinh lực ấy được nuôi dưỡng từ những giọt sữa đất quê hương được gạn lọc từ phù sa màu mỡ của những nhánh sông đời trữ tình và lãng mạn.

Thế nhưng dưới cái hình thức nhẹ nhàng dịu êm của những vần thơ làm mềm lòng người đọc, tôi tin chắc anh vẫn quần quanh như một ám ảnh khôn nguôi trong xóm mộ của đời mình, chờ đợi xương rồng đen nở hoa và không ngừng tìm kiếm tinh lực ở những mạch ngầm sữa đất nuôi thơ làm đẹp cho đời.

*...Phù dung đâm nhánh nghịch thường
Trở thêm hoa gọi mười phương bướm về...**

Quả là chí lý khi ai đó đã gợi ý: ...làm thơ có nghĩa là từ một sự thực hoặc một phần sự thực, với một chút mộng mơ và hư cấu ta gởi gắm ý muốn của chính ta vào từng con chữ để làm thăng hoa sự thực ấy. Đó là sáng tạo của thi ca. Với riêng tôi cái khởi đầu oan khiên tức tưới bột máu viết thành thơ của Phương Triều không phải là từ thi tập Xóm Mộ với ít nhiều hư cấu mà là từ những Xóm Mộ đời có thật:

*Một góc trời thơ đầy tưởng nhớ
Xin dành chiêu niệm những oan khiên...**

Hoặc :

*...Năm tháng đó oan hồn đi tấp nập
Mãi mờ thêm chen chúc buổi thanh bình...**

Xóm Mộ của Phương Triều không phải chỉ giới hạn trong diện tích nhỏ hẹp của một nghĩa trang hoang tàn nào đó, cũng chưa hẳn là hậu cảnh của một Việt Nam sau 1975, mà còn lớn

Túy Hà

hơn, xa hơn trải dài theo vết chân của người Việt xa xứ đang lang thang trên khắp thế giới, rõ hơn Xóm Mộ có thật trong lòng mỗi một người Việt chúng ta chứ không riêng gì của Phương Triều. Nó hiển hiện rõ nét nhưng có người vô tâm không lưu ý, lại có người thấy rõ, nhận biết nhưng cố tình che đậy để quên đi, đó là biểu hiện một thái độ tiêu cực thiếu dũng khí.

Riêng Phương Triều thì không, có lẽ anh là kẻ sĩ cuối cùng của thế kỷ 20. Anh là một quân nhân đúng nghĩa, một nhà báo khí phách, một nhà văn trung thực, một nhà thơ bình dị đến lạ thường. Tiếng nói anh đã tắt không hẹn ngày khôi phục, đôi chân anh là chiếc xe lăn nhưng trái tim anh còn nguyên hào khí, tâm hồn anh còn tha thiết quá một Việt Nam thái bình, anh cười đau, khóc hận với vũ khí tối thượng là ngòi bút. Vì thế Xóm Mộ là chung nhưng dường như là của riêng anh, nó dần trải trong suốt cuộc hành trình cam khổ của chính đời anh. Nó là một dẫn vật triền miên không giới hạn:

*... Người xa ịch nửa đêm ngồi đợi gió
Ngâm lại bài tống tửu đã thân quen...**

Hoặc:

*... Những người không chết không còn sống
Vết bụi ngày hoang bỗng mịt mù...**

Trên bàn viết trước mặt tôi là Trăm Bài Thơ Xuân, Xóm Mộ và Giọt Sữa Đắt những tác phẩm của Phương Triều. chữ nghĩa đan vào nhau, quấn quít rã rời, có cái rờn rợn của hồn ma bóng quế xen lẫn cái hiện thực nhẹ nhàng vô cùng bình dị của sông nước miền Nam, thực tình không giản dị như thế, Từ Xóm Mộ đến Giọt Sữa Đắt là một hành trình dài, rất dài để cho Phương Triều rao giảng cái khát vọng **làm người trung thực** của chính mình. Bởi vì hơn ai hết Phương Triều đã ngộ ra là cái gì

cũng sẽ qua đi chỉ có tấm lòng, tài năng và người hâm mộ là còn tồn tại:

*...Con sông no nước ngày mưa lũ
Theo dấu mòn soi lạnh đáy mồ...**

Quả thế, mộ huyệt nào mà không ẩn chứa những hoang tàn lạnh lẽo, nhang khói đời không đủ ấm những hồn oan, tất cả sẽ trở thành tĩnh lặng, chỉ có thi ca với đường đi khốc liệt của nó mới tồn tại với thời gian, và nhiệm vụ của thi ca muốn hoàn thành trước hết phải biết trân quý những Giọt Sữa Đất chất lọc từ tinh túy của phù sa trên những nhánh sông đời. Phương Triều đã, đang và hy vọng sẽ tiếp tục sứ mệnh rao giảng tình người bằng ngôn ngữ Thi ca. Tôi dừng lại với rất nhiều tâm đắc.

th Đoàn Thy Vân

() Thơ Phương Triều*

Hồ Trường Đa Vĩ

Ngửa cổ cửa ngang một hồ trường
Mây tao hai đũa ở hai phương ,
Gặp nhau ứa lệ cười méo miệng
Thôi hãy chia nhau chút mộng thường .

Vẫn biết có ngày qui cố hương
Nhưng sao lòng cứ mãi vấn vương ,
Chân dê khóm trúc cây đa cũ
Hồ sen ai tắm ngát mùi hương.

Bên bờ sông vắng nghe lão trượng
Tĩnh say kể chuyện mộng bá vương ,
Rờn rợn gió lên hờn cố sự
Mênh mông sóng nước những tai ương .

Ngửa cổ lại thêm một hồ trường
Mây tao rơi rớt giữa nhiều nương ,
Vẫn biết cố nhân hà xứ khứ
Thì thôi, cứ cạn hết tang thương .

Ngước mắt trông lên trời đã sáng
Cúi xuống buồn tênh, vỡ hồ trường .

Túy hà.

Khóc Ngất Bên Trời

Thì ra người đã trăm ngày.

Giọt nước mắt khô
Rơi trên bờ môi lạnh,
Nụ cười thủy tinh vỡ vụn giữa hư vô.
Mắt mặt trời kéo dài viễn kính
Căng da rát mặt
Tận đáy mồ.
Chiếc áo quan thô, trùm lên vôi vã
Một xác thân khô, một đời lặn đạn
Đã bao lần xuống chó lên voi.
Hỡi ơi!
Bức tranh vân cẩu,
Xoay chuyển hoài như kính vạn hoa.
Một đời người hùng tâm tráng khí
Hồn Nữ Oa đội đá vá trời.
Thân phiêu bạt thiên nhai lãng tích
Chí lớn sĩ phu ngựa mặt cười khan.
Thời mạt vận nương thân đất Trích
Một hồ trường dựng cả thế gian.
Vung bút như gươm
Nằm gai nếm mật,
Vai trọng phu một gánh gian nan.
Giữa nhiều nhưng gan đồng dạ sắt
Hí lộng cuộc đời gieo vạ vắn thơ.
Trong chữ nghĩa buồn vui đảo ngược
Thế Xuân Thu chiến quốc chẳng qua tay.
Đã một thời rong chơi cùng khắp
Ngạo thế khinh đời

Quỉ thần kinh.
Trên chót đỉnh Vu Sơn khóc ngất
Đáy vực sâu tự chọc mình cười.
Phú quý vinh hoa
xem như gió thoảng
Đường trần gian trăm ải đã qua.
Khóc khóc, cười cười
Buông tay bình thần.
Nén thở ngừng hơi vào chỗ vô cùng.
Vầng trăng vỡ, mặt trời nghiêng
Thiên địa man man
Cũng nhạt nhòa.

Giọt nước mắt ai
Rơi trên mộ chí
Cây thập tự buồn chưa kịp cắm lên
Và mộ bia chưa ghi tên người quá vãng
Ly khách - khóc cười
Giữa Trần ai-Thiên- Thanh - Nguyên- thủy
Người ra đi - ly khách chẳng kịp về.
Người ra đi - ly khách hóa diên mê.
Thời mặt vận, thân tứ bề thọ địch,
Phụ thân ơi!
Xin nhận một lạy này.
Phụ thân ơi, nhang khói sẽ theo mây
Về cố quận, ngát hương trầm mộ chí.

Cõi vô cùng sẽ bất phân ly.
Túy hà.

Lạc Vào Thơ

về Thi sĩ Tô Thùy Yên.

Như lời thấp tạ hiền huynh
Cài lên cửa tặng mong manh dưỡng nào.
Tình yêu vết cắt ngọt ngào
Lưu tình nhất kiếm màu đào còn nguyên.

Nhiều nường, dâu bể, đảo điên
Được, thua, còn, mất, lụy phiền như không.
Tận cùng chữ nghĩa mệnh mông
Vẫn là âm vọng sắc không đôi bờ.

Đã là kiêu bạc cùng thơ
Du hành cõi lạ vẫn mơ khứ hồi,
Chân tâm mở rộng đất trời
Âm dương hoá chuyển bạc vô hữu hình.

Hiền huynh thấp lại lửa tình
Sao nghe rờn rợn khúc hành trường sa,
San hô, đá dựng bờ xa
Làm sao ngăn được bão ta nộ cuồng.

Trái tim tím ngắt chiều buông
Sóng xô thuyền đạt cánh buồm tả tơi.
Cuối đường một cuộc rong chơi
Trang thơ nhỏ máu khóc cười mà đau

Cài hờ lên cửa tặng nhau
Đời thơ lỡ vận, xuống câu lạc vắn.

Túy hà

Lạc Địch

riêng Bích Xuân .

Thương qua đổi chồi non xanh ngọc Bích
Rộn rã sắc vàng thắm lại vườn Xuân.
Ta như gã lạc rừng xa cổ tích
Cửa đào nguyên khép lại một Lưu Thần.

Nếu thực sự đời trần là ảo mộng
Thì sá gì một cánh bướm Trang Sinh.
Ta sẽ là gã tiên gàn bất trị
Vui với Xuân hoa lá của riêng mình.

Dẫu có phải hóa phàm nhân lãng trí
Ngậm ngùi vui với hạnh phúc xa gần.
Đâu nhất thiết phải đẩy đưa hò hẹn
Chỉ một lần là sẽ hết phân vân.

Những nụ hôn sẽ xanh màu ngọc Bích
Và chính ta nhục thể bước vào Xuân.
Nếu có lẽ thêm một lần thương tích
Cũng nhân lên nhưng nhớ đến bội phần.

Ta tự hỏi trong từng ngăn hạnh phúc
Có ngăn nào giữ được bóng tình nhân.

Túy Hà









Thơ

Từ Thanh Hà



Từ Thanh Hà

- * Tên thật: Nguyễn Huy Chang, sinh năm Tân Ty
- * Gốc: Từ Châu, Hà Đông
- * Xong trung học, nhập ngũ khóa 8/68 trừ bị.
- * Mãn khóa về Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, phục vụ tại tiểu đoàn 10 và 50 CTCT
- * Đầu tháng 3 năm 1975, 50 CTCT giải thể, về tiểu khu Bình Dương. Đi tù cải tạo hơn 4 năm.
- * Vượt biển ngày 27-3-82 tới Ku Ku Indonesia. Galang 1, Galang 2, tới Mỹ ngày 13-12-82, thường trú nhân của tiểu bang Texas từ đó tới nay. - Nghề nghiệp tự do.
- * Các bút hiệu khác: Từ Thanh Hà, Thái Huy và Dzịt Đẹt
- * Trước năm 1975 có làm thơ, viết báo với tính cách cá nhân, nội bộ cơ quan.
- * Khoảng 1990, tôi viết lại và thường gửi cho các báo: Diễn Đàn Thanh Niên, Thời Báo Cali, mục Tỉnh Say Xương Họa do Hàn Nho, Minh Đạo Trần Ngọc phụ trách. Dân Việt (Houston nay đã đình bản) Đoàn Kết tại Austin, còn quanh vùng có Việt Nam Weekly News, Bút Việt News, Người Việt Dallas News. Địa chỉ: 1002 S. Edmonds Lane # 275
Lewisville, TX. 75067
- Tel: (972)-353-4269 E-mail: nguyenhuychang@yahoo.com

Tâm Tình Gửi Huế

Đầy ắp trong tôi nét Huế thơ
Dù cho ngăn cách chẳng phai mờ
Hương-Giang câu hát lồng trăng sáng
Linh-Mụ kinh chiều quyện khói mơ
Đã xót tình thâm chừ quạnh quẽ
Càng thương cảnh vật hiện hoang sơ
Tâm tình gửi Huế qua hoài niệm
Ôi tiếc cho ta lạc bến bờ !

Từ Thanh Hà Mar 24, 2006

Thu Chiều

Cuối thu với Huế lại chiều tà
Non phủ mây lam trùng điệp xa
Gió thổi mơn man vờn suối tóc
Áo bay lát phát quyện thân nga
Trường-Tiền em bước như lời nhịp
Đồng-Khánh anh mơ đến mắt hoa
Dấu ấn để đời khôn khuất lấp
Huế ơi ! Tình Huế vẫn đây mà.

Từ Thanh Hà April 02, 2006

Xuân Xứ Quê

Họa bài “Đón Tết Mà Lòng Chịu Gió Mưa”
của Lạc Thủy Đỗ Quý Bái

Đón Tết nơi đây quả thật thừa
Bởi vì Xuân sắc chẳng như xưa
Niềm vui khó trọn thân thương vắng
Cái khoái không tròn bạn hữu thưa
Mở mắt nỗi buồn càng diệu vợi
Tắt đèn niềm nhớ cứ đong đưa
Thân này đã lỡ âu đành phận
Chỉ tội Đào, Mai tắm nắng mưa !

&

Có đâu pháo nổ đón giao thừa
Dòn dã mừng Xuân giống thuở xưa
Đào thật xứ này nào phải hiếm
Mai tươi đất khách cũng đâu thưa
Thế nhưng sắc thắm hình như nhạt
Vả lại hương thơm chỉ thoảng đưa
Ấy bởi tuyết sương và gió bão
Còn luôn dải nắng với dầm mưa.

Còn luôn dãi nắng với dầm mưa
Phó mặc cơ trời tự đẩy đưa
Với Tết mai, đào đơm lác đác
Cùng Xuân quất cúc nở lúa thưa
Rượu tu chẳng thể quên khi trước
Bia uống càng thêm nhớ ấy xưa
Quần tụ gia đình đầy hạnh phúc
Nơi đây đón Tết kể hơi thừa.

&

Vui Tết làm sao để khỏi thừa?
Và còn hưởng chút vị hương xưa
Thân thương cha mẹ kêu con dạ
Lễ phép ông bà gọi cháu thưa
Chúc thọ bề trên ly rượu chúc
Xiển dương tuổi trẻ chữ “Tâm” đưa
Hưởng Xuân như thế thôi mong lắm
Nhưng chắc gì đây với nắng mưa?

Từ Thanh Hà, Dec 12, 2003

Nhật Nhòa

Nhật nhòa mắt lệ nhớ thương quê
Nước đó mà sao chẳng thể về?
Mười tuổi di cư vô Bến Nghé (*)
Bốn mươi ty nạn tới Cờ Huê (**)
Con người bầm dập đầy chua xót
Cuộc sống nổi trôi đến tái tê
Với cảnh thu tàn càng thắm đậm
Nhật nhòa mắt lệ nhớ thương quê!

(*) Miền Nam; (**) Mỹ quốc
Từ Thanh Hà, Ang 31, 06

Thiệt Tha Mơ

Thiệt tha mơ ước có ngày mai
Tuổi trẻ Việt Nam với sức tài
Giữ nước vẹn toàn yên mọi mặt
Xây đời no ấm vững tương lai
Không còn lệ thuộc riêng làm chủ
Hết bị phân chia tự đóng vai
Tạo dựng quê hương: Giàu, Mạnh, Đẹp
Sống trong hạnh phúc thật hòa hài.

Từ Thanh Hà, Jan 9, 2006

Giỗ Mãn Tang

Hôm nay giỗ Mẹ tròn ba năm
Đất tổ thân thương Mẹ đã nằm
Phần lớn các con đều được gặp
Riêng thằng thứ sáu chẳng sao thăm
Mong Bu(*) sớm đến vùng Tiên cảnh
Nguyện Mẹ mau lên chốn Vĩnh hằng
Con cháu trần gian luôn kính nhớ
Mừng chung Bố Mẹ đạt siêu thăng.

(*) Tiếng địa phương gọi Mẹ

Từ Thanh Hà, Mừng mười Tết Ất Dậu 2004

Ngày Hiền Thụ

June-18-2006

Mười Tám ngày mai, lễ kính Cha
Hương lòng một nén gởi quê nhà
Niềm thương ký trọn cùng nghi lễ
Nỗi nhớ dâng đầy với ý hoa
Nguyện Bố mau về nơi vĩnh phúc
Độ con sớm thoát cõi ta-bà
Ăn nhờ ở đậu bao chua xót!
Chẳng biết chừng mô được đáo gia?

Từ Thanh Hà, Ngày 17 tháng 6 năm 2006

Nhớ Mảnh Trăng Xưa

Họa bài “Lá Rụng Thu Buồn” của Phạm Cây Trâm

Nhớ thu đầu đó ở quanh ta
Nhớ quá chao ôi! Nhớ quá mà.
Nhớ mái nhà xưa lam khói tỏa
Nhớ ngôi trường cũ rộn câu ca
Nhớ trăng vàng vạc soi hiên ngoại
Nhớ gió hiu hiu quyen nóc gia
Nhớ cả khung trời đầy kỷ niệm
Nhớ cô hàng xóm với tên Hà.

&

Nhớ cô hàng xóm với tên Hà
Nhớ để rồi nay chịu cách gia
Nhớ lúc chia tay đầy nước mắt
Nhớ khi đánh giặc ắp bi ca
Nhớ lời em nói chi tha thiết
Nhớ áo em mang quả mọt mà
Nhớ nắng đi về khoe phiến lụa
Nhớ ôi chao nhớ... nhớ trong ta!

&

Nhớ ôi chao nhớ...nhớ trong ta!
Nhớ em ta nhớ khó nguôi mà
Nhớ nay đã mất vòng tay ngọc
Nhớ để rồi say khúc thán ca
Nhớ tình đã mất, nhớ luôn gia
Nhớ ta, ta nhớ đời lưu lạc
Nhớ cái chi mô nữa... Tiểu Hà?

Từ Thanh Hà, Aug 31, 2004

Buồn

Buồn thời đâu chỉ một hay hai
Buồn nghĩ tự thân cứ thử dài
Buồn thấy nhân dân còn đói khổ
Buồn nhìn đất nước kém tương lai
Buồn thương gái Việt thành nô lệ(*)
Buồn tiếc trai Nam phí sức tài.
Buồn đến quên mình thành trác táng!
Buồn này thử hỏi lỗi do ai?

(*) Theo tin tức báo chí có rất nhiều cô gái Việt Nam bị đưa qua các nước láng giềng phục vụ trong các nhà chứa.

Từ Thanh Hà, ngày 13 tháng 3 năm 2006

Cùng Chia Xé

Cùng chia nỗi nhục bỏ quê hương
Cùng thấp chung nhau một nén hương
Cùng chịu niềm đau dân mất nước
Cùng mang thân phận kẻ ly hương
Cùng thương tanh lạnh nơi đền tổ
Cùng cảm bơ vơ giữa cố hương
Cùng nhớ ngày nào thời thịnh trị
Cùng mơ một sớm hết tha hương.

Từ Thanh Hà, Ngày 13 tháng 3 năm 2006

Đại Bả Thương Nhớ

Thảm cảnh này hỏi bao giờ mới hết?
Tình quê hương ray rứt mãi không nguôi
Ba mươi năm chẳng lẽ chưa chín mùi
Vẫn lặn độn đuổi theo thân lữ khách.

Bây lâu nay ướp mình trong giá lạnh
Những mộng ước mầm nở trái Tự do
Trở về quê để thưởng thức những câu hò
Của ba miền lời dân ca mộc mạc.

Nắng chiều êm thoảng đưa làn gió mát
Quyện mây xanh phảng phất chút hương đồng
Vẳng vọng xa siêu thoát tiếng thu không
Và bên xóm khói lam bay nhẹ nhẹ.

Khúc khích vang những tiếng cười thơ bé
Sống ấm no thấp sáng cả tương lai
Dưới đèn khuya em chăm chú ôn bài
Việt Nam ơi! Bao giờ được như thế?

Hầu quên đi những chuỗi ngày dẫu bé
Để hồn thiêng sông núi được thăng hoa
Cho nhân dân sum hiệp sống an hòa
Và tuổi trẻ tiếp cha ông dựng nước.

Từ Thanh Hà, ngày 5 tháng 4 năm 2006

Đông Chiêu

Với gió nhẹ và non ngàn bát ngát
Đưa em về căn nhà nhỏ bên đồi
Tay trong tay, nhưng lại nghĩ xa xôi
Ngày mai nhỉ, hai chúng mình lại cách

Em quay về vui sân trường đèn sách
Riêng anh thời áo chiến, kiếp phong sương
Còn hay mất quyết định bởi sa trường
Nhưng tâm nguyện một ngày nào trở lại

Sẽ cùng em sum vầy trong bể ái
Thế mà nay mọi sự đã không thành
Buồn lối cũ tan nát cả tim anh
Ngồi nơi đây rã rời con chim lạc

Với ngày nào, mái đầu nay đã bạc
Yêu em nhiều chữ biết nói chi đây
Kỷ niệm xưa tích tắc lại đong đầy
Quên sao nhỉ! Nay người yêu tuổi nhỏ.

Từ Thanh Hà, Aug 31, 2004



Bạn Trẻ

Tôi Lại Muốn Nói Với Bạn

Nguyễn Mạnh

An Dân

Nguyễn Mạnh An Dân

Nguyễn Mạnh An Dân

Tên khai sinh: Nguyễn Mạnh Dân, sinh tại Bình Định, Việt Nam.
Hoc Trung học ở Qui Nhơn, Đại học ở Sài Gòn, học làm lính trên
đội Tăng Nhơn Phú. Bảy năm tù cải tạo.

Trước 1975 cộng tác với các báo *Văn, Văn Học, Nghệ Thuật, Giữ
Thơm Quê Mẹ, Vận Động, Tự Quyết*.

Sáng lập tạp chí & cơ sở xuất bản *Thấp Đường*

Các bút hiệu đã dùng: Nguyễn Mạnh Song Ka, Nguyễn Phạm
Thái, Nguyễn Gia Hiếu, Trần Chung Ly, Nguyễn Bình Định.

Vượt biên 1989, phụ trách nguyệt san *Niềm Tin*, chương trình
phát thanh Cộng Đồng & chương trình phát thanh đấu tranh
Chuông Tự Do tại Pulau Bidong & Sungei Besi (Mã Lai)

Cộng tác với các báo *Đường Sống, Chính Danh, Canh Tân,
Kháng Chiến* (Hoa Kỳ) *Làng Văn, Lửa Việt* (Gia Nã Đại) *Độc
Lập* (Đức).

Định cư tại Houston, TX năm 1993, phụ trách biên tập nhiều tạp
chí, đặc san, giai phẩm...

Đã in:

Chuyện Hay Hải Ngoại (nhiều tác giả) Nhà xuất bản Bình Minh,
Hoa Kỳ

Trông Vời Quê Cũ (nhiều tác giả) nhà xuất bản Làng Văn, Gia
Nã Đại

Người Lính Không Có Vũ Khí. nhà xuất bản Làng Văn, Gia Nã Đại
Lan man ngày tháng cũ: nhà xuất bản Làng Văn, Gia Nã Đại

Tiếng Thét (Thơ) nhà xuất bản Anh Em, Na Uy.

Trong Cơn Vết Vã (nhiều tác giả) Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Đang in:

Bạn Trẻ, Tôi Muốn Nói Với Bạn (tạp văn)

Trường Hợp Một Cô Nhi (tập truyện)

Bạn Trẻ
Tôi Lại Muốn Nói Với Bạn

Nguyễn Mạnh An Dân

Bạn trẻ,

Không lâu trước đây, tôi có viết một chút tâm tình gửi bạn trên báo Teamwork Forum và bài viết đã được đón nhận một cách khá ấm áp. Số báo tiếp sau số bài viết được phổ biến, tòa soạn đã dành trọn hai nơi trang trong nhất - bìa hai và trang một - để đăng tải những chia sẻ khích lệ của độc giả. Đối với một người cầm bút, đây là một niềm vui to tát và là một vinh dự lớn lao nhưng lòng tôi thực sự không vui. Tôi nói điều này thực lòng vì tôi có một lý do rất cụ thể và rất dễ hiểu: Bài viết muốn nói chuyện với các bạn, và muốn được nghe các bạn nói; thật đáng tiếc những người chia sẻ với tôi không phải là các bạn mà là những phụ huynh, những người giống như tôi, muốn nói chuyện với các bạn và họ cảm kích tôi vì tôi đã nói thay cho họ những gì họ muốn nói.

Tôi thất bại nhưng không thất vọng. Tôi luôn tự vấn và tự trách mình: Phải chăng tôi đã chưa thấu hiểu các bạn đúng mức, phải chăng tôi đã đề cập đến một đề tài không được các bạn coi là quan yếu và phải chăng tôi đã không có khả năng diễn đạt đủ sức thuyết phục. Lỗi ở tôi. Không sao đâu. Tôi có buồn nhưng không trách các bạn. Tôi tin các bạn và tin ngày nào chúng ta còn nghĩ đến nhau, còn quan tâm cho nhau. Sớm muộn, nhất định chúng ta sẽ thấu hiểu, tin cậy và lắng nghe nhau. Tôi xin tiếp tục làm công việc của tôi. Bạn trẻ, bạn có nghe tôi nói không?

Đừng hồi hộp, đừng căng thẳng, tôi không phải là một nhà tu để nói với các bạn những giáo điều, tôi cũng không phải là một nhà luân lý để bảo các bạn phải thế này, đừng thế khác, tôi chỉ là một người viết văn và những gì tôi nói phần lớn từ trái tim rung cảm hơn là từ khối óc toan tính, vậy thì xin mời các bạn hãy thoải mái và hãy cùng tôi ôn lại một câu chuyện ngắn thật hay, thật ý nghĩa của một tác giả nổi tiếng trong nền văn học cận đại của chúng ta: *Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời* của *Mai Thảo*. Thật tình thời gian và năm tháng đã không cho phép tôi nhớ kỹ chi tiết nhưng tôi biết rõ ý nghĩa câu chuyện muốn gửi gắm và tôi muốn gửi gắm lại cho các bạn. Chuyện kể về ước mơ của một nhà thám hiểm, luôn mang trong lòng một hoài bão muốn chế ngự, muốn chinh phục những chân trời mới mẻ, xa lạ. Ông ta có nhiều thành tích nhưng không bao giờ bằng lòng với mình, bằng lòng với những gì mình đã có được. Nhà thám hiểm muốn chinh phục một đỉnh núi chưa từng có ai đặt chân đến, ông ta nhìn vách đá cheo leo, nhìn chóp núi sừng sững, nhìn những luồng mây trắng lảng đảng bay và thấy ở đó là cả một thế giới mời gọi, đầy những điều kỳ diệu, tuyệt vời. Ông ta thấy cuộc sống chung quanh, quang cảnh chung quanh, tất cả đều quá tầm thường, quá nhàm chán, chỉ có cái thế giới mơ ước kia mới là ý nghĩa, là hạnh phúc thực sự. Nhà thám hiểm háo hức thực hiện ước mơ của mình, ông thất bại một lần, nhiều lần nhưng không nản lòng, càng khó khăn, càng có nhiều trở lực, lòng mong ước càng mãnh liệt. Chỉ có đạt được mục đích cuộc sống mới có ý nghĩa, mới đáng sống. Cuối cùng nhà thám hiểm của chúng ta đã thành công, khoảng cách đã được thu nhỏ lại và một chút nữa thôi, đỉnh núi sẽ nằm dưới chân kẻ chiến thắng. Nhà thám hiểm nhìn đỉnh núi và ông buồn rầu nhận ra rằng, hình như đây không phải là nơi ông hằng mơ ước được nhìn thấy, được bước đến. Có gì đâu, vẫn cỏ cây, vẫn sỏi đá, vẫn những thứ đầy dẫy ở khắp

mọi nơi trên cõi đời này. Nhà thám hiểm quay đầu nhìn xuống chân núi, nơi ông đã từng thấy tầm thừng, nhám chán, và tuyết vời thay, ở đó là những đồng lúa xanh rờn, những dòng sông uốn khúc, những cảnh sống sinh động, diệu kỳ, ở đó là cả một thế giới đầy mời gọi, đầy ước mơ ...

Chuyện có thể dừng lại ở đây, nếu bạn đã từng đọc qua, tốt, nhưng nếu chưa đọc cũng không sao, thế nào bạn cũng đã đọc những chuyện khác, của các tác giả khác có gợi gẫm, có chuyên chở những điều tương tự : Những ảo vọng trong cuộc sống.

Tôi có làm phiền bạn không? Chuyện kể có phải rắc rối, khó hiểu lắm không? Thôi, ngắn gọn lại nhé, chắc chắn thế nào bạn cũng đã từng nghe qua những thành ngữ, tục ngữ của chúng ta, hay của nước này, nước khác nói về những điều tương tự. Chúng ta hãy nhắc lại với nhau một chút về các câu nói ngắn gọn và nhiều ý nghĩa này, nó cần để chúng ta chiêm nghiệm với nhau về điều chúng ta sắp chia xẻ cùng nhau. Mời bạn cùng tôi nhớ lại: *Đứng núi này, trông núi nọ. Thả mồi bắt bóng. Cỏ nhà bên cạnh luôn luôn xanh hơn...* và nhiều nữa những lời tương tự. Xong rồi, hay cứ tạm nhớ như vậy đi và chúng ta bắt đầu câu chuyện cần nói với nhau.

Bạn trẻ,

Tôi biết bạn đang buồn lắm, bạn nói với tôi bạn rất đau lòng, bạn không muốn như vậy, bạn đã ráng chịu đựng, bạn đã cố hết sức, lỗi không phải ở bạn. Có điều là người ấy đã thay đổi, đã biến khác và bạn không thể nào chịu đựng được nữa. Không còn cách nào khác!

Tôi tin bạn, tôi tin lòng chân thành, trí phán đoán và sự lựa chọn của bạn, tôi ủng hộ bạn nếu như tất cả những điều bạn nói là sự thật khi nhìn từ mọi phía. Tôi nói nhìn từ mọi phía vì tôi không muốn bạn trở thành kẻ hồ đồ, nhìn sự việc bằng những cảm nhận chủ quan của mình. Điều ấy rất dễ dẫn đến những sai lầm, rất dễ đưa chúng ta đến những quyết định có thể sẽ tạo ra

Nguyễn Mạnh An Dân

những tiếc nuối, những ân hận cả đời không cải sửa được. Bạn trẻ, bình tĩnh một chút, nghe tôi nói một chút, chúng ta hãy cùng nhau nhìn lại vấn đề một lần sau cùng và sau đó, tùy bạn. Tôi chỉ muốn nói chuyện với bạn nhưng tôi không có những kết luận, những lời khuyên nào dành cho bạn cả. Tôi tin bạn đủ sáng suốt và đủ trí tuệ để tự có những kết luận cho mình. Tôi trân trọng và tôn trọng điều đó. Dẫu thế nào, xin vui lòng cùng tôi bình tâm nhìn kỹ sự việc một lần sau chót xem sao, bạn trẻ.

Bạn nói như đinh đóng cột: *Người ấy đã thay đổi rồi, không còn chịu đựng được nữa.* Không chịu được nữa có nghĩa là đã từng chịu đựng được, và có lẽ còn hơn thế nữa, không phải chịu đựng mà là hân hoan, hạnh phúc chia sẻ và gắng bó; háo hức và thiết tha muốn chung cùng, muốn “thành một”. Người ấy thế nào, hồi đó, mà được bạn dành cho những xao xuyến tràn đầy như vậy? những hân hoan ùa ngập như vậy? Bạn không muốn nói phải không? Vậy thì để tôi nói giùm bạn. Tôi không đòi bạn phải tin tôi, tôi chỉ muốn bạn tin vào trái tim chân thật không đố kỵ của bạn. Được vậy chắc chắn bạn sẽ thấy ra nhiều điều. Tôi tin như vậy.

Xin bắt đầu nói về “người ấy” của bạn. Đối với các bạn nữ, người ấy là một thanh niên tuyệt vời, anh ta là người hoạt bát, nhiệt tình và quảng giao với đủ loại bạn bè, nổi bật giữa đám đông và là cái đỉnh được sự ngưỡng mộ của mọi người, nhất là người khác phái. Chàng là một thanh niên có lý tưởng, coi nhẹ những danh lợi và địa vị riêng tư và sẵn lòng hy sinh, phục vụ cho tha nhân. Chàng là người hào phóng, thích chia sẻ và giúp đỡ mọi người, không chi li tính toán, không nhỏ nhặt hơn thua. Chàng là một mẫu người đầy ý chí, nghị lực và đầy những quyết định độc lập và dứt khoát. Chưa hết, chàng còn là người lãng mạn với những phút trầm tư bên làn khói thuốc mơ màng hay đây nam tính với chút tươi vui cùng bè bạn. Nói chung, chàng là một mẫu người tuyệt vời từ thể chất đến tâm hồn, từ cách suy

ngĩ đến lối hành xử, chàng là tất cả ước mơ, là người bạn đã kiếm tìm và chờ đợi. Bạn vui mừng, bạn hài lòng với lựa chọn của mình.

Bạn gái, “người của bạn” đáng quý thật, bạn đã chọn đúng người rồi, xin chia mừng với bạn. Thật đáng tiếc, thật đau lòng nếu như người ấy đã thay đổi. Dẫu sao, chúng ta chỉ mới đi có nửa đoạn đường, chúng ta chỉ vừa nhắc đến “người ấy” ngày xưa mà chưa nhìn rõ xem anh ta đã “hư”, đã thay đổi đến mức độ nào bây giờ. Đừng vội, chúng ta có thì giờ để làm việc ấy mà. Hãy tiếp tục bằng một mẫu “người ấy” ngày xưa khác rồi sau đó chúng ta sẽ có một kết luận chung.

Bạn trai, bạn không nói nhưng tôi biết “người ấy” của bạn. Đương nhiên là tuyệt vời, là nhất trên đời, là không có gì có thể so sánh được, có như vậy bạn mới “chết được” nếu phải xa, bạn mới thấy “thiếu một người là thiếu tất cả”. Người ấy quan trọng và quý giá đến mức độ nào tôi biết chứ, bởi vì người ấy hoàn hảo về mọi phương diện. Bạn khẳng định như vậy và tôi cũng tin như vậy. Này nhé, “bóng hồng”, “bông hoa” thì đương nhiên chúng ta phải nói về ngoại dáng trước. Người đâu mà tuyệt vời đến như vậy, vừa thuần khiết thanh cao, vừa mỹ miều quyến rũ, điều chính hơn là cái óc thâm mỹ, cái khiếu nghệ thuật trong từng kiểu áo, trong mỗi màu son. Tất cả, tất cả đều hoà hợp, đều khởi sắc, đều tuyệt hảo. Dù sao, ngoại hình không phải là điều chính yếu, người nữ của bạn còn tuyệt vời hơn ở cách cư xử, giao tiếp, ở tấm lòng và sự quan tâm dành cho bạn. Bạn vui mừng lắm, bạn hạnh diện lắm khi “người ấy” luôn lịch sự, tế nhị và thân ái với tất cả mọi người. Người ấy còn linh động, hoạt bát tạo niềm vui và tiếng cười trong mọi trường hợp. Người ấy không chỉ là một bông hoa, không chỉ là một bóng mát mà còn là một “cộng sự” khả tín, một điểm tựa an toàn cho cuộc sống lứa đôi với thái độ cẩn trọng, chi li, có kế hoạch trong cuộc sống và đặc biệt là người ấy biết nhẫn nại thuyết phục, chi li phân tích và chia xẻ

Nguyễn Mạnh An Dân

với bạn mọi vui buồn trong cuộc sống, giúp bạn nhận ra những quá đỗi, nhìn thấy những sơ hở cho sinh hoạt lứa đôi tươi vui và an toàn hơn. Bạn trẻ, tôi mừng cho bạn, bạn đã chọn đúng người rồi, tôi biết người ấy dưới mắt bạn còn hàng ngàn ưu điểm mà tôi chưa kể hết. Thật đáng tiếc, thật đau lòng nếu như người ấy đã thay đổi. Bạn đã buồn rầu và tuyệt vọng nói với tôi người ấy đã khác xưa rồi. Tôi cũng buồn như bạn nhưng tôi không tuyệt vọng như bạn. Tôi đã nói chúng ta chỉ mới đi nửa đoạn đường mà, hãy tiếp tục nhìn kỹ vấn đề và biết đâu ta không có một kết luận khác. Tôi hy vọng như vậy và hãy cùng tôi hy vọng như vậy. Được không, bạn trẻ.

Bạn trẻ, bạn khỏi phải nói với tôi “người ấy” của bạn thay đổi như thế nào, tôi đoán được ý bạn và tôi sẽ nói hộ bạn điều có thể bạn không muốn nói.

Đối với các bạn nữ, “người ấy” của bạn bây giờ là một kẻ “traai lơ”, ba hoa khoát lác và thích xum xoe lấy điểm với người khác phái. Người ấy là kẻ vô tích sự, không mấy quan tâm đến việc nhà lại thích xen vào những chuyện bao đồng của người khác, anh ta còn là kẻ ăn tiêu phung phí không biết vun xén tích lũy cho riêng mình, tệ hại hơn nữa anh ta đã trở thành một kẻ độc tài, độc đoán, cứng đầu khó nói. Chưa hết anh ta còn là kẻ hút thuốc như khói tàu, rượu chè đàn đúm và đủ thứ tật xấu khác.

Đối với các bạn nam, “người ấy” của bạn bây giờ ưa phần son chung diện, dễ dãi lẳng lơ cười nói với tất cả mọi người, đời sống thì nhỏ nhoi ti tiện, chi li keo bần. Điều tệ hại nhất là người ấy đã trở thành lắm lời nhiều chuyện, bất bẻ cần nhần từng tí từng li và còn biết bao điều tệ hại không kể hết khác.

Các bạn, tôi đã kể hết những “thay đổi không thể chịu đựng nổi” của các người ấy của các bạn chưa? Hình như chưa và hình như các bạn còn có rất nhiều điều muốn nói. Tôi hiểu và không trách các bạn, giận mà, nhìn sao cũng thấy ghét, cái gì cũng thấy

khó ưa, thể hiện nào cũng mang ý nghĩa thay đổi theo hướng xấu. Tôi chia sẻ cảm nghĩ của các bạn nhưng tôi mong các bạn bình tâm nhìn kỹ một điều: Dường như chúng ta đang gặp những con người rất quen thuộc, rất gần gũi. Mời bạn hãy cùng tôi đọc qua những “cụm từ ngữ”, “những chuỗi ý tưởng” và bạn sẽ thấy vì sao tôi nói đã gặp những “người quen”.

Này nhé: Với người nam: “Hoạt bác, nhiệt tình, nổi bật giữa đám đông”, “*trai lơ, ba hoa khoát lác, xum xoe lấy điểm với phái nữ*”, “Có lý tưởng, coi nhẹ lợi danh, hy sinh vì tha nhân”, “*Vô tích sự, không quan tâm đến việc nhà chỉ biết lo việc bao đồng*” “hào hiệp, thích giúp người khác, không chi li tính toán, không nhỏ nhặt hơn thua” “*ăn tiêu phung phí, không biết tích lũy riêng tư*”, “đầy ý chí và nghị lực, quyết định độc lập và dứt khoát”, “*Độc tài độc đoán, cứng đầu khó nói*”, “lãng mạng trầm tư bên khói thuốc... đầy nam tính với chút rượu vui”, “*hút thuốc như khói tàu, rượu chè đàn đúm*” ...

Và nữa, với người nữ: “Có óc thẩm mỹ, có khiếu nghệ thuật trong từng kiểu áo, màu son... lịch sự, tế nhị, thân ái với mọi người”, “*Phấn son chưng diện... dễ dãi lẳng lơ*”, “cẩn trọng chi li, có kế hoạch trong cuộc sống”, “*Nhỏ nhoi ti tiện, chi li keo bẩn*”, “Nhấn nại thuyết phục, chi li phân tích và chia sẻ”, “*lắm lời nhiều chuyện, bắt bẻ cần nhần...*”

Bạn trẻ, bạn đã nhận ra được người quen chưa? Vẫn là chàng, vẫn là nàng với những cung cách những cá tính thân thuộc và đáng yêu ngày nào, chỉ có cách nhìn, cách diễn đạt sự việc của bạn là thay đổi. “Người ấy” không thay đổi nhưng chính bạn đã thay đổi. Bạn đòi hỏi ở người khác cao hơn và bạn tự biến mình thành cao hơn. Bạn chê trách và xem thường những gì bạn có và bạn muốn chạy đuổi những ảo ảnh mờ ảo, mộng lung. Tôi tiếc cho bạn.

Bạn trẻ,

Nguyễn Mạnh An Dân

Chào tạm biệt. Tôi đã nói từ đầu rằng tôi chỉ muốn tâm sự với bạn và tôi không có kết luận hay lời khuyên nào dành cho bạn cả. Dù sao, có lẽ bạn đã tự có một kết luận cho mình, phải không? Có phải các bạn đang nghĩ, lẽ nào chúng ta lại phí công đi tìm những thứ viển vông trên “ngọn đỉnh trời” trong khi hình như điều ấy đang có sẵn chung quanh ta, thậm chí, trong tay ta.

Nguyễn mạnh an dân

Thơ

Quốc Lân



Quốc Lân

Tên thật: Trương Như Lân

- Bút hiệu: Hà Ngọc Lân; Quốc Lân

- Nơi sinh: An Cựu, Huế

- Năm cuối Trung học, học trường Quốc Học Huế

- Cựu sinh viên Đại Học Khoa Học Huế

Vừa đi học vừa đi dạy trường Trung học BỒ-ĐỀ Đà-Nẵng: BỒ ĐỀ Thăng Bình (BỒ ĐỀ Quế Sơn di tản)

- Chủ tịch sinh viên, học sinh Đà-Nẵng thời kỳ chống “Hiến Chương Vũng Tàu” năm 1964. Không bị xúi giục, giật dây đốt cầu De Lattre Đà-Nẵng...

- Không tham gia vào thời kỳ các tướng lãnh đảo chánh cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngày 01-11-1963

- Động viên khóa 20 SQT/ Trường Bộ Binh Thủ Đức

- Hội viên Thi Đàn Lạc Việt; Ủy viên Báo chí TT Văn Bút Tây Bắc Hoa Kỳ (nhiệm kỳ 2002-004)

- Tổng Thư Ký Văn Bút /TT / TBHK. (Nhiệm kỳ 2004-2006)

Tác phẩm đã xuất bản:

- Một Thời Lưu Vong (Thơ, xb năm 2000)

- Nhớ Nguồn (Thơ, xb tháng 4 năm 2005)

Hiện cư ngụ tại San Jose, California Hoa Kỳ.

Cảnh Giác

Đà Nẵng ơi, ta vô cùng nhớ
Tuổi học trò mấy độ thơ ngây
Bước chân kỷ niệm đong đầy
Trên từng con hẻm những ngày rong chơi.
Tuổi xuân nay đã qua rồi
Quê hương đổi mới, đổi đời dân Nam!

Bến sông Hàn vô vàn kỷ niệm
Biển Mỹ Khê cát mịn nhung vàng
Hoành Sơn năm ngọn phượng nam
Trơ gan tuế nguyệt bốn ngàn năm qua.
Đây là cõi tiên sa linh địa
Chớ ước hèn bặt vía đem dâng
Họ Giang từng đã reo mừng
Tắm trong biển mặn đau lòng Tiên Sa.

Hôm nay nữa, quê ta đất Quảng (16/11/06)
Bao triệu người ngao ngán quan trên
Rước quân bành trướng Bắc Kinh
Đem Đào Hồ Cẩm thẩm tình đến thăm
Ai ơi cảnh giác quân gian
Ngàn năm bắc thuộc quan san ngậm ngùi.

Quốc Lân

Thơ: Thơ

Chúc em có những ngày vui
Cho tôi vui nối bước đời trăm năm
Đã mang thân phận tơ tằm
Cũng đành trọn kiếp lặng thầm nhả tơ
Mặc ai kia mãi hững hờ
Xót xa nhật nguyệt phôi pha đôi bờ
Nửa đêm vội chép vần thơ
Gởi người trong mộng trước giờ sang canh.

Quốc Lân

V & ĐỀ

Trên giường bệnh, toàn thân ta đau nhói
Nhói từ tim loan tỏa khắp nơi!

Thưa Mẹ con đã mù rồi!
Vàng thau lẫn lộn trong đời có không?
Làm sao phân biệt đục trong?
Mặt trời còn đó. Ánh dương còn đây
Đêm qua rồi lại đến ngày
Sao con tắm tối hao gầy lối đi
Ai người có nghĩa chung nghì.
Ai trang phục quốc cho con theo cùng?

Mẹ ơi đêm tối mịt mù!
Làm sao ngăn lại! Sáng vừng hào quang
Cho con nhận diện nhân gian
Để không lạc bước ngụy trang bấy đời
Ai người dân Việt quan hoài
Bốn ngàn năm sử dài ngày ly tan
Oan khiên vực thẳm vọng vang
Đau lòng tiếng quốc trên ngàn kêu sương.

Quốc Lân (Xuân Đình Hợi 2007)

Danh Tướng

Hưng Đạo Đại Vương

(Viết để tưởng niệm húy nhật của Đức Trần Hưng Đạo)
Ngày 20 tháng 8 năm 1300 Canh Tý

Sử Việt Nam, bốn ngàn năm máu lệ
Lê, Lý, Trần...những thế hệ Cha Ông
Kể sao hết con cháu giống Lạc-Hồng
Từng hy sinh để giữ gìn non nước.

Vào đời Trần, gần tám trăm năm trước
Nước Việt ta có rất nhiều vĩ nhân
Các vua quan đều yêu nước thương dân
Lúc nguy biến toàn dân được góp ý.

Hội Nghị Diên Hồng qua nhiều thế kỷ
Nay đã thành tiếng gọi của non sông
Nước lâm nguy, quân dân chung một lòng
Thề chiến đấu, hy sinh cùng một dạ.

Trần Quốc Tuấn, vị anh hùng chí cả
Đã bao lần xung trận dẹp quân Nguyên
Bạch Đằng Giang, Hưng Đạo Vương thề nguyện:
Không chiến thắng, không trở về quê cũ.

Thắng quân Nguyên, tên người lưu danh sử
Sông Bạch Đằng sáng tỏa ánh triều dương
Việt Nam nay, vô số những tên đường
Trần Hưng Đạo là tên đại lộ chính.

Từ Bắc vô Nam, từ thành đến tỉnh
Đâu cũng có đền thờ của Tướng Quân
Lớp lớp người đến chiêm bái đầu xuân
Con dân Việt tôn vinh ngài là Thánh.

Quốc Lân

(*) Sách tham khảo: VNSL của Trần Trọng Kim.

-Hưng Đạo Đại Vương là Chức vị của Trần Quốc Tuấn,
-Người đời sau thường gọi ngài là Đức Trần Hưng Đạo.

Tự Thân!

Văn hay chẳng phải lắm lời
Bút hay chẳng phải cong ngòi bẻ cong!
Chuyện cái lưỡi nằm lòng còn đó
Giáo khoa thư mấy độ còn đây
Cảo thơm ghi nhớ từng ngày
Chớ ham danh lợi hao gầy tâm can
Chữ văn kia: Khuôn vàng thước ngọc
Cây bút nọ: Gấm bọc thêu hoa
Nghiên xưa ta dựng tháp ngà
Long lanh mái ngói văn là bút văn.

Quốc Lân

(Xuân Đình Hợi 2007)

Trả Ta Sông Núi

Trả ta sông núi của dân ta
Hơn bốn ngàn năm, sử dụng nhà
Lập quốc Cha Ông xương trắng đổ
Cháu con gìn giữ máu hồng pha.
Ngàn xưa Trung Quốc từng xâm chiếm
Bành trướng bá quyền đến nước ta
Gieo họa xâm lăng đồng chủng hóa
Dân Nam tâm quyết giữ sơn hà
Ngày nay Việt Cộng to gan thật
Hiến đất cầu vinh trái ý Cha
Đại chợ, khôn nhà, đảng bán nước
Tội này phản quốc trời không tha.

Hãy mau trả lại ta sông núi
Bản Dốc thác nguồn, chính của ta
Trả cả Nam Quan bi trấn ải
Việt Nam hiến sử thừa xưa xa
Tương lai nước Việt về đâu nhỉ?
Khi vết dầu loang đến Hải Sa (1)
Khi đất Văn Lang, Tàu gặm nhấm
Gặm vài lần nữa còn gì ta! (*)
Âu Cơ Mẹ hỡi! Con đau khổ(*)
Xin Mẹ hiển linh hiệp ý Cha
Vực dậy toàn dân thề quyết chiến
Tuốt gươm trừ giặc, cứu sơn hà.

Quốc Lân (Bắc Cali, mùa thu năm 2002)

(1) Hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Thơ

Vũ Gia Sắc



Vũ Gia Sắc

Họ & Tên: Vũ Đình Giá

Bút Hiệu khác: Bạch Tâm, Nguyễn Thị Bạch Tâm

Sinh năm 1937 tại Thăng Bình, Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Trước 1975, Giáo chức, Công chức, Sĩ quan Cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam.

- Định cư tại Hoa Kỳ 1990.
- Làm thơ, viết văn từ lúc đi học
- Đã có bài đăng trên các Nhật báo, Tuần báo, Nguyệt san, Bán nguyệt san và đặc san trong và ngoài nước.
- Có thơ in chung nhiều tác giả...

Phó Chủ Tịch Nội Vụ - Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ, (nhiệm kỳ 2006-2008)

Năm Tuất Lâm Thê Chó...

CÂY-CÒN, bợm nhậu gọi: CÒN-CÂY,
Chánh gốc MỘC-TỒN, chú Khuyển đây,
(Sống ở dương-gian ăn thịt Chó,
Thác về Âm-Phủ, hạ CỜ-TÂY)
Vàng, Muôn, Đóm, Mốc, vang danh CẦU,
Mực, Vện, Vá, Khoang, khét tiếng CÂY.
(NAI LẠC ĐỒNG QUÊ): là DOG đấy,
Riêng, Tiêu, Sả ,Ốt, lá mơ này...

Vũ Gia Sắc San Jose Xuân Bính Tuất 2006

Xuân Bính Tuất

(Chó ơi là Chó...)

Gà đi Tuất đến (*), Chó lên ngôi
Bàn độc vênh râu chễm-chệ ngôi...
Sủa bậy, há mồm la lớn tiếng,
Cẩn càn, cúi mặt nín im hơi.
Thính tai chui vách, rình ăn phẫn,
Sáng mắt cạy vung trộm liếm nôi.
TUẤT, KHUYỂN, DOG, CÂY là lũ CHÓ...
Vẫy đuôi...phản chủ: cũng đành thôi!!!

Bạch Tâm San Jose Xuân Bính-Tuất



Đánh Chó

(Đánh CHÓ phải kiêng mặt chủ nhà)
Đó là Tục ngữ ở quê ta,
Khi tru ú...ú...càng ê óc!
Lúc sữa gâu...gâu...cũng rợn da.
Mồm Cầu người khôn không dám mó,
Miệng Hùm kẻ dại dám rờ qua.
(Lạc đường đành phải cầm đuôi Chó.)*
Giữ trộm biệt tài thính quạ ta...

(*) *Lạc đường cầm đuôi Chó, Lạc ngõ nắm đuôi trâu.*

Nói Chuyện Cây...

Bính TUẤT vui Xuân nói chuyện CÂY,
Lừng danh quân KHUYẾN xứ CỜ TÂY.
Đánh hơi thượng sách, truy tâm giặc,
Cẩn trộm độc chiêu, phẫn bội thầy!
Sáng mắt tranh ăn, chờ ngóng mỡ,
Tình tai sữa bậy, ý chung bầy.
Cầu cuồng tại thị*: ai không biết,
Rượu đế, sã, riềng: đã có đây...

(*) *Chó điên giữa chợ, gặp ai cắn nấy.*

Vũ Gia Sắc Xuân Bính Tuất

Chuyện Mèo ... Chó

Mèo, Chó nơi đây sống nhất đời,
Sáng chiều bỗng ẵm dắt đi chơi.
Xe hơi bóng loáng chờ đưa rước,
Thực phẩm thơm tho dọn sẵn mời.
Bệnh viện, Thú y cùng khắp chốn,
Hô-teo súc vật cũng nhiều nơi.
Bám theo chân chủ, ăn rồi sữa...
Mèo Chó nơi đây: sống nhất đời...

Bạch Tâm Xuân Bính Tuất

(*) *Xứ Mỹ xếp hạng: Trẻ em hạng nhất; Thứ nhì là đàn bà; Thứ ba là Mèo, Chó.*

Chào Xuân Bính Tuất

Bài Xướng của Nguyên Hà

Ất Dậu tân canh Tuất vẫy chào,
Mừng Xuân vẫn nhớ đến công lao.
Đêm về gìn giữ, người yên giấc,
Ngày đến âu lo bọn xé rào.
Nhà vắng, tôi trung luôn bảo vệ,
Dậu thưa, khách lạ chó toan vào,
Suốt đời trung nghĩa, không phai nhạt,
Há nữ vô tình với chúng sao???

Nguyên Hà Tam Ba Xuân Bính Tuất

Khoái Lắm Sao?

Bài Họa 1 của Bạch Tâm

Bính Tuất lên ngôi rộn tiếng chào,
Trung thành chẳng quản ngại gian lao.
Nằm nhà giữ cửa, Bà yên giấc,
Đứng ngổ canh me, Ông nhảy rào.
Trộm lạ bó tay không trốn thoát,
Mèo hoang vênh mặt, khó chui vào.
Cẩn càn, sữa bậy: thôi đành phạt,
Món nhậu Cờ Tây: khoái lắm sao?

Bạch Tâm

Vấy Tay Chào

Bài Họa 2 của Bạch Tâm

Vàng, Khoang, Đốm, Mực: nữ đành sao?
Canh gác đêm ngày, nghỉ giải lao.
Bàn độc nhảy lên, nhà vắng chủ,
Phản đôi nằm dưới, trộm chui vào.
Thính tai, Mèo, Chuột: không đường thoát,
Sáng mắt, Gà, Heo: khó lối vào.
Gãm lại, lên Voi, rồi xuống Chó!
Trợn đời trung nghĩa: vấy tay chào...

Bạch Tâm Santa Clara Xuân Bính Tuất



Năm Hợi lời Chuyện Heo

Tiền đưa Bính Tuất, đón Heo về,
Đình Hợi tuổi này sướng quá hê,
Ăn ngủ đêm ngày thêm thích thú,
Vui chơi năm tháng mãi đam mê,
Lợn lòng, men rượu say thêm hứng,
Lòng Lợn tiết canh khoái hết chê,
Đừng tưởng vinh thân không sợ chết,
Đâm heo, thuốc Chó lằm tay nghề...

&

Đâm Heo thuốc Chó lằm tay nghề,
Độc diễn trò hề cười hả hê...
Chó sữa gâu gâu, chưa thức tỉnh?
Heo kêu ét ét, vẫn nằm mê!
Tắm thân ty nạn thêm buồn tủi,
Cuộc sống lưu đày, cũng chán chê,
Đoàn kết đấu tranh Quang Phục Quốc,
Mười hai con Giáp: nắm tay về...

Bạch Tâm Santa Clara Xuân Đình Hợi

Cắm Trên Treo

Pháo nổ đi ùng đón Tết Heo,
Quanh năm suốt tháng chẳng lo nghèo,
Ăn no phình bụng ưa nằm ngủ,
Tắm mát cong đuôi khoái nhảy trò,
Đôi lúc chui đầu, rau đay máng,
Lắm lần ngóng mỏ(*) Cắm trên treo!
Việc nhà, cơm nước luôn bề bận,
Con khóc,**) Chồng đòi, rộn tiếng Heo...

Bạch Tâm

(*) Cắm trên treo: để Heo nhịn thèm!
(**) Heo kêu con khóc (Chồng đòi tòn ten!...)

Mỏ Đành Treo

Bài Họa của Nguyễn Hà

Tuất sắp qua rồi, lại đến Heo.
Chẳng lo gì đói, sợ chi nghèo.
Cắm rau cành bụng, phè ra ngủ,
Chuồng trại kỷ cương, hết lối trò,
Tắm gội, Heo càng thêm mát mặt,
Ra vào Chủ vắng (* Mỏ đành treo!)
Mười hai con giáp, ai bằng lợn?
Tế lễ, đám đình: phải có Heo...

Nguyễn Hà Võ Văn Viên

(*) Vắng chủ nhà: Heo treo mỏ!

Đình Hội Tâu Lạc Hoàng

Trình ông: Dì Út khoái nuôi Heo,
Bát Giới, tạp ăn: ắt phải nghèo!
(Mất miếng*) trôn trôn...đưa mắt ngó,
Chung bầy lì lợm...ễnh lừng trèo.
Cám, rau vơi máng, chân Gà bới...
Bèo, cháo khô nổi, mỏ Lợn treo!
Eng ét thi ca...đời bạc phước,
Đáng buồn Dì Út: (Chọn làm Heo).

Tư Cầu (*)Miếng ăn là miếng tội tàn,
Mất ăn một miếng, lợn gan lên đầu..

Vịnh Con Gõ Kiến

Nhỏ đầu dài mỏ gõ lung tung...
Kẻ nói nó điên, người bảo khùng.
Đứng nắng, sợ chi cơn gió thốc,
Dầm mưa, nào sá mặc cây rung.
Kiến bò trong bọng, lo đường bí,
Mối chạy quanh hang, ngại lối cùng.
Ló mặt chui ra: vào bụng tổ,
Ngán thẳng Cu Tý: đứng dương cung.

Bạch Tâm San Jose buồn ly xứ

Nghiep Tâm Tơ

Muốn viết bài thơ đăng báo (Tự Do)
Ngặt vì thơ phú chẳng hay ho,
Viết văn chính tả còn sai bét!
Anh ngữ, đặt câu mới tập tò.
Giống trống, đánh chuông, chuông lại điếc!
Khua môi, múa bút, bút xuôi cò.
Khoai mài thấy họ, vác mai chạy...
Chữ nghĩa vụng về, bạn thứ cho.

&

Chữ nghĩa vụng về, bạn thứ cho.
Dở hay, hay dở biết đâu mò?
Ếch nằm đáy giếng, thương thân cóc,
Cò lội ven sông, tủi phận sò!
Ốc bám cột rong lâu mới được,
Nghêu bám miệng hến, dễ gì cho.
Thôi đành viết bậy năm ba vắn,
Cái nghiệp tầm tơ: khéo hện hò...

Bạch Tâm San Jose xuân

Nhạc Lâm Phương

Lời Vũ Gia Sắc

NẮNG NHỚ CHIỀU THƯƠNG

Chậm vừa Tha Thiết

Kính tặng chị KHUÊ DUNG và các nữ sinh Trưng Vương

Trưng Vương ơi già từ em yêu nhé Đã xa
 rồi hình bóng quá thương yêu Áo trắng vờn bay đẹp nét diễm
 kiều Bờ môi thắm nụ cười hoa hàm tiếu Tay đan
 tay đôi hôn em nũng nịu chầu cuối tuần trẻ hèn để em
 mong Ngàn yêu thương vương vấn mãi trong lòng Ép hoa
 tình thơm trang giấy học sinh Anh Văn Khoa em Trưng Vương lỗi
 hẹn Nhớ thương nhiều chiều hoa nắng còn đâu Lá me
 bay rưng rức nhạc ve sầu Bao kỳ niệm bên giang đầu lưu
 luyến Hai mươi năm xa rồi ối sao xuyên Chuyện học
 đường em gái nhớ Trưng Vương Buổi chia tay hoaphương dờ sản
 trường để bây giờ trong nắng nhớ chiều thương Fine

SAIGON TRONG TIM TA

Nhạc Lynhphường Lời Vũ Gia Sắc

(1) Sài Gòn ơi! Trưng Vương nay vắng bóng em yêu
 (2) Sài Gòn ơi! Đâu ba mươi anh tiễn em lên
 đi Gia Long mưa giăng giăng khắp lối
 đau thương quê hương ly tán nội chiến,
 trên hè phố lạnh buồn tâm hồn miền cô đơn, nghe gót
 xa lòng thấy ngẹn ngào. Ta còn gì cho nhau hay chỉ
 giấy ray rứt sâu trong tim(2) Sài Gòn... còn cây dăng vau khó
 đau. Em ra đi trùng đường xa với với. Đám chia
 ly sâu dằng òi nghẹn lời. Nói xa xăm ngói ôm sâu viên
 xứ. Chôn quê nhà nhưng nhớ ngập hôn ta! Sài Gòn
 (3) đi qua bao năm cách em yêu rồi
 (4) đi trong tưởng lại non nước vui thanh bình
 ca Trong tim anh chưa với niềm nhớ. Năm tháng
 ca Quê hương ta tô trang sử nói. Cho giấc
 trời long vắn đối chó Hương tình ngay xa xưa nghe tiếng
 mơ tình mãi trần đây Cho người về bên nhau vang tiếng
 đàn reo rất gọi tên em..(4) SAIGON... cuối tuổi thăm đẹp ngàn sau.

Tuyên Ngôn

Phượng Duy



Phươg Duy

Tiểu-sử tác-giả:

PHƯƠNG - DUY TDC

Tên thật : TRƯỞNG-DUY-CƯỜNG

Các bút hiệu khác HUYỀN-CƯỜNG, NGUYỄN-DUY-TRƯỜNG
SONG-HUYỀN

Sinh ngày 26 tháng 11 năm Bính Tý (8 Jan 1937) tại Faifoo (Hội-An).

Học: - Institut de la Providence (Huế)

- Trường Quốc-Học (Huế) Ban Văn-Chương C (1954 -1957)

- Đại-học Văn-Khoa Huế

- Hàm-thụ âm-nhạc trường Universelle (Paris, Pháp 1952- 55)

- Hàm-thụ hội-họa trường CDEPSM (Monte Carlo, Monaco
1953- 56)

Dạy học: trường trung-học Nguyễn-Duy-Hiệu, Phạm-Hồng-Thái,
Trần-Quý-Cáp (Quảng-Nam).

- Thụ-huấn quân-sự: - Động-viên học khóa 16 SQTB tại Liên-trường Võ-khoa Thủ-Đức (1963)
- Khóa Huấn-luyện Phụ-tá Quận-trưởng do Học-viện Quốc-gia hành-chánh tổ-chức tại trường SQTB/TĐ (1964)
 - Khóa Bộ-binh cao-cấp tại trường Bộ-binh Long-Thành
 - Cựu Sĩ-quan cấp Tá QLVNCH
 - Cựu Tù-nhân chính-trị được định-cư tại Hoa-kỳ (1991)
- Sáng-tác: - từ 1956 đã có nhiều ca-khúc âm-nhạc được ấn-hành và trình-bày trên các đài phát thanh Sài-gòn, Quân-đội và Huế .
- 1955- 65 viết báo PHỔ-THÔNG (Sàigòn) và Mầm Sống (Huế).
 - từ 1991 đến nay viết truyện ngắn, ca khúc, bài khảo-cứu, lịch-sử đã đăng ở nhật báo Việt-Nam, Thời-Báo (San José), Tuần báo Trống Đồng (Nam California), Bán Nguyệt San Tự-Do (Texas) và trên một số giai-phẩm, đặc-san, nguyệt-san, tuần-báo tại các tiểu-bang khác ở Hoa-Kỳ.
 - Hội-viên Hội Văn-Học QUẢNG-ĐÀ.
 - Hội-viên Văn-Bút Việt-Nam Hải ngoại (TT/TBHK).

Trở Về Nguồn

PHƯƠNG-DUY TDC

Nguyên rất vui khi nhận được thư hồi đáp khá nhanh của Thanh, một người em họ đang định cư tại Đài-Loan.

“Kính Anh Hai,

Em đã nhận được thư của anh, đúng như anh nhận xét; sau khi Trung-Hoa quốc gia của Tưởng Thống-Chế chạy ra hải đảo Đài-Loan năm 1949, dòng họ “xa xưa” của chúng ta bên lục địa cũng có nhiều gia đình chạy sang đấy. Em đã dò hỏi và đã tìm ra “nguồn gốc”, còn muốn trở về nguồn hay không là do anh quyết định! Vậy nhận được thư này, xin anh cho em biết gấp ý định của anh.

Nhờ Anh chuyển lời em kính thăm Chị và chúc “nhà văn” sáng tác mạnh hơn nữa. Gia đình chúng em ở bên này hàng tuần đều đặn lên “net” đọc bài của chị Hai đấy!

Thân mến.

Chỉ có vài dòng chữ hồi đáp của người em họ đang giảng dạy ngôn ngữ tại đại học nơi hải đảo xa xôi đó đã làm Nguyên phấn khởi, vì ý nguyện từ lâu của chàng sắp thành tựu.

Trước 1975, Nguyên đã tốt nghiệp đại học và là giáo sư dạy văn chương và sử địa. Cũng có thể vì méo mó nghề nghiệp hay vì tính tò mò, nên chàng thích đọc các cuốn gia phả của dòng họ chàng, bên nội cũng như bên ngoại. Cuốn gia phả để ở nhà thờ tộc - mà còn gọi là Tự đường - đã lâu năm mà con cháu chẳng ai buồn cầm một lần đọc qua cho biết nguồn gốc dòng họ... tổ tiên phát xuất từ đâu, khi nào? Trái lại, Nguyên lúc nào

rảnh là vào tự đường đọc đi đọc lại các cuốn Gia Phả một cách say mê như đọc truyện kiếm hiệp của nhà văn Kim-Dung. Nhờ các cuốn gia phả bám đầy bụi thời gian này mà tập luận văn tốt nghiệp đại học của Nguyên đã được hội đồng giám khảo chấm điểm cao.

Nguyên mở tập Gia Phả và đọc lại. Đây chỉ là các bản “photocopy” trước khi gia đình Nguyên được phép định cư tại Hoa-Kỳ. Bản chính dĩ nhiên đời đời nằm ở Tự đường bên cạnh các bài vị của các vị tổ tiên đã khuất của chàng.

“Năm 1644, sau khi thôn tính nhà Tây Minh, Mãn Thanh đặt ách thống trị khắc nghiệt lên dân tộc Trung-Hoa. Tìm mọi cách xóa bỏ cơ chế Minh Triều, nhất là nỗ lực đồng hóa đời sống văn hóa cùng mọi sinh hoạt khác theo Mãn Thanh. Triều đại mới không dùng quan tướng của Minh Triều mà còn chế tài họ, hoặc trục xuất những kẻ có ảnh hưởng với nhân dân ra khỏi nước. Riêng tầng lớp giàu có, các thương nhân, đại địa chủ thì bị sách nhiễu khó bề sống nổi. Hai thành phần này cùng một số sĩ phu yêu nước đành phải rời quê hương đi tìm đường tỵ nạn hoặc tìm nơi ẩn mình chờ cơ hội phục quốc...”

Đó là nguyên nhân chính đã thúc đẩy, đưa số người Trung-Hoa lưu lạc khắp nơi trên thế giới trong các thế kỷ trước.

Bây giờ tại một tỉnh trù phú tại Trung Phần Việt-Nam: Quảng-Nam là nơi có nhiều người ngoại quốc đến mua bán truyền đạo Thiên Chúa. Ba họ Tẩy, Ngô và Trương (tục gọi là Tam Gia) đưa gia đình đến tỵ nạn tại nơi này vì họa Mãn Thanh. Đây là ba gia đình đầu tiên từ đầu thế kỷ 17 đã lập nên “cộng đồng người Minh-Hương” sau này tại Việt-Nam.

Nguồn gốc ba họ này thuộc huyện Chiếu-An, tỉnh Phúc-Kiến, Trung-Quốc. Đến đầu thế kỷ 18 (1700 - 1730) một đợt người Hoa gồm 10 gia đình (gọi là THẬP LÃO) đến định cư tại tỉnh Quảng-Nam, mang sáu họ và một hòa thượng có pháp danh HUỆ HƯỜNG. Đó là các họ Chu, Huỳnh, Khâm, Thuấn, Thái

Phương Duy

và Trương. Họ Trương THẬP LÃO này khác với họ Trương TAM GIA đến từ thế kỷ trước. Họ phân biệt bằng hai nhà thờ tộc khác nhau: Trương Đôn Mục và Trương Đôn Hậu. Tông tộc của hai họ này ở cùng sinh quán, cùng hoàn cảnh, cùng chí hướng, nhưng không cùng huyết thống.” (tài liệu trên được khắc trên văn bia tại chùa Phúc Kiến, phố cổ Hội-An)

“Lúc đầu, Thập Lão đến Quảng-Nam bằng đường biển, vào CỬA ĐẠI, rồi ngược sông Thu Bồn, tạm cư làng Trà-Kiệu, thuộc huyện Duy-Xuyên; lấy nghề buôn bán làm sinh kế như những đồng hương đến trước thuộc nhóm Tam Gia. Sau một thời gian, Thập Lão nhận thấy nơi đây có nhiều trở ngại cho việc buôn bán vì quá xa biển, nên dời xuống Trà-Nhiều, Chợ Bà là những làng nằm hai bên con sông Trường Giang gần biển Cửa-Đại cuối huyện Duy-Xuyên để tiện việc kinh doanh. Tại đây Thập Lão xây một ngôi cổ tự thờ Quan Văn Trường. Di tích Quan-Thánh miếu hiện nay vẫn còn.

Do vị trí địa dư giữa Chợ Bà và Thanh-Hà và do sự liên hệ giữa những người trong Tam Gia với Thập Lão, có chung hoàn cảnh, có chung nghề nghiệp, nên Thập Lão quyết định dời về Thanh-Hà nơi Tam-Gia đã định cư trước. Cộng đồng “người Minh-Hương” (người Minh lưu vong) mở những lớp dạy văn hóa, phong tục Trung-Hoa cho con cháu và những dâu, rể của cộng đồng này. Ước nguyện to lớn là cộng đồng người Minh lưu vong không quên nguồn gốc. Tại Cẩm-Hà, các vị tiền bối qua trước xây một ngôi chùa lớn mang tên “Cẩm Hà Cung”. Chùa được tạo dựng vào năm Bính Dần (1626), (đời “Hy-Tông Hiếu-Văn Hoàng-Đế”) Chúa Nguyễn Phúc-Nguyên. Tại đây khi đã ổn định sinh hoạt, Thập Lão đã trùng tu ngôi chùa cũ, tân trang, nơi rộng ra làm nơi kinh doanh chính với khách hàng các nước: Nhật-bản, Trung-Hoa, Y-Pha-Nho, Bồ-Đào-Nha... đặt danh xưng “Cẩm-Hải Nhị Cung”.

Nhờ vào chính sách khôn ngoan, mềm dẻo và sáng suốt của các Chúa Nguyễn, nền kinh tế miền Trung lúc ấy phát triển rất mạnh, khiến cho việc kinh doanh của Thập Lão càng ngày càng phát đạt. Mật khác cũng do Thập Lão nằm trong thành phần có học thức, giàu có, có tài sản mang theo khi di tản và nhất là họ thấm nhuần đạo lý nho gia, nên cung cách giao tế của những người trong nhóm Thập Lão được cư dân địa phương kính trọng, khiến tình cảm của cư dân địa phương đối với Thập Lão ngày càng mặn nồng, mật thiết. Cụ thể là Thập Lão được sự giúp đỡ nhiệt tình của các phú hộ, cũng như của chính quyền Hội-An sau này. Cuối cùng Thập Lão quyết định di chuyển xuống định cư tại Hội-An.

Chẳng bao lâu sau đó, cộng đồng Tam Gia, Thập Lão xem Hội-An như quê hương chính của họ. Đến thế hệ thứ hai, một gia đình họ Trương được nhập Việt tịch và ngài Trương Thừa Kim của nhóm Thập Lão (nhánh họ Trương Đôn Hậu) là người Việt gốc Hoa đầu tiên được cử làm trưởng làng MINH-HƯƠNG, một làng tân lập. Nhờ Hội-An gần Cửa Đại rất thuận lợi cho việc giao thương với các tàu buôn nước ngoài Tại đây, các loại ghe bầu có thể qua Cửa Đại để đưa hàng đến tận Hội-An một cách dễ dàng nhanh chóng. Hội-An còn là nơi tiếp nhận các mặt hàng từ Tiên-Sa, Đà-Nẵng (lúc đó thành phố và hải cảng Đà-Nẵng chưa phát triển) do người Bồ Đào Nha và Y-Pha-Nho chuyển vào bằng lư.

Ngay khi đặt chân đến cư trú tại Hội-An, tổ tiên Minh-Hương được sự giúp đỡ tích cực của Hòa Thượng Huệ Hường (Ngài họ Lương) và Ni Cô Diệu Thành (tức Bà Ngô Thị Lành) Nguyên bà Lành là người Việt-Nam lấy chồng người gốc Hoa mang họ Trịnh. Chồng bà giàu có vào bậc nhất ở Hội-An thời bấy giờ. Sau khi chồng chết, bà phát nguyện đi tu. Chính bà đã hiến tặng Thập Lão toàn bộ đất đai rộng lớn do gia đình chồng bà sở hữu bằng nửa diện tích của cả địa điểm Hội-An, để lập nên làng

Phương Duy

Minh-Hương, tái tạo Cẩm Hải Nhị Cung (tức Chùa Bà Mu) ỳ, dựng nhà Tiền Hiền, xây Chùa Ông (Trùng Hán Cung), chùa Phật (phía sau chùa Ông), chùa Văn Chỉ....” Gia phả ghi cả cuốn dày, Nguyên đọc đến đoạn này rồi xếp sách lại, suy nghĩ..

Thanh ra đón Nguyên tại phi cảng. Lâu lắm hai anh em mới có dịp gặp nhau. Sau năm 1975, hai anh em mỗi người ở mỗi nơi, thỉnh thoảng gọi điện thoại thăm nhau hoặc gửi thư từ nếu có việc quan trọng cần thông báo. Thanh vừa lái xe, vừa vào ngay câu chuyện hai anh em đang quan tâm. “Anh Hai, ngày mai chúng ta mời người “bà con” mà em đã nói với anh đi ăn nhà hàng. Chúng ta sẽ bàn nhau ngày đi về Chiếu-An. Người bà con này sẽ hướng dẫn chúng ta đến “tự đường tộc” cũng như thông báo việc chúng ta về thăm lại quê hương ...”

“Được, anh đồng ý sự sắp xếp chuyến đi và nghe theo ý kiến của chú...”

“Em sẽ xin nghỉ hai tuần lễ làm người thông dịch sang tiếng Hoa kiêm chức phó nhóm cho anh, anh hai chịu chứ?”

Khi hai anh em được “người bà con” đưa về đến Chiếu-An, từ xa đã nhìn thấy Vị trưởng tộc cùng hai mươi người ra đón tận đầu làng. Nguyên và Thanh rất cảm động, bước xuống xe chào hỏi mọi người. Sau đó cùng đi bách bộ về đến Tự-Đường.

Tự đường nằm trên một khoảnh đất rộng nơi một ngọn đồi thấp, chung quanh có tường cao bao bọc. Nguyên nhìn cảnh vật, cây cối trước mắt, nghĩ đến cảnh trong một phim Hongkong mà chàng đã xem hơn là nghĩ đến sự liên hệ của một người con cháu từ nơi xa xôi về lại cố hương thân thương.

Nguyên định quay sang Thanh để hỏi Thanh đang nghĩ gì, nhưng chàng im lặng khi thấy Thanh đang trầm tư.

Người trưởng tộc, sau khi tự giới thiệu mình, ông quay sang giới thiệu hai anh em Nguyên.

ên và Thanh bày lễ vật dâng lên bàn thờ Tổ Tiên, rồi lễ bái. Inanh thông dịch những câu chào mừng và đối thoại giữa vị trưởng tộc, bà con và hai anh em. Kế đó, vị trưởng tộc trình trọng cầm lấy cuốn Gia Phả đưa Thanh, nhờ đọc to cho mọi người cùng nghe, rồi dịch lại tiếng Việt cho Nguyên hiểu. Theo Gia Phả ghi năm 1700 có vài gia đình trong tộc cùng với một số gia đình cùng huyện đã dùng thuyền đi về biển phía nam, nhưng không biết sống chết thế nào hoặc định cư nơi đâu vì không liên lạc được, nên Gia Phả nhánh này chỉ ghi như vậy thôi. Không ngờ mấy trăm năm sau, lại có dịp bà con trùng phùng. Vị trưởng tộc rất vui mừng tin vui hy hữu này.

Nguyên đứng dậy lễ phép thưa:

“Thưa Tộc trưởng và bà con trong tộc. Chúng tôi có mang theo đây bản sao Gia Phả tộc ta bên Việt-Nam do tổ tiên chúng tôi ghi chép bằng Hán-tự và truyền lại cho chúng tôi, tính đến nay trải qua mười đời. Chúng tôi kính tặng Tộc-trưởng để lưu lại Tự-đường.”

Tộc trưởng ngạc nhiên và vui mừng đón nhận món quà tinh thần quý giá đó, vì không ngờ con cháu lưu lạc phương xa vẫn viết gia phả.

Tộc trưởng lại nhờ Thanh đọc to cuốn “tiểu Gia-Phả” này để tộc nhân cùng nghe.

Tục lệ địa phương từ bao đời nay, dân Phúc-Kiến ngày ngày ăn cháo hai bữa, chỉ có một bữa cơm chính. Đặc biệt lần này, có con cháu từ “ngoại-quốc” về thăm, nên tộc trưởng cho phép tạm đổi lại một cháo, hai cơm!. Những ngày ở Chiếu-An, hai anh em đi viếng mộ Tổ Tiên, đi xem danh lam, thắng cảnh và quan sát lối sống và phong tục địa-phương. Tuy cùng một huyết thống nhưng Nguyên vẫn thấy có chút gì cách biệt: “*họ là người Hoa, còn mình là người Việt!*”. Nguyên định quay sang hỏi cảm

Phương Duy

tưởng của Thanh. “Nhưng thôi!”, Nguyên thở dài... khi nhìn hoàng hôn chậm chậm bao phủ nền trời cố hương xa vời!.

Chí hướng và mộng ước của người Minh Hương khi mới đặt chân lên mảnh đất Việt Nam là PHẢN THẠNH, PHỤC MINH. Lâu dần đồng hóa thành người Việt, con cháu không nói được tiếng Trung Hoa quên mất cội nguồn! Sau năm 1975, những người Minh Hương này lại một lần di tản nữa với nguyện ước DIỆT CỘNG, PHỤC QUỐC. Đợt di tản lần này qua hàng trăm quốc gia trên thế giới. Họ phải học, nói nhiều ngôn ngữ, sống theo nếp sống khác nhau liệu vài thế hệ nữa con cháu họ có còn nói tiếng cha ông và còn biết nguồn cội không?

Đó là “Truyện- Người- Việt- Gốc- Hoa- Cũ”, còn gọi là người MINH-HƯỚNG.

Còn chúng ta là những người VIỆT-NAM chính gốc nay được gọi “người Mỹ gốc Việt, người Pháp gốc Việt, người Anh gốc Việt, người Úc gốc Việt, người...(nhiều nước lắm!) gốc Việt” nghĩ sao?

Có một lần tôi được ngồi nghe ba bà bạn nói chuyện với nhau. Tôi nghĩ rằng các bà tuy dùng tiếng mẹ đẻ, nhưng chẳng ai hiểu hết câu nói của các bà trọn vẹn.

Bà định cư tại Đức, cứ nói vài từ tiếng Việt lai chen vào vài từ tiếng Nhật-Nhĩ-Mãn. Bà ở Pháp, có lẽ tưởng mình là dân Parisienne “Đằm” chính cống, nên trong câu nói dùng tiếng Pháp-Lang-Sa nhiều hơn tiếng Mít.. Còn bà” chủ nhà” thì luôn miệng “surprise”, “on Sale”, “wonderful”, “day-off”, .. Khổ thay, bà định cư tại Đức, bà ở Pháp không sành tiếng Anh, bà ở Mỹ không biết tiếng Đức, tiếng Pháp. Vì thế, dù cố gắng lắm, ba bà chỉ “đoán” các bà kia nói gì! May mà các ngôn ngữ trên cũng thông dụng và tôi có học qua, nên tôi cũng hiểu được. Chứ gặp các bà xỏ tiếng Congo, Bắc Âu, tiếng Mỹ-La Tinh hoặc một thổ ngữ nào trên thế giới này, thì loại tiếng Việt giả cây dó

Phương Duy

sẽ làm “dien cai dau”, dù mấy ông có hành nghề “godautre” cũng chào thua!

Cầu xin Quốc Tổ HÙNG-VƯƠNG gia hộ cho con cháu chúng ta không bao giờ quên TIẾNG NÓI VIỆT-NAM và nói đúng tiếng Việt, không xen vào ngoại ngữ nào, để luôn luôn nhớ mãi cội nguồn dân tộc.

PHƯƠNG-DUY TDC



Thơ

Chinh Nguyên



Chinh Nguyễn

Tiểu Sử

Tên thật: **Nguyễn Trung Chính**

Sinh năm 1943 tại Thành Lập, Hà Đông, Bắc Việt

1950: Trốn CS vào Hà Nội

1954: Sau Hiệp Định chia đôi đất nước, di cư vào Nha Trang

1958-1967: Theo học tại trường Trung Học Ban Mê Thuộc, Dòng Thánh La San Nha Trang, Đại Học Văn Khoa Sài Gòn

1968-1975: Phục vụ trong binh chủng Không Quân, QLVNCH
Sau biến cố 30-4-75, tỵ nạn CS tại Hoa Kỳ

1980-1986: Theo học tại LaSalle University, MO. USA
Nghề nghiệp: F/A Characterization Test Eng.

Đã về hưu sau hơn 20 năm làm cho IBM

Trước 1975. Tác giả mang bút hiệu **Hà Nguyễn Trung**

Đông Đưa

Cây đàn bị quên lãng
Tiếng người vẫn xa xăm
Giây chùng phím còn đợi
hỡi người tình trăm năm

Đàn ơi sao vương vấn
Giọt lệ nhỏ ngây thơ
Trên cung mê say đắm
Ai về gọi trong mơ

Đêm tàn nơi bến Ngự
Dòng nhạc thơ quyện nhau
Người đi vào nỗi nhớ
Ta ôm mấy mối sầu?

Tim yêu vẫn thơ cũ
Đã hòa nốt nhạc xưa
Tình về như chợt nắng
Sợi tơ buồn đong đưa.

San Jose, May 26,
Chinh Nguyên

Cũng Ngậm Ngùi Thân

Tôi về nhìn bóng hình tôi
Giữa đêm sương trắng nhớ lời thầm riêng
Yêu người ngỡ ngẩn du miên
Giọt tan trên má, ưu phiền mãi xoay

Thoảng mùi hương phấn đêm nay
Phòng đêm cô tịch tơ giây hững hờ
Tóc phai rụng xuống phím thơ
Trăm năm vẫn thế lời mơ nhắc thầm.

Đàn ơi ...sao vắng tri âm...!

San Jose, april 13, 2006

Chinh Nguyên

Thương Hồng

Phượng rũ, ô kìa soi bóng nước
Đò ngang, chợt thoáng chạnh lòng mong
Lăn tăn gợn sóng đầu tắm cá!
Hiu hắt gió lùa mây ngập sông...!

Thôi thế qua rồi mùa phượng nở
Quê hương bão tố nổi tan hoang
Ta đành bỏ lại con đường cũ
Bỏ cả dòng sông... nổi hận mang

Phượng đỏ, mùa xưa chẳng đợi nhau?
Màu hồng tựa máu rỉ tim đau
Nhỏ trên mặt nước rung rinh sóng
Loang tận biển đông đáy vực sâu

Em thấy gì không? Ta đón đau!
Như thuyền không bến biết về đâu!
Thương quê mắt thả theo tàn phượng
Như chính hồn lan tuyết đỉnh sâu...!

Chinh Nguyên

Minh Ông

Nhìn hình tôi đã nhận ra ông
Đẹp đẽ thời trai giống Lạc Hồng
Nửa kiếp oan khiên buồn hận lụy
Một đời khắc khoải sống chờ trông
Năm năm mòn mỏi nhìn mây khói
Tháng tháng tâm hao khóc lệ lòng
Tết đến ông cùng bà nội tương
Thấp nhang khẩn vái có buồn không?

Thấp nhang khẩn vái có buồn không?
Ngửa mặt hồn dâng lạy mẹ Hồng
Gối mỏi còn ham ngồi ngóng đợi
Lưng còng vẫn muốn đứng chờ trông
Thương quê tứ cố đời dâu bể
Hận lũ tam vô lệ xót lòng
Nhục lụy mang mang...hoa vẫn nở
Đường dài xuôi ngược vẫn mình ông.

Chinh Nguyên

Ôi Hạnh Phúc

Ôi! Hạnh phúc, ta muốn ôm em lại
Em trong ta đã đổ vỡ bao giờ ?
Thương tiếc mãi, vai gầy của Mẹ,
Một mình buồn trên bến lạ ngu ngơ...

Ôi hạnh phúc vẫn mộng mơ hạnh phúc,
Bước đường khuya mưa nhỏ lạnh tâm hồn,
Mất tất cả nên đành thân lữ thứ,
Em đi rồi quê hương nhớ nụ hôn.

Ôi hạnh phúc nửa đời hoài réo gọi,
Em đâu rồi chợt thoáng tới, rồi đi?
Bỏ lại ta đau buồn theo vận nước,
Tóc bạc màu năm tháng hận phân ly!

Ôi hạnh phúc em về đâu ta đợi?
Được nhìn em sung sướng trọn một đời,
Sẽ quỳ xuống cho em làm bệ đứng,
Nở nụ cười: quê Mẹ hết lệ rơi...

San Jose, Xuân ly hương 2007

Chinh Nguyên

Sao Em Là Cát Nhỏ?

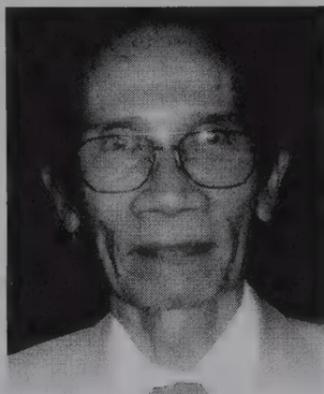
Sao em là cát nhỏ...?
Bay hoài tìm thiên đàng
Ta chui vào địa ngục
Thổi lửa đốt đêm hoang
Ồ, em hạt cát nhỏ
Bỏ bờ đê lốc đưa
Lạc trong giọt hiên khóc
Có quay về sông xưa
Đời vẫn mong kiếm lại
Một kiếp tình phù du
Hạt cát trên bãi vắng
Óng ánh và thiên thu
Ừ...! Em là cát nhỏ
Ta là gió bão đời
Đưa em qua biển nhớ
Dắt em vào trùng khơi...!

San Jose, April 25, 2006

Chinh Nguyên

Thơ

Võ Đình Tiên



Võ Đình Tiên

- Võ Đình Tiên tên thật cũng là bút hiệu, ở quê còn gọi là Triêm.
- Sinh ngày 6-8-36 tại làng Thạch Bình, Thừa Thiên, Huế.
 - Nguyên Đại Úy CSQG (Biên Tập Viên K.5)
 - Trưởng Cuộc CSQG Hàng Thái (Vị Quang), Quận 7, Sài Gòn.
 - Tù cải tạo 7 năm. Định cư tại Hoa Kỳ, 1993 (HO 16)
 - Trước 1975 có thơ đăng rải rác trên Nhật báo,
 - Tuần báo tại Sài Gòn với bút hiệu Nhị Tiên.
 - Tại Hải ngoại, thơ đăng trên Tuần báo Mỹ tại San Francisco,
 - Tuần báo Thời báo tại Oakland, Tuần báo Đời Mới tại San Jose
 - Hội viên Hội Thơ Tài Tử, Cụm Hoa Tình Yêu 7, 8, 9, 10.
 - Tham gia Thi Đàn Lạc Việt, Một Phía Trời Thơ 5, Bút hoa 3
 - Thi Văn Viễn Xứ Tuyển Tập 1, Thi Đàn Hương Thời Gian Tuyển Tập 2.
 - Tập thơ Hai Quê ra mắt tại Thư Viện Trung Ương San Francisco ngày 3/10/04
 - Hai CD Huế Vẫn Trong Tôi 1 & 2, mới ra CD Cám Ôn Em. sắp ra CD Công Đức Sinh Thành

Chưa Đạt Ý Xuân

Năm nào tôi cũng viết thơ xuân,
Mà nét cảm giao cứ nhạt dần.
Hình ảnh bây giờ không hợp nữa,
Tâm tình thuở trước khó tương lân.
Hoa nhiều màu sắc đâu linh động,
Cánh thiếu mảnh mai mất tuyệt trần.
Có lẽ đất người yêu thực tế,
Quây quần cuộc sống chẳng quan tâm.

&

Quây quần cuộc sống chẳng quan tâm,
Khó dẫn ý thơ đạt sóng ngầm.
Như chậu thủy tiên hương tỏa ngát,
Và đôi chim sẻ khế thì thâm.
Xóm quê pháo nổ vui ngày tết,
Thôn nữ cười duyên đón tiết xuân.
Xúc cảm lòng tôi man mác lạ,
Nhà ai thánh thót tiếng dương cầm.

San Francisco, January 2007

Võ Đình Tiên

Chữ Thư Vân

Bây giờ tôi có ước gì đâu ?
Vì biết đường đời lắm khổ đau.
Chen chúc nhục nhằn bao lối sống,
Lặng yên mà ngó bóng pha màu.

Khởi đầu hoạn lộ chẳng cơ may,
Tàn cuộc phong ba bị đọa đày.
Ngày tháng lưu vong thân lạc lõng,
Phương trời tán tỵ mỏng như mây.

Khi qua vùng sáng ánh dương quang,
Cảnh vật bừng vui thật rộn ràng.
Vạn đóa hoa tươi đang nở rộ,
Từng đàn én lượn ngõ thanh nhàn.

Lúc vào vùng tối phủ cô thôn,
Ánh sáng điện quang bóng chập chờn !
Không đủ soi đường hay dẫn lối,
Trôi theo làn gió thổi từng cơn.

Ngàn sao lấp lánh dải ngân hà,
Một mảnh trăng tà chiếu ở xa.
Gặp lạnh mây sa hơi hóa nước,
Giọt mưa rơi xuống trước muôn nhà.

Thì thôi biết thế cũng là hơn,
Vương vấn làm chi những oán hờn.
Được mất cuộc đời toàn ảo mộng,
Quên đi phiền não bóng hoàng hôn.

Thời gian chìm đắm trong trào lộng,
Cuộc sống vấy vùng giữa giả chân.
Sắc sắc không không, thân cát bụi,
Tiền tài danh lợi chỉ phù vân

San Francisco, September 30, 2006
Võ Đình Tiên

Đêm Qua Tôi Mơ

Đêm qua tôi mơ về quê hương,
Nhìn quanh con đường quen thân thương.
Ngày thơ ngời vườn từng rong chơi,
Bây giờ còn đâu xa lâu rồi.

Làng quê xưa kia trôi bình yên,
Trăng vàng nghiêng nghiêng treo bên hiên.
Trung thu chơi đèn vui cùng nhau,
Mà nghe câu hò vương phương nao!

Trên cao ngàn sao chen mây bay,
Bên tai rì rào cành tre lay.
Côn trùng hòa ca nghe mông lung,
Lòng chùng đôi giây buồn vô cùng.

Qua rồi tin yêu bao ngày thơ,
Giờ còn dư âm đưa hương xưa.
Hình hài mờ phai trong sương đêm,
Làm tan niềm vui đang êm đềm.

Võ Đình Tiên

S.F., August 4, 2006

Nhớ Sài Gòn

Tôi nhớ Sài Gòn, nhớ phố xưa,
Nhớ trời đang nắng đổ cơn mưa.
Bao người chen chúc bên hiên trú,
Mấy kẻ bán mua dưới mái chờ.
Những lá me bay từng đợt gió,
Đôi tà áo ướt rõ đường tơ.
Ở trong quán nhạc, cà phê nóng,
Cứ ngóng trông ra trời tạnh chưa!

&

Cứ ngóng trông ra trời tạnh chưa!
Ánh vàng lấp ló dứt cơn mưa.
Lề đường tấp nập người lui tới,
Phố xá ồn ào xe cộ qua.
Nổi tiếng Sài Gòn mơ mộng cũ,
Xuề xòa Chợ Lớn đượm tình thơ.
Đi đâu cũng nhớ không quên được,
Nhớ Thủ Đô xưa, nhớ Cộng Hòa.

San Francisco, April 29, 2007

Võ Đình Tiên

Với Chí Lớn

(Viết tặng Hội Phụ Nữ San Francisco)

Gương kim cổ từ xưa còn để lại,
Hai Bà Trưng đã đánh bại kẻ thù,
Vung gươm báu tung hoành khắp bốn cõi,
Mấy ngàn năm vang dội bậc anh thư.

Với chí cả từ giòng máu dân Việt,
Để trời Nam rạng rỡ với năm châu,
Nét bất khuất bậc anh hào tuấn kiệt,
Sử sách xưa viết lại để ngàn sau.

Chị em ta không hổ danh Hồng Lạc,
Gương trung trinh gieo hạt cát mầm non,
Phải cố gắng để ngày mai đổi khác,
Đừng bao giờ làm nhạt nét vàng son.

Dạy con cháu dầu tẩm thân lưu lạc,
Cố học hành để nối bước cha ông,
Và mãi mãi nêu tấm gương thành đạt,
Dựng cờ vàng tô thắm lại non sông.

Võ Đình Tiên, San Francisco, ngày 20-12-2003

Tướng Khố Tướng Nữ Vương
mồng 6 tháng 2

Hai mươi thế kỷ qua rồi
Oai danh Trưng Nữ rạng ngời năm châu
Đất Mê Linh, vạn vó câu
Vẫn còn in dấu ban đầu đó không?
Khói sương mờ mịt phiêu bồng
Đôi voi xung trận còn lồng đáy gương
Đã mang hương sắc hoa nhường
Còn tay kiếm thép đuổi phượng giặc Tô
Thù chồng, nợ nước cùng lo
Hai vai gánh vác cơ đồ Việt Nam
Hai Bà phát ngọn cờ vàng
Rạng danh hào kiệt, huy hoàng sử xanh
Ngai vàng đôi nữ hùng anh
Cùng son điện ngọc còn vành khăn tang
Thù chồng, đã trả cho chàng
Nợ nước, quét sạch tham tàn ngoại biên
Chao ôi! Đất nước truân chuyên
Ba năm ngấn gối vương quyền còn đâu
Hồ Lãng Bạc nổi thẳm sâu!
Phải đành gieo ngọc chìm châu đáy hồ
Đã làm thất đởm giặc Tô
Đã gây dựng lại cơ đồ Việt Nam
Gương anh linh đó vô vàn
Nêu danh tiết liệt muôn ngàn đời sau.

Võ Đình Tiên



1- Vấn Đề Nghĩa Trang

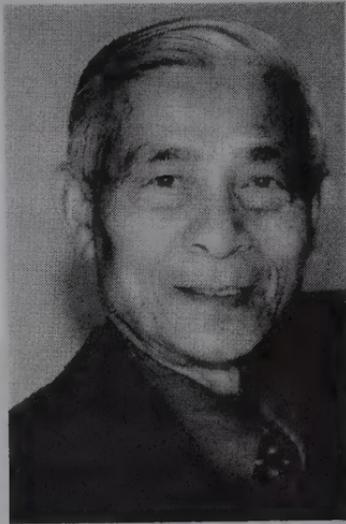
Quân Đội Biên Hòa

2- Xem Xét Lại Vụ Án

Linh Mục Tades Nguyễn Văn Lý

Ngày 3 Tháng 3 năm 2007

-Duy Viên-



Duy Viên

Tiểu Sử

Tên thật: **Đoàn Bình Viên**

Sinh năm 1935 tại làng Duy-Tắc, Tổng Hoàn Thu, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam-Định vì không ưa thích chủ nghĩa Cộng Sản lừa đảo, chuyên chính vô sản, vô luân, khổng tưởng, nên theo gia đình di cư vào miền Nam tự do, năm 1954 gia nhập Cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam, góp phần bảo vệ nền Cộng Hòa Việt Nam.

Năm 1971 bị Việt Cộng “tặng” cho một viên đạn AK vào nằm trong động mạch tim. và sống với tôi cho mãi đến năm 2006 mới được giải phẫu lấy ra.

Bị Việt Cộng lừa đảo, buông súng, và bị bắt đi cải tạo, lưu đầy từ miền Nam tự do vào ngục tù Cộng sản miền Bắc, làm trâu kéo bừa ruộng nước mùa đông...

Định cư tại Hoa Kỳ từ 1990 gia nhập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại – Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ từ 1991.



Tượng Đài “Tiết Thương”

Thiết lập ngày 01-11-1966

(Trích đặc san Chu Văn An 2004 – Cảm ơn bạn Phó Đức Tuấn)

Văn Đề Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa

Với Quyết Định 1568 QĐ – TTg

Duy Viên

Trước âm mưu triệt phá Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa của nhà cầm quyền Hà-Nội, Góp ý kiến xây dựng để bảo vệ Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa. Trước hết chúng tôi tóm lược nội dung quyết định 1568 QĐ-TTg ký ngày 27-11-2006, bởi TT Nguyễn Tấn Dũng, Nêu sơ lược lịch sử nghĩa trang và góp ý kiến:

1-Tóm lược nội dung quyết định:

Quyết định có 8 điều quan trọng là điều một, điều hai điều bốn, xin trích:

- **Điều 1:** Đồng ý chuyển mục đích sử dụng 58 hecta đất khu nghĩa địa Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương do Quân khu 7, Bộ quốc phòng quản lý sử dụng vào mục đích dân sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Dương.

- **Điều 2:** Giao cho chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương:

1-Ra quyết định thu hồi đất (trong vòng tháng 12 năm 2006) quản lý, sử dụng diện tích 58 hecta đất nói trên.

2-Chỉ đạo việc quản lý khu nghĩa địa Bình An bình thường như các nghĩa địa khác theo ý định của pháp luật.

- **Điều 4:** Yêu cầu các bộ liên quan, UBND thành phố Hồ Chí Minh và UBND tỉnh Bình Dương khẩn trương phối hợp chặt chẽ triển khai thực hiện nội dung quyết định này. Báo cáo kết quả thực hiện lên Thủ Tướng chính phủ trước ngày 30 tháng 7 năm 2007.(hết trích)

2- Sơ lược lịch sử Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa:

Một di tích lịch sử của nước Việt Nam (nay nhà cầm quyền gọi là nghĩa địa Bình An)

Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã ban hành nghị định xây cất Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa, vào năm 1965, dành khu đất thuộc quận Dĩ An, tỉnh Biên Hòa dùng để làm nơi an táng thi hài quân nhân các cấp, để ghi công Tử Sĩ đã cầm súng chiến đấu chống lại sự xâm lăng của khối Cộng Sản. Trong đó có Cộng sản Việt Nam, Cộng sản Trung Quốc (trong thời gian từ 1966, trên 300.000 quân Tàu Cộng bố trí tại các địa điểm hiểm yếu tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An...để thanh niên miền Bắc Việt Nam dưới sự điều động Cộng sản Việt Nam xâm lăng nhuộm đỏ miền Nam). Để ghi công những

tử sĩ xả thân bảo vệ tự do, dân chủ, nhân quyền và sinh mạng đồng bào miền Nam.

Trong số 16.000 mộ phần nằm đó, có mộ phần cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, cố Trung Tướng Nguyễn Văn Hiếu, cố Thiếu Tướng Nguyễn Việt Thanh...các tử sĩ đã chiến đấu bảo vệ quần đảo Hoàng-Sa, chống lại sự xâm lăng quân Tàu Cộng, khai chiến ngày 19 tháng 1 năm 1974.

Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa là một trong hàng chục Nghĩa Trang Quân Đội, như Nghĩa Trang Quân Đội tại Gò Vấp, tỉnh Gia Định đã bị Cộng Sản xóa sổ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

3- Yêu Cầu:

Trước hết, mục số 2 trong điều 2 viết rằng tỉnh Bình Dương quản lý nghĩa địa Bình An bình thường như các nghĩa địa khác.

Điều này chứng tỏ rằng nhà cầm quyền Hà Nội cố tình hạ thấp giá trị lịch sử Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa. Một Nghĩa Trang Quốc Gia: một di tích lịch sử xuống ngang hàng nghĩa địa bình thường, như hàng trăm nghĩa địa khác.

- Nếu là nghĩa địa bình thường, chịu sự chi phối của luật lệ về nghĩa địa. Sau ba năm chôn cất, thân nhân phải hốt hài cốt đi nơi khác.

- Nếu là nghĩa địa bình thường, những mộ phần ấy bị quy hoạch theo thể lệ hiện hành. Thí dụ 8 mét vuông cho mỗi mộ phần. Những ngôi mộ ấy bị đào lên chôn lại.

- Nếu là nghĩa địa bình thường, thì chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương có toàn quyền quyết định ra lệnh cho thân nhân hốt cốt bất cứ lúc nào. Như những nghĩa địa Bình-Thới, nghĩa địa Phú-Thọ-Hòa, nghĩa địa Mạc-Đĩnh-Chi, nhà cầm quyền ra lệnh hốt hài cốt sau khi cưỡng chiếm miền Nam.

Điều 2 và điều 4 cho biết thời gian xóa sổ Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa quá gấp rút.

Duy Viên

Quyết định vừa ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2006, đã yêu cầu chủ tịch UBND tỉnh Bình-Dương phải thu hồi đất trong tháng 12 năm 2006 báo cáo công tác thực hiện vào cuối tháng 7 năm 2007.

Như vậy, nhà cầm quyền đã tính toán, âm mưu xóa sổ Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa để lấy đất đem ký hợp đồng với đại công ty nào rồi (vì mục đích phát triển kinh tế tỉnh Bình-Dương).

Đọc kỹ nội dung quyết định không thấy hai chữ “hòa giải”, mà ông Nguyễn Cao Kỳ ồn ào, khoe khoang, quảng cáo rằng bước đầu “hòa giải với người chết”.

-Nếu nhà cầm quyền thực tâm muốn hòa giải với người chết, anh linh của quân nhân VNCH. Nên đếm công bố danh tánh mộ phần, đo đạc diện tích nghĩa trang lịch sử ấy, dựng lại tượng Tiếc thương, xây rào bao quanh. Ban hành quyết định nhìn nhận Nghĩa Trang Quân Đội- Biên Hòa là di tích lịch sử cần được bảo tồn.

Sau khi cưỡng chiếm miền Nam, ông Phạm Văn Đồng đã bán hài cốt của quân đội viễn chinh Pháp ở nghĩa địa Vũng Tàu được một số lớn phật-lãng.

Ông Võ Văn Kiệt bán hài cốt lính Mỹ cho chính phủ Mỹ được cả triệu dollras.

Sau khi cưỡng chiếm miền Nam, đảng Cộng sản xóa sạch trên 200.000 mộ phần tử sĩ quốc gia, nghĩa trang quân đội tại Gò Vấp là bằng chứng điển hình nhất. Nhà cầm quyền đã dùng khu đất này xây nhà cho đảng viên Cộng sản ở.

“Hết nạc vạc đến xương”, đảng Cộng Sản quyết tâm xóa sổ cuối cùng Nghĩa Trang Quân Đội-Biên Hòa một di tích lịch sử.

Thác Bản Giốc thuộc Cao Bằng, ải Nam Quan thuộc Lạng Sơn có giá trị kinh tế không?



*Cửa Nam Quan, hình vẽ của Eng Bumand năm 1887
(Mũi tên chỉ bức tường thành có cửa ở giữa thông qua Trung
Quốc, đã bị phá hủy trong cuộc chiến Pháp-Hoa)*



Cột Cây Số "0" [Hữu Nghị Quan]

*Do Gs Nguyễn Duy Hy chụp vào tháng 3 năm 2001. Nay đã
đời sâu vào nội địa VN nhiều cây số vì đồng bọn VC bán nước
cầu vinh (Trích trong cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư)*

Tàu Cộng đang quảng cáo mời du khách đến viếng thăm
cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ của Thác Bản Giốc

Trên 11.000 cây số vuông lãnh hải Việt Nam có giá trị kinh
tế không? Có nhiều hải sản hiếm quý, có nhiều tài nguyên thiên
nhiên, như mỏ dầu ở dưới đáy biển.

Sao đảng Cộng sản không dừng cầm giữ gìn để phát triển
kinh tế, lại đem dâng cho Tàu Cộng?

11.000 cây số vuông lãnh hải đã bị Đảng Cộng Sản Việt
Nam đem dâng hiến, so với hơn hai ngàn cây số vuông biên

Duy Viên

cương của tổ tiên giáp Tàu đem dâng hiến cho Tàu Cộng, thì 58 hecta mồ mả của 16.000 con dân Việt, Nghĩa Trang Quân Đội-Biên Hòa hoàn toàn không phải là nơi phát triển kinh tế, mà là chứng tích lịch sử chống ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc Việt Nam, bảo vệ Tự Do – Dân Chủ – Nhân Quyền và cuộc sống hạnh phúc cho đồng bào miền Nam.

Trong khi đó Đảng Cộng Sản phung phí công quỹ nhà nước vào việc xây cất hàng chục đài tử sĩ khắp các tỉnh thành. Thí dụ: Đài tử sĩ ở Vũng Tàu quá đẹp, rộng rãi mênh mông.

Ít nhất phải có sự công bằng với người nằm xuống, con dân nước Việt, vị quốc vong thân.

Đảng Cộng Sản đã và đang cố gắng viết lại lịch sử, phủ nhận chiến công hiển hách, công trạng của tiền nhân. Đảng Cộng Sản đã áp lực Mã Lai, Nam Dương đập tượng đài tưởng niệm nạn nhân Cộng sản, trên đường vượt biển trên 500.000 con dân Việt đã bị vùi sâu dưới đáy biển đông. Đảng viên Cộng sản nếu còn chút lương tâm nhận mình là người Việt Nam, dám chiêm ngưỡng tượng Mẹ bồng con ở Canada?

Lịch sử không bao che, muôn đời kết án vua Gia Long về hành động quật mồ hoàng đế Quang Trung.

Lịch sử kết tội những ai triệt phá Nghĩa Trang Quân Đội-Biên Hòa.

Hy vọng thân nhân, bạn bè của 300.000 quân nhân vị quốc vong thân, nhất là thượng cấp hay cấp dưới của 16.000 tử sĩ yên nghỉ trong Nghĩa Trang Quân Đội-Biên Hòa lên tiếng bảo vệ nghĩa trang lịch sử này.

Hy vọng nhà cầm quyền can đảm lắng nghe sự thật, lẽ phải, công bằng...đừng nhân danh phát triển kinh tế, nhân danh chiến thắng, nhân danh vô thần mà tàn phá quê hương, hủy diệt niềm tin, hủy diệt nền văn hóa nhân bản dân tộc, gieo thêm hận thù vào linh hồn người chết, và người đang sống.

Duy Viên - Ngày 7 tháng 2 năm 2007

**XEM XÉT LẠI VỤ ÁN LINH MỤC TADEO
NGUYỄN VĂN LÝ NGÀY 30-3-2007**

Duy Viên

Đất nước Việt Nam của người Việt Nam, không phải của riêng đảng Cộng sản. Mọi người có quyền và bổn phận bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam, được hưởng Tự do, Dân chủ và Nhân quyền như nhau.

Linh mục Tadêo Nguyễn Văn Lý là người Việt Nam đáng lý được hưởng trọn vẹn mọi quyền Tự do, Dân chủ và Nhân quyền. Ngược lại, bị tước đoạt hoàn toàn từ ngày 8-12-2000, Linh mục Tadêo Nguyễn Văn Lý chỉ đòi quyền tự do tôn giáo với 2 khẩu hiệu: “Tự Do Tôn Giáo hay Là Chết”. “Chúng Tôi Cần Tự Do Tôn Giáo”. Nhà cầm quyền “ban” cho ông 15 năm tù, 5 năm quản chế. Sau khi ra tù năm 2005, ông tiếp tục đòi quyền tự do tôn giáo. Công an tỉnh Thừa Thiên vu cho ông tội “Phát Tán Tài Liệu Chống Nhà Nước tại Huế” để bắt ông và đưa ông ra tòa tại tỉnh Thừa Thiên ngày 30-3-2007.



Duy Viên

Chánh án Bùi Quốc Hiệp, đảng viên Cộng sản, xử linh mục Tadeo Nguyễn Văn Lý 8 năm tù.

Tổ tiên chúng ta đã dạy “Con có khóc mẹ mới cho bú”. Linh mục Nguyễn Văn Lý đòi quyền Tự do tôn giáo, tòa án lại “ban” cho ông 8 năm tù!



Hãy dựa trên quan điểm lịch sử, pháp lý, hiến pháp và nhân quyền xem xét lại vụ án.

1. Về mặt pháp lý:

Phiên tòa ngày 30-3-2007 xử công dân LM Tadeo Nguyễn Văn Lý có tiến hành theo đúng thủ tục pháp lý không?

Viên chánh án Bùi Quốc Hiệp chỉ nghe thấy linh mục Tadeo Nguyễn Văn Lý hô: “Đả đảo cộng sản” mà không nghe thấy LM Lý hô hào chống nhà nước “CHXHCNVN”. Sau khi nghe đại diện “Viện Kiểm Sát Nhân Dân” đọc bản cáo trạng, Bùi Quốc Hiệp đã không thềm hỏi công dân Nguyễn Văn Lý về nội dung “bản cáo trạng” đúng hay sai, khi bị công an hỏi cung có bị “bức

cung” không... Nếu LM Nguyễn Văn Lý khai có bị công an “bức cung” thì bản cáo trạng ấy vô hiệu.

Không cho luật sư biện hộ cho công dân Nguyễn Văn Lý, không cho công dân Nguyễn Văn Lý khai trước tòa (bị bịt miệng), không làm những thủ tục cần thiết nêu trên, chánh án Bùi Quốc Hiệp đã “ép xử” công dân LM Nguyễn Văn Lý 8 năm tù!

Vì những lý do trên, bản án này bị hà tỳ nên vô hiệu.

2. Về mặt lịch sử:

Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên Ngôn Độc Lập” có đoạn: “Hỡi quốc dân đồng bào! Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng. *Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”.

Chiếu bản tuyên ngôn độc lập trên, thì tòa án tỉnh Thừa Thiên đã chối bỏ chà đạp lên Bản Tuyên Ngôn Độc Lập ấy, xử tù công dân Nguyễn Văn Lý chỉ đòi quyền tự do tôn giáo.

3. Về mặt hiến pháp:

a. Hiến pháp năm 1992 của “CHXHCNVN”, điều 52 ghi: “Tất cả công dân đều bình đẳng trước pháp luật”.

Trong phiên tòa trên, công dân LM Tadêo Nguyễn Văn Lý bị bịt miệng bởi một đảng viên cộng sản hay một thành viên “băng đảng xã hội đen” hay một “công an nhân dân” không mặc sắc phục, là nhân viên công lực trước tòa án, trước mặt các ký giả trong và ngoài nước! Viên chánh án Bùi Quốc Hiệp chứng kiến cảnh ấy mà không có thái độ nào đối với hành vi thô bạo ấy. *Chánh án Bùi Quốc Hiệp đồng lõa với “băng đảng xã hội đen” tước đoạt quyền bình đẳng của công dân LM Nguyễn Văn Lý.*

Duy Viên

Như vậy, phiên tòa nói trên đã vi phạm điều 52 Hiến Pháp, tức là vi hiến, tước đoạt quyền bình đẳng trước luật pháp công dân LM Nguyễn Văn Lý.



b. Hiến pháp năm 1992 của “CHXHCNVN”, điều 69 ghi rõ: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của luật pháp”.

Chiếu điều 69 trên thì công dân LM Nguyễn Văn Lý có quyền tự do ngôn luận, có quyền được thông tin... do đó có quyền thủ đắc hơn 100 thẻ điện thoại (sim card) cũ hoặc mới để thông tin và 6 máy điện toán cũ hoặc mới là chuyện thường tình như những công dân khác. Thế mà “công an nhân dân” tịch thu làm bằng chứng tuyên truyền chống phá nhà nước CHXHCNVN! Việc làm này giống như năm 1987, “toà án nhân dân” thành phố Hồ Chí Minh trưng dẫn một bàn đánh máy cũ, một lưỡi lê cũ “sét gỉ” của súng trường để buộc tội linh mục Trần Đình Thủ âm mưu lật đổ “nhà nước”.

Phiên tòa này đã vi phạm điều 69 của Hiến Pháp tức là vi hiến, vì đã tước đoạt quyền được thông tin và tịch thu phương tiện thông tin của công dân LM Nguyễn Văn Lý.

Tóm lại, về phía nhân dân, công dân linh mục Tadeo Nguyễn Văn Lý tôn trọng hiến pháp, tin tưởng mọi người được bình đẳng trước pháp luật, hành sử quyền tự do ngôn luận và quyền được thông tin; về phía nhà cầm quyền, chánh án Bùi Quốc Hiệp coi thường hiến pháp, chà đạp điều 52 và 69. Như vậy, công dân linh mục Tadeo Nguyễn Văn Lý hoàn toàn vô tội, nhà cầm quyền Hà Nội phải xin lỗi và trả tự do ngay lập tức cho công dân linh mục Tadeo Nguyễn Văn Lý.

4. Về mặt nhân quyền:

Năm 1982, nhà cầm quyền Hà Nội xin gia nhập Hội Đồng Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc và đã cam kết tôn trọng, thi hành Bản Hiến Chương Quốc Tế Nhân Quyền, về quyền dân sự và quyền chính trị của con người, trong đó điều 19 khoản 2 có ghi: “Mọi người có quyền tự do ngôn luận, quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến mọi loại tin tức và ý kiến không phân biệt ranh giới, bằng truyền miệng, bản viết hoặc bản in, bằng hình thức nghệ thuật, hoặc thông qua bất cứ phương tiện truyền thông đại chúng khác, theo sự lựa chọn của mình”.

Duy Viên

Ngày nay, chánh án Bùi Quốc Hiệp, thay mặt nhà cầm quyền Hà Nội, chà đạp lên Bản Hiến Chương Quốc Tế Nhân Quyền, tước đoạt quyền dân sự và quyền chính trị của LM Tadeo Nguyễn Văn Lý.

Vậy, trân trọng đề nghị đưa vụ án Linh Mục Tadêo Nguyễn Văn Lý ra Tòa Án Quốc Tế Nhân Quyền xét xử lại. Chắc chắn ông Bùi Quốc Hiệp, ông Tân, người bịt miệng công dân Nguyễn Văn Lý và nhiều người khác bị nghiêm trị.

Duy Viên

Ngày 6 tháng 4 năm 2007

Phạc

Nguyễn Hữu Tân



Nguyễn Hữu Tân

Một thời đi học, đi đàn
Phòng trà, club Mỹ làng nhàng tấm thân
Một thời đi lính sĩ quan
An ninh quân đội tấm thân làng nhàng
Bảy lăm, sập tiệm rã hàng
Đi tù bảy cuốn tan hoang cửa nhà
Ra tù, bờ nước đi xa
Tha phương dựng lại cửa nhà tan hoang
Đôi khi tưởng tưởng tàng tàng!
Buồn tình thả bút ngổ ngang mấy câu
Hứng lên, chép nhạc ví dầu
Đồ, Rê, Mi, Fá mấy câu ràng ràng
Thỉnh thoảng thơ lái trình làng
Thiết Bình Nương Tử dịu dàng ký tên

&

- Sinh quán Sài Gòn
- Năm 2002 đã phát hành CD nhạc Nguyễn Hữu Tân 1
(Phổ thơ Cụm Hoa Tình Yêu)
- Địa chỉ hiện tại: 5586 Rightwood Way
Sacramento, CA. 95823

Sài Gòn ơi! Thành phố kỷ niệm

Thơ: VŨ HỒI
Nhạc: NGUYỄN HỮU TÂN

Rumba

Sài Gòn ơi, biết mấy thân thương. Sài Gòn ơi, ta ngồi ôn kỷ
niệm. Sài Gòn ơi, rưng rưng nước mắt thương Sài Gòn đổi tên, thương ta lạc
xã Sài Gòn bóng bèo, ta trôi giạt nổi trôi. Sài Gòn ơi, nhớ mãi khôn
quên. Sài Gòn ơi, ngóng mỗi ngày về. Sài Gòn yêu dấu, Sài Gòn phàn
thương. Nhớ Gia Định, Bà Chiểu Lăng Ông. Nhớ Nhà Bè con nước chia
hai. Nhớ Bến Thành đầu bước buổi đi rong. Sài Gòn ơi, mưa chiều ngồi ôn kỷ
niệm Sài Gòn ơi, đường xưa lao xao lá nhỏ. Sài Gòn ơi, dòng
dầu dầu nhau qua phố. Sài Gòn ơi, cà phê ven đường nhìn mây trắng lang thang.
Sài Gòn gần, Sài Gòn xa, buồn vẫn là thế, đau thương chan chứa. Sài Gòn
gần Sài Gòn xa, Sài Gòn những mị xanh xao ta vẫn mơ Sài Gòn trở giấc chiêm bao...

NHỚ MẸ

Thơ : Lê cảm Thanh
Nhạc : Nguyễn Hữu Tân

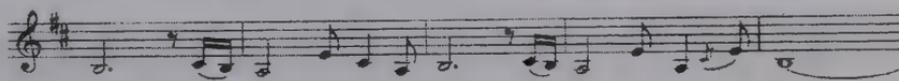
Nhịp vừa - tình cảm



Về đâu một cánh chim chiều, bâng khuâng trước gió có liêu giữa



trời. Bên Đông hai tiếng à ơi, bên Tây kéo kết ru hời nắng



trưa. Kéo kết vông đưa à ơi, ơi à kéo kết vông đưa.



Mẹ ơi nhớ bát canh bầu, con ăn mau lớn sao con chưa về? Mẹ



dạy hai tiếng tình quê, lẻ xưa không giữ thân lẻ xứ người. Xứ



người năm bảy xứ người, xứ này biệt biệt Mẹ sao đi tìm.



Mẹ ơi xin máng con thêm, để con còn biết Mẹ tên được trâu. Ngó



lên trời rộng thăm cao, mấy lần con nguyện năm sau rồi về.



Bên con hai tiếng ònh quê, xóm làng thối thóc lời thì héo hon.



Ngày dài thảng rộng hao mòn, chưa về được con ruột chan đắng buồn.



Trên trời chim mỏi cánh bay, bóng chiều đã tắt heo may ngập ngừng. Phưng



nào Hòn Kẽm Đá Dừng, con nay nhớ Mẹ đếm từng cánh chim. Nhớ



câu "Hòn Kẽm Đá Dừng.. Thương Cha Nhớ Mẹ Quá Chùng.." Mẹ ơi!

Chân tình HUYỀN ANH NHỚ NẮNG

Thơ : Lê cảm Thanh
Phổ nhạc : Nguyễn Hữu Tân

Moderato



Ai về qua phố Hội An, nhật giùm sợi nắng tư vàng quê



tôi. Đã lưu lạc khắp nơi nơi, vẫn không quên



được khung trời nắng xưa. (nhạc... ..)



Đay vàng giăng giữa ban trưa, tiếng quay xe chỉ nhật thừa trong



làng. Mẹ tôi sớm nắng chiều sương, đêm về chấp bả



dệt thương khó đời. (nhạc... ..) Tôi quen



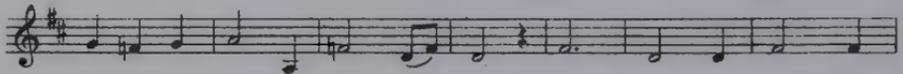
tiếng nhịp con lời, ưa nghe mùi nhẹ nhớ lời ru êm. Rồi



thương hoa nắng bên thềm, có tôi có gái làm duyên hay



cưỡi. Rồi yêu bên Đợi mọc mới.



con đò thông thả mình phơi lụa vàng. Xứ người màu nắng mới



sang. bồi hồi với nắng bàng hoàng nỗi xun. Ở đây đậm



khách đò thưa, tìm đâu được chút nắng trưa quê nhà.

NẮNG NHỚ CHIỀU THƯƠNG

Chậm vừa Tha Thiết

Kính tặng chi KHUÊ DUNG và các nữ sinh Trưng Vương

Trưng Vương ơi già từ em yêu nhé Đã xa
 rồi hình bóng quá thương yêu Áo trắng vờn bay đẹp nét diễm
 kiêu Bờ môi thắm nụ cười hoa hàm tiếu Tay đan
 tay dỗi hờn em nũng nịu chầu cuối tuần trẻ hèn để em
 mong Ngàn yêu thương vương vấn mãi trong lòng Ép hoa
 tình thơm trang giấy học sinh Anh Văn Khoa em Trưng Vương lỏi
 hèn Nhớ thương nhiều chiều hoa nắng còn đâu Lá me
 bay rưng rức nhạc ve sầu Bao kỷ niệm bốn giang đầu lưu
 luyện Hai mươi năm xa rồi ối sao xuyên Chuyện học
 đường em gái nhỏ Trưng Vương Buổi chia tay hoaphượng dờn sẵn
 trường để bây giờ trong nắng nhớ chiều thương

Fine

Có Nỗi Sầu Mênh Mông

Nhạc: NGUYỄN HỮU TÂN
Thơ: THỰC NỮ VĂN LANG

Moderato

The musical score is written on a single treble clef staff with a common time signature (C). It consists of eight lines of music. The tempo is marked 'Moderato'. The lyrics are written below the notes. The melody is simple and expressive, with some notes held for longer durations. The lyrics describe a journey of a person who is sad and lonely, wandering through life and nature.

Từ đó tình vô lượng, Theo những nhánh tim hồng. Chảy tràn vào tuổi
mộng, Có nỗi sầu mênh mông. Từ đó từ hư không, Lạc xuống chốn bụi
hồng. Gặp em bên thành cổ, Nắng phượng hồng mông lung. Từ đó em là
sóng. Từ đó em là sóng, Theo mây về viễn phố. Ta hôn chường Thiên
Mụ, Gợi em giữa vô cùng. Từ đó em là
trăng, Từ đó em là trăng, Rụng xuống trang huyền hoặc. Từ đó thơ là
hạc. Ngàn đời lẻ loi bay.



Vườn Thơ

Xương Họa

Gửi Bạn Nga Mi

Bài Xướng của Cao My Nhân
(Nhân dịp Đại hội Nữ Quân Nhân QLVNCH kỳ 4
sắp khai diễn ở Nam Cali, ngày 26-8-07)

Các bạn Nga Mi ở chốn nào,
Trời xưa huyền hoặc những vì sao.
Không về thấp lại vầng trăng tỏ,
Mà vội chôn vùi mộng ước cao.
Đất đã không dung loài phản tặc,
Người càng chẳng nạp khách ba đào.
Sông hồ, khí phách còn...đôi chút,
Đại hội anh thư sắp đón chào.

&

Đại hội quần thoa sắp đón chào,
Đàn bà, Tổ Quốc với binh đao.
Từng phen đội pháo bên trời rộng,
Có lúc thăm đồn chốn núi cao.
Đã mấy mươi lần trong khói lửa,
Còn bao nhiêu lượt dưới trăng sao
Chút gì thương nhớ cho đồng đội,
Giờ bạn Nga Mi lạc cõi nào.

Hawthorne, 9-6-07

Cao My Nhân

BÀI HỌA 1

Đại Hội Nữ Quân Nhân

Bài Họa của Từ Phong

Nhớ lại xa xưa một thuở nào,
Tiền đồn heo hút dưới trăng sao.
Người Quân Nhân Nữ thăm đồn vắng,
Bạn Chiến Binh Nam trấn đỉnh cao.
Ngăn giặc ngại gì cơn gió bão,
Vì dân há quản cảnh ba đào.
Dù cho dĩ vãng bao dâu bể,
Hiện tại chung vui thỏa nói, chào.

&

Hiện tại chung vui thỏa nói, chào,
Qua rồi nghịch cảnh sống lao đao.
Hàn huyên với chị tình thêm đậm,
Tâm sự cùng em nghĩa mãi cao.
Bàn đến tương lai, hoan hỉ lắm,
Tưởng về quá khứ, nào nề sao!
Thường niên Đại Hội ngày sum họp,
Các Bạn gần xa hãy đến nào.

Từ Phong

BÀI HOA 2

Chào Mừng Đại Hội Lễ Quân Nhân
QLVNCH, ngày 26-8-2007

Bài Họa của Trường Giang

Thân gái năm xưa nhớ buổi nào,
Dưới cờ Tổ Quốc sáng như sao.
Đã từng lăm độ trèo đồi thấp,
Lại cũng nhiều phen vượt núi cao.
Chẳng quản gian nan hàng tuần kiệt,
Không màng nguy hiểm bậc yêu đào.
Tinh nhà, nợ nước luôn khăng khít,
Đại Hội Liên Hoan góp tiếng chào.

&

Đại Hội Liên Hoan góp tiếng chào.
Dẫu nhiều cay đắng, lăm lao đao.
Tinh thần Trưng, Triệu không hề thấp,
Ý chí Trần, Lê vẫn mãi cao.
Cuộc sống ly hương đừng chán vội !!
Dòng đời viễn xứ há buồn sao ??
Chúc mừng Đại Hội càng đoàn kết,
Xây dựng Quê Cha phú thịnh nào !!

Trường Giang SJ ngày 15-6-2007

BÀI HOA 3

Mừng Đại Hội Nữ Quân Nhân

Bài Hoa của Du Sơn Lãng Tử

Áo trận năm xưa cát chỗ nào?
Diện vào vui lễ. đẹp làm sao!
Nhớ hoài vọng gác khu rừng thấp,
Thương mãi chòi canh đỉnh tháp cao.
Cùng chị thi đua gìn đất nước,
Theo anh chiến đấu giữ kinh đào.
Tình nhà nợ nước thêm đoàn kết,
Hội Nữ Quân Nhân...gởi tiếng chào.

&

Hội Nữ Quân Nhân...gởi tiếng chào,
Xa nhà viễn xứ hết cung đao.
Dưỡng nuôi Cha Mẹ noi gương sáng,
Dạy dỗ đàn con nối chí cao,
Đồng đội không quên lòng ước muốn,
Bạn bè luôn tưởng dạ mong sao...
Sớm ngày chiến thắng ta về nước,
Bốn bể đồng tâm góp sức nào.

Du Sơn Lãng Tử ngày 17-6-2007

BÀI HOA 4:

Mừng Đại Hội Nữ Quân Nhân

Bài Họa của Nguyễn Thị Bạch Tâm

Đời vẫn xinh tươi như thuở nào.
Nga Mi lấp lánh đẹp trời sao,
Nữ nhi không ngại băng rừng thấp.
Nam giới quân gì vượt núi cao.
Tiền tuyến anh hùng trai mũ đỏ.
Hậu phương nữ kiệt gái hoa đào.
Chị em gặp mặt mùa Xuân thắm.
Đại Hội Quân Nhân vui đón chào.

&

Đại Hội Quân Nhân vui đón chào,
Một thời chinh chiến, súng, gươm, đao.
Đôi lần phục kích chân đồi thấp.
Lắm lúc truy lùng triền dốc cao.
Với bạn sa trường nằm lánh pháo.
Cùng anh phòng tuyến đứng nhìn sao
Bao nhiêu kỷ niệm thời chinh chiến.
Tình vẫn sắt son như lúc nào...

Santa Clara, 20/6/2007

Nguyễn Thị Bạch Tâm

BÀI HOA 5:

Mừng Đại Hội Lễ Quân Nhân

Bài Họa của Vũ Gia Sắc

Nga Mi tản mát ở nơi nào?
Đại Hội quy về rực ánh sao.
Ý chí đấu tranh không xuống thấp
Tinh thần bất khuất mãi lên cao.
Nụ cười tươi thắm màu son đỏ,
Ánh mắt đẹp xinh phận má đào.
Chiến tuyến đêm dài mưa đại pháo.
Bình minh rực sáng, vẫy tay chào...

&

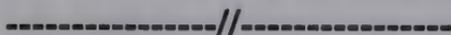
Bình minh rực sáng, vẫy tay chào.
Kỷ niệm xa rồi cung, kiếm, đao.
Gió rét biên thù, khe rừng thấp.
Nắng nung giới tuyến, núi đồi cao.
Tiền đồn hiu hắt, buồn không nhỉ!
Hậu cứ rộn ràng, vui lắm sao?
Áo trận chưa phai mùi thuốc súng...
Quê hương, Đất nước gọi ta nào?...

SanJose, 20/7/2007

Vũ Gia Sắc



Mục Lục Tuyển Tập Bút Hoa 4



- * Thư Ngỏ (5-8)
- * Sơ lược một số công việc Văn Bút TT Tây Bắc Hoa Kỳ đã thực hiện:
- 1/ Buổi lễ ra mắt Tân Ban Chấp Hành Văn Bút VN Hải Ngoại - TT Tây Bắc Hoa Kỳ (nhiệm kỳ 2006-2008)
 - 2/ Ủy lạo các hội viên
 - 3/ Khuyến khích hội viên sáng tác
 - 4/ Bầu cử Ban Chấp Hành Văn Bút VN Hải Ngoại Trung Ương
 - 5/ Tham gia công việc xã hội từ thiện
 - 6/ Tham gia lễ tiếp nhận sắc lệnh S-14-06 Vinh danh lá cờ vàng.
 - 7/ Yểm trợ bản Tuyên cáo của VBVNHN (9-24)

Tác Giả và Tác Phẩm

- 01-** Cao My Nhân: (Thành Viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại TT Tây Bắc Hoa Kỳ)
— (Thơ) *Bút Hoa Tây Bắc *Hoa Bút *Trước Mùa Xuân
*Hương Xuân *Về Chùa *Tan Theo Chuông Mõ *Tháng Mười
Sương Khói *Mùa Đông Mị Áo *Đốt Lửa *Bên Đèo Cổ Ma
(25-34)
- 02-** Đào Đức Chương: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
— (Văn) Lịch Sử Bang Giao Việt Mỹ (35-55)
- 03-** Du Sơn Lãng Tử: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
— (Thơ) *Đẹp Muôn Vàn *Vững Niềm Tin *Long Đông *Nhạc
Hờn Vong Quốc *Khóc Biệt Tướng Ngô Quang Trưởng *Ả Lộn
Mừng Xuân *Chúc Xuân Các Thi Văn Đoàn. (57-67)

- 04- Sơn Tùng:** (Chủ Tịch Đường Nhiệm Văn Bút VN Hải ngoại)
 — (Văn) 1-Cải Tổ Văn Bút VN Hải Ngoại 2-Lương Tâm Và
 Trách Nhiệm Của Trí Thức VN Trước “Vấn Đề Văn Bút” (69-81)
- 05- Trần Quốc Bảo:** (Chủ Tịch Văn Bút VNHN /TT Miền Đông
 Hoa Kỳ)
 --(Văn) Chuyện Nhỏ
 --(Thơ) *Tạ Ôn Rừng *Bài Thơ Trên Cát *Nguyệt Tận
 *Tạ Ôn Biển Mẹ (83-94)
- 06- Đào Vĩnh Tuấn:** (Tổng Thư Ký Văn Bút VN Hải Ngoại)
 — (Văn) Thi Văn Phỏng Vấn Thi Hữu Vĩnh Tuấn
 — (Thơ) *Bia Đá (95-103)
- 07- Trường Sơn Lê Xuân Nhị:** (Phó Chủ Tịch Văn Bút VN Hải
 Ngoại /Trung Tâm Louisiana)
 — (Văn) Lễ Giỗ Anh Liễu năm 2006 Tại Dallas, Texas
 (105-121)
- 08- Hoàng Xuyên Anh:** (Chủ Tịch Văn Bút VNHN /TT Tây Bắc
 Hoa Kỳ)
 — (Thơ) *Bút Hoa *Ánh Xuân Đình Hợi *Chúc Xuân Đình Hợi
 *Đình Hợi Tự Thán *Vòng Hoa Thân Tặng Người Hùng Lý Tống
 *Mong Anh Phở Nhạc *Mong Anh (123-134)
- 09- Võ Khôi:** (Nhà Thơ tự do)
 — (Thơ) *Trường Ca Lý-Tống (135-139)
- 10- Lê Minh Nguyên:** (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
 --(Văn) Lưu Niệm Mùa Xuân Trên Đất Tạm Dưng
 --(Thơ) *Dựng Ngọn Cờ Vàng (141-153)

- 11- Ngọc Anh: (Hội Viên Văn Bút VNHN /TT Ontario, Canada)
— (Văn) Màu Thời Gian 17(155-172)
- 12- Trường Giang: (Thi Đoàn Trưởng Thi Văn Đoàn Bốn
Phương)
— (Thơ) *Tháng Tư Oan Nghiệt *Sử Hồn Réo Gọi *Nhân Nghĩa
Bà Tú Để *Nhớ Nỗi Đau Đây *Bọn Vong Nô (173-184)
- 13- Phụng Thiên: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
— (Thơ) *Xuân Tha Hương *Cuối Năm Hẹp Mặt *Xuân Đây
Mai Có Nở *Mai Mốt *Tình Mãi Trăm Năm *Khóc Cụ Nguyễn
Thị Nga *Thành kính Dân Ba (185-192)
- 14- Đào Quang Vinh: (Chủ Tịch Văn Bút VNHN /TT Đông Nam
Hoa Kỳ)
— (Văn) Bố Mẹ Tôi (193-202)
- 15- Cát Dương: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
— (Thơ) *Nhớ Biển *Tình Em Như Biển *Hoàng Sa Gác Biển
(203-213)
- 16- Võ Thạnh Văn: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
— (Thơ) *Ngăn Cách (215-226)
- 17- Nguyễn Văn Thông: (Thành Viên Văn Bút VNHN)
—(Văn) Quên Đi Niềm Cây Đắng (227-237)
- 18- Mặc Lan Đình: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
--(Thơ) *Cho Tôi *Mơ Phút Tương Phùng *Quê Hương Mất Dấu
*Đường Tơ Nối Mạch *Chia Phôi *Quê Người Gặp Lại
(239-248)

19- Nguyễn Đông Giang: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Thơ) *Buổi Em Về *Nước Mắt Quê Hương *Tương Phùng
*Em Ơi! Đời Vốn Đoạn Trường (249-257)

20- Minh Anh: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Văn) Tĩnh Và Động (259-268)

21- Từ Phong: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Thơ) *Lời Mẹ khuyên Con *HỒ Bất Minh *Bút Hoa 3 Ra Mắt
*Mừng TT Bút Hoa 3 *Ôn Cố Tri Tân (269-278)

22- Trúc Giang: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Thơ) *Quần Anh Nghĩa Tụ *Đông Về Nhớ Cha *Yêu Em
Sài Gòn *Xuân Viễn Xứ *Thơ Cho Người Nằm Xuống *Cánh
Phượng Hồng Nhớ Cha *Thơ Cho Thanh Thủy *Versailles
(279-289)

23- Ái Khanh: (Thành Viên VB VNHN /TT Đông Nam Hoa Kỳ)

— (Văn) Hư Ảo Cuộc Tình (291-306)

24- Nguyên Hà: (Chủ Tịch Văn Bút VNHN /TT Đông Nam Hoa Kỳ)

— (Thơ) *Tâm Sự Em Gái *Xót Phận Má Hồng *Nhớ Xuân Xưa
*Bước Thời Gian (307-317)

25- Kim Vũ: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Thơ) *Em Như... *Sài Gòn Một Chiều Tháng Năm *Mùa Xuân
Trung Quốc *Mùa Xuân Sông Seine (319-329)

26- Túy Hà: (Thành Viên VB VNHN /TT Nam Hoa Kỳ)

-- (Văn) Từ Bàn Viết Đến Cuộc Đời

— (Thơ) *Hồ Trường Đã Vỡ *Khóc Ngát Bên Trời *Lạc Vào Thơ
*Lộc Biếc (331-342)

27- Từ Thanh Hà: (Hội Viên Thi Văn Đoàn Bốn Phương)

--(Thơ) *Tâm Tình Gửi Huế *Thu Chiều *Xuân *Viễn Xứ *Nhật
Nhòa *Thiệt Tha Mong *Giỗ Mãn Tang *Ngày Hiền Phụ *Nhớ
Mảnh Trăng Xứ *Buồn *Cùng Chia Sẻ *Đôi Bờ Thương Nhớ
*Đường Chiều (347-357)

28- Nguyễn Mạnh An Dân: (Chủ Tịch Văn Bút VNHN /TT Nam
Hoa Kỳ)

— (Văn) Bạn Trẻ, Tôi Muốn Nói Với Bạn (359-368)

29- Quốc Lân: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Thơ) *Cảnh Giác *Phôi Pha *Vô Đề *Tự Phán
*Trả Ta Sông Núi *Danh Tướng Hưng Đạo Đại Vương
(369-378)

30- Vũ Gia Sắc: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Thơ) *Năm Tuất Làm Thơ Chó *Xuân Bính Tuất *Đánh Chó
*Nói Chuyện Cây *Chuyện Chó Mèo *Chào Xuân Bính Tuất
*Khoái Lắm Sao? *Vẫy Tay Chào *Năm Hợi Nói Chuyện Heo
*Cắm Trên Treo *Mỏ Đành Treo *Đình Hợi Tâu Ngọc Hoàng
*Vịnh Con Gõ Kiến *Nghịệp Tầm Tơ *(Thơ phổ nhạc) Nhớ
Nhớ Chiều Thương; Sài Gòn Trong Tim Ta (379-390)

31- Phương Duy: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Văn) Trở Về Nguồn (391-401)

32- Chinh Nguyên: (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)

— (Thơ) *Đong đưa *Cũng Ngậm Ngùi Thân *Phượng Hồng
*Mình Ông *Ôi Hạnh Phúc *Em Là Cát Nhỏ (403-410)

- 33- Võ Đình Tiên:** (Nhà Thơ trong Nhóm Tình Thơ Hải Ngoại)
 — (Thơ) *Chưa Đạt Ý Xuân *Chỉ Phù Vân *Đêm Qua Tôi Mơ
 * Nhớ Sài Gòn *Noi Chí Lớn *Tưởng Nhớ Trưng Nữ Vương
 (411-419)
- 34- Duy Viên:** (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
 — (Văn) *Vấn Đề Nghĩa Trang Quân Đội--Biên Hòa Với Quyết
 Định 1568 QĐ-TTg *Xem Xét Lại Vụ Án Linh Mục Nguyễn Văn
 Lý
 (421-434)
- 35- Nguyễn Hữu Tân:** (Thành Viên Văn Bút VNHN /TT TBHK)
 -- (Thơ phổ nhạc) *Sài Gòn Ơi! Thành Phố Kỷ Niệm *Nhớ Mẹ
 *Nhớ Nắng *Nắng Nhớ Chiều Thương *Có Nỗi Sầu Mênh Mông
 (435-443)
- 36- Vườn Thơ Xương Họa:** *Gửi Bạn Nga Mi (445-451)
- * Mục Lục Tuyển Tập Bút Hoa 4 (453- 458)

Vì số trang và thời gian nhận bài có giới hạn. Do đó Ban Biên Tập thành thật xin lỗi không thể đăng hết các bài đã gửi.

Kính mong quý Thi, Văn, Hữu thông cảm.

Tác Giả Tuyển Tập Bút Hoa 4

-Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại:

*Sơn Tùng * Đào Vĩnh Tuấn * Nguyễn Văn Thông

-VBNHN Trung Tâm Louisiana:

*Trường Sơn Lê Xuân Nhị

-VBNHN Trung Tâm Ontario, Canada:

*Ngọc Anh

-VBNHN Trung Tâm Miền Đông Hoa Kỳ:

*Trần Quốc Bảo

-VBNHN Trung Tâm Nam Hoa Kỳ:

*Nguyễn Mạnh An Dân *Túy Hà

-VBNHN Trung Tâm Đông Nam Hoa Kỳ:

*Nguyễn Hà *Ái Khanh

*Đào Quang Vinh

-Thi Văn Đoàn Bốn Phương:

*Trường Giang

*Tùng Thanh Hà

-Nhà Thơ Tự Do:

*Võ Đình Tiên

*Võ Khôi

-VBNHN Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ:

*Cao Mỹ Nhân

*Cát Dương

*Chinh Nguyên

*Du Sơn Lãng Tử

*Duy Viên

*Đào Đức Chương

*Hoàng Xuyên Anh

*Kim Vũ

*Lê Minh Nguyên

*Mặc Lan Đình

*Minh Anh

*Nguyễn Đông Giang

*Nguyễn Hữu Tân

*Phụng Thiên

*Phương Duy

*Quốc Lâm

*Trúc Giang

*Tùng Phong

*Võ Thanh Văn

*Vũ Gia Sắc

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

www.tuluc.com



0020854

Price: \$20.00

Set: 1 ; Loc: B12

Em

om

Ấn Phí: \$20 Mỹ Kim